



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG**

NIÊN GIÁM

Địa chỉ: Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long

TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: 0251.3.952 778 – Fax: 0251.3.952 534

Website: <http://www.lhu.edu.vn>

2020

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Giới thiệu Trường Đại học Lạc Hồng	4
Các phòng ban chính	6
Ngành đào tạo – Các chương trình đào tạo	7
Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	73
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	74
Chương II. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	76
Chương III. KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN	82
Chương IV. XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP	84
Chương V. XỬ LÝ VI PHẠM	87
Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng	88
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	89
Chương II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM.....	90
Chương III. PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN.....	91
Chương IV. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ...	93
Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	95
Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng	96
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	97
Chương II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN	98
Chương III. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN	100
Chương IV. NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN.....	105
Chương V. HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ.....	108
Chương VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	110
Phụ lục khung kỷ luật sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng	112
Hệ thống thông tin Trường Đại học Lạc Hồng.....	116
Giới thiệu về thư viện Trường Đại học Lạc Hồng.....	123
Đề cương tóm tắt các môn học	128
Lịch trình năm học 2020-2021.....	291
Bản đồ hướng dẫn đường đi đến các địa điểm học.....	292

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám là tài liệu phát hành chính thức của Trường Đại học Lạc Hồng dành cho sinh viên trúng tuyển vào hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường. Niên giám cung cấp những thông tin cơ bản giúp sinh viên có thể hình dung đầy đủ về quy mô hoạt động của Nhà trường đồng thời cũng là cuốn cẩm nang quan trọng nhất – tập tài liệu chính thức để sinh viên tham chiếu trong suốt thời gian học tập.

Phần mở đầu, niên giám giới thiệu sơ lược về lịch sử phát triển của Trường, về các đơn vị hành chính trong Trường, các khoa quản lý ngành.

Phần thứ 2 liệt kê toàn bộ chương trình đào tạo (trình bày dưới dạng bảng) của tất cả các ngành đang được tổ chức đào tạo hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Lạc Hồng. Các môn học trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo trình tự vào từng cột tương ứng từng học kỳ của khóa đào tạo đại học hiện nay gồm 7 hoặc 8 học kỳ chính thức, tùy ngành – **đây là trình tự học mà Nhà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận lợi nhất cho việc tiếp thu kiến thức.**

Phần thứ 3 bao gồm toàn văn “Quy chế học vụ” (Quy chế học vụ hệ đại học theo học chế tín chỉ) và văn bản “Quy trình đăng ký học và xếp thời khóa biểu” – quy trình cơ bản nhất của công tác học vụ. Sinh viên cần đọc kỹ từng đề mục trong các văn bản này để biết về hệ thống tổ chức đào tạo của trường, để hiểu và vận dụng cho đúng các quy định của Trường, về quyền và nghĩa vụ của người học trong Nhà trường.

Phần cuối của niên giám cung cấp cho sinh viên thông tin về các môn học được giảng dạy tại trường: nội dung tóm tắt của môn học và các tài liệu tham khảo liên quan.

Phiên bản Niên giám **2020** được Phòng Đào tạo biên tập lại và có nhiều thay đổi so với các phiên bản trước đây. Chúng tôi hy vọng rằng tài liệu này có thể cung cấp ngày càng nhiều những thông tin hữu ích cho các bạn sinh viên ngay ngưỡng cửa trường đại học và sẽ luôn là người bạn đồng hành cùng sinh viên trong suốt khóa học của các bạn tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Chúc các bạn sinh viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới và đạt những kết quả tốt nhất, nhiều thành công nhất trong học tập và trong cuộc sống.

Đồng Nai, tháng 9/2020

GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Lịch sử hình thành

Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam (bao gồm: Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu), có nhiều khu công nghiệp được hình thành từ trước năm 1975. Đến những năm 1990, thực hiện chủ trương của Đảng – Nhà nước về công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước thông qua nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Đồng Nai đã ngày càng hình thành và phát triển thêm nhiều khu công nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa của Đồng Nai nói riêng và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung; nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Đồng Nai mong muốn có một trường đại học tại Đồng Nai.

Từ những năm 1993 – 1994, lãnh đạo tỉnh đã nhìn thấy nhu cầu bức thiết phải xây dựng một trường đại học tại Biên Hòa, Đồng Nai nhằm tạo nguồn nhân lực kịp thời đáp ứng đà phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh nhà. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V cũng như các Đại hội sau đó đều có nghị quyết về thành lập trường đại học trên địa bàn TP. Biên Hòa. Đó là cơ sở thuận lợi cho việc sớm ra đời một trường đại học tại Đồng Nai.

Có nhiều ý kiến về tên trường, nhưng cuối cùng nhất trí một trường đại học đào tạo nhân lực cao cho đất nước, cho dân tộc thì những con người được đào tạo phải nhớ đến nguồn cội và tự hào mình là con cháu Lạc Hồng. Chính vì thế Trường có tên là Đại học Lạc Hồng.

Trường Đại học Lạc Hồng được thành lập theo Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Quyết định số 3678/GD-ĐT ngày 13/11/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Lạc Hồng đào tạo đa ngành, đa cấp; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội nhân văn. Nhà trường đảm bảo cung cấp và chăm lo những điều kiện học tập có chất lượng cho mọi người có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại; mặt khác đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và hiểu biết chính trị cho thị trường lao động của tỉnh Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

Trường Đại học Lạc Hồng là trường đào tạo nhân lực cung cấp trực tiếp cho các khu công nghiệp, khu chế xuất của tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận. Chính vì thế

trường đã xây dựng chương trình đào tạo theo tỉ lệ 50% lý thuyết, 50% thực hành và tự học. Bên cạnh đào tạo nhân lực, Nhà trường chú trọng bồi dưỡng nhân tài. Những sinh viên có học lực từ khá trở lên phải tự chịu trách nhiệm với điểm số của mình và phải tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn có một niềm tin vững chắc, đó là mỗi sinh viên đều có một tiềm năng và nhà trường có nhiệm vụ phải khơi dậy những tiềm năng ấy cho sinh viên bằng hoạt động nghiên cứu khoa học.

Với chương trình đào tạo như vậy, sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo hoặc có khả năng tự khởi nghiệp.

Nhà trường có xu hướng gắn liền việc giảng dạy, học tập với các khu chế xuất, khu công nghiệp,... tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên thâm nhập thực tế để không ngừng điều chỉnh, bổ sung nội dung giáo trình, đào tạo được nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập. Song song đó, nhà trường đã triển khai chương trình tiếng Anh giao tiếp với mục tiêu là đến năm 2020, tất cả sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Lạc Hồng đều có kỹ năng sử dụng tốt tiếng Anh giao tiếp trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Sứ mạng: “Trường Đại học Lạc Hồng là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyên giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường cung cấp nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài có năng lực và phẩm chất phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế”

Triết lý: “Đạo đức - Trí tuệ - Sáng tạo”

Mục tiêu: “Trường Đại học Lạc Hồng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản lý và các kỹ năng mềm như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, v.v... Nguồn nhân lực đó có các phẩm chất chính trị, đạo đức và xã hội, có năng lực sáng tạo, có trách nhiệm nghề nghiệp và sức khỏe để góp phần quan trọng vào sự phát triển của xã hội. Nhà trường tạo môi trường thuận lợi để bồi dưỡng nhân tài, có khả năng phát triển kiến thức, nghiên cứu và tham gia học tập sau đại học ở trong và ngoài nước”.

CÁC PHÒNG BAN CHÍNH

- ❑ Phòng Đảng ủy, Đoàn thanh niên - ĐT: 0251 3 951 957 - nhà E102
- ❑ Phòng Thanh tra giáo dục - ĐT: 0251 8 850 970 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Đào tạo - ĐT: 0251 3 952 778; 0251 3 953 127; 0251 3 952 188 - nhà B101, B102, B103
- Bộ phận Quản lý học vụ: - ĐT: 0251 3 951 481; Tổ giáo vụ - ĐT: 0251 3 951 976 - nhà B104
- Bộ phận Kỹ năng mềm <http://knm.lhu.edu.vn> - nhà B104
- ĐT: 0251 3 952 422
- Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên - nhà B109
- ĐT: 0251 3 951 347
- ❑ Phòng Hành chính - Tổ chức (HC-TC) - ĐT: 0251 3 952 138 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Tài chính (TC) - ĐT: 0251 3 952 033 - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng - nhà văn phòng CS1
- ❑ Phòng Nghiên cứu Khoa học - ĐT: 0251 3 952 945 - nhà I101
- ❑ Phòng Công tác sinh viên (CTSV) - ĐT: 0251 3 952 250 - nhà D101, D105
- ❑ Phòng Quan hệ Quốc tế <http://dcc.lhu.edu.vn> - nhà C104
- ĐT: 0251 3 953 128
- ❑ Phòng Xây dựng và Cung ứng vật tư - ĐT: 0251 8 662 444 - nhà A104
- ❑ Phòng Quản trị Thiết bị (QT-TB) - ĐT: 0251 8 850 595 - nhà C105
- ❑ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học <http://nnth.lhu.edu.vn> nhà VP Cơ sở 4
- ĐT: 0251 3 951 995 - nhà A201
- ❑ Trung tâm Thông tin - Tư liệu - nhà A201
- ĐT: 0251 3 952 726 <http://lhu.edu.vn/224/Thong-tin-Tu-lieu.html>
- ❑ Ký túc xá Lạc Hồng - ĐT: 0251 3953598 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN
- ❑ Khoa Sau đại học <http://saudaihoc.lhu.edu.vn> - nhà B106
- ĐT: 0251 3 951 924
- ❑ Khoa Anh văn đại cương <http://avdc.lhu.edu.vn> - nhà D102
- ĐT: 0251 8 850 894
- ❑ Khoa Công nghệ thông tin <http://cs.lhu.edu.vn> - nhà B301
- ĐT: 0251 3 952 251
- ❑ Khoa Cơ điện - Điện tử <http://codien.lhu.edu.vn> - nhà I206
- ĐT: 0251 3 951 937
- ❑ Khoa Kỹ thuật công trình <http://kc.lhu.edu.vn> - nhà C103
- ĐT: 0251 3 952 253
- ❑ Khoa Kỹ thuật Hóa học & Môi trường <http://mt.lhu.edu.vn> - nhà I405
- ĐT: 0251 3 953 442 <http://cfe.lhu.edu.vn>
- ĐT: 0251 3 951 795
- ❑ Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế <http://qt.lhu.edu.vn> - nhà D305, D306
- ĐT: 0251 3 952 252
- ❑ Khoa Tài chính - Kế toán <http://kt.lhu.edu.vn> - nhà B201, B202
- ĐT: 0251 3 953 441; 0251 3 952 923 <http://tcnh.lhu.edu.vn>
- ❑ Khoa Đông phương học <http://dp.lhu.edu.vn> - nhà E205
- ĐT: 0251 3 951 926
- ❑ Khoa Ngôn ngữ Anh <http://ed.lhu.edu.vn> - nhà D103
- ĐT: 0251 3 952 254
- ❑ Khoa Dược <http://duoc.lhu.edu.vn> - nhà H106
- ĐT: 0251 3 953 131 Địa chỉ: KP4 – Phường Bửu Long - BH - ĐN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH ĐÀO TẠO – CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

- Công nghệ thông tin

KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ:

- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
- Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Cơ điện tử)
- Công nghệ kỹ thuật Ô tô

KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH:

- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng cầu đường)

KHOA KỸ THUẬT HÓA HỌC & MÔI TRƯỜNG:

- Công nghệ kỹ thuật hóa học
- Công nghệ thực phẩm
- Khoa học môi trường (Công nghệ môi trường)
- Công nghệ sinh học

KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN:

- Tài chính - Ngân hàng
- Kế toán (Kế toán kiểm toán)

KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ:

- Quản trị kinh doanh (Quản trị Doanh nghiệp, Quản trị nhà hàng – khách sạn).
- Kinh tế (Ngoại thương)
- Luật kinh tế
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC:

- Đông phương học (Nhật Bản học, Hàn Quốc học)
- Ngôn ngữ Trung Quốc
- Việt Nam học (Hướng dẫn du lịch)

KHOA NGÔN NGỮ ANH:

- Ngôn ngữ Anh

KHOA DƯỢC

- Dược học (Dược sĩ đại học)

Lưu ý: Ký hiệu loại môn học trong chương trình đào tạo

- * Môn học tiên quyết
- ** Môn học trước
- *** Môn học song hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã môn học	Môn học	số tín chỉ	Loại môn học	Ghi chú
102002	Giáo dục thể chất 1	0		
102074	English 1	3		Môn cơ bản
102073	Toán cao cấp 1	4		Môn cơ bản
111001	Cấu trúc và lắp ráp máy tính	3		
111029	Kỹ thuật lập trình	3		
111046	Vật lý thực hành	3		Môn mới
111008	Thiết kế web	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		19		
102003	Giáo dục thể chất 2	0		
102075	English 2	4	102074**	Môn cơ bản
102014	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
111002	Ngôn ngữ C/C++	4	111029**	
111004	Cơ sở dữ liệu	4		
111047	Điện tử cơ bản	2		Môn mới
111030	Thiết kế web nâng cao	3	111008**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		20		
102004	Giáo dục thể chất 3	0		
102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
102066	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
102076	English 3	4	102075**	Môn cơ bản
111005	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	4	111002**	
111010	Toán rời rạc	3		
111040	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3		
111048	Tín hiệu số cơ bản	2		Môn mới
111035	Mạng máy tính	3		

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		26		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
102077	English 4	4	102076**	Môn cơ bản
111007	Lập trình hướng đối tượng	4		
112033	Mạng máy tính nâng cao	4	111035**	
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111011	Hệ quản trị CSDL	4		111050(môn mới)
111050	Hệ quản trị Oracle			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		20		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
102078	English 5	4	102077**	Môn cơ bản
111036	Dịch vụ mạng	3		
112002	Hệ điều hành Linux	3		
111014	Lập trình cơ bản với Java	3		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111012	Lập trình C#	3		
111013	Lập trình Visual Basic 1			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		18		
102079	English 6	4	102078**	Môn cơ bản
112034	Lập trình giao tiếp thiết bị	3		
111043	Phân tích thiết kế hệ thống hướng đối tượng	3		
111015	Lập trình web	3		
Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
111017	Lập trình ứng dụng CSDL với C#	3	111012**	
111018	Lập trình Visual Basic 2		111013**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		16		
102080	English 7	4	102079**	Môn cơ bản
111039	Lập trình thiết bị di động	3	111014**	
112023	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	111036**	
111045	Lập trình web nâng cao	2	111015**	

111038	Phát triển ứng dụng	9		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		21		
111049	Thực tập	2		Môn mới
33333	Tốt nghiệp	8		Thay đổi STC
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020-2024
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	114048	Nhập môn ngành Điện-Điện tử	2		
4	114049	Mạch điện	3		
5	116058	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
6	102055	English 1	2		Môn cơ bản
7	114008	Thực tập Điện cơ bản	1	114048**	
Tổng học kỳ 1			18		
8	102018	Toán A2	4	102016**	
9	102067	Vật lý đại cương	2		
10	102068	English 2	3	102055**	
11	114050	Kỹ thuật số	3	114051**	
12	115062	Lập trình kỹ thuật	3	102014**	
13	114051	Điện tử cơ bản	3	114049**	
14	115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	114049**	
15	114040	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	114008**	
Tổng học kỳ 2			23		
16	102002	Giáo dục thể chất 1	0		
17	116009	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	3	114049**	
18	102069	English 3	3	102068**	
19	114052	CAD trong kỹ thuật điện	3	116058**	
20	115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	115060**	
21	114053	Điện tử công suất	3	114049** 114051**	
22	114054	Thiết kế mạch in	3	114040**	

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
23	114055	Máy điện	3	114049**	
24	115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115060** 114049**	
Tổng học kỳ 3			23		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
28	102070	English 4	3	102069**	
29	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	
30	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114053**	
31	115064	Vi điều khiển	4	114050**	
32	115065	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 1	2	115026**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	114003	Thực tập Quán dây máy điện	1	114055**	
34	114047	Tính toán sửa chữa máy điện		114055**	
Tổng học kỳ 4			18		
35	114033	Anh văn chuyên ngành Điện-Điện tử	2	114051**	
36	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	
37	102006	Pháp luật đại cương	2		
38	115021	Thực tập Vi điều khiển	2	115064**	
39	115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2	115065**	
40	114056	Thực tập Trang bị điện	2	114034**	
41	114057	Cung cấp điện và Đồ án cung cấp điện	4	114056** 114052**	
42	114034	Trang bị điện	3	115060** 114049**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	114058	Đồ án Điện - Điện tử	2	114054**	
44	114059	IOT (Internet Of Things)		115064**	
Tổng học kỳ 5			19		
45	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
46	102071	English 5	3	102070**	
47	114022	Thiết kế hệ thống điện	4	114034**	
48	114060	Kỹ thuật điện lạnh	3	114057**	
49	115039	Lập trình xử lý ảnh	3	115060**	
50	114062	Thiết bị điện trong công nghiệp	3	114055** 114049**	
51	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
52	116037	Robot công nghiệp	3	115064** 114022**	
53	115007	Vi điều khiển nâng cao		115064**	
Tổng học kỳ 6			23		
54	102066	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2		
55	102072	English 6	3	102071**	
56	114037	Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng	2	114057**	
57	114021	Bảo vệ Rơle và tự động hoá	3	114022**	
58	114061	Đồ án công nghệ	2	115007**	
59	115077	Hệ thống cơ điện M&E	3	114060**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
60	116049	Bảo trì công nghiệp	2	116037**	
61	114039	Thực tập Robot công nghiệp		115007**	
Tổng học kỳ 7			17		
62	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116063**	
63	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 8			12		
Tổng cộng toàn khóa			153		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020-2024
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Tổng TC		
	Giáo dục quốc phòng	0		Môn cơ bản
102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
115069	Nhập môn tự động hóa	3		
115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3		
114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2		
102055	English 1	2		Môn cơ bản
114051	Điện tử cơ bản	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1		20		
102018	Toán A2	4	102016*	Môn cơ bản
102067	Vật lý đại cương	2		Môn cơ bản
102068	English 2	3	102056*	Môn cơ bản
116069	Kỹ thuật điện	3	113005*	
116009	Công nghệ khí nén - thủy lực	3		
114056	Thực tập Trang bị điện	2		
115054	Điều khiển hệ thống servo	3		
115052	Đồ án Tự động 1	1	114025*	
115063	Cơ lý thuyết	3		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2		24		
102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3		
115076	Hệ thống điều khiển tự động	3		
115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2		
115078	CAD trong kỹ thuật điện	2	114025*	
114050	Kỹ thuật số	3		
102069	English 3	3	102057*	

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Tổng TC		
115028	Anh văn chuyên ngành Tự động	3		
116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	115030*	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3		23		
102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
102070	English 4	3	102057*	Môn cơ bản
102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
115062	Lập trình kỹ thuật	3		
115032	Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	3	115026*	
115050	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	1	115034*	
115053	Đồ án Tự động 2	1	115024*	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115075	Sơ đồ đường ống FPD và PI&D	3	116010*	
116051	CAD trong kỹ thuật			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4		21		
102071	English 5	3		Môn cơ bản
102004	Giáo dục thể chất 3	0	102060*	Môn cơ bản
115070	Motion Control	4	115004*	
102006	Pháp luật đại cương	2	115021*	
115064	Vi điều khiển	4	115032*	
115071	Điều khiển bằng máy tính	3		
115021	Thực tập Vi điều khiển	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)		0	115056*	
116062	Robot công nghiệp	3		
115040	Hệ thống SCADA ứng dụng			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5		21		
102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
102072	English 6	3	115036*	
115059	Vi điều khiển nâng cao	2	115033*	
115014	Thực tập Vi điều khiển nâng cao	1	115036*	

Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Tổng TC		
115036	Mạng truyền dữ liệu số	2	115033*	
115038	Đồ án công nghệ Tự động	1		
116055	Học kỳ Thực tập 1	2	115053*	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115057	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống tự động	3	115033*	
115067	Module sản xuất linh hoạt (FMS)			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6		16		
102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
115074	Cơ sở dữ liệu và lập trình quản lý cơ sở dữ liệu	4		
115072	Kỹ thuật lập dự án	3		
115073	Lập trình Web ứng dụng trong IOT	3		
116049	Bảo trì công nghiệp	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
115068	Kaizen-TPM	3		
115077	Hệ thống cơ điện M&E			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7		17		
116067	Học kỳ thực tập 2	2		
66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8		2		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		154		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020 -2024
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ (CƠ ĐIỆN TỬ)

	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng			
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	116068	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
4	116069	Kỹ thuật điện	3		
5	114008	Thực tập Điện cơ bản	1		
6	116040	Kỹ thuật đo lường cơ khí	3		
7	102055	English 1	2		Môn cơ bản
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			19		
8	102068	English 2	3	102055**	Môn cơ bản
9	102018	Toán A2	4	102016**	Môn cơ bản
10	114051	Điện tử cơ bản	3	116069** 102016**	
11	102067	Vật lý đại cương	2	102016**	Môn cơ bản
12	116007	Thực tập cơ khí tổng quát	1	116068** 116040**	
13	114050	Kỹ thuật số	3		
14	116051	CAD trong kỹ thuật	3	116068** 102014** 116040**	
15	114040	Thực tập thiết kế mạch điện tử ứng dụng	2	116069**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			21		
16	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
17	102069	English 3	3	102068**	Môn cơ bản
18	115060	Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	3	116069** 114051**	
19	115061	Thực tập Kỹ thuật Đo lường - Cảm biến	2	116069** 114051**	
20	115062	Lập trình kỹ thuật	3	102016** 102018**	

	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
				114050**	
21	116034	Thực tập Máy công cụ	2	116007**	
22	116002	Cơ kỹ thuật	3	102067** 102016**	
23	116065	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	116040** 116068** 116051** 116040**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			20		
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
27	114056	Thực tập Trang bị điện	2	114008**	
28	102070	English 4	3	102057**	Môn cơ bản
29	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
30	114053	Điện tử công suất	3	114051**	
31	114001	Thực tập Điện tử công suất	1	114051**	
32	116009	Công nghệ Khí nén - Thủy lực	3	116002**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	116049	Bảo trì công nghiệp	2	116007** 116034**	
34	116008	Quản trị học đại cương			
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			21		
35	115064	Vi điều khiển	4	115062** 114051** 114053**	
36	115021	Thực tập Vi điều khiển	2	115062** 114051**	
37	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
38	116024	Anh văn chuyên ngành Cơ điện tử	4	102055**	
39	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
40	115026	Kỹ thuật lập trình PLC	3	115062** 102014** 116069**	
41	115065	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
42	115068	Kaizen - TPM	3		
43	116037	Robot công nghiệp		116002** 115064**	

	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
				115062**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			20		
44	115066	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC 2	2	115065**	
45	115076	Hệ thống điều khiển tự động	3	115026** 115064** 114056**	
46	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102058**	Môn cơ bản
47	102071	English 5	3	102070**	Môn cơ bản
48	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
49	115032	Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao	3	115026**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
50	115067	Module sản xuất linh hoạt (FMS)	3		
51	116064	Công nghệ chế tạo máy		116065**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			18		
52	116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	116002** 116051**	
53	116066	Đồ án Cơ điện tử	2	116065** 115026** 115076** 116009** 114056**	
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
55	114061	Đồ án công nghệ	2	116065** 115026** 115076** 116009** 114056** 116064** 115032**	
56	102072	English 6	3	102071**	Môn cơ bản
57	116054	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	116034** 116065** 116051** 115062** 116024**	
58	116036	Thực tập Công nghệ CAD/CAM/CNC	2	116034** 116065** 116051** 115062** 116024**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					

	Mã MH	Mã môn học	Số TC	Môn học trước	Ghi chú
59	115079	Hệ thống nhúng	1		
60	115050	Thực tập Kỹ thuật lập trình PLC nâng cao		115032**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			19		
61	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116063**	
62	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			12		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			150		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA CƠ ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020 - 2024
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
2	102036	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102016	Toán A1	3		Môn cơ bản
4	116068	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	4		
5	148059	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật Ô tô	2		
6	148069	Kỹ thuật nhiệt	3		
7	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			20		
8	148003	Nguyên lý Động cơ đốt trong	4	148060** 148069** 116058**	Môn cơ bản
9	102068	English 2	3		
10	148007	Vật liệu học	2		Môn cơ bản
11	102018	Toán A2	4	102016**	
12	148039	Dung sai kỹ thuật đo	2		
13	148081	Đồ án thiết kế ô tô	1		
14	148077	Cơ kỹ thuật	4		
15	148048	Thực tập Nguội	1		
Tổng học kỳ 2			21		
16	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
17	102069	English 3	3	102056**	Môn cơ bản
18	148049	Anh văn chuyên ngành công nghệ ô tô	2		Môn cơ bản
19	148078	Kỹ thuật điện - điện tử	3		Môn cơ bản
20	116010	Nguyên lý - Chi tiết máy	4	116039**	
21	148065	Thực tập động cơ đốt trong	3	148003**	

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
22	148041	Lý thuyết Ô tô	3	116039** 116050**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
23	148012	Kinh tế học đại cương	2		
24	148013	Nhập môn quản trị chất lượng			
Tổng học kỳ 3			20		
25	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
26	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
27	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
28	102070	English 4	3	116057**	Môn cơ bản
29	102003	Giáo dục thể chất 2	0		Môn cơ bản
30	148024	Thiết kế ô tô	3	116010** 148041**	
31	148020	Hệ thống điện – điện tử ô tô	4	148000** 148003**	
32	148070	Thực tập hệ thống truyền lực Ôtô	3	148024** 148041**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
33	148061	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	116010** 148007** 148002**	
34	148062	Máy thủy lực và khí nén			
Tổng học kỳ 4			22		
35	102004	Giáo dục thể chất 3	0		Môn cơ bản
36	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
37	148071	Vi điều khiển ứng dụng	2	148000**	
38	148025	Hệ thống điều khiển tự động trên ô tô	3	148000** 148019**	
39	148072	Lập trình Matlab	2		
40	148080	Công nghệ kỹ thuật xe điện và xe lai	3		
41	148073	Thực tập hệ thống điện – điện tử ô tô	3	148000** 148003** 148020**	
42	148074	Thực tập hệ thống điều khiển và chuyển động ô tô	2	148024** 148041**	

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	148055	Trình bày các văn bản và văn bản KHKT	2		
44	148023	Nhập môn Xã hội học			
Tổng học kỳ 5			19		
45	102071	English 5	3	102059**	Môn cơ bản
46	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
47	148067	Thực tập Vi điều khiển ứng dụng	2	148071**	
48	148031	Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô	2	148000** 148019**	
49	148051	Tính toán Động cơ đốt trong	3	116010** 116039** 148003**	
50	148030	Dao động và tiếng ồn ô tô	2	116039**	
51	148068	Thực tập hệ thống điều khiển động cơ	3	148025**	
52	116063	Học kỳ thực tập 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	148056	Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng ô tô	2	148015** 148023**	
54	148057	Ứng dụng máy tính trong thiết kế và mô phỏng động cơ		148003**	
Tổng học kỳ 6			21		
55	102072	English 6	3	116039**	Môn cơ bản
56	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
57	148076	Quản lý dịch vụ ô tô	3		
58	148079	Đồ án chuyên ngành công nghệ ô tô	2		
59	148075	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	148031** 148025**	
60	148047	Thực tập lập trình điều khiển ô tô	2	148031** 148025**	
61	148058	Thực tập Chẩn đoán trên ô tô	2	148040** 148045** 148031** 148044**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
62	148063	Công nghệ chẩn đoán và sửa chữa ô tô	2	148036**	

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
63	148064	Năng lượng mới trên ô tô			
Tổng học kỳ 7			19		
64	66666	Tốt nghiệp	10		
65	116067	Học kỳ thực tập 2	2	116055**	
Tổng học kỳ 8			12		
Tổng cộng toàn khóa			154		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102015	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		Môn cơ bản
4	124057	Kỹ thuật xây, tô	4		
5	124058	Trắc địa	3		
6	124059	Địa chất công trình	3		
7	124060	Cơ học cơ sở	4		
Tổng học kỳ 1			19		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet }	3		Môn cơ bản
10	124061	Cơ học đất	3		
11	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
12	124062	Thực tập Trắc địa	3	124058**	
13	124063	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3		
14	124064	Sức bền vật liệu 1	4	124060**	
15	124065	Vật liệu xây dựng	3		
Tổng học kỳ 2			21		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	124007	Thực tập Địa chất công trình	1	124059**	
19	124066	AutoCAD	3		
20	124067	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2	124065**	
21	124068	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
22	124069	Sức bền vật liệu 2	3	124006**	
23	124070	Nền & Móng 1	4		
Tổng học kỳ 3			19		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
28	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
29	124071	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124068**	
30	124072	Cơ học kết cấu	3	124069**	
Môn tự chọn 4.1 (chọn 1 trong 2 môn)					
31	124073	Nền & Móng 2	3	124070**	
	124074	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Môn tự chọn 4.2 (chọn 1 trong 2 môn)					
32	124015	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124016	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng học kỳ 4			21		
33	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	124075	Kết cấu thép 1	3		
36	124078	Kiến trúc 1	3		
37	124079	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124071**	
38	124077	Đồ án Nền & Móng	2	124073**	
39	124076	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
40	124081	Tin học xây dựng 1	3		
	124082	Đàn hồi ứng dụng và phần tử hữu hạn			
Tổng cộng học kỳ 5			21		
41	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
42	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
43	123035	Mô trụ cầu	3		
44	123036	Thiết kế đường ô tô	4		
45	124029	Thực tập Kỹ thuật 2	1		
46	124085	Kỹ thuật thi công - Máy xây dựng	3		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
47	124086	Ứng dụng BIM trong xây dựng	4		
48	124088	Đồ án Thép	2	124075**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
49	124017	Thí nghiệm Cơ học đất	1		
	124018	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			22		
50	124091	Ngoại ngữ chuyên ngành	3		
51	123037	Xây dựng cầu & an toàn lao động	3	123035**	
52	123038	Thiết kế cầu	4		
53	123039	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	123036**	
54	123040	Đồ án thiết kế cầu	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
55	123041	Xây dựng đường ô tô	3		
	123042	Đường trên nền đất yếu			
Tổng cộng học kỳ 7			17		
56	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102015	Toán A1	3		Môn cơ bản
3	102055	English 1	2		Môn cơ bản
4	124057	Kỹ thuật xây, tô	4		
5	124058	Trắc địa	3		
6	124059	Địa chất công trình	3		
7	124060	Cơ học cơ sở	4		
Tổng học kỳ 1			19		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
10	124061	Cơ học đất	3		
11	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
12	124062	Thực tập Trắc địa	3	124058**	
13	124063	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3		
14	124064	Sức bền vật liệu 1	4	124060**	
15	124065	Vật liệu xây dựng	3		
Tổng học kỳ 2			21		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	124007	Thực tập Địa chất công trình	1	124059**	
19	124066	AutoCAD	3		
20	124067	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2	124065**	
21	124068	Kết cấu bê tông cốt thép 1	4		
22	124069	Sức bền vật liệu 2	3	124006**	
23	124070	Nền & Móng 1	4		
Tổng học kỳ 3			21		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
24	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
25	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
26	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
28	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
29	124071	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	124068**	
30	124072	Cơ học kết cấu	3	124069**	
Môn tự chọn 4.1 (chọn 1 trong 2 môn)					
31	124073	Nền & Móng 2	3	124070**	
	124074	Các giải pháp nền móng hợp lý			
Môn tự chọn 4.2 (chọn 1 trong 2 môn)					
32	124015	Thực tập kỹ thuật 1	1		
	124016	Thực tập nhận thức ngành			
Tổng học kỳ 4			21		
33	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	124075	Kết cấu thép 1	3		
36	124078	Kiến trúc 1	3		
37	124079	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép	2	124071**	
38	124077	Đồ án Nền & Móng	2	124073**	
39	124076	Kết cấu bê tông cốt thép 3	4		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
40	124081	Tin học xây dựng 1	3		
	124082	Đàn hồi ứng dụng và phần tử hữu hạn			
Tổng cộng học kỳ 5			21		
41	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
42	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
43	124083	Kết cấu thép 2	3	124075**	
44	124084	Đồ án Kiến trúc	2		
45	124029	Thực tập Kỹ thuật 2	1		
46	124085	Kỹ thuật thi công - Máy xây dựng	3		

Stt	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
47	124086	Ứng dụng BIM trong xây dựng	4		
48	124087	Kiến Trúc 2	3		
49	124088	Đồ án Thép	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
50	124017	Thí nghiệm Cơ học đất	1		
	124018	Thí nghiệm Sức bền vật liệu			
Tổng cộng học kỳ 6			23		
51	124089	Đồ án Thi công	1		
52	124090	Kỹ thuật Điện công trình	2		
53	124091	Ngoại ngữ chuyên ngành	3		
54	124092	Triển khai kết cấu công trình	4		
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
55	124093	Kinh tế xây dựng	3		
	124094	Quản lý Dự án xây dựng			
56	124095	Cấp thoát nước	3		
	124096	Dự toán xây dựng			
Tổng cộng học kỳ 7			16		
57	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA KỸ THUẬT HÓA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ KHÓA 2020

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102008	Vật lý đại cương	3		Môn cơ bản
3	102025	Toán Cao cấp 1	2		Môn cơ bản
4	102055	English 1	2		Môn cơ bản
5	120054	Hóa học đại cương	3		
6	117009	Thực tập cơ sở	1		
7	117043	Marketing cơ bản	2		
8	117010	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	1		
9	117001	Thí nghiệm hóa đại cương	1		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 1			15		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102011	Thí nghiệm vật lý	1	102008**	Môn cơ bản
12	102014	Tin học đại cương	3		Môn cơ bản
13	102062	Toán Cao cấp 2	2	102025**	Môn cơ bản
14	102034	Xác suất thống kê	2		Môn cơ bản
15	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
16	117007	Hoá vô cơ	3	120054**	
17	117002	Hóa hữu cơ	3	120054**	
18	117057	Thí nghiệm hóa vô cơ	1	117007**	
STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
19	117055	Thí nghiệm hóa hữu cơ	1	117002**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 2			18		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
21	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản

22	120055	Vi sinh và phương pháp kiểm nghiệm vi sinh	3		
23	120056	Phương pháp phân tích thực phẩm	3	120054**, 117002**	
24	120057	Quá trình và thiết bị công nghệ 1	3		
25	120058	Hoá lý	3	120054**	
26	120024	Hoá sinh	3	120054**, 117002**	
27	117045	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
28	117056	Thí nghiệm hoá lý	1	120058**	
29	120003	Thí nghiệm hóa sinh	1	120024**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 3			21		
30	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
31	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
32	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
33	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
35	120059	Quá trình và thiết bị công nghệ 2	3	120057**	
36	120060	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	120024**, 120055**	
37	120004	Thí nghiệm vi sinh	1	120055**	
38	120061	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	1	120056**	
STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
39	117031	Hình họa kỹ thuật	2		
40	122016	An toàn lao động	2		
41	117069	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 4			23		
42	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
43	120062	Tính toán thiết kế thiết bị	3	120057**, 120059**	

44	117029	English academic writing	2		
45	117068	Quản lý chất lượng	2		
46	120013	Công nghệ lên men	2	120055**, 120060**	
47	117060	Thực tập kỹ thuật	1		
48	120063	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	3	102014**, 102034**	
49	120053	Thí nghiệm công nghệ lên men	1	120013**	
50	120064	Đồ án chuyên ngành 1	2	117045**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)					
51	120029	Thực phẩm chức năng	2	120024**	
52	122017	Con người và môi trường	2		
53	122060	Kỹ thuật xử lý nước cấp - nước thải	2		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 5			20		
54	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
55	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
56	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
57	117030	English technical presentation	2	117029**	
58	117062	Thực tập quá trình và công nghệ	1		
59	120018	Công nghệ sau thu hoạch	2		
60	120020	Đánh giá và kiểm tra chất lượng thực phẩm	2		
61	120065	Đồ án chuyên ngành 2	2	117045**, 120064**	
62	120048	Thực hành đánh giá cảm quan	1	120020**	
Môn tự chọn (chọn 3 trong 4 môn)					
63	121044	Công nghệ hợp chất thiên nhiên	2	117002**	
64	120066	Phát triển sản phẩm	2		
65	120026	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2		
66	120067	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	2		

TỔNG CỘNG HỌC KỲ 6			22		
Môn tự chọn 7.1 (chọn 6 trong 9 môn)					
67	120068	Công nghệ sản xuất dầu mỡ	3	120024**, 120060**	
68	120069	Công nghệ chế biến và bảo quản thịt, thủy sản	3	120024**, 120060**	
69	120070	Công nghệ chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	3	120024**, 120060**	
70	120071	Công nghệ chế biến trà, cà phê, rau quả	3	120024**, 120060**	
71	120072	Công nghệ sản xuất nước giải khát	3	120024**, 120060**	
72	120073	Phụ gia thực phẩm	3	120054**, 117002**	
73	120074	Luật thực phẩm	3		
74	120075	Văn hóa ẩm thực	3	120024**, 120058**	
STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
75	120076	Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm	3	120024**, 120058**	
Môn tự chọn 7.2 (chọn 3 trong 5 môn)					
76	120045	Thực hành sản xuất dầu mỡ	1	120068**	
77	120046	Thực hành chế biến thịt, thủy sản	1	120069**	
78	120047	Thực hành chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo	1	120070**	
79	120049	Thực hành chế biến trà, cà phê, rau quả	1	120071**	
80	120077	Thực hành sản xuất nước giải khát	1	120072**	
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 7			21		
81	66666	Tốt nghiệp	10		
TỔNG CỘNG HỌC KỲ 8			10		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			150		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125060	Kinh tế học	2		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	128006	Logic học	2		
7	128047	Lý luận nhà nước và pháp luật	3		
8	125061	Quản trị học	2		
9	125012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
10	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			20		
11	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
12	128005	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2		
13	128060	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3		
14	128065	Luật dân sự 1	3		
15	128014	Luật hiến pháp	2		
16	128064	Công pháp quốc tế	3		
17	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
18	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			18		
19	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
20	128068	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3		
21	128011	Luật dân sự 2	2	128065**	
22	128015	Luật hình sự	2		
23	128012	Luật đất đai	2		
24	128067	Pháp luật thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ	3		

25	128059	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2		
26	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
27	128035	Các cơ quan và tổ chức Tư pháp	2		
28	128063	Tìm hiểu và định hướng nghề luật	2		
Tổng học kỳ 3			18		
29	128020	Luật ngân hàng	2		
30	128069	Luật lao động	3		
31	128066	Luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	3		
32	128058	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2		
33	128061	Luật hôn nhân và gia đình	2		
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
35	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	128055	Luật phòng chống tham nhũng	2		
37	128017	Luật kinh doanh bất động sản	2		
Tổng học kỳ 4			18		
38	128051	Anh văn chuyên ngành luật 1	3		
39	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
40	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
41	128021	Luật sở hữu trí tuệ	2	128014**	
42	128008	Luật cạnh tranh	2		
43	127010	Luật thương mại quốc tế	2		
44	128024	Luật tố tụng hình sự	2		
45	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
46	128022	Luật tài chính	2		
47	128019	Luật môi trường	2		
Tổng học kỳ 5			19		
48	128052	Anh văn chuyên ngành luật 2	3	128051**	
49	128056	Luật trọng tài thương mại	2		
50	128028	Pháp luật về đầu tư	2		
51	128029	Pháp luật về thuế	2		

52	128033	Tư vấn pháp lý trong doanh nghiệp	2		
53	128032	Tư pháp quốc tế	2		
54	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
55	128030	Pháp luật về thương mại điện tử	2		
56	128009	Luật chứng khoán	2		
Tổng học kỳ 6			17		
57	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI THƯƠNG

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	100003	Quản trị học	3		
8	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			20		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	102006	Pháp luật đại cương	2		
12	125033	Nguyên lý kế toán	2		
13	125034	Tài chính tiền tệ	2		
14	102037	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
15	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
16	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			13		
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
18	127025	Kinh tế quốc tế	3	125045**	
19	128062	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2		
20	125046	Hành vi tổ chức	2	100003**	
21	125048	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		
22	125015	Quản trị chất lượng	2		
23	125062	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2		
24	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
25	100007	Nguyên lý thống kê	2		
26	125005	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp	2		

		đồng			
Tổng học kỳ 3			18		
27	127005	Đầu tư quốc tế	2		Môn cơ bản
28	127010	Luật thương mại quốc tế	2		
29	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2		
30	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
31	127027	Thanh toán quốc tế	3	127025**	
32	100010	Thuế	2		
33	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
35	127019	Logistics	2		
36	125016	Quản trị chiến lược	2		
Tổng học kỳ 4			20		
37	127021	Anh văn chuyên ngành ngoại thương 1	3		
38	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
39	127018	Vận tải và giao nhận ngoại thương	2		
40	125054	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	3		
41	125017	Quản trị chuỗi cung ứng	2		
42	125057	Quản trị rủi ro	2		
43	125029	Thương mại điện tử	2		
44	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	125024	Quản trị tài chính	2		
46	125027	Thị trường chứng khoán	2		
Tổng học kỳ 5			20		
47	127022	Anh văn chuyên ngành ngoại thương 2	3	127021**	
48	125011	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
49	127023	Quản trị kinh doanh quốc tế	3		
50	127028	Thực hành khai báo hải quan	3		
51	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
52	125035	Marketing quốc tế	2	100002**	
53	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
54	125058	Khởi sự kinh doanh	2		
55	127024	Thực tập nghề nghiệp ngoại thương	2		

Tổng học kỳ 6			19		
56	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	100003	Quản trị học	3		
8	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			20		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	125065	Văn hóa doanh nghiệp	3		
12	102037	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
13	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
14	125063	Tài chính tiền tệ	3	125045**	
15	125033	Nguyên lý kế toán	2		
16	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			17		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	100007	Nguyên lý thống kê	2		
20	102007	Quy hoạch tuyến tính	3	102027**	Môn cơ bản
21	100010	Thuế	2		
22	125058	Khởi sự kinh doanh	2		
23	125059	Nghệ thuật lãnh đạo	2		
24	125020	Quản trị marketing	2	100003**	
25	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					

26	125026	Thanh toán quốc tế	2		
27	100004	Kinh tế quốc tế	2	125045**	
Tổng học kỳ 3			17		
28	125062	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	100007**	
29	127026	Quản trị kinh doanh quốc tế	3		
30	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2	125058**	
31	125004	Kế toán quản trị	2	125033**	
32	125010	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2		
33	125015	Quản trị chất lượng	2	125020**	
34	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
35	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	125027	Thị trường chứng khoán	2		
37	125005	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2		
Tổng học kỳ 4			19		
38	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
39	125048	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	125062**	
40	125029	Thương mại điện tử	2		
41	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2	125021**	
42	125064	Quản trị chiến lược	3	125015**	
43	125024	Quản trị tài chính	2	125004**	
44	125055	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2		
45	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
46	125053	Luật kinh tế	2		
47	125046	Hành vi tổ chức	2	100003**	
Tổng học kỳ 5			20		
48	125056	Anh văn chuyên ngành quản trị	3		
49	125011	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
50	125018	Quản trị dự án	2	125052**	
51	125017	Quản trị chuỗi cung ứng	2		
52	125023	Quản trị sản xuất	2		
53	125057	Quản trị rủi ro	2		
54	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)					
55	128018	Luật lao động	2		

56	125035	Marketing quốc tế	2	100002**	
Tổng học kỳ 6			17		
57	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA QUẢN TRỊ - KINH TẾ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	125045	Kinh tế học	3		
3	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn cơ bản
4	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn cơ bản
5	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
6	100002	Marketing cơ bản	2		
7	126029	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
8	100003	Quản trị học	3		
9	102055	English 1	2		Môn cơ bản
Tổng học kỳ 1			19		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
11	126055	Tổng quan du lịch	3		
12	125012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
13	126033	Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng Việt Nam	2		
14	126034	Marketing du lịch	2		
15	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Môn cơ bản
16	126030	Du lịch bền vững	2		Môn cơ bản
17	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
Tổng học kỳ 2			16		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
19	102037	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2		Môn cơ bản
20	126043	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	3		
21	126058	Địa lý du lịch	3		
22	125062	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2		
23	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					

24	126046	Tiếng Hàn cho du lịch 1	2		
25	126050	Tiếng Nhật cho du lịch 1	2		
26	126037	Quản trị đa văn hóa	2		
27	126057	Văn hóa ẩm thực	2		
Tổng học kỳ 3			16		
28	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
29	126060	Thuyết minh tại điểm đến	2	100002**	
30	126038	Quản trị dự án du lịch	2		
31	126059	Kinh tế du lịch	3		
32	126012	Luật du lịch	2		
33	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
34	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
35	126047	Tiếng Hàn cho du lịch 2	2	126046**	
36	126051	Tiếng Nhật cho du lịch 2	2	126050**	
37	125021	Quản trị nguồn nhân lực	2		
38	125022	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	2		
Tổng học kỳ 4			19		
39	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
40	125052	Khởi nghiệp và ứng dụng	2		
41	126011	Lịch sử văn minh thế giới	2		
42	126039	Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú	3		
43	126041	Quản trị kinh doanh lữ hành	3		
44	126015	Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn	2		
45	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
46	126048	Tiếng Hàn cho du lịch 3	2	126047**	
47	126052	Tiếng Nhật cho du lịch 3	2	126051**	
48	126032	Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu	2		
49	126036	Quản trị bán hàng trong du lịch	2		
Tổng học kỳ 5			20		
50	126027	Anh văn chuyên ngành du lịch	2		
51	126035	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3		
52	126044	Thiết kế và điều hành tour	3		
53	126040	Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng	3		
54	126056	Tuyển điểm du lịch	3		

55	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
Môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)					
56	126049	Tiếng Hàn cho du lịch 4	2	126048**	
57	126053	Tiếng Nhật cho du lịch 4	2	126052**	
58	126042	Quản trị sự kiện và lễ hội	2		
59	126028	Bảo vệ môi trường du lịch	2		
Tổng học kỳ 6			20		
60	22222	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	4		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
4	100000	Kinh tế vi mô	2		
5	100001	Kinh tế vĩ mô	2	100000**	
6	102055	English 1	2		
7	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
Tổng cộng học kỳ 1			14		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
10	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
11	100008	Tài chính tiền tệ	3		
12	100011	Luật kinh tế	2	102006**	
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
15	100010	Thuế	2		
Tổng cộng học kỳ 2			15		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	102063	Triết học Mác-Lênin	3		Môn cơ bản
19	102064	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2		Môn cơ bản
20	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
21	102007	Quy hoạch tuyến tính	3		Môn cơ bản
22	129002	Thanh toán quốc tế	2	100008**	
23	100005	Nguyên lý kế toán	3		

24	100007	Nguyên lý thống kê	2	102038**	
25	129030	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2	100008**	
Tổng cộng học kỳ 3			21		
26	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
27	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
28	102066	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
29	129048	Kế toán tài chính 1	3	100005**	
30	130034	Anh văn chuyên ngành	3	(100008, 129002)**	
31	129012	Thị trường chứng khoán	2	100011** 100007**	
32	130054	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
33	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
34	130050	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	100008**	
35	130049	Toán tài chính	3		
Tổng cộng học kỳ 4			21		
36	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
37	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	100005** 100008**	
38	130018	Kiểm toán	3	100005** 129048**	
39	130047	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
40	129049	Kế toán tài chính 2	3	129048**	
41	130057	Kinh tế lượng	2	130054**	
42	130012	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	100005** 100008**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
43	130052	Thẩm định bất động sản	3	130006**	
44	130028	Marketing ngân hàng	3	100008** 100002**	
Tổng cộng học kỳ 5			21		
45	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
46	130013	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
47	130045	Thực hành nghiệp vụ tài chính ngân	3	(130006, 130013)**	

		hàng		130012**
48	130051	Tin học ứng dụng ngành tài chính	2	(130006, 130013)**
49	130053	Kế toán ngân hàng	3	(100005, 130012)**
50	130022	Quản trị ngân hàng thương mại	2	130012**
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
51	130055	Tài chính quốc tế	3	129002**
52	130056	Quản trị rủi ro tài chính	3	(130006, 130013)**
Tổng cộng học kỳ 6			18	
53	66666	Tốt nghiệp	10	
Tổng cộng học kỳ 7			10	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

STT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
		Giáo dục quốc phòng	4		
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn cơ bản
2	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn cơ bản
3	102027	Toán cao cấp C	3		Môn cơ bản
4	100000	Kinh tế vi mô	2		
5	100001	Kinh tế vĩ mô	2	100000**	
6	102055	English 1	2		
7	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn cơ bản
Tổng cộng học kỳ 1			14		
8	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn cơ bản
9	102038	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	102027**	Môn cơ bản
10	102056	English 2	2	102055**	Môn cơ bản
11	100008	Tài chính tiền tệ	3		
12	100011	Luật kinh tế	2	102006**	
13	100002	Marketing căn bản	2		
14	129001	Quản trị doanh nghiệp	2		
15	100010	Thuế	2		
Tổng cộng học kỳ 2			15		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn cơ bản
17	102057	English 3	2	102056**	Môn cơ bản
18	102063	Triết học Mác-Lênin	3		Môn cơ bản
19	102064	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2		Môn cơ bản
20	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn cơ bản
21	102007	Quy hoạch tuyến tính	3		Môn cơ bản
22	129002	Thanh toán quốc tế	2	100008**	
23	100005	Nguyên lý kế toán	3		
24	100007	Nguyên lý thống kê	2	102038**	

25	129030	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu	2	100008**	
Tổng cộng học kỳ 3			21		
26	102058	English 4	2	102057**	Môn cơ bản
27	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn cơ bản
28	102066	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		Môn cơ bản
29	129048	Kế toán tài chính 1	3	100005**	
30	130034	Anh văn chuyên ngành	3	(100008, 129002)**	
31	129012	Thị trường chứng khoán	2	(100011, 100007)**	
32	130054	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
33	129010	Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
34	129061	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	3		
35	129062	Đổi chiếu kế toán quốc tế	3	100005**	
Tổng cộng học kỳ 4			21		
36	102059	English 5	2	102058**	Môn cơ bản
37	130006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	(100005; 100008)**	
38	130018	Kiểm toán	3	(100005; 129048)**	
39	130047	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		
40	129049	Kế toán tài chính 2	3	129048**	
41	130057	Kinh tế lượng	2	130054**	
42	129064	Tin học ứng dụng ngành kế toán 1	2	(100005; 129048)**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
41	129063	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	130006**	
42	130050	Nguyên lý thực hành bảo hiểm	3	100008**	
Tổng cộng học kỳ 5			20		
43	102060	English 6	2	102059**	Môn cơ bản
44	130013	Tài chính doanh nghiệp 2	3	130006**	
45	129066	Thực hành chứng từ sổ sách và khai báo thuế	2	(129048, 129049)**	
46	129051	Kế toán tài chính 3	2	(100005, 129048, 129049)**	
47	129052	Kế toán quản trị	3	100005**	
48	129044	Kế toán chi phí	2	(100005, 129048)**	
49	129065	Tin học ứng dụng ngành kế toán 2	2	(100005, 129050)**	

Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
50	130053	Kế toán ngân hàng	3	100005**	
51	130052	Thẩm định bất động sản	3	(100005, 129048)**	
Tổng cộng học kỳ 6			19		
52	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 7			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA NGÔN NGỮ ANH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020 - 2024
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Cơ bản
2	135117	English Study Skills	2		
4	135101	Listening 1	2		
5	135118	Speaking 1	2		
6	135103	Reading 1	2		
7	135114	Writing 1	2		
8	135115	Pronunciation 1	2		
9	135116	Grammar 1	2		
Tổng học kỳ 1			14		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Cơ bản
11	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		Cơ bản
12	135201	Listening 2	2	135101**	
13	135202	Speaking 2	2	135118**	
14	135203	Reading 2	2	135103**	
15	135204	Writing 2	2	135114**	
16	135216	Pronunciation 2	2	135115**	
17	135217	Grammar 2	2	135116**	
Tổng học kỳ 2			15		
18	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Cơ bản
19	102063	Triết học Mác Lênin	3		Cơ bản
20	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Cơ bản
21	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Cơ bản
22	135312	Listening 3	2	135201**	
23	135313	Speaking 3	2	135202**	
24	135314	Reading 3	2	135203**	
25	135315	Writing 3	2	135204**	
26	135318	Morphology	2	(135116; 135217)**	

Tổng học kỳ 3			17		
27	102006	Pháp luật đại cương	2		Cơ bản
28	135411	Listening 4	2	135312**	
29	135412	Business Speaking 1	2	135313**	
30	135404	Writing 4	3	135315**	
31	135410	Syntax	2	135318**	
32	135414	Business Reading 1	2	135314**	
Ngoại ngữ 2 – HP1 (chọn 1 trong 3 môn)					
33	135420	Chinese 1	2		
34	135420	Japanese 1	2		
35	135420	Korean 1	2		
Môn tự chọn – Chọn 2 tín chỉ					
36	135418	Introduction to British Culture and Society	2		
37	135419	British Identity and Lifestyle	2		
Tổng học kỳ 4			17		
38	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
39	135501	Listening 5	2	135411**	
40	135508	Business Reading 2	3	135414**	
41	135604	Business Writing 1	2	135404**	
42	135507	Semantics	2	135410**	
43	135504	Business Speaking 2	2	135412**	
Ngoại ngữ 2 – HP2 (chọn 1 trong 3 môn)					
44	135511	Chinese 2	2	135420**	
45	135511	Japanese 2	2		
46	135511	Korean 2	2		
Môn tự chọn – Chọn 2 tín chỉ					
47	135509	Introduction to American Culture and Society	2		
48	135510	American Identity and Lifestyle	2		
Tổng học kỳ 5			16		
49	135601	Business Reading 3	2	135508**	
50	135602	Business Writing 2	3	135604**	

51	135608	Translation 1	3		
52	135612	Presentation Skills	2		
53	135611	Listening 6	2	135501**	
54	135609	Research Writing	2		
Môn tự chọn – chọn 2 tín chỉ					
55	135803	English for Business Management	2		
56	135610	English for Foreign Trade	2		
Tổng học kỳ 6			16		
57	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	Cơ bản
58	135702	Business Writing 3	2	135602**	
59	135708	Translation 2	2	135608**	
60	135817	Interpretation	3		
61	135802	English for Marketing	2		
62	135709	Preparation for International Tests	2	135601**	
Môn tự chọn - chọn 2 tín chỉ					
6	135701	Office Skills	2		
6	135710	Communication Skills	2		
Tổng học kỳ 7			15		
69	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: HÀN QUỐC HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	132080	Nghe nói 1 - tiếng Hàn	2		
6	132095	Thực hành tiếng Hàn 1	2		
7	132096	Đọc 1 - Tiếng Hàn	2		
8	132059	Ngữ pháp 1 - tiếng Hàn	3		
Tổng cộng học kỳ 1			16		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn CB
10	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
11	132097	Âm Hán và tiếng Hàn	2		
12	132098	Nghe 2 - Tiếng Hàn	2		
13	132008	Nói 2 - tiếng Hàn	3		
14	132055	Đọc 2 - Tiếng Hàn	2		
15	132064	Ngữ pháp 2 - tiếng Hàn	3	132059**	
Tổng cộng học kỳ 2			15		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn CB
17	134012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
18	132099	Ngữ pháp 3 - tiếng Hàn	3		
19	132100	Nghe 3 - Tiếng Hàn	2		
20	132103	Nói 3 - Tiếng Hàn	2		
21	132014	Đọc 3 - Tiếng Hàn	3		
22	132006	Viết 1 - Tiếng Hàn	2	132059** 132064**	

23	132082	Đất nước học Hàn Quốc	2		
Tổng cộng học kỳ 3			16		
24	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
25	102013	Tiếng Việt	2		
26	132074	Ngữ pháp 4 - tiếng Hàn	2		
27	132083	Nghe 4 - Tiếng Hàn	2		
28	132104	Nói 4 - Tiếng Hàn	2		
29	132019	Đọc 4 - Tiếng Hàn	2		
30	132105	Viết 2 - Tiếng Hàn	3	132006**	
Tổng cộng học kỳ 4			15		
31	132015	Viết 3 - Tiếng Hàn	3		
32	132106	Thực hành tiếng Hàn 2	3		
33	132023	Nói 5 - Tiếng Hàn	2		
34	132086	Nghe 5 - Tiếng Hàn	2		
35	132025	Đọc 5 - Tiếng Hàn	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
36	132107	Phương pháp giảng dạy văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài	3		
37	134053	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ	3		
Tổng cộng học kỳ 5			15		
38	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
39	132087	Nghe 6 - Tiếng Hàn	2		
40	132028	Nói 6 - Tiếng Hàn	2		
41	132029	Đọc 6 - Tiếng Hàn	2		
42	132020	Viết 4 - Tiếng Hàn	3	132015**	
43	132109	Thực hành tiếng Hàn 3	3		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
44	132092	Văn hóa và lịch sử Hàn Quốc	3		
45	132089	Nhân học - văn hóa - xã hội Hàn Quốc	3	132082**	
Tổng cộng học kỳ 6			17		

46	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn CB
47	132049	Kỹ năng phiên dịch tiếng Hàn	3	132028**	
48	132085	Tiếng Hàn thương mại	3		
49	133128	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		
50	132110	Thực hành tiếng Hàn 4	2		
51	132036	Nói 7 - tiếng Hàn	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
52	132047	Biên dịch văn phòng	3		
53	132048	Biên dịch thương mại	3		
Tổng cộng học kỳ 7			17		
54	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	131003	Nghe 1 - Tiếng Nhật	2		
6	131006	Nói 1 - Tiếng Nhật	2		
7	131005	Đọc 1 - Tiếng Nhật	3		
8	131004	Ngữ pháp 1 - tiếng Nhật	3		
Tổng cộng học kỳ 1			17		
9	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn CB
10	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
11	131104	Nghe 2 - Tiếng Nhật	3	131003**	
12	131086	Nói 2 - Tiếng Nhật	2	131006**	
13	131093	Đọc 2 - Tiếng Nhật	2	131005**	
14	131064	Viết 2- Tiếng Nhật	2		
15	131010	Ngữ pháp 2 - tiếng Nhật	3	131004**	
Tổng cộng học kỳ 2			15		
16	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn CB
17	134012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
18	131105	Nghe 3 - Tiếng Nhật	3	131104**	
19	131013	Nói 3 - Tiếng Nhật	2	131086**	
20	131014	Đọc 3 - Tiếng Nhật	2	131093**	
21	131011	Viết 3 - Tiếng Nhật	2	131064**	
22	131015	Ngữ pháp 3 - Tiếng Nhật	3	131010**	

Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
23	131055	Đất nước học Nhật Bản	2		
24	131087	Hệ thống chính trị Nhật Bản	2		
Tổng cộng học kỳ 3			16		
25	102006	Pháp luật đại cương	2		Môn CB
26	102013	Tiếng Việt	2		
27	131020	Nghe 4 - Tiếng Nhật	2	131105**	
28	131088	Nói 4 - Tiếng Nhật	2	131013**	
29	131022	Đọc 4 - Tiếng Nhật	2	131014**	
30	131019	Viết 4 - Tiếng Nhật	2	131011**	
31	131023	Ngữ pháp 4 - Tiếng Nhật	3	131015**	
Tổng cộng học kỳ 4			15		
32	131053	Nghe 5 - Tiếng Nhật	2	131020**	
33	131089	Nói 5 - Tiếng Nhật	2	131088**	
34	131090	Đọc 5 - Tiếng Nhật	2	131022**	
35	131028	Viết 5 - Tiếng Nhật	2	131019**	
36	131030	Ngữ pháp 5 - Tiếng Nhật	3	131023**	
37	131095	Tiếng Nhật thương mại 1	3		
38	131084	Tiếng Nhật tổng hợp	2		
Tổng cộng học kỳ 5			16		
39	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn CB
40	131032	Nghe 6 - Tiếng Nhật	2	131053**	
41	131033	Nói 6 - Tiếng Nhật	2	131089**	
42	131057	Đọc 6 - Tiếng Nhật	3	131090**	
43	131035	Ngữ pháp 6 - Tiếng Nhật	3	131030**	
44	131096	Biên phiên dịch - Tiếng Nhật 1	2		
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
45	131091	Tiếng Nhật thương mại 2	2	131095**	
46	131092	Văn học Nhật Bản	2	131095**	
Tổng cộng học kỳ 6			16		
47	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	Môn CB

48	131039	Nghe 7 - Tiếng Nhật	2	131032**	
49	131040	Nói 7 - Tiếng Nhật	2	131033**	
50	131041	Đọc 7 - Tiếng Nhật	3	131057**	
51	131042	Ngữ pháp 7 - Tiếng Nhật	3	131035**	
52	131097	Biên phiên dịch - Tiếng Nhật 2	2	131096**	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
53	131051	Nghiệp vụ thư ký - Tiếng Nhật	2		
54	131061	Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương	2		
Tổng cộng học kỳ 7			16		
55	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020
CHUYÊN NGÀNH: TRUNG QUỐC HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1	102002	Giáo dục thể chất 1	0		Môn CB
2	102063	Triết học Mác - Lênin	3		Môn CB
3	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		Môn CB
4	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn CB
5	133119	Nói 1 - Tiếng Trung	2		
6	133004	Viết 1 - Tiếng Trung	3		
7	133066	Đọc 1 - Tiếng Trung	2		
8	133089	Chỉnh âm	2		
9	133120	Nghe 1 – tiếng Trung	2		
Tổng cộng học kỳ 1			18		
10	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	Môn CB
11	102014	Tin học đại cương (Word, Excel, PowerPoint, Internet)	3		Môn CB
12	133121	Nghe 2 - Tiếng Trung	3	133120**	
13	133122	Nói 2 - Tiếng Trung	3	133119**	
14	133008	Viết 2 - Tiếng Trung	3	133004**	
15	133071	Đọc 2 - Tiếng Trung	2	133066 **	
16	133123	Hán tự	2	(133004; 133089)**	
Tổng cộng học kỳ 2			16		
17	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	Môn CB
18	133010	Nghe 3 - Tiếng Trung	2	133121**	
19	133114	Nói 3 - Tiếng Trung	2	133122**	
20	133012	Viết 3 - Tiếng Trung	3	133008**	
21	133072	Đọc 3 - Tiếng Trung	3	133071**	
22	133074	Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại	2	(133004, 133066)**	

				(133008, 133071)**
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
23	133124	Kỹ năng quản trị nhân sự	2	
24	133125	Nghệ thuật thuyết trình	2	
Tổng cộng học kỳ 3			14	
25	102006	Pháp luật đại cương	2	Môn CB
26	133016	Nhân học - Văn hóa - Xã hội T/Quốc	2	
27	133025	Hán ngữ văn phòng	3	(133010, 133114)** (133012, 133072)**
28	133018	Nghe 4 - Tiếng Trung	2	133010**
29	133019	Nói 4 - Tiếng Trung	3	133114**
30	133020	Viết 4 - Tiếng Trung	3	133012**
31	133057	Đọc 4 - Tiếng Trung	3	133072**
Tổng cộng học kỳ 4			18	
32	102013	Tiếng Việt	2	Môn CB
33	133115	Nhập môn Đất nước học TQ – Kinh tế - Lịch sử TQ	3	
34	133022	Nghe 5 - Tiếng Trung	2	133018**
35	133023	Nói 5 - Tiếng Trung	3	133019**
36	133024	Viết 5 - Tiếng Trung	3	133020**
37	133058	Đọc 5 - Tiếng Trung	3	133057**
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)				
38	133126	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao - NV lưu trú tiếng Trung	2	(133025,133115)**
39	133116	Nghiệp vụ vi tính văn phòng tiếng Trung	2	102014**
Tổng cộng học kỳ 5			18	
40	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Môn CB
41	133068	Khẩu ngữ hoa văn thương mại	3	(133025, 133023)***
42	133029	Nghe 6 - Tiếng Trung	2	133022 **
43	133030	Nói 6 - Tiếng Trung	3	133023 **
44	133031	Viết 6 - Tiếng Trung	3	133024 **

45	133032	Đọc 6 - Tiếng Trung	3	133058 **	
Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)					
46	133075	Kỹ năng biên phiên dịch	2	(133074,133022,133023, 133024,133058)**	
47	133076	Kỹ năng đàm phán - Tiếng Trung	2		
Tổng cộng học kỳ 6			18		
48	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	Môn CB
49	133117	Nghe 7 - Tiếng Trung	2	133029**	
50	133036	Nói 7 - Tiếng Trung	3	133030 **	
51	133037	Viết 7 - Tiếng Trung	3	133031 **	
52	133080	Đọc 7 - Tiếng Trung	2	133032**	
53	133127	Hoa văn ứng dụng	2	(133024,133058,133059, 133116,133068)**	
Môn tự chọn					
54	133061	Nghiệp vụ thư ký – tiếng Trung	2	(133074,133029,133030, 133031,133032)**	
55	133128	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		
Tổng cộng học kỳ 7			16		
56	66666	Tốt nghiệp	10		
Tổng cộng học kỳ 8			10		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
KHOA DƯỢC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ KHÓA 2020_CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC

Stt	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Môn học trước	Ghi chú
1		Giáo dục quốc phòng			
2	102002	Giáo dục thể chất 1	0		
3	102014	Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet}	3		
4	102055	English 1	2		
5	136001	Thực hành dược khoa 1	1		
6	136109	Thực hành dược khoa 2	1		
7	136110	Thực hành dược khoa 3	1	136001**; 136109**	
8	136106	Hóa vô cơ	2		
9	136107	Thực hành Hóa vô cơ	1	136106**	
10	102010	Vật lý đại cương	3		
Tổng cộng học kỳ 1			14		
11	102003	Giáo dục thể chất 2	0	102002**	
12	102056	English 2	2	102055**	
13	136140	Hóa hữu cơ 1	2	136107**	
14	136105	Sinh học đại cương 1 {SHTB}	2		
15	102012	Thí nghiệm Vật lý đại cương	1	102010**	
16	136006	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2		
17	136013	Giải phẫu	2		
18	102024	Toán cao cấp – xác suất thống kê	3		
19	136020	Ký sinh trùng	2		
Tổng cộng học kỳ 2			16		
20	102004	Giáo dục thể chất 3	0	102003**	
21	102057	English 3	2	102056**	
22	136141	Hóa hữu cơ 2	3	136140**	

23	136008	Thực hành Hóa hữu cơ	1	136141**	
24	136011	Thực vật dược	3	136105**	
25	136012	Thực hành Thực vật dược	1	136011**	
26	136142	Sinh lý	2	136013**	
27	136145	Thực hành Sinh lý	1	136142**	
28	136125	Sinh học đại cương 2 {SHPT}	2	136105**	
Tổng cộng học kỳ 3			15		
29	102063	Triết học Mác - Lênin	3		
30	102064	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	102063**	
31	102065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	102064**	
32	102058	English 4	2	102057**	
33	136016	Hóa lý dược	2	136106**; 102010**	
34	136017	Thực hành Hóa lý dược	1	136001**; 136016**	
35	136018	Vi sinh	2		
36	136019	Thực hành Vi sinh	1	136018**	
37	136126	Thực hành Sinh học đại cương 2	1	136125**	
38	136143	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	136142**	
39	136150	Dược liệu 1	2	136011**; 136109**	
Tổng cộng học kỳ 4			21		
40	102059	English 5	2	102058**	
41	102033	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	102065**	
42	136131	Hóa phân tích 1	2	136141**; 136016**	
43	136132	Thực hành Hóa phân tích 1	1	136131**	
44	136144	Bệnh học	3	136143**	
45	136027	Hóa sinh	3	136141**	
46	136028	Thực hành Hóa sinh	1	136027**	
47	136151	Dược liệu 2	2	136150**	
48	136060	Thực hành Dược liệu	1	136151**	
49	136034	Hóa dược 1	2	136141**	
Tổng cộng học kỳ 5			19		
50	102066	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	102033**	

51	102060	English 6	2	102059**	
52	136127	Hóa phân tích 2	2	136131**	
53	136128	Thực hành Hóa phân tích 2	1	136127**	
54	136038	Dược lý 1	2	136144**; 136027**; 136018**; 136125**	
55	136041	Hóa dược 2	2	136141**	
56	136102	Thực hành Hóa dược	1	136008**	
57	136040	Pháp chế dược	3		
58	136148	Bào chế và sinh dược học 1	2	136041**; 136127**; 136134**; 136047**	
Chọn 1 trong 2 môn					
59	136104	Độc chất học	2	136028**	
60	136165	Vaccin và sinh phẩm y tế	2		
Tổng cộng học kỳ 6			19		
61	102061	English 7	2	102060**	
62	136149	Bào chế và sinh dược học 2	2	136148**	
63	136101	Thực hành Bào chế và sinh dược học	1	136100**	
64	136047	Dược lý 2	2	136038**	
65	136116	Thực hành Dược lý	1	136047**	
66	136044	Dược động học	2	136142**	
67	136050	Quản lý và kinh tế dược	2	136040**	
68	136066	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	136149**	
Chọn 2 trong 4 môn					
69	136061	Dược xã hội học	2	136040**	Chọn 1 trong 2 môn
70	136055	Đạo đức hành nghề dược	2		
71	136103	Dược học cổ truyền	2	136151**	Chọn 1 trong 2 môn
72	136155	Dược liệu và chất chống oxy hóa có nguồn gốc tự nhiên	2	136151**	
Tổng cộng học kỳ 7			18		
73	136052	Dược lâm sàng	2	136047**; 136041**	
74	136117	Thực hành Dược lâm sàng	1	136052**	

75	136053	Kiểm nghiệm dược phẩm	2	136127**	
76	136054	Thực hành Kiểm nghiệm dược phẩm	1	136053**	
77	136129	Thực hành nhà thuốc	2	136050**; 136052**; 136066**; 136061**	
78	136147	Kinh tế dược	2	136050**; 136052;	
79	136152	Các hướng dẫn thực hành tốt trong ngành Dược - GPs	2	136050**	
Chọn 1 trong 2 môn					
80	136118	Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng /Thuốc từ dược liệu	2	136151**; 136149**	
81	136156	Dân số học - Các chương trình y tế quốc gia	2		
Tổng cộng học kỳ 8			14		
HK9 - SINH VIÊN ĐĂNG KÝ CHỌN ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH					
ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CUNG ỨNG THUỐC					
82	136213	Anh văn chuyên ngành QLCU thuốc	3	102061**	
83	136122	Quản trị doanh nghiệp	3		
84	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
85	136229	TH Dược Lâm sàng nâng cao	1	136228**	
86	136074	Vì tính dược chuyên ngành QLCU thuốc	1	102014**; 136147**	
87	136072	Thông tin thuốc & Dược cảnh giác	2	136044**	Hệ Bệnh viện
88	136130	Sức khỏe cộng đồng	2	136047**; 136117**	
89	136225	Dược bệnh viện	2	136050**; 136052**	
90	136226	Thực hành Dược bệnh viện 1	1	136225**	
91	136227	Thực hành Dược bệnh viện 2	1	136227**	
Chọn 1 trong 2 môn					
92	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2		
93	136157	Điều trị không dùng thuốc	2		
Tổng cộng học kỳ 9			20		
94	136236	Kinh tế Doanh nghiệp	3		Hệ Phân

95	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136078**	phối
96	136078	Marketing dược phẩm	2		
97	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
Chọn 1 trong 2 môn					
98	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2		
99	136158	Xây dựng các SOP chuyên ngành	2		
Tổng cộng học kỳ 9			21		
Hệ Bệnh viện					
100	136234	Thực tập thực tế Dược Bệnh viện	2	136227**	
101	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Làm Khóa luận
102	136139	Phương pháp NCKH	2		
103	136124	Kỹ năng lãnh đạo tổ chức	2		Học phần tự chọn dành cho các sv không làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 10TC
104	136123	Quản lý dự án	2		
105	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
106	136236	Kinh tế Doanh nghiệp	3		
107	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136080**	
108	136078	Marketing dược phẩm	2		
109	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
110	136153	Dịch tễ dược học	2	136142**; 136018**; 136020**; 136047**	
111	136139	Phương pháp NCKH	2		
Tổng cộng học kỳ 10			14/12		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA HỆ BV			170/168		
Hệ Phân phối					
112	136235	Thực tập thực tế Cung ứng và phân phối thuốc	2	136147**; 136236**; 136122**; 136078**; 136233**; 136152**	
113	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Làm Khóa

114	136139	Phương pháp NCKH	2		luận
115	136124	Kỹ năng lãnh đạo tổ chức	2		Học phần tự chọn dành cho các sv không làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 10TC
116	136123	Quản lý dự án	2		
117	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
118	136072	Thông tin thuốc & Dược cảnh giác	2	136047**; 136044**	
119	136225	Dược bệnh viện	2	136052**	
120	136153	Dịch tễ dược học	2	136142**; 136018**; 136020**; 136047**	
121	136139	Phương pháp NCKH	2		
122	136157	Điều trị không dùng thuốc	2		
Tổng cộng học kỳ 10			14/12		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA HỆ PP			171/169		

ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH SẢN XUẤT – PHÁT TRIỂN THUỐC					
123	136311	Anh văn chuyên ngành SXPT thuốc	3	102061**	
124	136320	Bào chế chuyên ngành	2	136149**	
125	136094	Vi tính dược chuyên ngành SXPT thuốc	1	102014**; 136149**	
126	136315	Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất	2	136317**; 136152**	
127	136322	Thực hành Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất	1	136315**	
128	136318	Phân tích dụng cụ	3	136053**	
129	136319	Thực hành Phân tích dụng cụ	1	136318**	
130	136317	Phát triển - Sản xuất thuốc	3	136320**	
131	136321	Thực hành Bào chế công nghiệp dược	1	136320**	
Chọn 1 trong 2 môn					
132	136122	Quản trị doanh nghiệp	3		
133	136159	Sinh dược học	3		
Tổng cộng học kỳ 9			20		
134	136324	Thực tập thực tế Sản xuất - Phát triển thuốc	2	136053**; 136135**;	

				136321**	
135	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		Làm Khóa luận
136	136139	Phương pháp NCKH	2		
137	136124	Kỹ năng lãnh đạo tổ chức	2		Học phần tự chọn dành cho các sv không làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 10 TC
138	136123	Quản lý dự án	2		
139	136216	Các phương pháp quản lý chất lượng	2		
140	136236	Kinh tế Doanh nghiệp	3		
141	136080	Quảng cáo thương hiệu - Giới thiệu thuốc	2	136078**	
142	136078	Marketing dược phẩm	2		
143	136233	Logistics và chuỗi cung ứng	2		
144	136316	Các dạng bào chế đặc biệt	2	136320**	
145	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
146	136153	Dịch tễ dược học	2	136142**; 136018**; 136020**; 136047**	
147	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2		
148	136139	Phương pháp NCKH	2		
Tổng cộng học kỳ 10			14/12		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			170/168		

ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÝ – DƯỢC LÂM SÀNG					
149	136510	Anh văn chuyên ngành Dược lâm sàng	3	102061**	
150	136500	Hóa sinh lâm sàng	3	136027**; 136044**	
151	136228	Dược Lâm sàng nâng cao	2	136052**	
152	136229	Thực hành Dược Lâm sàng nâng cao	1	136228**	
153	136501	Vi tính dược chuyên ngành DLDS	1	102014**; 136052**	
154	136513	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	2	136228**	

155	136072	Thông tin thuốc và Dược cảnh giác	2	136501**; 136044**	
156	136503	Xét nghiệm lâm sàng	2	136044**; 136500**	
157	136502	Sử dụng thuốc trong điều trị	3	136047**; 136229**	
Chọn 1 trong 2 môn					
158	136504	Dược động học ứng dụng	2	136044**, 136052**	
159	136160	Sử dụng hợp lý kháng sinh	2		
Tổng cộng học kỳ 9			21		
160	136512	Thực tập thực tế Dược lâm sàng	2	136504**, 136072**; 136229**	
161	55555	Khóa luận tốt nghiệp	10		
162	136139	Phương pháp NCKH	2		
163	136505	Độc chất học lâm sàng	2	136228**	Học phần tự chọn dành cho các sv không làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên chọn các học phần đảm bảo tối thiểu đủ 10 TC
164	136506	Phân tích và đánh giá Tương tác thuốc	2	136228**	
165	136507	Theo dõi nồng độ thuốc trong trị liệu (TDM)	3	136054**	
166	136508	Phản ứng có hại của thuốc và cơ chế tác động	2	136228**	
167	136225	Dược bệnh viện	2	136052**	
168	136226	Thực hành Dược bệnh viện 1	1	136225**	
169	136227	Thực hành Dược bệnh viện 2	1	136227**	
170	136153	Dịch tễ dược học	2	136142**; 136018**; 136020**; 136047**	
171	136139	Phương pháp NCKH	2		
172	136154	Các bệnh thường gặp ở nhà thuốc	2		
Tổng cộng học kỳ 10			12		
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			171/169		

Số: 583 /QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy

theo hệ thống tín chỉ khóa học 2020 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lạc Hồng khóa học 2020-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Lạc Hồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT, (338).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lâm Thành Hiền

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 583 /QĐ-ĐHLH

ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng tại Trường Đại học Lạc Hồng khóa tuyển sinh năm 2020 thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình;

c) Học phần thay thế, học phần tương đương:

Học phần tương đương được hiểu là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo (CTĐT) một khóa - ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT của ngành đào tạo;

Khái niệm học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy;

Các học phần hay nhóm học phần thay thế hoặc tương đương do Khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho CTĐT trong quá trình vận hành. Học phần thay thế hoặc tương đương được áp dụng cho tất cả các Khoa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa ngành;

d) Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và hoàn tất học phần A (theo thang điểm đánh giá trong chương III của Quy chế này);

đ) Học phần A là học phần trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và được xác nhận học xong học phần A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học học phần B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học học phần A;

e) Học phần A là học phần song hành của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học học phần A hoặc vào học kỳ tiếp sau.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, 45 tiết thực hành, 30 tiết bài tập hoặc thảo luận.

- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy của trường như sau

- Buổi sáng từ 7g30 đến 11g35
- Buổi chiều từ 12g50 đến 16g55

- Buổi tối từ 17g30 đến 20g30

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần có điểm tổng kết ≥ 5 tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Các ngành Kế toán; Tài chính – Ngân hàng; Quản trị kinh doanh; Kinh tế ngoại thương, Luật kinh tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; và Việt Nam học có thời gian học là 3,5 năm (ba năm rưỡi) đối với sinh viên chọn học ban ngày và 4 năm (bốn năm) đối với sinh viên chọn học thời gian buổi tối.

Các ngành Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học; Ngôn Ngữ Trung Quốc; Đông phương học và Ngữ văn Anh có thời gian học là 4 năm (bốn năm) đối với sinh viên chọn học ban ngày và 4,5 năm (bốn năm rưỡi) đối với sinh viên chọn học thời gian buổi tối.

Ngành Dược học (Dược sĩ đại học) có thời gian học là 5 năm (năm năm) đối với sinh viên lớp ban ngày.

2. Một năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3-4 tuần thi.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình học các ngành Kế toán; Tài chính – Ngân hàng; Quản trị kinh doanh; Kinh tế ngoại thương, Luật kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, và Việt Nam học là 11 học kỳ đối với sinh viên lớp ban ngày và 12 học kỳ đối với sinh viên lớp ban đêm; Các ngành Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật

điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học; Đông phương học và Ngữ văn Anh là 12 học kỳ đối với sinh viên lớp ban ngày và 13 học kỳ đối với sinh viên lớp ban đêm. Ngành Dược học là 16 học kỳ đối với sinh viên lớp ban ngày.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và do Phòng Đào tạo của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ đăng ký học tập;
- c) Phiếu nhận cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

Trường xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh. Những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Lớp môn học là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một môn học, có cùng thời khóa biểu của môn học trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp môn học được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp môn học được giới hạn bởi sức chứa của phòng học, phòng thí nghiệm hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của môn học.

Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp môn học trong học kỳ đối với các môn học lý thuyết là:

- Ít nhất 40 sinh viên đăng ký cho đa số các môn học;
- Ít nhất 80 sinh viên cho các môn học cơ bản, cơ sở của các nhóm ngành lớn (trừ

các môn có đặc thù riêng như Ngoại ngữ, Vẽ kỹ thuật,...);

- Trong trường hợp các môn chuyên ngành, nếu có đề nghị của khoa quản lý ngành, trường sẽ xem xét để mở lớp có sĩ số dưới 40 sinh viên.

Các môn học đề án bao gồm cả luận văn tốt nghiệp được mở không hạn chế vào mỗi học kỳ chính. Các môn thí nghiệm, thực tập được mở theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị chuyên môn, phòng thí nghiệm.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó tại Phòng Đào tạo của trường. Việc đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 12 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ 1 và học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng Đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có sự chấp thuận của cố vấn học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do Phòng Đào tạo của trường lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, thời hạn được phép rút bớt này theo quy định về học phí của Hiệu trưởng. Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0 (không).

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo của trường;
- b) Được GVCN hoặc cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng.
- c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của Phòng Đào tạo.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm < 5 phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm ≥ 5 .

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm < 5 phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện một hay nhiều học phần ở các học kỳ tiếp theo. Điểm cuối cùng của học phần sẽ là điểm thi cải thiện của học phần đó.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
đ) Sinh viên năm thứ năm:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
e) Sinh viên năm thứ sáu:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 5,00 trở lên;

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 5,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 3,00 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 3,50 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 4,00 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 4,50 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 2,50 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm 0 (không) còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định về xử lý học vụ của Hiệu trưởng;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 5,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho từng chương trình tương ứng, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện năm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần gọi là điểm học phần gồm 3 điểm thành phần.

a) Điểm chuyên cần: Chiếm tỷ lệ 10%

b) Điểm giữa kỳ: Chiếm tỷ lệ 30%

c) Điểm cuối kỳ: Chiếm tỷ lệ 60%

2. Điểm chuyên cần chỉ chấm ở 3 mức

(Vắng > 20% tổng số tiết = 0 điểm, vắng từ 10% - 20% = 5 điểm, vắng < 10% = 10 điểm)

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

4. Giảng viên phụ trách học phần có thể đề nghị thay đổi trọng số các điểm thành phần nhưng điểm cuối kỳ không dưới 50% và phải được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm 0 ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi của các kỳ thi.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Xếp loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	A ⁺	4,0
	Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	A	3,5
	Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	B ⁺	3,0
	TB Khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	B	2,5
	Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	C	2,0
Không đạt	Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	D ⁺	1,5
	Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	D	1,0
		Từ 0,0 đến cận 3,0	F	0,0

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm (điểm theo hệ số 10) của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập tốt nghiệp

Theo quy định thực tập tốt nghiệp Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 25. Học và thi tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa sinh viên làm nghiên cứu khoa học (NCKH), làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp được quy định như sau:

a) Làm NCKH áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của khoa chuyên ngành và trường

b) Làm Khóa luận tốt nghiệp (dành cho các khoa có đề nghị)

- Điểm làm khóa luận là điểm báo cáo khóa luận tốt nghiệp.

c) Học và thi học phần tốt nghiệp (trừ sinh viên khoa Dược);

• Điểm thi tốt nghiệp = $0,8 \times (\text{ĐTMCS} + \text{ĐTMCN})/2 + 0,2 \times (\text{ĐTTTN})$

Trong đó:

- ĐTMCS: điểm thi môn cơ sở.

- ĐTMCN: điểm thi môn chuyên ngành.

- ĐTTTN: điểm thực tập tốt nghiệp.

ĐTMCS, ĐTMCN được chấm theo thang điểm 10 và không làm tròn.

Điểm thi tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

d) Học và thi một số học phần chuyên môn (dành cho sinh viên khoa Dược).

2. Năm học cuối khóa, nếu sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được làm NCKH hoặc thi tốt nghiệp.

3. Nhà trường tổ chức hai kỳ thi tốt nghiệp hàng năm.

4. Sinh viên có điểm thi tốt nghiệp dưới 5,0 thì phải tham gia thi lại vào kỳ thi kế tiếp.

Điều 26. Nghiên cứu khoa học

Theo quy định hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo đúng quy định của trường;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;

d) Đạt chuẩn đầu ra của Trường;

đ) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không

chuyên về quân sự và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9 đến 10;
- b) Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8 đến cận 9;
- c) Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7 đến cận 8;
- d) Loại Trung bình Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6 đến cận 7;
- e) Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5 đến cận 6.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại Xuất sắc và Giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất và chuẩn đầu ra nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ

ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Lâm Thành Hiển

Số: 606/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 03 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, P. CTSV, (406).

HIỆU TRƯỞNG

(*đã ký*)

Đỗ Hữu Tài

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy

Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-ĐHLH

Ngày 03/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (sau đây gọi chung là sinh viên) tại Trường Đại học Lạc Hồng, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong nhà trường;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường.
- c) Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường;

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;

đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách trong học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá trong học kỳ đó.

2. Sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo trong học kỳ nào, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình trong học kỳ đó.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá rèn luyện.

5. Sinh viên bỏ đánh giá kết quả rèn luyện thì điểm rèn luyện là 0 điểm, xếp loại kém.

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chuyên ngành sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ nhất, lấy ý kiến nhận xét của lớp và khoa quản lý chuyên ngành thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chuyên ngành thứ nhất đã hoàn thành thì lớp và khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Công tác sinh viên tham mưu Hiệu trưởng triển khai cho các khoa tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên học kỳ đó.

2. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

3. Tổ chức họp lớp có Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp đồng thời phải có biên bản kèm theo.

Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

4. Hội đồng cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và

trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

5. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 30 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp trường

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Quản sinh khoa, Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập, đại diện Liên chi Đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú Khu nội trú và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của nhà trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên khoa, Phòng Công tác sinh viên hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo các khoa

- Nghiên cứu kỹ quy chế này, xem xét thành lập Hội đồng cấp khoa để đánh giá kết quả rèn luyện từng học kỳ của sinh viên theo kế hoạch của nhà trường.
- Triển khai Quy chế này cho Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập để phổ biến đến các lớp cho sinh viên biết và có kế hoạch rèn luyện.

2. Phòng Công tác sinh viên

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm thông tin tư liệu và các đơn vị khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.
- Cơ quan thường trực, theo dõi việc thực hiện của các Khoa.
- Tham mưu thành lập Hội đồng cấp trường.
- Tổng hợp kết quả sau mỗi kỳ đánh giá, báo cáo cho Hiệu trưởng ra quyết định công nhận.
- Tham mưu để Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng) báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Hữu Tài

Số: 494/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/5/2016. Các quy định trước đây trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, P. CTSV, (644).

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Hữu Tài

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUY CHẾ

Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Trường Đại học Lạc Hồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHLH

Ngày 29/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, bao gồm: nhiệm vụ và quyền của sinh viên; khen thưởng và kỷ luật sinh viên; nội dung công tác sinh viên; hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên và tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Sinh viên

1. Sinh viên được quy định tại quy chế này là sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lạc Hồng.

2. Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo tại trường, được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

Điều 3. Công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và dịch vụ đối với sinh viên nhằm đảm bảo các mục tiêu của nhà trường.

2. Công tác sinh viên phải thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công tác sinh viên phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai,

minh bạch trong các vấn đề có liên quan đến sinh viên.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN

Điều 4. Nhiệm vụ của sinh viên

1. Chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của nhà trường.

2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

3. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong nhà trường.

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường.

5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của nhà trường.

6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.

8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên; kịp thời báo cáo với khoa đang theo học, phòng chức năng, Ban Giám hiệu nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên trong nhà trường.

10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường, gia đình và cộng đồng.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của nhà trường.

Điều 5. Quyền của sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.

2. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

3. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

a) Được sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;

b) Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật;

c) Được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Được đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành;

đ) Được tạo điều kiện tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường;

e) Được sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của nhà trường (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt,...);

f) Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

5. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của

mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

6. Được xét tiếp nhận vào Khu Nội trú và ưu tiên khi sắp xếp vào ở Khu Nội trú theo quy định.

7. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm

Các hành vi sinh viên không được làm thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Giáo dục được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, Điều 61 Luật Giáo dục đại học được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ, nhân viên, sinh viên và người khác.
2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học.
4. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong nhà trường hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
5. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN

Điều 7. Nội dung, hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng. Cụ thể:

a) Đạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học, thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong Khu Nội trú, hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trong nhà trường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, hình thức và mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng nhà trường quy định.

2. Thi đua, khen thưởng toàn diện, định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên được tiến hành vào cuối năm học, khóa học. Cụ thể:

a) Đối với cá nhân:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc.
- Tiêu chuẩn xếp loại:
 - Đạt danh hiệu sinh viên Khá: xếp loại học tập và rèn luyện từ khá trở lên;
 - Đạt danh hiệu sinh viên Giỏi: xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên;
 - Đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc: kết quả học tập đạt từ 3,6 (thang điểm 4) hoặc từ 9,0 (thang điểm 10) trở lên và xếp loại rèn luyện xuất sắc.
- Danh hiệu cá nhân được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên.
- Không xét khen thưởng đối với sinh viên bị kỷ luật hoặc có điểm kết thúc học phần trong năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể lớp sinh viên:

- Danh hiệu tập thể lớp sinh viên gồm 2 loại: Lớp sinh viên Tiên tiến và Lớp sinh viên Xuất sắc.
- Tiêu chuẩn xếp loại:
 - Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn:
 - + Có từ 25% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá trở lên.
 - + Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên.
 - + Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
 - + Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Xuất sắc: nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến và có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

1. Vào đầu năm học, nhà trường, các khoa tổ chức cho sinh viên, các lớp sinh viên đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp sinh viên.

2. Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên, các lớp sinh viên tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành tích cá nhân và tập thể lớp, có xác nhận của Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập (GVCN/CVHT), đề nghị khoa xem xét;

b) Khoa tổ chức họp, xét và đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của nhà trường xét duyệt;

c) Căn cứ vào đề nghị của khoa, Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của nhà trường tổ chức xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên.

Điều 9. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm

1. Những sinh viên có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể được nhắc nhở, phê bình hoặc phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm; sinh viên vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian đình chỉ học tập có thời hạn bao gồm đình chỉ một học kỳ, đình chỉ một năm học, đình chỉ cấp bằng hoặc đình chỉ theo thời gian sinh viên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo tùy theo mức độ vi phạm của sinh viên;

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi

phạm đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ mức cảnh cáo trở lên được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên biết. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, nhà trường gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

1. Thủ tục xét kỷ luật:

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được;

b) GVCN/CVHT chủ trì họp với tập thể lớp sinh viên, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi khoa;

c) Khoa đề nghị hình thức kỷ luật gửi Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường;

d) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, đại diện tập thể lớp sinh viên có sinh viên vi phạm và sinh viên có hành vi vi phạm. Sinh viên vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng), không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của sinh viên:

a) Bản tự kiểm điểm (nếu có);

b) Biên bản họp lớp của tập thể lớp sinh viên họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm;

c) Biên bản họp hội đồng của khoa;

d) Các tài liệu có liên quan.

Điều 11. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Đối với sinh viên bị kỷ luật khiển trách: sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

2. Đối với sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo: sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

3. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn: khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương; chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian sinh viên bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường

1. Cơ cấu tổ chức Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên của trường bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.

c) Các ủy viên: Trưởng (Phó) các khoa, phòng có liên quan, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Sinh viên, cán bộ được phân công phụ trách công tác sinh viên.

Hội đồng có thể mời đại diện lớp sinh viên, GVCN/CVHT. Các thành phần này được tham gia phát biểu ý kiến, đề xuất mức khen thưởng hoặc kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập và quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên.

Điều 13. Quyền khiếu nại về khen thưởng, kỷ luật

Cá nhân và tập thể sinh viên nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật

không thỏa đáng có quyền khiếu nại lên các phòng chức năng hoặc Hiệu trưởng; nếu Hội đồng đã xem xét lại mà chưa thỏa đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV

NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 14. Tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền

1. Giáo dục tư tưởng chính trị

a) Giáo dục, tuyên truyền để sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, hình thành bản lĩnh chính trị, yêu tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cảnh giác và biết phê phán những luận điểm xuyên tạc, hành động chống phá Đảng và Nhà nước;

b) Phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động rèn luyện của sinh viên. Tạo môi trường để sinh viên rèn luyện phấn đấu, được xét kết nạp vào Đảng.

2. Giáo dục đạo đức, lối sống

a) Giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và đạo đức nghề nghiệp; biết phê phán những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức;

b) Định hướng, giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh, tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên đối với tập thể và cộng đồng.

3. Giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật

a) Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, thói quen sống và làm việc theo pháp luật;

b) Nội dung giáo dục pháp luật đối với sinh viên tập trung vào các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện; pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông và các Luật khác có liên quan.

4. Giáo dục kỹ năng: Kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm,...

5. Giáo dục thể chất

a) Giáo dục, hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật, phương pháp luyện tập và tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho sinh viên về ăn uống đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sinh hoạt điều độ, không lạm dụng rượu, bia, sử dụng chất kích thích, gây nghiện; kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích,...; Tổ chức và triển khai hoạt động y tế học đường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Giáo dục thẩm mỹ

a) Giáo dục kiến thức, kỹ năng để sinh viên biết yêu và cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên, cuộc sống xã hội và trong nghệ thuật;

b) Hình thành năng lực phán đoán và đánh giá thẩm mỹ; hình thành thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ đúng đắn; hình thành năng lực sáng tạo nghệ thuật, lòng ham muốn và khả năng chuyển tải cái đẹp vào đời sống học tập, lao động và ứng xử. Có thái độ phê phán cái xấu, phản thẩm mỹ trong tâm hồn, trong hành vi ứng xử, hình dáng, trang phục,...

Điều 15. Công tác quản lý sinh viên

1. Công tác hành chính

a) Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp, bố trí sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó), làm thẻ sinh viên, thẻ thư viện; quản lý, tổ chức cấp phát văn bằng, chứng chỉ của sinh viên;

b) Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến sinh viên; giải quyết các công việc hành chính có liên quan đến sinh viên.

2. Công tác khen thưởng và kỷ luật

a) Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên cuối mỗi học kỳ, năm học, khóa học theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phát động, tổ chức các phong trào thi đua trong sinh viên; tổ chức đánh giá, bình bầu và khen thưởng cho tập thể, cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

d) Tham mưu, theo dõi và tổng hợp việc xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm theo quy định.

3. Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác sinh viên nội trú, ngoại trú theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học

a) Ban hành nội quy, quy định, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong sinh viên. Phối hợp với công an địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trường học;

b) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn cho các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Theo dõi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành vi của sinh viên để có sự định hướng, giáo dục; phối hợp ngăn chặn việc kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tham gia các tệ nạn xã hội, truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự trường học và các vụ việc liên quan đến sinh viên ở trong và ngoài trường.

5. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

Tuyên truyền, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến sinh viên theo quy định.

Điều 16. Hỗ trợ và dịch vụ sinh viên

1. Tư vấn học tập

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật...) nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả.

2. Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe

a) Tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý - xã hội; phối hợp tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để có sự hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho sinh viên; tư vấn, tổ chức cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên.

4. Hỗ trợ tài chính

Phối hợp với các tổ chức, công ty, cá nhân hảo tâm xây dựng, quản lý các quỹ học bổng; tổ chức trao học bổng tài trợ cho sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Hỗ trợ đặc biệt

Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Tổ chức, quản lý các dịch vụ sinh viên

Tổ chức dịch vụ cho sinh viên như: internet, điện thoại, nhà ăn, căng tin, trông giữ xe, sân chơi, bãi tập, thiết chế văn hóa,...

Chương V

HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 17. Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên

Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên của nhà trường gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền, Phòng Công tác sinh viên, các đơn vị được giao phụ trách công tác sinh viên, khoa, GVCN/CVHT và lớp sinh viên.

Điều 18. Hiệu trưởng nhà trường

1. Chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động của công tác sinh viên. Bố trí các nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nội dung của công tác sinh viên.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành và địa phương trong công tác sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ của mình.

3. Chỉ đạo tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” đầu khóa theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hằng năm, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết cho sinh viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

4. Đảm bảo các điều kiện để phát huy hiệu quả vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam trong công tác sinh viên; chú trọng công

tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

5. Quyết định sự tham gia của sinh viên mang tính chất đại diện cho trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có quyết định phân công hoặc ủy quyền cho 01 Phó Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác sinh viên của trường.

Điều 19. Các đơn vị, cá nhân phụ trách công tác sinh viên

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của khoa và các đơn vị phụ trách các nội dung công tác sinh viên của nhà trường; giao cho Phòng Công tác sinh viên là đơn vị tham mưu cho Ban Giám hiệu nhà trường trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện công tác sinh viên trong nhà trường.

2. Khoa là đơn vị trực tiếp quản lý toàn diện sinh viên và triển khai thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên thông qua hệ thống GVCN/CVHT.

3. GVCN/CVHT là giảng viên được Hiệu trưởng nhà trường phân công kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm/cố vấn học tập, hướng dẫn các hoạt động học tập và rèn luyện cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt nội quy, quy định và các quy chế đào tạo của nhà trường. Nhiệm vụ của GVCN/CVHT thực hiện theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHLH ngày 21/9/2013 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về công tác GVCN/CVHT Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 20. Lớp sinh viên

1. Lớp sinh viên bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khóa học. Lớp sinh viên được duy trì ổn định trong cả khóa học, là nơi để nhà trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

2. Ban cán sự lớp sinh viên gồm:

a) Lớp trưởng và các lớp phó do tập thể sinh viên trong lớp bầu, được Trưởng khoa công nhận. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp sinh viên theo năm học.

b) Nhiệm vụ của ban cán sự lớp sinh viên:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động sinh hoạt, đời sống và các hoạt động xã hội theo kế hoạch của trường, khoa, phòng;

- Đôn đốc sinh viên trong lớp chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện. Xây dựng nền nếp tự quản trong lớp;

- Tổ chức, động viên giúp đỡ những sinh viên gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho sinh viên của lớp liên hệ với GVCN/CVHT và các giảng viên bộ môn; đề nghị các khoa, Phòng Công tác sinh viên và Ban Giám hiệu nhà trường giải quyết những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ và quyền của sinh viên trong lớp;

- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam trong hoạt động của lớp;

- Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo học kỳ, năm học và những việc đột xuất của lớp cho GVCN/CVHT hoặc khoa đang theo học.

c) Quyền lợi của ban cán sự lớp sinh viên: Được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

Điều 21. Lớp học phần

1. Lớp học phần: bao gồm những sinh viên đăng ký cùng học một học phần. Lớp học phần được tổ chức theo thời gian học một học phần, là nơi để nhà trường theo dõi, quản lý về học tập và ý thức kỷ luật của sinh viên trong giờ học.

2. Ban cán sự lớp học phần gồm lớp trưởng và các lớp phó do khoa chỉ định. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp học phần theo thời gian học của học phần. Ban cán sự lớp học phần có trách nhiệm báo cáo việc chấp hành nội quy, quy chế của sinh viên trong lớp với khoa. Ban cán sự lớp học phần được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của nhà trường.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị trong nhà trường

1. Lãnh đạo các khoa:

- Nghiên cứu kỹ Quy chế này, triển khai cho GVCN/CVHT để phổ biến đến các lớp sinh viên được biết.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên, gia đình sinh viên để tổ chức thực hiện tốt công tác sinh viên.

2. Phòng Công tác sinh viên:

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.

- Cơ quan thường trực, theo dõi việc thực hiện công tác sinh viên của các đơn vị được Hiệu trưởng phân công.

- Tham mưu để Hiệu trưởng tổ chức tổng kết, đánh giá công tác sinh viên, báo cáo

Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Các đơn vị khác được phân công thực hiện công tác sinh viên

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong quản lý sinh viên.

4. Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác sinh viên, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo vào cuối năm học; gửi báo cáo đột xuất về Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý trực tiếp về những vụ việc phức tạp, nghiêm trọng xảy ra có liên quan đến sinh viên.

Điều 23. Công tác kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật

1. Phòng Công tác sinh viên, các khoa, các đơn vị được phân công thực hiện công tác sinh viên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khi hết thúc mỗi học kỳ, năm học hoặc khi có yêu cầu.

2. Các đơn vị, cá nhân trong nhà trường có thành tích trong công tác sinh viên được xét khen thưởng theo quy định.

3. Các cá nhân vi phạm quy định về công tác sinh viên tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Hữu Tài

Phụ lục

KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

(Kèm theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHLH ngày 29 tháng 6 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)

STT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
	2	3	4	5	6	7
1	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nghỉ học từ 04 ngày trở lên gửi thư về gia đình. Số lần tính trong một học kỳ
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học.	Lần 1	Lần 2			Số lần tính trong một học kỳ
3	Vô lễ với giảng viên, cán bộ và nhân viên nhà trường.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4	Người mượn hay người cho mượn thẻ sinh viên hay các loại thẻ sử dụng trong phạm vi nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở đến đình chỉ học tập 01 năm học
5	Không đeo thẻ sinh viên trong khuôn viên trường	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
6	Mang mặc không đúng quy định của trường	Lần 2	Lần 3			Lần 1 nhắc nhở. Số lần tính trong một học kỳ
7	Sử dụng điện thoại trong giờ học	Lần 1	Lần 2			Số lần tính trong một học kỳ
8	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm, trong khuôn viên trường và nơi cấm hút thuốc theo quy định	Lần 3	Lần 4 trở lên			

9	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
10	Đe dọa, hành hung giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên trong nhà trường		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
11	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
12	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
13	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra		Lần 1	Lần 2		Xử lý theo quy chế đào tạo
14	Sử dụng bằng cấp, chứng chỉ giả trong nhà trường			Lần 1	Lần 2	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15	Vi phạm quy định về vệ sinh phòng học và các khu công cộng khác trong khuôn viên trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và bồi thường thiệt hại theo quy định của nhà trường
16	Làm hư hỏng tài sản của trường					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của nhà trường
17	Ném pin, phấn và vật cứng,...vào nhà dân và sân trường					Tùy theo mức độ xử lý từ nhắc nhở đến cảnh cáo. Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
18	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	

19	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa phẩm đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép trong nhà trường	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
21	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy
23	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24	Hoạt động mại dâm	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
25	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
26	Chứa chấp buôn bán vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy và hàng cấm theo quy định của Nhà nước				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
27	Đưa phân tử xấu vào trong trường, Khu Nội trú gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
28	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
29	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

30	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
31	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng internet					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
32	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông, quy định nội trú, ngoại trú					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
33	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
34	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, nhà trường xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học

HỆ THỐNG THÔNG TIN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Website trường Đại học Lạc Hồng cung cấp cho sinh viên thông tin chung về trường, tin tức sự kiện, hoạt động đang diễn ra tại trường, ...

Website trường (Tiếng Việt): <http://lachong.edu.vn/> hoặc <http://lhu.edu.vn/>

- Khoa Công nghệ thông tin: <http://cs.lhu.edu.vn/>
- Khoa Cơ điện - Điện tử: <http://codien.lhu.edu.vn/>
- Khoa Kỹ thuật Hóa học & Môi trường: <http://cee.lhu.edu.vn/>
- Khoa Kỹ thuật công trình: <http://kc.lhu.edu.vn/>
- Khoa Dược: <http://duoc.lhu.edu.vn/>
- Khoa Đông phương: <http://dp.lhu.edu.vn/>
- Khoa Ngôn Ngữ Anh: <http://ed.lhu.edu.vn/>
- Khoa Quản trị - Kinh tế quốc tế: <http://qt.lhu.edu.vn/>
- Khoa Tài chính – Kế toán: <http://tckt.lhu.edu.vn/>

Cổng thông tin điện tử là kênh thông tin của sinh viên bao gồm tất cả các vấn đề sinh viên quan tâm khi theo học tại trường Đại học Lạc Hồng. Sau khi vào trang sinh viên, đăng nhập mã số sinh viên và mật khẩu, các bạn sẽ bổ sung một vài thông tin cần thiết để có thể sử dụng được tất cả các dịch vụ thông tin của trường.

Bạn cần phải bổ sung thêm một vài thông tin trước khi sử dụng hệ thống. Chú ý đọc điều khoản bên dưới.

Tạo nickname:

Số điện thoại:

Email:

Điều khoản:

1. Bạn có thể dùng **nickname** để thay thế mã sinh viên trong lúc đăng nhập. Dùng từ 5 đến 20 ký tự và bắt đầu bằng chữ cái. Bạn có thể dùng chữ cái, số, dấu gạch dưới để tạo nickname. (Ví dụ: **sonluong** hoặc **sonluong_04ct1**)
2. Số điện thoại dành cho trường hợp bạn sử dụng dịch vụ gửi tin nhắn. Sau này khi có vấn đề liên quan đến mượn trả sách, cập nhật điểm. Hệ thống sẽ tự động gửi tin nhắn đến điện thoại của bạn. (Ví dụ bạn nhập số điện thoại của bạn **0932132277**)
3. Email sẽ dành cho trường hợp bạn quên mật khẩu nên bạn cần phải cung cấp email thật chính xác. (Ví dụ: **sonluong@lhu.edu.vn**)

[Hoàn tất bổ sung](#)

DỊCH VỤ CHO BẠN:

“ME” – <http://me.lhu.edu.vn/> sẽ đáp ứng cho sinh viên nhiều tiện ích cá nhân như:

- Chia sẻ thông tin: chia sẻ cho cá nhân, chia sẻ cho nhóm (bao gồm nhóm mặc

định & nhóm do người dùng tự tạo).

- *Nhận thông tin: người dùng có thể nhận thông tin từ nhiều hệ thống khác (Lịch cá nhân, Xem điểm, ...).*
- *Thảo luận nhóm: trong cùng một nhóm người dùng có thể trao đổi thông tin qua lại & cùng thảo luận về một vấn đề.*

1. Trang thông tin cá nhân - <http://me.lhu.edu.vn/>

Đây là kênh thông tin riêng của mỗi sinh viên, sẽ gắn bó với sinh viên trong suốt quá trình học tại trường và cả sau khi tốt nghiệp. Tại đây, sinh viên có mọi thông tin liên quan đến mình, có thể tự cấu hình giao diện và theo dõi tin tức mình muốn.

2. Phản hồi thông tin - <http://me.lhu.edu.vn/>

Đây là kênh thông tin chính thức thực hiện việc trao đổi thông tin giữa nhà trường và sinh viên. Qua hệ thống này, sinh viên trao đổi trực tiếp những vấn đề bất cập trong công việc học tập với cán bộ nhà trường. Cụ thể như: điểm số, thắc mắc về khoa, điểm rèn luyện và những bất cập khác.

3. Đăng ký môn học theo hệ thống tín chỉ - <https://dkmh.lhu.edu.vn/>

Với chương trình này, sinh viên có thể đăng ký môn học trước khi bắt đầu mỗi học kỳ qua mạng thay vì phải trực tiếp đến đăng ký tại phòng Đào tạo của trường.

4. Xem lịch - <http://me.lhu.edu.vn/> <https://calen.lhu.edu.vn>

Sinh viên có thể tra cứu lịch học của mình ở bất kỳ nơi đâu thông qua Internet. Khi có sự thay đổi lịch học, thông qua hệ thống này, sinh viên có thể cập nhật lịch học kịp thời.

5. Tài liệu Giáo trình, bài giảng - <https://ebook.lhu.edu.vn/>

Tài liệu – Giáo trình, bài giảng do trường biên soạn dạng file cung cấp cho sinh viên những tài liệu, bài giảng của tất cả các môn học trong suốt quá trình học. Sinh viên có thể tải tài liệu về xem hoặc tham khảo trước khi đến lớp, giúp cho các bạn sinh viên tiếp thu bài giảng tốt hơn.

6. Đăng ký cấp giấy chứng nhận online - <http://certification.lhu.edu.vn/>

Sinh viên có thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đang học, bảng điểm, thẻ sinh viên... qua mạng thông qua địa chỉ này.

7. Tra cứu điểm thi - <http://mark.lhu.edu.vn/>

Sinh viên có thể tra cứu điểm trong quá trình học tập theo từng học kỳ của năm học. Ngoài ra, hệ thống cho phép sinh viên xem trực tiếp bảng điểm gốc của môn học.

8. Khảo sát ý kiến - <http://qa.lhu.edu.vn/>

Đây là kênh giúp sinh viên thể hiện những ý kiến đánh giá, nhận xét của mình về

chương trình giảng dạy môn học, về giảng viên phụ trách bộ môn... để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy cho Nhà trường.

9. Tài nguyên học tập - <http://lib.lhu.edu.vn/>

Là địa chỉ giúp sinh viên tìm kiếm giáo trình, sách tham khảo có trong thư viện của trường phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của cả giảng viên và sinh viên. Trang liên tục được nâng cấp để đáp ứng nhiều hạng mục tiện ích cho độc giả. Hiện tại hệ thống gồm các chức năng:

- Danh sách tài liệu mượn online: ghi nhận lại quá trình và thông tin mượn sách online của độc giả
- Gia hạn sách: ghi nhận trạng thái về thời gian mượn sách, nhắc nhở độc giả về thời hạn mượn và xin gia hạn online
- Danh sách ưu thích: ghi nhận những cuốn sách mà độc giả ưa thích;
- Kiểm tra nợ sách;
- Tài liệu khác: Nguồn tài liệu số có trên trang <http://thuvienso.lhu.edu.vn>.

10. Đánh giá rèn luyện – <http://renluyen.lhu.edu.vn>

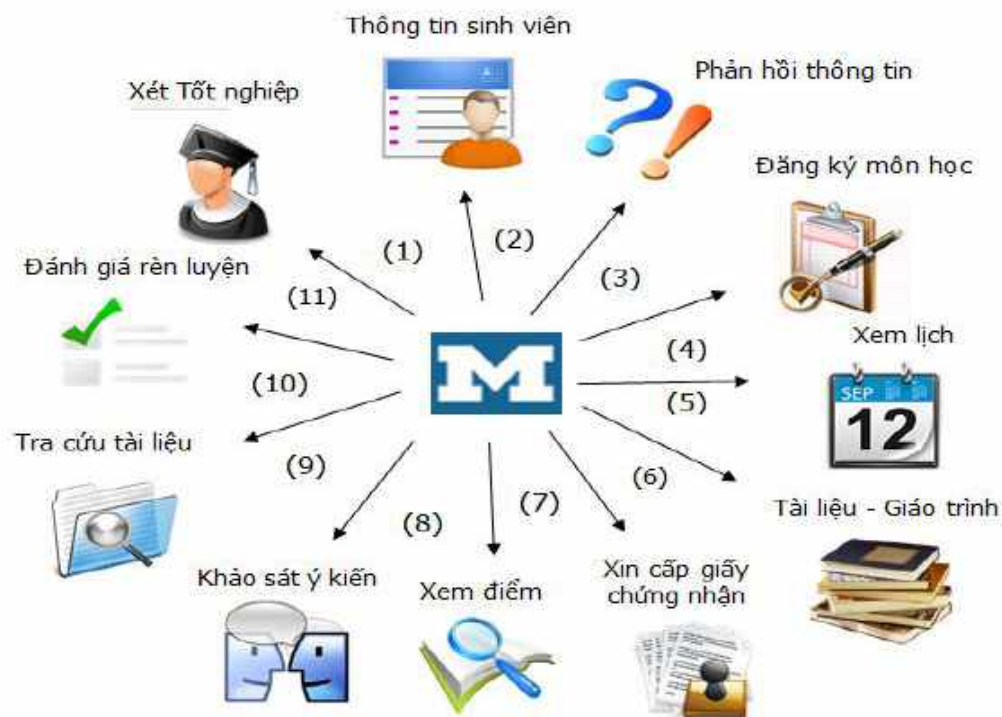
Đây là kênh giúp sinh viên tham gia đánh giá điểm rèn luyện sau mỗi học kỳ

11. Xét tốt nghiệp - <http://xettotnghiep.lhu.edu.vn>

Sinh viên có thể dễ dàng ký xét tốt nghiệp mà không mất quá nhiều thời gian thông qua địa chỉ này.

LÀM SAO ĐỂ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TẠI TRƯỜNG ?

Mỗi sinh viên khi vào trường sẽ được cấp một **Mã sinh viên**, ở lần thu học phí của học kỳ đầu tiên trên biên lai thu học phí có thông tin về: Mã sinh viên, họ tên, mật khẩu,... Thông tin Mã sinh viên và mật khẩu là thông tin để sinh viên sử dụng tất cả các dịch vụ tại Trường Đại học Lạc Hồng.



1. Hướng dẫn “Đổi mật khẩu”

Bước 1:

Để đổi mật khẩu ⇒ vào địa chỉ <http://me.lhu.edu.vn/> ⇒ Chọn mục “**Đổi mật khẩu**”

Bước 2:

Xuất hiện Form “Đổi mật khẩu” ⇒ Nhập đầy đủ thông tin ⇒ Nhấn OK



Lưu ý:

Để đảm bảo sự an toàn trong bảo mật hệ thống, mật khẩu phải có độ an toàn "Trung bình" trở lên.

- Chiều dài mật khẩu phải từ 8 ký tự trở lên.
- Nên chứa ít nhất 1 ký tự thường, 1 ký tự hoa
- Nên chứa ít nhất 1 ký tự số
- Nên chứa ít nhất một trong các ký tự đặc biệt (! ? \$ % ^ & * + = { [] } : ; @ ~ # | \ < > ? /)

2. Hướng dẫn tra cứu tài liệu giáo trình, sách tham khảo

Bước 1:

Để tra cứu tài liệu giáo trình ⇒ vào địa chỉ <http://lib.lhu.edu.vn/> xuất hiện Form:



Sách | Giáo trình | Tài liệu điện tử | Báo cáo NCKH

Tìm: Sách



Tài liệu được tìm theo: Tiêu đề, nội dung tóm tắt, từ khoá.

Bộ sưu tập

Công nghệ (khoa học ứng dụng), gồm cả Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh và Marketing

Địa lý và lịch sử

Khoa học tự nhiên và toán học

Khoa học xã hội, kinh tế học, luật học

Nghệ thuật, mỹ thuật và trang trí

Ngôn ngữ

Tin học, thông tin và tác phẩm tổng quát

Tôn giáo

Triết học và tâm lý học

Văn học

Y học, dược học

Sách mới cập nhật



みんなの日本語中級2くり返して覚える単語帳
高梨信乃, 中西久実子

Ký hiệu xếp giá: 495.65T1364m 2 2016

Chủ đề: Tiếng Nhật -- Học hỏi và giảng dạy



みんなの日本語中級1くり返して覚える単語帳
高梨信乃, 中西久実子

Ký hiệu xếp giá: 495.65T1364m 1 2015

Chủ đề: Tiếng Nhật -- Học hỏi và giảng dạy



みんなの日本語中級2標準問題集
株式会社スリーエーネットワーク

Ký hiệu xếp giá: 495.65M6654 2 2016

Chủ đề: Tiếng Nhật -- Học hỏi và giảng dạy

Bước 2:

Nhấp chọn loại tài liệu cần tìm là “Sách”, “Tài liệu điện tử” hay “Báo cáo NCKH”

Bước 3:

Nhập từ khoá chính trong tài liệu cần tìm vào ô trống phía dưới rồi nhấn “Enter”.

Ví dụ: Từ khóa cần tìm là “**Dược liệu**”



Sách Giáo trình Tài liệu điện tử Báo cáo NCKH



Tài liệu được tìm theo: Tiêu đề, nội dung tóm tắt, từ khóa

Bộ sưu tập

[↶](#) [Trở lại](#) [🏠](#) Home

Công nghệ (khoa học ứng dụng), gồm cả Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh và Marketing

Địa lý và lịch sử

Khoa học tự nhiên và toán học

Khoa học xã hội, kinh tế học, luật học

Nghệ thuật, mỹ thuật và trang trí

Ngôn ngữ

Tin học, thông tin và tác phẩm tổng quát

Tôn giáo

Triết học và tâm lý học

Văn học

Y học, dược học

Tài liệu được tìm trên toàn bộ hệ thống

Có 284 tài liệu được tìm thấy



Dược liệu học: tập 1: sách đào tạo dược sĩ đại học

Ngô Văn Thu, Trần Hùng

Ký hiệu xếp giá: 615.1NG450V

Chủ đề: Dược liệu học

Cuốn sách trình bày các nội dung: Đại cương về dược liệu; Dược liệu chứa carbohydrat; Dược liệu chứa glycosid (=heterosid).



Dược liệu học: tập 2: sách đào tạo dược sĩ đại học

Phạm Thanh Kỳ

Ký hiệu xếp giá: 615.1PH104TH

Chủ đề: Dược liệu học

Cuốn sách trình bày các nội dung sau: dược liệu chứa alcaloid, dược liệu chứa tinh dầu, dược liệu chứa chất nhựa, dược liệu chứa lipid, động vật làm thuốc.

GIỚI THIỆU THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Thư viện trường Đại học Lạc Hồng được hình thành và phát triển gắn liền với sự phát triển của trường. Thư viện là một bộ phận hoạt động trực thuộc Trung tâm Thông tin Tư liệu. Sau gần 20 năm xây dựng, Thư viện đã đóng góp hiệu quả vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường, từng bước được hiện đại hóa nhằm đáp ứng việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và phát triển quy mô đào tạo của trường.

I. Cơ sở vật chất:

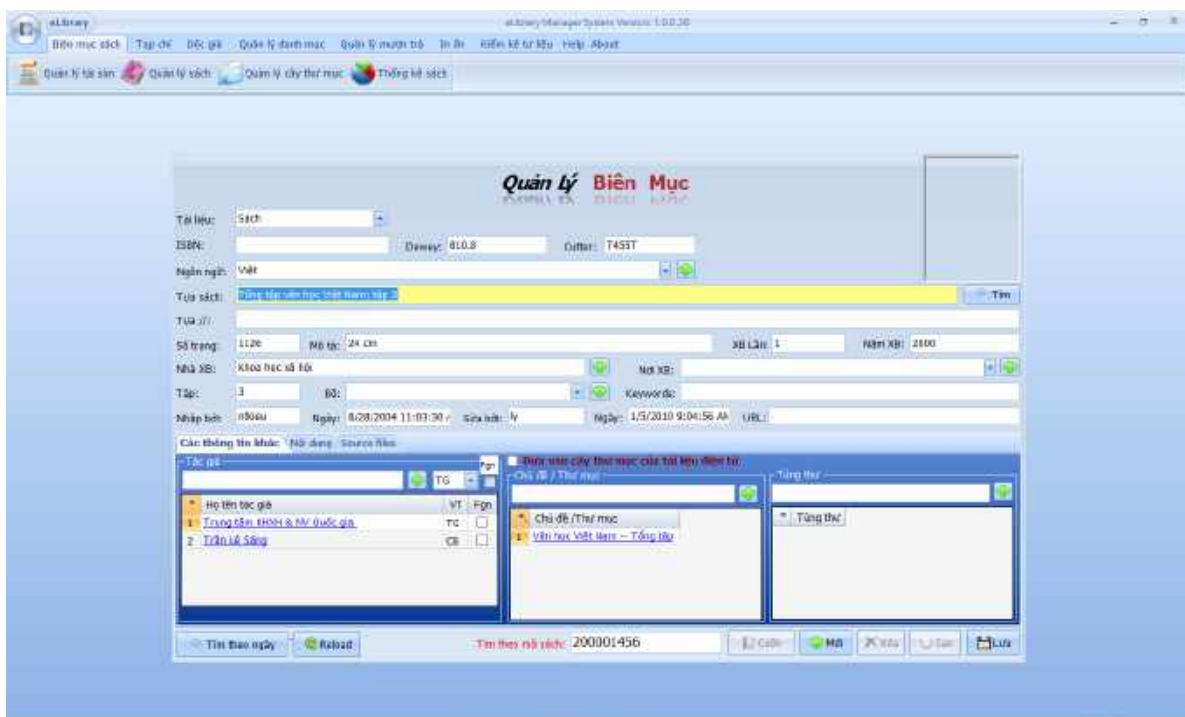
Cùng với sự phát triển không ngừng của trường và được sự quan tâm, đầu tư thích đáng từ Ban Giám hiệu, Trung tâm ngày càng hoàn thiện và lớn mạnh theo hướng chất lượng và hiện đại.

Thư viện có tổng diện tích 1000m². Thời gian vừa qua, thư viện đã được nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, có hệ thống mạng wifi, điều hòa nhiệt độ cho toàn thư viện. Tính đến tháng 4/2017 thư viện gồm: 1 phòng mượn, 2 phòng đọc, hai phòng học nhóm, hệ thống bàn học với 190 chỗ ngồi và 60 máy tính phục vụ cho bạn đọc trong việc học tập, tra cứu, và truy cập Internet.

II. Hệ thống quản lý thư viện

Từ năm 2004 thư viện đã được trang bị phần mềm quản lý thư viện, phục vụ công tác biên mục, quản lý tài liệu, công tác mượn trả và tra cứu tài liệu qua hệ thống máy tính nối mạng. Đến năm 2010, phần mềm quản lý thư viện được nâng cấp với nhiều tính năng ưu việt hơn, thuận tiện hơn cho cả nhân viên thư viện và bạn đọc.

* Quản lý biên mục



* Tra cứu tài liệu giáo trình, sách tham khảo

TÀI NGUYÊN HỌC TẬP

Giới thiệu Nội quy Thư viện số Tra cứu sách

Vốn tài liệu: Thư viện hiện có khoảng 17.800 cuốn sách, trong đó hơn 14.500 sách tiếng Việt và khoảng 9.750 tài liệu điện tử.

THƯ VIỆN SỐ
Đây là trang liên kết với trang tailieu.vn, hiện tại kho thư viện số của trường đã có hơn 14.000 tài liệu điện tử.

TRA CỨU SÁCH
Hiện thư viện có hơn 17.000 cuốn sách, trong đó khoảng 14.000 cuốn sách tiếng Việt, còn lại là sách tiếng Anh, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.

BÀI GIẢNG
Tập hợp bài giảng, giáo trình của tất cả các môn học.

BÁO CÁO NCKH
Tập hợp báo cáo NCKH của giảng viên & sinh viên trường.

* Quản lý mượn trả

eLibrary Manager System Version: 1.0.0.43

Biên mục sách Tạp chí Đọc giả Quản lý danh mục Quản lý mượn trả In ấn Kiểm kê tài liệu Help About

Mượn trả tài liệu Báo cáo - Thống kê

Quản lý Mượn trả

Mã tư liệu: Mã đọc giả: Mã gốc giả:

Mã tư liệu: 100010994 Số ngày mượn: 7 * **Đang mượn**

Tên tư liệu: Lễ tục trong gia đình người Việt

Mã gốc giả: nv0000315 Họ và tên: NGUYỄN THE HỒNG

Ngày sinh: 20/06/1964 Ghi chú:

Đối tượng: CBNV - TT Thống kê Tình trạng nợ: **Đang nợ 1 tư liệu. Trong đó có 0 tư liệu đã trễ hạn phải trả.**

Có giá trị từ: 19/12/2008 12:00:00 Đến ngày: 20/01/2018 12:00:00

Còn nợ Quá hạn Đã trả Đăng ký Ưu thích Tất cả * **Tim được 1 dòng dữ liệu**

STT	Mã tư liệu	Tên tư liệu	Năm XB	Ngày mượn	Hạn trả	Ngày trả	Ghi chú
1	100010994	Lễ tục trong gia đình người V...	2009	15/02/2014	05/06/2017		Đang mượn

III. Nguồn lực thông tin, gồm:

- Tài liệu in giấy: sách (giáo trình, sách tham khảo)
- Tài liệu điện tử: tài liệu giáo trình, bài giảng, Báo cáo NCKH (file PDF),

1. Tài liệu in giấy

Thư viện sử dụng bảng phân loại DDC để phân loại và tổ chức kho, tài liệu chủ yếu thuộc các môn ngành sau:

- Công nghệ (khoa học ứng dụng) gồm cả kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và Marketing
- Địa lý lịch sử
- Khoa học tự nhiên và toán học
- Khoa học xã hội, kinh tế học, luật học
- Nghệ thuật, mỹ thuật và trang trí
- Ngôn ngữ
- Tin học, thông tin và tác phẩm tổng quát
- Tôn giáo
- Triết học và tâm lý học
- Văn học
- Y dược, dược học

Đối tượng phục vụ: cán bộ, nhân viên, giảng viên và sinh viên trong trường

Hình thức phục vụ: đọc tại chỗ, mượn về nhà.

Hiện nay thư viện có kho sách bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung, Tiếng Hàn). Tính đến tháng 7/2018 tài liệu và giáo trình, sách tham khảo gồm 8.290 tựa sách, tương đương 17.801 cuốn sách

2. Tài liệu điện tử

Báo cáo nghiên cứu khoa học bao gồm các báo cáo khoa học sinh viên cấp trường, luận văn thạc sỹ

Ngoài ra từ năm 2015, Nhà trường đã mua quyền sử dụng nguồn tài liệu số của công ty TNHH tài liệu trực tuyến Vina VDOC(<http://tailieu.vn>). Bạn đọc có thể truy cập và dowload tài liệu tại trang <http://thuvienso.lhu.edu.vn>)

III. Địa chỉ liên hệ:

Cơ sở 1, Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

***Bộ phận IT: Tầng trệt mặt sau dãy nhà A – Điện thoại: 0251.3951.344**

***Thư viện: Tầng 1 dãy nhà A, P.A201 - Điện thoại: 0251.3952.726**

***Phòng điều hành máy: Tầng 2 dãy nhà C, P.C305 – Điện thoại: 0251.3951.768**

100000 KINH TẾ VI MÔ

Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... Ngoài ra, môn học này đề cập đến hành vi ứng xử của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ.

Thêm vào đó, kinh tế vi mô còn phân tích cơ chế thị trường thiết lập ra giá cả tương đối giữa các mặt hàng và dịch vụ và sự phân phối các nguồn tài nguyên giới hạn giữa nhiều cách sử dụng khác nhau. Kinh tế vi mô phân tích thất bại của thị trường, khi thị trường không vận hành hiệu quả, cũng như miêu tả những điều kiện cần có trong lý thuyết cho việc cạnh tranh hoàn hảo. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.

Tài liệu tham khảo

- Phan Thành Tâm (2012), Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Như Ý (2007), Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
- Trần Xuân Kiêm, Hồ Ngọc Minh (2005), Kinh tế học vi mô, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
- David Begg (2007), Kinh tế học vi mô, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
- Damian Ward (2007), Bài tập kinh tế học vi mô, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

100001 KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế vĩ mô cùng với kinh tế vi mô là những môn học cơ sở có vai trò cung cấp khung lý thuyết cho các môn định hướng hướng ngành và kinh tế ngành, tất cả các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

Tài liệu tham khảo

- Kinh Tế Vĩ Mô, TS. Dương Tấn Diệp, NXB

Thống kê, 2001.

- Giáo trình kinh tế vĩ mô, Đại học kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê.
- Kinh tế vĩ mô, TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, ThS. Lâm Mạnh Hà, NXB Thống kê, 2007.
- Kinh tế học vĩ mô, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, NXB Giáo Dục, 2008.
- Kinh tế học, Paul A. Samuelson & W.D. Nordhaus, NXB chính trị Quốc gia, 1997.
- Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ, J.M. Keynes, NXB Giáo Dục, 1994.
- Kinh tế vĩ mô, Robert J. Gordon, NXB Khoa học và kỹ thuật 1994.
- Kinh tế học hiện đại, Milton Spencer, 1997.
- Các cuộc tranh luận trong kinh tế vĩ mô, Brian Hiller, NXB Giáo Dục, 1992.

100002 MARKETING CƠ BẢN

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến thức sau:

Những khái niệm cơ bản về nghệ thuật Marketing.

Những yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng.

Những yếu tố nằm trong phối thức Marketing.

Giải quyết những khúc mắc trong hệ thống Marketing.

Tài liệu tham khảo

- William M.Pride; O.C Ferrel: Marketing, Eighth Edition, Houghton Mifflin, 1993
- Joel R.Evan & Barry Berman: Marketing, Sixth Edition, Printed in the United States of America, 1992.
- Boone&Kurtz: Comtemporary Marketing, Seventh Edition, Printed in the United States of America, 1992
- Glen L. Urban & Jogn R. Hanser: Design and Marketing of new products, printed in the United States of America, 1980

100003 QUẢN TRỊ HỌC

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của

môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Liên Diệp, “*Quản trị học*”, NXB Thống kê, 2006

100004 KINH TẾ QUỐC TẾ

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập hiện nay, sự hiểu biết về nền kinh tế thế giới, những nguyên tắc vận hành và cách ứng xử của mỗi quốc gia là vô cùng quan trọng. Môn học trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- GS.TS Hoàng Thị Chính, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc, Giáo trình Kinh tế quốc tế, NXB Giáo dục, 2010
- GS.TS Hoàng Thị Chính, Bài tập Kinh tế quốc tế, NXB Giáo dục, 2010
- Nguyễn Thường Lạng, Đỗ Đức Bình, Kinh Tế Quốc Tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008
- Võ Thanh Thu, Quan hệ kinh tế quốc tế, NXB Thống kê, 2008
- Carbaugh, R.J., 2011. International Economics. 13th ed. Cengage Learning
- Salvatore, D., 2013. International Economics. 11th ed. John Wiley & Sons.

100005 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về Nguyên lý kế toán như: định nghĩa về kế toán, các

khái niệm, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán, báo cáo kế toán, sổ kế toán

Tài liệu tham khảo

- Nguyên lý kế toán thuộc bộ môn kế toán Khoa Kế toán – Kiểm Toán, ĐH Lạc Hồng – lý thuyết và bài tập
- Các sách kế toán của các nước (phần lý thuyết)
- Các văn bản pháp lý chung về kế toán luật kế toán, các điều lệ chế độ tổ chức kế toán và các văn bản khác có liên quan (kể cả các luật) về kinh tế và kinh doanh

(100006) 100007 NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

Mô tả có hệ thống các bước nghiệp vụ thống kê phục vụ yêu cầu tổ chức thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu.

Cung cấp hệ thống các phương pháp thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu, xử lý các thông tin đã thu thập, phân tích, dự đoán hiện tượng phục vụ cho mọi mục đích sử dụng thông tin trong quản lý.

Giới thiệu các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ.

Tài liệu tham khảo

- Nguyên lý thống kê thuộc bộ môn kế toán Khoa Kế toán – Kiểm Toán, ĐH Lạc Hồng – lý thuyết và bài tập
- Mai Thanh Loan, Trần thị Mộng Tuyết, Đề cương môn học và hệ thống bài tập Thống kê ứng dụng trong Kinh doanh và kinh tế,
- Chủ biên: Hà Văn Sơn, Giáo trình Lý thuyết Thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế, NXB thống kê, 2012.

100008 TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước: ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; vốn, nguồn vốn, quản lý vốn, hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán...cho nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- PGS.TS Dương Đăng Chinh, 2006, Lý thuyết tài chính, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- GS.TS Dương Thị Bình Minh, TS Sử Đình Thành, 2006, Lý thuyết tài chính tiền tệ, NXB Thống kê, Hà nội.
- TS Nguyễn Hữu Tài, 2002, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- PGS.TS Lê Văn Tề, TS Nguyễn Văn Hà, 2006, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- TS. Lê Thị Mận, 2010, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Lao động XH.
- PGS.TS Nguyễn Thị Nhung, TS Lê Thị Tuyết Hoa, 2008, Tiền tệ ngân hàng, Nhà xuất bản Thống kê.

100009 KINH TẾ LƯỢNG

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như sau: (1) kiểm nghiệm lý thuyết kinh tế bằng cách xây dựng các mô hình kinh tế (mà có khả năng kiểm định được) và (2) chạy (estimate) và kiểm tra các mô hình đó xem chúng đưa ra kết quả chấp nhận hay phủ quyết lý thuyết kinh tế. Ngoài ra, môn học này cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy tuyến tính đơn biến và đa biến; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, dự báo kinh tế và tài chính cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng (EViews) và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

Thêm vào đó, môn này còn xây dựng mô hình biểu diễn mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế, tìm hiểu ý nghĩa của các hệ số quy, ước lượng mô hình và kiểm định độ tin cậy của mô hình và tính bền vững của nó, phát hiện và khắc phục các hậu quả nếu mô hình vi phạm các giả thiết.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Thiệu, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh (2001), Kinh tế lượng, nhà xuất bản khoa học – kỹ thuật.
- Nguyễn Quang Dong, (2002), Bài tập Kinh tế lượng với trợ giúp của phần mềm EVIEW, Nhà xuất bản khoa học – kỹ thuật.
- Hoàng Ngọc Nhậm, (2005), Kinh tế lượng, Trường Đại học kinh tế TP. HCM.
- Hoàng Ngọc Nhậm (2005), Bài tập Kinh tế lượng, trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Phạm Trí Cao, Vũ Minh Châu (2006), Kinh tế

lượng ứng dụng, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.

- Nguyễn Thống, Cao Hào Thi (1998), Phương pháp định lượng trong quản lý, Nhà xuất bản thống kê.

100010 THUẾ

Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế tài chính ngân hàng và kế toán – kiểm toán với những vấn đề lý luận cơ bản về thuế và pháp luật thuế Việt Nam. Những vấn đề môn học đề cập đến bao gồm: Tổng quan về thuế, khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các sắc thuế Việt Nam hiện hành bao gồm: Thuế xuất- nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, các khoản phí và lệ phí.

Tài liệu tham khảo

- PGS.TS Phan Thị Cúc (chủ biên), Giáo trình thuế, NXB Tài chính, 2009.
- Bộ Tài Chính, Thuế, NXB Tài Chính, 2008.
- Website: www.gdt.gov.vn
- Lê Quang Cường (chủ biên), Kỹ thuật khai báo thuế, NXB Lao Động, 2009.
- Lê Quang Cường (chủ biên), Giáo trình thuế 1, NXB Lao Động, 2012.
- Võ Thế Hào (chủ biên), Giáo trình thuế, NXB Tài Chính, 2009.
- Bộ Tài chính, Thuế, NXB Tài Chính, 2008.
- Kim Ngân, Chính sách thuế mới năm 2011, NXB Lao động, 2011.
- Website: www.gdt.gov.vn
- Websit: www.tapchithue.com
- Websit: www.taxnet.com.

100011 LUẬT KINH TẾ

Môn Luật kinh tế là môn học rất quan trọng đối với chuyên ngành quản trị kinh doanh, với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật kinh tế với các môn học khác. Sự hiểu biết những quy định pháp luật về kinh tế giúp cho sinh viên khi hoạt động kinh doanh tránh những hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên bảo vệ quyền lợi của mình.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình luật kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM.
- Giáo trình pháp luật kinh tế của Đại Học Kinh tế Quốc Dân.

102002 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên: Một số vấn đề cơ bản về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT trong giai đoạn mới; Mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của GDTC đối với sinh viên; Cơ sở khoa học của việc tập luyện TDTT đối với sinh viên; Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT; Nguyên nhân và cách đề phòng chấn thương trong luyện tập TDTT.

Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyện thể chất, bảo vệ sức khỏe.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102003 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Phần lý thuyết gồm các nội dung về: Nguồn gốc; Quá trình hình thành và phát triển môn Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ trên thế giới và chuyên Việt Nam; Tác dụng của thể dục thể thao đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của Giáo dục thể chất và các hoạt động thể dục thể thao trong hoạt động giáo dục đại học; Dụng cụ sân bãi và một số điều luật cơ bản. Phần thực hành: Sinh viên tập luyện để nắm bắt được kỹ thuật; chiến thuật cơ bản; Thực hành thi đấu.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102004 GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tự kiểm tra và theo dõi sức khỏe để đảm bảo phương pháp tập luyện khoa học, xây dựng nếp

sống cân bằng, hài hoà giữa hoạt động trí lực và hoạt động thể lực, giữa nghỉ ngơi tích cực và hoạt động gắng sức. Phần thực hành tiếp tục hoàn thiện về thể lực và nhân cách người sinh viên theo yêu cầu của chương trình, mục tiêu đào tạo; Củng cố và nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, nắm được phương pháp sơ phạm để có thể trở thành hướng dẫn viên cơ sở trường học, cơ quan, công nông trường, xí nghiệp; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Giáo dục thể chất trường đại học Lạc Hồng.

102006 PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Môn Pháp luật đại cương dành cho sinh viên không chuyên ngành Luật, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật; về bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành; về quan hệ pháp luật; về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; về sự thực hiện và áp dụng pháp luật; giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của những ngành luật chủ yếu ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Trần Thái Dương – Hỏi đáp những tri thức cơ bản môn lý luận nhà nước và pháp luật – NXB Tư pháp.
- Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) – Nhà nước và pháp luật đại cương – NXB thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên) – Giáo trình Nhà nước và pháp luật đại cương – Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đề cương bài giảng môn Luật học – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật – Trường Đại học Luật Hà Nội – NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.
- Môn học Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 4/2008.
- Môn học pháp luật, Tập bài giảng dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề – Bộ Giáo dục và Đào tạo – NXB Chính trị quốc gia.
- Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và

pháp luật – Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật – NXB Chính trị quốc gia.

- Một số văn bản pháp luật của Nhà nước: Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), BLHS năm 1999, BLDS năm 2005, Luật HN&GD năm 2000, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008.

102007 QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

Môn học giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình bài toán kinh tế, Phương án chấp nhận được, Phương án tối ưu, tối ưu hóa sản xuất và tiêu dùng, bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải và bài tập ứng dụng. Đây là lĩnh vực toán học nghiên cứu các bài toán tối ưu trên hữu hạn biến mà hàm mục tiêu và các ràng buộc đều là hàm số và các phương trình hoặc bất phương trình tuyến tính.

Tài liệu tham khảo

- Trần Đình Anh, Quy Hoạch Tuyến Tính, Trường Đại Học Lạc Hồng năm 2005.
- Nguyễn Thành Cả, Toán Kinh Tế - Phần QHTT, Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM năm 2004
- Đặng Huấn, Quy Hoạch Tuyến Tính, trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM năm 1995.
- Phan Quốc Khánh - Trần Huệ Nương, Quy Hoạch Tuyến Tính, nhà xuất bản giáo dục năm 2003.
- Doãn Châu Long - Lê Huy Hùng, Lý thuyết quy hoạch tuyến tính v lý thuyết đồ thị hữu hạn, nhà xuất bản Giáo dục năm 1971.
- Bùi Phúc Trung, giáo trình Quy Hoạch Tuyến Tính, nhà xuất bản Lao động - X hội năm 2003
- Trần Túc, bài tập Quy Hoạch Tuyến Tính, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật năm 2001.
- Kolman. B and R. E. Beck: Elementary linear programming with applications, Academic Press, New York, 1980.
- W.J. Boumol: Economic theory and Operation Research analysis, Prentice Hall, INC, New Jersey, 1997
- H.A, Taha: Operation Research: An Introduction, Macmillan Pub. Co, New York, 1982 (Third edition)
- A.C Chiang: Fundamental Methods of Mathematical economics. McGraw - Hill, Singapore, 1984 (Third edition)
- Beneke and R. Winterboer: Linear Programming Applications to Agriculture, Iowa State University Press, Iowa, 1973.

102008 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành kỹ

thuật hóa học và môi trường)

Trong các chương về cơ nhiệt, cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ đơn vị dùng trong đo lường, công, công suất, động năng, thế năng và định luật bảo toàn cơ năng trong trường lực thế, các nguyên lý trong tĩnh học chất lỏng, độ nhớt và định luật Poiseuille, hiện tượng sức căng bề mặt và hiện tượng mao dẫn, hiện tượng bay hơi và sự sôi. Ngoài ra, còn giới thiệu về ba định luật của nhiệt động lực học.

Trong chương về sự chuyển hóa năng lượng, trình bày mối liên hệ giữa công và nhiệt, phân biệt nhiệt độ và nhiệt lượng, trình bày định luật thứ không của nhiệt động lực học, các đại lượng liên quan đến quá trình truyền nhiệt.

Trong các chương về quang học, trình bày các định luật về quang sóng, quang hạt và các ứng dụng của chúng vào các thiết bị như: máy quang phổ UV-Vis, kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM) và quét (SEM).

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đồn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2009), Cơ Sở Vật lí (Tập 1, 2, 3, 4, 6), Nhà xuất bản giáo dục.
2. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đồn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2010), Cơ Sở Vật lí (Tập 5), Nhà xuất bản giáo dục.
3. Phạm Thị Cúc, Tạ Văn Tùng (2009), Vật lý đại cương, Nhà xuất bản giáo dục.

102010 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành dược)

Trong các chương về cơ nhiệt, cung cấp cho sinh viên các khái niệm về hệ đơn vị dùng trong đo lường, công, công suất, động năng, thế năng và định luật bảo toàn cơ năng trong trường lực thế, các nguyên lý trong tĩnh học chất lỏng, độ nhớt và định luật Poiseuille, hiện tượng sức căng bề mặt và hiện tượng mao dẫn, hiện tượng bay hơi và sự sôi. Ngoài ra, còn giới thiệu về hai định luật của nhiệt động lực học.

Trong chương về dòng điện, trình bày khái niệm về độ dẫn điện và độ dẫn điện riêng của một dung dịch.

Trong các chương về quang học, trình bày các định luật về quang sóng, quang hạt và các ứng dụng của chúng vào các thiết bị như: máy đo chiết quang, máy đo góc quay riêng của một chất quang hoạt, máy quang phổ hấp thụ phân tử UV-Vis, kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM) và quét (SEM).

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đôn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2009), *Cơ Sở Vật lí* (Tập 1, 2, 3, 4, 6), Nhà xuất bản giáo dục.
2. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đôn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2010), *Cơ Sở Vật lí* (Tập 5), Nhà xuất bản giáo dục.
3. Phạm Thị Cúc, Tạ Văn Tùng (2009), *Vật lý đại cương*, Nhà xuất bản giáo dục.

102011 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành kỹ thuật hóa học và môi trường)

Môn học giới thiệu những kiến thức và kỹ năng cơ bản thông qua các bài thí nghiệm như: sức căng mặt ngoài, độ dẫn điện của chất điện ly, độ hấp thụ quang, nhiễu xạ ánh sáng và các phép tính sai số.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Thắng (2000), *Thực hành Vật lý Đại cương*, nhà xuất bản giáo dục.
- Tài liệu tham khảo
2. Landau L.D, Kitaigorodski A.I, Nguyễn Quang Hậu, Trần Hoà, Nguyễn Ngọc, Đức Hồng (2001), *Vật lý đại chúng*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.
 3. Feynman Richard, Hoàng Quý, Phạm Quý Tư (2001), *Tính chất các định luật Vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục.

102012 THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành dược)

Môn học giới thiệu những kiến thức và kỹ năng cơ bản thông qua các bài thí nghiệm như: sức căng mặt ngoài, nhiệt nóng chảy, nhiệt độ nóng chảy, độ dẫn điện của dung dịch, quang phổ hấp thụ của dung dịch, quang phổ phát xạ, nhiễu xạ của chùm laser và các phép tính sai số.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Thắng (2000), *Thực hành Vật lý Đại cương*, nhà xuất bản giáo dục.
- Tài liệu tham khảo
2. Landau L.D, Kitaigorodski A.I, Nguyễn Quang Hậu, Trần Hoà, Nguyễn Ngọc, Đức Hồng (2001), *Vật lý đại chúng*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.
 3. Feynman Richard, Hoàng Quý, Phạm Quý Tư (2001), *Tính chất các định luật Vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục.

102013 TIẾNG VIỆT

Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về tiếng Việt tạo điều kiện cho sinh viên có những kiến thức vững chắc để có thể sử dụng chính xác tiếng Việt. Rèn luyện kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Biết cách soạn thảo các loại văn bản thông dụng.

Tài liệu tham khảo

- Lê A – Đinh Thanh Huệ, Tiếng Việt thực hành (dùng cho sinh viên không chuyên ngữ), Nxb. Giáo dục, 1997. Nguyễn Thị Anh, Tiếng Việt thực hành, Nxb. Thanh niên, 1999.
- Lê Văn Bài – Hoàng Xuân Tâm – Bùi Tất Tuom, Giúp bạn nói đúng viết đúng tiếng Việt, Nxb. Thuận Hoá, 1994.
- Nguyễn Đức Dân, Tiếng Việt (thực hành), Tủ sách ĐHTH TP.HCM, 1995.
- Nguyễn Đức Dân, Tiếng Việt thực hành (dùng cho đại học đại cương), Nxb Giáo dục, 1997.
- Hữu Đạt, Tiếng Việt thực hành, Nxb. Giáo dục, 1995.
- Cao Xuân Hạo – Trần Thị Tuyết Mai, Sổ tay sửa lỗi hành văn, Nxb Trẻ, 2005.
- Hà Thúc Hoan, Tiếng Việt thực hành, Nxb. TP. HCM, 1997.
- Hồ Lê – Lê Trung Hoa, Sửa lỗi ngữ pháp (lỗi về kết cấu câu), Nxb KHXH, 2003.
- Đặng Ngọc Lệ - Nguyễn Kiên Trường, Tiếng Việt thực hành, Nxb Giáo dục, 1998.
- Phan Ngọc, Chữa lỗi chính tả cho học sinh, Hà Nội, 1984.
- Nguyễn Quang Ninh, 150 bài tập rèn luyện kỹ năng dựng đoạn văn, Nxb Giáo dục, 1997.
- Phan Thiệu, Rèn luyện ngôn ngữ (2 tập), Nxb. Giáo dục, 1998.
- Bùi Minh Toán- Lê A - Đỗ Việt Hùng, Tiếng Việt thực hành, Nxb Giáo dục, 1997.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Tiếng Việt thực hành, Nxb Giáo dục, 1997.

102014 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (WORD, EXCEL, INTERNET, POWERPOINT)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về máy tính, phân biệt các loại phần cứng, phần mềm, đặc biệt sinh viên có thể sử dụng máy tính một cách cơ bản, thành thạo các chương trình vi tính văn phòng như: Word, Excel, Power Point, ngoài ra sinh viên còn có kỹ năng sử dụng Internet, tìm kiếm trên mạng, gửi nhận Mail...

Tài liệu học tập:

Giáo trình chính : *Tin học đại cương*, Trường Đại học

Lạc hồng, Lưu hành nội bộ.

102015 TOÁN A1

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kỹ thuật công trình các kiến thức cơ bản về giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân và các ứng dụng.

Tài liệu học tập

- Nguyễn Đình Huy (chủ biên), Đỗ Công Khanh, Ngô Thu Lương, *Toán giải tích (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TP HCM.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), *Toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Nguyễn Đình Trí (Chủ biên), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Trần Văn Hoan, *Toán cao cấp A₁*, Đại Học Lạc Hồng.

102016 TOÁN A1 (cho ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và Điện tử, ngành ô tô).

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Hàm số và giới hạn của hàm số; Tính liên tục của hàm số; Đạo hàm, vi phân, tích phân hàm một biến; Phương trình vi phân và một số ứng dụng trong thực tiễn. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Đâu Thế Cấp (2000), *Toán Cao Cấp (Tập 1)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Nguyễn Xuân Liên (2000), *Toán Cao Cấp A2*, Nhà xuất bản Thống kê.

102018 TOÁN A2 (cho ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và Điện tử, ngành ô tô).

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng; Cơ sở, số chiều của không gian vector; Chuỗi số và chuỗi lũy thừa. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: Tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng

vào giải quyết các bài toán kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Đâu Thế Cấp (2000), *Toán Cao Cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Nguyễn Xuân Liên (2000), *Phép tính giải tích nhiều biến*, Nhà xuất bản Giáo dục.
5. Đỗ Công Khanh (2000), *Đại Số Tuyến Tính*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP HCM.

102024 TOÁN CAO CẤP & XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành dược các kiến thức cơ bản về phép tính tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, đại cương về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các phân phối xác suất thông dụng trong y học, phương pháp thu thập và xử lý số liệu trong thống kê và các áp dụng của chúng vào ngành dược.

Tài liệu tham khảo

- Chu Văn Thọ (tgc), *Toán Cao Cấp*, Đại học Y Dược TP HCM, 2010.
- Chu Văn Thọ (tgc), *Bài tập Toán Cao Cấp*, Đại học Y Dược TP HCM, 2010.
- Chu Văn Thọ (tgc), *Xác Suất Thống Kê*, Đại học Y Dược TP HCM, 2010.
- Chu Văn Thọ (tgc), *Bài tập Xác Suất Thống Kê*, Đại học Y Dược TP HCM, 2010.
- Trần Văn Hoan, *Toán Cao Cấp & Xác Suất Thống Kê*, Đại Học Lạc Hồng.

102025 TOÁN CAO CẤP 1 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Hàm số và giới hạn của hàm số; Tính liên tục của hàm số; Đạo hàm, vi phân, tích phân hàm một biến và một số ứng dụng trong thực tiễn; Chuỗi số và chuỗi lũy thừa. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Đậu Thế Cấp (2000), *Toán Cao Cấp (Tập 1)*, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Nguyễn Xuân Liên (2000), *Toán Cao Cấp A2*, Nhà xuất bản Thống kê.

102027 TOÁN CAO CẤP C

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh các kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các áp dụng của chúng vào kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đình Thúc, Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (Phần 1, 2), Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2012.
- Phan Quốc Khánh, Phép tính vi tích phân (Tập 1), Nhà xuất bản Giáo Dục.
- Trần Văn Hoan, Toán cao cấp C, Đại Học Lạc Hồng.

102033 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước; Về đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần giáo dục lòng tự hào dân tộc, bồi đắp tình yêu lãnh tụ và niềm tin đối với Đảng; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Vận dụng nội dung kiến thức đã học để tham gia cuộc vận động và thực hành “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và Đào tạo. (2019). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
- [2]. Hồ Chí Minh. (2000). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.
- [3]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Giáo trình

triết học Mác – Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5] Website:

<http://www.dangcongsan.vn/>

<https://www.bqllang.gov.vn/>

102034 XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết xác suất; Các biến ngẫu nhiên và hàm phân phối của chúng; Lý thuyết về mẫu và các đặc trưng mẫu; Lý thuyết ước lượng. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: Tư duy sáng tạo; Tư duy phản biện; Phát hiện và giải quyết vấn đề; Mô hình hóa bài toán thực tiễn; Thu thập và xử lý thông tin, xử lý số liệu; đưa ra quyết định từ các số liệu thu thập trong thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Xác suất thống kê.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Hân (1996), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản thống kê.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2009), Lê Khánh Luận, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. Đinh Văn Gắng (2001), *Bài tập xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Nguyễn Văn Hộ (2001), *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.
5. Nguyễn Thanh Sơn, Lê Khánh Luận, Phạm Trí Cao (2008), *Bài tập Xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Thống kê.

102036 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành cơ điện tử và điện tử viễn thông, ngành ô tô).

Trong phần I – Cơ nhiệt, cung cấp cho sinh viên cách mô tả đơn giản về chuyển động của một vật, cách giải một bài toán cơ học đơn giản dựa theo ba định luật Newton, cách xác định khối tâm của hệ chất điểm (vật rắn), cách giải bài toán va chạm xuyên tâm bằng cách áp dụng các định luật bảo toàn động lượng, động năng, cơ năng; giới thiệu về cách tính mômen quán tính của một số cấu hình vật rắn và làm quen với định luật II của Newton dạng góc. Ngoài ra, phần này còn trình bày các nguyên lý cơ bản về nhiệt động lực học.

Trong phần II – Điện từ, trình bày cách giải bài toán về lực tương tác giữa các điện tích điểm đứng yên dựa theo định luật Coulomb, định luật bảo toàn điện lượng và định lý về lớp vỏ tích điện đều. Giải các bài toán về điện trường và điện thế gây ra bởi các vật tích điện đối xứng. Tổng quan về dòng điện. Định

luật Biot – Savart – Laplace. Lực Ampere và lực Lorentz. Quy tắc Lenz và định luật Faraday về suất điện động cảm ứng. Cuộn cảm và năng lượng từ trường.

Tài liệu tham khảo:

1. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đồn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2009), Cơ Sở Vật lí (Tập 1, 2, 3, 4, 6), Nhà xuất bản giáo dục.
2. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đồn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2010), Cơ Sở Vật lí (Tập 5), Nhà xuất bản giáo dục.

102037 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ TOÁN

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành quản trị các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, bài toán kiểm định các giả thiết thống kê và ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật.

Tài liệu học tập:

- Trần Đình Ánh, Xác suất và thống kê, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Lạc Hồng, 2008.
- Lê Khánh Luận, Phạm Chí Cao, Nguyễn Thanh Sơn, Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Thống Kê, 2008.

ThS. Lê Khánh Luận, Bài tập xác suất và một số đề thi tham khảo, NXB Thống Kê, 2008.

102038 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ TOÁN

Môn học trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế, tài chính các kiến thức về: Xác suất biến cố, công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể và ứng dụng trong kinh tế.

Tài liệu học tập:

- Trần Đình Ánh, Xác suất và thống kê, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Lạc Hồng, 2008.
- Lê Khánh Luận, Phạm Chí Cao, Nguyễn Thanh Sơn, Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Thống Kê, 2008.
- ThS. Lê Khánh Luận, Bài tập xác suất và một số đề thi tham khảo, NXB Thống Kê, 2008.

<102052 – GENERAL ENGLISH 1>

Môn học giới thiệu cho sinh viên các phương pháp học tiếng Anh hiệu quả và một số nguồn tài liệu

học tiếng Anh phục vụ cho việc tự học và tự nghiên cứu.

Bên cạnh đó, môn học này cũng cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết (250 – 300 từ) và các cấu trúc câu ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, mô tả người, đồ vật, hỏi về thời gian, hỏi đường, nói về kế hoạch tương lai, v.v. và chủ động học tập suốt đời.

Môn học General English 1 gồm 07 bài – 60 tiết.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P., Redston, C., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Starter (new edition)*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Oxenden, C., & Latham-Koenig, C. (2009). *New English File: Beginner*. Oxford: Oxford University Press.

Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 1*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C., Bycina, D., & Wisnewska, I. (2005). *Person to Person: Starter (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press.

Richards, J.C. (2003). *Basic Tactics for Listening (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press.

<102053 – GENERAL ENGLISH 2>

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết (200 – 300 từ) và các cấu trúc câu ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ v.v. và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Môn học General English 2 gồm 7 bài (7 units) – 60 tiết.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

<102054 – GENERAL ENGLISH 3>

Môn học General English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần General English 1 and General English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học này có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- Sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- Nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- Mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- Hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- Nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- Nói về học hành và sự nghiệp
- Nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau
- Và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1(3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Elementary Coursebook*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102055 – English 1>

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển

để làm nền tảng cho sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Baker, A. (2006). *Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course (2nd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

350 câu bài tập trọng âm. Truy xuất từ <https://download.com.vn/docs/tuyen-tap-350-cau-bai-tap-trong-am-on-thi-thpt-quoc-gia/download>

400 câu bài tập phát âm. Truy xuất từ <https://tienganh247.info/400-cau-trac-nghiem-bai-tap-ngu-am-tieng-anh-cuc-hayco-dap-an-a4281.html>

Baker, A. (2006). *Ship or Sheep? An Intermediate Pronunciation Course (3rd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102056 – English 2>

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

<102057 – ENGLISH 3>

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- Sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- Nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- Mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- Hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- Nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- Nói về học hành và sự nghiệp
- Nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau
- Và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1(3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Elementary Coursebook*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102058 – ENGLISH 4>

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

- + Giải trí và Thể thao
- + Những sự kiện đã xảy ra
- + Làm việc và nghỉ ngơi
- + Những ngày trọng đại
- + Miêu tả ngoại hình
- + Du lịch
- + Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện

tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Craven, M. (2012). *Breathough Plus 2 (3rd edition)*. London: Macmillan Education.

Richards, J. C. (2003). *Developing Tactics for Listening*. New York: Oxford University Press.

Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102059 – English 5>

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor P., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Pre-Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 3*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 2 (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press

Richards, J.C. (2003). *Expanding Tactics for Listening (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press.

<102060 – English 6>

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Jones, L. (2008). *Let's talk 3*. New York: Cambridge University Press.

Rea, D., & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., & Cunningham, G. (2008). *Face2face: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press

Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2: 3rd edition*. New York: Oxford University Press.

<102061 – ENGLISH 7>

English 7 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4, English 5 và English 6, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ trung cấp (Intermediate). Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh và chủ động học tập suốt đời.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề:

- Tivi và giải trí;
- Hành vi xã hội và phong tục;

- Vật dụng hàng ngày;
- Xã hội và các vấn đề xã hội;
- Tội ác và hình phạt;
- Vấn đề và giải pháp

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Clandfield, L., & McKinnon, M., (2018). *Skillful Listening&Speaking 4*. London: Macmillan Publishers Limited.

Jones, L. (2008). *Let's talk 3*. New York: Cambridge University Press.

Oxenden, C., & Latham-Koenig, C., (2009). *New English File: Intermediate*. Oxford: Oxford University Press.

Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

102062 TOÁN CAO CẤP 2 (Ngành CN Thực phẩm – CN Hóa học – CN Môi trường)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và một số ứng dụng; Phép tính vi tích phân hàm nhiều biến và phương trình vi phân. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: Tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), *Toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Đậu Thế Cấp (2000), *Toán Cao Cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), *Bài tập toán cao cấp (Tập 1,3)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

4. Nguyễn Xuân Liêm (2000), *Phép tính giải tích nhiều biến*, Nhà xuất bản Giáo dục.

5. Đỗ Công Khanh (2000), *Đại Số Tuyến Tính*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TPHCM.

102063 TRIẾT HỌC

Môn học Triết học Mác - Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học

Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, Giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, Ý thức xã hội, Triết học về con người. Từ đó, biết giải thích các hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội trên nền tảng thế giới quan duy vật, biết hành động theo quy luật khách quan.

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Giáo trình triết học Mác – Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). Giáo trình triết học Mác - Lênin. Hồ Chí Minh: Đại học mở TP. Hồ Chí Minh.

[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của TW Đảng Cộng sản Việt Nam.

[6]. Tạp chí Triết học - Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

[7]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102064 KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho người học những nét khái quát nhất về: Đề đối tượng, phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Các nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới, chẳng hạn: Hàng hóa, thị trường, các quy luật của kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay,... Từ đó, có thể giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội cũng như vận dụng các quan điểm đó vào việc nhận diện bản chất của quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo. (2019). Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác-Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[5]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[6]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102065 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hững nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Từ đó, sinh viên có thể giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; Hình thành, củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[3]. C.Mác & Ph.Ăngghen. (1995). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[4]. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập. Hà Nội: Chính trị quốc gia.[5]. Hồ Chí Minh. (2000). Toàn tập (16 tập). Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102066 LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc nhóm môn học đại cương, dành cho sinh viên đại học khối các ngành không chuyên Lý luận chính trị. Môn học cung cấp cho sinh viên những nét khái quát nhất về: Mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về sự ra đời của Đảng; Quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954); Quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018), khẳng định

những thành công, nêu lên những hạn chế và tổng kết các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và đời sống, góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm cá nhân trong quá trình bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Giáo trình

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2019). Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013). Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

[3]. Hội đồng Trung ương Chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. (2008). Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

[4]. Các Văn kiện Đại hội, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội đại biểu lần thứ I đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). Giáo trình triết học Mác – Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia.

[6]. Tạp chí Cộng sản - Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

[7]. Tạp chí Xây dựng Đảng - Tạp chí nghiên cứu, hướng dẫn công tác tổ chức xây dựng Đảng của BTC TW.

[8]. Website: <http://www.dangcongsan.vn>

102067 VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG (cho ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và Điện tử).

Học phần Vật lý đại cương (ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cũng như các thí nghiệm về cơ học chất điểm, trường điện từ và các ứng dụng của chúng trong ngành công nghệ kỹ thuật điện và điện tử.

Tài liệu tham khảo:

1. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đôn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2009), Cơ Sở Vật lí (Tập 1, 2, 3, 4, 6), Nhà xuất bản giáo dục.

2. Ngô Quốc Quýnh, Hoàng Hữu Thư, Đào Kim Ngọc, Phan Văn Thích, Nguyễn Viết Kính, Đàm Trung Đôn, Lê Khắc Bình, (Các dịch giả) (2010), Cơ Sở Vật lí (Tập 5), Nhà xuất bản giáo dục.

<102068 – English 2>

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm

nhĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

<102069 – ENGLISH 3>

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn
- nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài
- mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách
- hỏi về hàng hóa và dịch vụ
- nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai
- nói về học hành và sự nghiệp
- nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau
- và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1* (3rd edition). New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Elementary Coursebook*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102070 – ENGLISH 4>

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

- + Giải trí và Thể thao
- + Những sự kiện đã xảy ra
- + Làm việc và nghỉ ngơi
- + Những ngày trọng đại
- + Miêu tả ngoại hình
- + Du lịch
- + Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge* (3rd edition): *Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Craven, M. (2012). *Breathough Plus 2* (3rd edition). London: Macmillan Education.

Richards, J. C. (2003). *Developing Tactics for Listening*. New York: Oxford University Press.

Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102071 – English 5>

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor P., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge* 3rd edition: *Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Pre-Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 3*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 2* (3rd edition). Oxford: Oxford University Press

Richards, J.C. (2003). *Expanding Tactics for Listening* (3rd edition). Oxford: Oxford University Press.

<102072 – English 6>

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, ký ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Jones, L. (2008). *Let's talk 3*. New York: Cambridge University Press.

Rea, D., & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., & Cunningham, G. (2008). *Face2face: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press

Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2: 3rd edition*. New York: Oxford University Press.

102073 TOÁN CAO CẤP 1 (Ngành công nghệ thông tin)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Phép tính tích phân hàm một biến, phương trình vi phân, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và các áp dụng. Bên cạnh đó, việc học tập môn học giúp rèn luyện các kỹ năng: tư duy sáng tạo, tư duy phân biện, tư duy phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, mô hình hóa bài toán thực tiễn. Người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến sử dụng công cụ Toán.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) (2008), Toán cao cấp (Tập 2), Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Nguyễn Đình Trí (Chủ biên) (2009), Bài tập toán cao cấp (Tập 2), Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Đậu Thế Cấp (2000), Toán Cao Cấp (Tập 1), Nhà xuất bản Giáo dục.

4. Nguyễn Xuân Liên (2000), Toán Cao Cấp A2, Nhà xuất bản Thống kê.

<102074 – English 1>

Môn học giới thiệu cho sinh viên cách nhận biết và phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, cách nhấn trọng âm của từ và các loại ngữ điệu phổ biến trong văn nói.

Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cách sử dụng các loại từ điển để làm nền tảng cho sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Baker, A. (2006). *Tree or Three? An Elementary Pronunciation Course (2nd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

350 câu bài tập trọng âm. Truy xuất từ <https://download.com.vn/docs/tuyen-tap-350-cau-bai-tap-trong-am-on-thi-thpt-quoc-gia/download>

400 câu bài tập phát âm. Truy xuất từ <https://tienganh247.info/400-cau-trac-nghiem-bai-tap-ngu-am-tieng-anh-cuc-hayco-dap-an-a4281.html>

Baker, A. (2006). *Ship or Sheep? An Intermediate Pronunciation Course (3rd edition)*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102075 – English 2>

Môn học này cung cấp cho các sinh viên vốn từ vựng cần thiết và các cấu trúc ngữ pháp đơn giản để sử dụng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày như: tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình, đồ vật, hỏi về thời gian, nói về khả năng, phát biểu cảm nghĩ thích hoặc không thích điều gì, thức ăn, diễn đạt những việc đã làm trong quá khứ và chủ động tiếp tục học tập ở cấp độ cao hơn.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P., Crace, A. (2013). *Cutting Edge: Elementary (3rd edition)*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 1*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

<102076 – ENGLISH 3>

Môn học English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1 và English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp (Elementary). Qua đó, người học có khả năng luyện tập nghe và nói những bài hội thoại, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề và tình huống thực tế như:

- Sắp xếp một buổi tối ra ngoài giải trí với bạn

- Nói về một món quà mang đặc trưng của đất nước mình để tặng cho gia đình một người bạn ở nước ngoài

- Mô tả ngoại hình, quần áo và tính cách

- Hỏi về hàng hóa và dịch vụ

- Nói về những dự định và kế hoạch trong tương lai

- Nói về học hành và sự nghiệp

- Nói chuyện qua điện thoại về những chủ đề khác nhau

- Và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Crace A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Elementary*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Redston, C., Cunningham, G. (2008). *Face2face: Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C., Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. New York: Oxford University Press.

Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 1(3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L.A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Elementary Coursebook*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102077 – ENGLISH 4>

Môn học English 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, và English 3 đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh cũng như các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc, viết ở mức độ tiền trung cấp về các lĩnh vực/chủ đề:

+ Giải trí và Thể thao

+ Những sự kiện đã xảy ra

+ Làm việc và nghỉ ngơi

+ Những ngày trọng đại

+ Miêu tả ngoại hình

+ Du lịch

+ Sự thành công

Bên cạnh đó sinh viên được trang bị các thì ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khiếm khuyết giúp sinh viên tự tin hơn

trong giao tiếp hàng ngày và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge (3rd edition): Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Craven, M. (2012). *Breathough Plus 2 (3rd edition)*. London: Macmillan Education.

Richards, J. C. (2003). *Developing Tactics for Listening*. New York: Oxford University Press.

Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

<102078 – English 5>

English 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, 2, 3 và 4, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ-trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: miêu tả các đặc điểm địa lý các vùng miền, miêu tả và so sánh đời sống xưa và nay, chăm sóc sức khỏe, những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, miêu tả vật dụng, miêu tả tính cách con người, nói về tiền bạc, và giúp sinh viên chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham, S., Moor P., & Crace, A. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Pre-Intermediate*. England: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Rea, D. & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Pre-Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C. & Bohlke, D. (2013). *Four Corners 3*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J.C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to Person 2 (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press

Richards, J.C. (2003). *Expanding Tactics for Listening (3rd edition)*. Oxford: Oxford University Press.

<102079 – English 6>

Học phần English 6 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4 và English 5, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ Trung cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin sử dụng tiếng Anh để trình bày quan điểm, ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm bản thân thông qua các chủ đề như: lối sống, kỷ ức tuổi thơ, du lịch, các sự kiện trong cuộc đời, tính cách cá nhân, nghề nghiệp, tường thuật lại câu chuyện và giúp sinh viên có thể chủ động học tập suốt đời.

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.

Tài liệu tham khảo

Jones, L. (2008). *Let's talk 3*. New York: Cambridge University Press.

Rea, D., & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

Redston, C., & Cunningham, G. (2008). *Face2face: Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press

Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2: 3rd edition*. New York: Oxford University Press.

<102080 – ENGLISH 7>

English 7 giúp người học củng cố lại những kiến thức giao tiếp tiếng Anh đã học ở học phần English 1, English 2, English 3, English 4, English 5 và English 6, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ trung cấp (Intermediate). Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập xây dựng từ vựng, tham gia vào các hoạt động phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh và chủ động học tập suốt đời.

Môn học có thể giúp sinh viên tự tin bày tỏ quan điểm, ý kiến và cảm xúc bằng tiếng Anh qua các chủ đề:

- Tivi và giải trí;
- Hành vi xã hội và phong tục;
- Vật dụng hàng ngày;
- Xã hội và các vấn đề xã hội;

- Tội ác và hình phạt;

- Vấn đề và giải pháp

Giáo trình

Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited. **Tài liệu tham khảo**

Clandfield, L., & McKinnon, M., (2018). *Skillful Listening & Speaking 4*. London: Macmillan Publishers Limited.

Jones, L. (2008). *Let's talk 3*. New York: Cambridge University Press.

Oxenden, C., & Latham-Koenig, C., (2009). *New English File: Intermediate*. Oxford: Oxford University Press.

Richards, J. C., & Bycina, D. (2005). *Person to Person 2 (3rd edition)*. New York: Oxford University Press.

TỐT NGHIỆP

Sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp 5 tháng tại các công ty, xí nghiệp trên địa bàn Đồng Nai và các tỉnh lân cận nhằm ứng dụng các kiến thức được trang bị trên giảng đường để giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm với đối tác trong và ngoài nước. Sau quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo và tham gia thi tốt nghiệp, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành.

Riêng những sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 trở lên sẽ tham gia thực tập tốt nghiệp 4 tháng tại doanh nghiệp đồng thời hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học và báo cáo tại hội đồng khoa học cấp Khoa hoặc cấp Trường...

111001 CẤU TRÚC VÀ LẮP RÁP MÁY TÍNH

Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về máy tính, các thế hệ máy tính, kiến trúc máy tính IBM PC và các thiết bị cấu thành hệ thống máy tính. Giúp sinh viên nhận dạng các thiết bị và hiểu được nguyên lý hoạt động của một số hệ thống trong máy tính.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình:

IT Essentials PC Hardware and Software Companion Guide 3rd.

Nguyễn Cường Thành, *Hướng dẫn tự lắp ráp và sửa chữa máy vi tính tại nhà*, Thống kê, 2003.

111002 - NGÔN NGỮ C++

Môn học bao gồm những nội dung tiếp theo về ngôn ngữ lập trình C/C++ sau khi đã học môn kỹ thuật lập trình như kiểu mảng, kiểu chuỗi ký tự, kiểu cấu trúc, kiểu con trỏ, kiểu dữ liệu động, kiểu tập tin. Môn học sẽ chú trọng đến sự phối hợp giữa cấu trúc dữ liệu và thuật toán, các kỹ thuật lập trình mạch lạc, trong sáng, hiệu quả của ngôn ngữ C để giải quyết một số bài toán trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

Phạm Văn Ất, *Kỹ thuật lập trình C – Cơ sở và nâng cao*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, 1995.

Nguyễn Linh Giang, **Lê Văn Thái**, **Kiều Xuân Thực**, *Giáo trình kỹ thuật lập trình C*, NXB Giáo dục, 2010.

Bjarne Stroustrup, *The C++ programming language*, United States of America: Addison Wesley, 1997.

111004 CƠ SỞ DỮ LIỆU

Cung cấp một số kiến thức cơ bản về các loại mô hình dữ liệu cơ bản, các khái niệm trong mô hình dữ liệu quan hệ, các dạng chuẩn và các ngôn ngữ khai thác dữ liệu. Sinh viên sẽ được thực tập với một số hệ quản trị CSDL phổ biến như Access, SQL-Server, Oracle

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu*, Nxb Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2010.

- Trần Thành Trai, *Cơ sở dữ liệu nhập môn*, Nxb Trẻ, 1996

111005 CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ THUẬT GIẢI

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản và nâng cao về các cấu trúc dữ liệu bao gồm các cấu trúc cơ bản như: mảng, chuỗi, cấu trúc, con trỏ, tập tin... Ngoài ra học phần này cũng đề cập đến các cấu trúc dữ liệu phục vụ cho tìm kiếm và sắp xếp như danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, bảng băm, cấu trúc cây và một số cấu trúc dùng biểu diễn đồ thị.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Hạnh Nhi, Dương Anh Đức. *Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2010.

2. Đỗ Xuân Lô, *Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

3. Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành, *Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát triển phần mềm*, Giáo dục, 2008. Nielaus Wirth, *bản dịch Algorithms+Data structures*, NXB Thống Kê, 1981.

111007 LẬP TRÌNH HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG

Môn học bao gồm các nội dung chính như sau:
Sự khác biệt giữa lập trình hướng đối tượng và lập trình thủ tục, một số khái niệm liên quan đến lập trình hướng đối tượng như sự đóng gói, thừa kế, đa hình, nạp chồng (over loading).

Một số vấn đề về ngôn ngữ C++ cần bổ sung để viết chương trình theo hướng đối tượng

Cách thức tạo ra kiểu dữ liệu, cách thức xây dựng lớp thể hiện sự đóng gói, sự thừa kế.

Hoàn thiện kiểu dữ liệu bằng cách hiện thực phép toán. Cách thức thiết kế chương trình theo hướng đối tượng và hiện thực chương trình bằng ngôn ngữ C++
Thể hiện tính đa hình của đối tượng qua các lớp và chương trình.

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Lăng, *Lập trình hướng đối tượng sử dụng C++*, Nxb. Thống kê, xuất bản lần thứ 4 năm 2004, 464tr.

Phạm Văn Ất, *C++ và Lập Trình Hướng Đối Tượng*, Khoa Học Kỹ Thuật, 2000.

Vũ Thanh Hiền, *Lập trình Hướng Đối Tượng*, NXB ĐHQG, 2000.

111008 THIẾT KẾ WEB

Nắm bắt các khái niệm về Internet, web

Nắm được quy trình xây dựng một website

Áp dụng ngôn ngữ HTML, CSS để thiết kế giao diện Website

Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của lập trình Web:

Các ngôn ngữ và công cụ trong lập trình web

Tổ chức, quản lý một dự án website sử dụng Visual studio

Các kiểu dữ liệu cơ bản

Xây dựng một số chức năng cơ bản để làm quen với lập trình web sử dụng Visual Studio.

Tài liệu tham khảo

[1] Ian Lloyd, *The Ultimate HTML Reference*, SitePoint Pty Ltd, 2008.

[2] Jonathan Lane, Meitar Moscovitz, Joseph R. Lewis, *Foundation Website Creation with CSS, XHTML, and JavaScript*, United States of America: Apress, 2008.

111010 TOÁN RỜI RẠC

Môn học này cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, kể cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc

lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Môn học sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn "rời rạc hóa những quá trình liên tục", nhờ vậy, họ sẽ có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực tin học và công nghệ thông tin.

Tài liệu tham khảo:

KENNETH H.ROSEN, "Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học", 2000 NXB Khoa học kỹ thuật.

Đỗ Đức Giáo "Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học", 2009, NXB Giáo dục.

Nguyễn Đức Nghĩa, Nguyễn Tô Thành "Toán rời rạc", 2009, ĐH Quốc gia Hà Nội.

111011 HỆ QUẢN TRỊ CSDL

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm việc quản trị người dùng, quản trị cơ sở dữ liệu, cơ chế hoạt động của môi trường sử dụng cơ sở dữ liệu kiểu client/server, các kiến thức về lập trình Transact-SQL.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Nam Thuận, Hướng dẫn tự học SQL Server 2005 Express từ cơ bản đến nâng cao, Nxb Giao thông vận tải Tp.HCM, 2006.

2. Phạm Hữu Khang, Đoàn Thiện Ngân, SQL 2005: Lập trình T-SQL, Nxb Lao động xã hội Tp.HCM, 2007.

3. Phạm Hữu Khang, Đoàn Thiện Ngân, SQL 2005: Lập trình nâng cao, Nxb Lao động xã hội Tp.HCM, 2008.

111012 LẬP TRÌNH C#

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về ngôn ngữ lập trình C# như kiểu dữ liệu, biến, hằng; khái niệm về nhập xuất dữ liệu; các cấu trúc điều khiển trong chương trình; lập trình hướng đối tượng trong ngôn ngữ c#, tập hợp, interface, khái niệm về chuỗi ký tự trong C#.

Môn học sẽ chú trọng đến kỹ thuật lập trình hướng đối tượng hướng sinh viên biết thiết kế một chương trình theo hướng đối tượng để giải quyết các bài toán trong khoa học tự nhiên tự nhiên hay chương trình quản lý.

Tài liệu tham khảo

Phạm Hữu Khang, Đoàn Thiện Ngân, C# 2005 - Tập 2: Lập trình Windows Forms, NXB Lao động xã hội, 2008.

Phạm Hữu Khang, Đoàn Thiện Ngân C# 2005 - Tập 3: Lập trình hướng đối tượng.

EXAM 70-505-Forms_Application_Development_Training_Kit. O'Reilly, "Programming C#", Jesse Liberty.

111013 LẬP TRÌNH VISUAL BASIC 1

Môn học bao gồm các nội dung chính như sau:

- Làm quen môi trường lập trình .NET và ngôn ngữ lập trình Visual Basic .NET.

- Làm quen với mô hình lập trình hướng sự kiện (Event – driven programming).

- Làm quen với các control thông dụng.

Tài liệu tham khảo:

Phương Lan, Trần Tiến Dũng, Visual Basic 2005 – Tập 1: Ngôn ngữ và ứng dụng, Nxb Phương Đông, Tp.HCM, 2006.

Phương Lan, Trần Tiến Dũng, Visual Basic 2005 – Tập 2: Lập trình giao diện Windows Forms ứng dụng quản lý hệ thống, Nxb Phương Đông, Tp.HCM, 2006.

111014 LẬP TRÌNH CƠ BẢN VỚI JAVA

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng (object, class, inheritance, overload, encapsulation, ...). Đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng lập trình với ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java.

Tài liệu tham khảo:

Core Java™ 2 Volume I - Fundamentals, Seventh Edition by Cay S. Horstmann, Gary Cornell. Publisher: Prentice Hall TR ISBN: 0-13-148202-5.

Thinking in Java 3rd Edition <http://www.BruceEckel.com>.

The Java Programming Language. Author: K. Arnold, J. Gosling. Published: Addison-Wesley, 1996, ISBN 0-201-63455-4.

111015 LẬP TRÌNH WEB

Giới thiệu về web động, ngôn ngữ kịch bản JavaScript, công nghệ .NET, ASP.NET cơ bản, ADO.NET, Web Services.

Tài liệu tham khảo:

Zak Ruvalcaba. Build Your Own ASP.NET Website Using C# & VB.NET, Pub. SitePoint, 2004.

Ken Cox, ASP.NET 3.5 For Dummies, For Dummies, 2008.

Matthew MacDonald, Beginning ASP.NET 3.5 in C# 2008, Apress, 2008.

111017 LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG CSDL VỚI C#

Môn này cung cấp những kiến thức giúp sinh viên có thể làm quen với một số hệ quản trị CSDL, các phương thức kết nối CSDL, thiết kế giao diện cập nhật, thêm, sửa, xóa dữ liệu, thiết kế các giao diện báo cáo, thống kê dữ liệu, xuất báo cáo ra Report.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Hữu Khang, Trần Tiến Dũng, *C# 2005 – Tập 4: Quyển 1: Lập trình cơ sở dữ liệu*, Nxb Lao động xã hội, 2008.

2. Phạm Hữu Khang, Trần Tiến Dũng, *C# 2005 – Tập 4: Quyển 2: Lập trình cơ sở dữ liệu Report Visual SourceSafe 2005*, Nxb Lao động xã hội, 2008.

111018 LẬP TRÌNH VISUAL BASIC 2

Làm quen với một số hệ quản trị CSDL
Kết nối CSDL
Thiết kế các giao diện cập nhật dữ liệu
Thiết kế các giao diện báo cáo, thống kê dữ liệu
Xuất báo cáo ra Report

Tài liệu tham khảo

1. Phương Lan, *Visual Basic 2005 – Tập 3 – Quyển 1: Lập trình cơ sở dữ liệu với ADO.NET 2.0*, Nxb Phương Đông, 2006.

2. Nguyễn Ngọc Minh, Phương Lan, *Visual Basic 2005 – Tập 4 – Quyển 2: Crystal Reports Developer*, Nxb Phương Đông, 2006.

111029 KỸ THUẬT LẬP TRÌNH (NGÔN NGỮ C)

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản về ngôn ngữ lập trình C như kiểu dữ liệu, biến, hằng; khái niệm về nhập xuất dữ liệu; các cấu trúc điều khiển trong chương trình; chương trình con, hàm; kiểu dữ liệu con trỏ; các kiểu dữ liệu dạng cấu trúc; khái niệm chuỗi ký tự trong C.

Môn học sẽ chú trọng đến các kỹ thuật lập trình mạch lạc, trong sáng, hiệu quả của ngôn ngữ C để giải quyết một số bài toán trong khoa học tự nhiên, kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Văn Át, *Kỹ thuật lập trình C – Cơ sở và nâng cao*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, 1995.

2. Nguyễn Linh Giang, Lê Văn Thái, Kiều Xuân Thực, *Giáo trình kỹ thuật lập trình C*, NXB Giáo dục, 2010.

3. Bjarne Stroustrup, *The C++ programming language*, United States of America: Addison Wesley, 1997.

111030 THIẾT KẾ WEB NÂNG CAO

Nắm bắt các khái niệm về Internet, web
Nắm được quy trình xây dựng một website
Áp dụng ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, JQuery để thiết kế giao diện Website

Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của lập trình Web:

Các ngôn ngữ và công cụ trong lập trình web

Tổ chức, quản lý một dự án website sử dụng NetBeans

Các kiểu dữ liệu cơ bản

Xây dựng một số chức năng cơ bản để làm quen với lập trình web sử dụng NetBeans

Tài liệu tham khảo

1. Bruce Lawson, *Introducing HTML5 (2nd edition)*, Material, 2012.

2. Ian Lunn, *CSS3 Foundations*, Material, 2012.

111035 MẠNG MÁY TÍNH

Trang bị những kiến thức cơ sở về mạng, mô hình OSI, các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, giao thức TCP/IP. Học theo chương trình CCNA, học kỳ 1.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng Sơn và Cộng sự, *Giáo trình Hệ thống mạng máy tính CCNA semester 1 (Học kỳ 1)*, Nxb Lao động xã hội, 2008.

2. Nguyễn Hồng Sơn, *Bài tập tự luyện CCNA trên máy tính cá nhân*, Nxb Lao động xã hội, 2007.

111036 DỊCH VỤ MẠNG

Trang bị những kiến thức cơ sở các loại đường truyền mạng LAN, các thiết bị mạng LAN, cách chọn thiết bị mạng LAN, đường truyền mạng LAN, các bước thiết kế và thi công hệ thống mạng LAN, kết nối thiết bị mạng LAN, thiết kế IP cho mạng và kiểm thử mạng LAN. Học theo chương trình CCNA, học kỳ 1.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình mạng CCNA V5.0 semester 1

111038 PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG

Giúp sinh viên có kinh nghiệm vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học thực hiện một dự án thực tế bằng ứng dụng web hoặc windows form. Sinh viên theo hướng dẫn của giáo viên sẽ tự nghiên cứu bài toán; rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm; làm quen với cách trình bày một bài báo khoa học;

111039 LẬP TRÌNH THIẾT BỊ DI ĐỘNG

Các kỹ thuật và công nghệ lập trình cho thiết bị di động như PC Pocket, PDA, hành Symbian và một số kỹ thuật lập trình C++ trên Symbian, Kỹ thuật lập trình C++ cho Symbian OS, VisualStudio.NET và ứng dụng cho thiết bị di động.

Tài liệu tham khảo

Jonathan Knudsen, Beginning J2ME: From Novice to Professional, Apress, US, 2005, ISBN 1590594797

Roger Riggs, Programming Wireless Devices with the Java™2 Platform Micro Edition, Second Edition, Addison Wesley, June 13, 2003, ISBN 0-321-19798-4
Martin de Jode, Programming Java 2 Micro Edition for Symbian OS: A developer's guide to MIDP 2.0, Wiley, July 2004, ISBN: 978-0-470-09223-1

111040 PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM MÃ NGUỒN MỞ

Hiểu được thế nào là phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở, một số License phần mềm mã nguồn mở phổ biến, những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở, trình bày được mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở, làm quen với các môi trường, tiện ích thường dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở.

Tài liệu tham khảo

Vikram Vaswani, Zend Framework: A Beginner's Guide, United States of America: The McGraw-Hill Companies, 2010.

111043 PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG

Cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, về phân tích, thiết kế, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin. Kiến thức về phương pháp phân

tích một hệ thống thông tin, đặc biệt là phương pháp hướng cấu trúc, giúp sinh viên có thể áp dụng để giải quyết các bài toán trong thực tế; Phân tích, thiết kế, cài đặt hệ thống thông tin quản lý.

Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Văn Đức, Hoàng Đức Hải, Đoàn Thiện Ngân, *Giáo trình nhập môn UML*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2004.

2. Dương Kiều Hoa, Tôn Thất Hòa An, *Giáo trình phân tích hệ thống hướng đối tượng với UML*, Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2009.

111045 LẬP TRÌNH WEB NÂNG CAO

Môn học nhằm cung cấp sinh viên những kiến thức nâng cao trong lập trình web, trang bị cho sinh viên kỹ năng triển khai một ứng dụng web thực tế. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm, thuyết trình.

Tài liệu tham khảo

Zak Ruvalcaba. Build Your Own ASP.NET Website Using C# & VB.NET, Pub. SitePoint, 2004.

Ken Cox, ASP.NET 3.5 For Dummies, For Dummies, 2008.

Matthew MacDonald, Beginning ASP.NET 3.5 in C# 2008, Apress, 2008.

111046 VẬT LÝ THỰC HÀNH

Vật lý đại cương bao gồm các nội dung cơ bản về Vật lý học và có quan hệ chặt chẽ với nhiều ngành khoa học tự nhiên khác như: Toán, Hóa, Sinh, Địa lý, Địa chất, Môi trường, Khí tượng-Thủy văn-Hải dương học,... Với các đối tượng không chuyên thì Vật lý đại cương được đào tạo cơ bản về Cơ Nhiệt và Điện Quang.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình vật lý đại cương, Lương Duyên Bình, Nhà xuất bản giáo dục

Vật lý đại cương các nguyên lý và ứng dụng, Trần Ngọc Hợi, Nhà xuất bản giáo dục

111047 ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

Cung cấp kiến thức về các linh kiện, cấu tạo, đặc tính và nguyên lý hoạt động của linh kiện điện tử: thụ động, bán dẫn và mạch điện tử. Các ứng dụng Transistor trong thiết kế mạch khuếch đại, giao động và mạch xung.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình điện tử cơ bản, Trần Thu Hà, Nhà xuất bản Quốc Gia, Kỹ thuật điện tử, Lê Phi Yến và cộng sự, NXB KHKT, 1998

111048 TÍN HIỆU SỐ CƠ BẢN

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kỹ thuật số: các hệ thống số đếm, hệ tuần tự, mạch logic lập trình và vấn đề giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

Kỹ thuật điện tử số, Nguyễn Kim Giao, Nhà xuất bản quốc gia Hà Nội
Giáo trình kỹ thuật số, Nguyễn Việt Nguyên, Nhà xuất bản giáo dục.

111050 HỆ QUẢN TRỊ ORACLE

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm việc quản trị người dùng, quản trị cơ sở dữ liệu, cơ chế hoạt động của môi trường sử dụng cơ sở dữ liệu kiểu client/server, các kiến thức về lập trình Transact-SQL.

112002 HỆ ĐIỀU HÀNH LINUX

Trang bị kiến thức cơ bản về hệ điều hành Linux, cấu trúc hệ thống tập tin, quản lý user, cấu hình và triển khai một số dịch vụ mạng. Bảo mật hệ thống Linux.

Tài liệu tham khảo

1. Richard Petersen - Linux – The complete reference.
2. Matthias Kalle Dalheimer, Terry Dawson, Lar Kaufman, Matt Welsh - Running Linux.
3. Tự học Redhat Linux trong 24 giờ Trần Thạch Tùng, Hoàng Đức Hải, NXB Thống Kê.

112023 AN TOÀN VÀ BẢO MẬT HỆ THỐNG MẠNG

Cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng một hệ thống an toàn cho máy tính và mạng máy tính.

Phương pháp dùng Access Control list trên Router và Switch layer 3

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Đức Hải “*Giáo trình Hệ thống mạng máy tính CCNA semester 3*” tái bản lần 3, 2008 NXB lao động xã hội

2. Todd Lammle “*CCNA: Cisco certified network associate study guide*”, 2005 San Francisco, Calif.: Sybex

3. Gilbert Held “*Building a wireless network*”, 2003, Boca Raton, FL: Auerbach Publications.

112033 MẠNG MÁY TÍNH NÂNG CAO

Trang bị kiến thức giúp sinh viên thiết kế hệ thống mạng, cấu hình Routing giữa các mạng, các phương thức tìm đường đi tĩnh và động.

Tài liệu tham khảo

1. Khương Anh, Nguyễn Hồng Sơn, Giáo trình Hệ thống mạng máy tính CCNA Semester 2, Nxb Lao động xã hội, 2007.

2. Kevin Warner, Cisco Networking Academy Program CCNA 1 and 2 companion Guide, USA: Pearson Education, 2003 (Tài liệu điện tử).

112034 LẬP TRÌNH GIAO TIẾP THIẾT BỊ

Cung cấp cho sinh viên phương pháp luận thiết kế dựa trên cơ sở sử dụng các hệ thống nhúng: qui trình thiết kế, phân tích và thiết kế chương trình, quá trình và hệ điều hành, thiết kế hệ thống. Hệ nhúng T-Engine và hệ điều hành thời gian thực mã nguồn mở T-Kernel, phát triển các ứng dụng trên nền (platform) T-Engine.

Tài liệu tham khảo

“Computer as Components: Principles of Embedded Computing System Design”, Wayne Wolf, 1st Edition, MORGAN KAUFMANN PUBLISHERS, INC. 2000.

114001 THỰC TẬP ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các tín hiệu trên mạch điều khiển, dạng sóng trên tải của mạch chỉnh lưu cầu 1 pha, 3 pha có điều khiển, mạch điều khiển pha AC. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng phân tích hoạt động, lắp ráp và đo đạt các thông số của các mạch đóng, cắt cơ bản sử dụng UJT, SCR, TRIAC. Lắp ráp và chế tạo mạch hoàn chỉnh mạch điều khiển pha AC và mạch chỉnh lưu cầu 1 pha có điều khiển. Kỹ năng cài đặt các thông số cho bộ biến tần để điều khiển động cơ 3 pha.

Tài liệu tham khảo: Điện Tử Công Suất, Bài Tập, Bài Giải & Ứng Dụng, Nguyễn Bính, Nhà xuất bản Khoa Học Kỹ Thuật.

114003 THỰC TẬP QUẢN DÂY MÁY ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình tháo, lắp, sửa chữa các loại máy điện quay và máy biến áp. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng tính toán bộ dây quấn của các loại máy điện quay và máy biến áp theo yêu cầu.

Tài liệu tham khảo: Kỹ Thuật Quấn Dây Máy Biến Áp - Động Cơ Vạn Năng - Động Cơ Xoay Chiều, Trần Duy Phụng, NXB Đà Nẵng.

114008 THỰC TẬP ĐIỆN CƠ BẢN

Môn học hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các dụng cụ đo điện, thực hiện được các phương pháp nối dây, nối cáp, và làm đầu code. Lắp ráp được các mạch đèn chiếu sáng, chuông báo đi dây nối và đi dây âm tường. Thiết kế thi công mạch điện 1 pha trong sinh hoạt. Vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng động cơ 1 pha, 3 pha.

Tài liệu tham khảo:

- Hướng Dẫn Thực Hành Thiết Kế Lắp Đặt Điện Nhà, Trần Duy Phụng, NXB Khoa Học – Kỹ Thuật.
- Giáo Trình Thực Tập Điện Cơ Bản, ThS. Bùi Văn Hồng, NXB Đại Học Quốc Gia Tp. HCM

114021 BẢO VỆ ROLE VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc bảo vệ trong hệ thống điện, nguyên lý hoạt động của các loại role bảo vệ và vai trò của chúng trong mạng điện hệ thống. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng vận hành các hệ thống tự động trong hệ thống điện, thiết kế các hệ thống bảo vệ và tự động hoá đơn giản trong hệ thống điện.

Tài liệu tham khảo

- Bảo vệ role trong hệ thống điện, Trần Đình Long, Đại Học Bách Khoa Hà Nội.
- Bảo vệ rơ le và tự động hoá trong hệ thống điện, Nguyễn Hoàng Việt, Đại Học Bách Khoa Tp. HCM

114022 THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế một hệ thống điện cụ thể.

Tài liệu tham khảo

Phân Tích Và Điều Khiển Ổn Định Hệ Thống Điện, Lê Văn Út, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.

114033 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức ngoại ngữ về cấu tạo, ký hiệu và nguyên lý của một số thiết bị điện và máy điện như: khởi động từ, CB, công tắc tơ, máy biến áp... và hệ thống truyền tải điện. Sau khi học xong môn học sinh viên có kỹ năng đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành, dịch thuật sách tham khảo chuyên môn, giao tiếp tốt về lĩnh vực chuyên môn và học thuật trong hội thảo quốc tế.

Tài liệu tham khảo

English for Industrial Electricity, Lê Thanh Đạo, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM

114034 TRANG BỊ ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các mạch máy dùng relay, contactor trang bị cho các máy công cụ và các quá trình tự động đơn giản. Đồng thời môn học còn giúp sinh viên khả năng tự phân tích, thiết kế điều khiển các hệ thống máy và dây chuyền sản xuất quy mô nhỏ.

Tài liệu tham khảo: Trang Bị Điện Điện Tử Máy Công Nghiệp Dùng Chung, Vũ Quang Hải, NXB KHKT

114037 NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về năng lượng tái tạo như là: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối và năng lượng đại dương. Giới thiệu các tính chất vật lý của pin năng lượng mặt trời, phương pháp tính toán lựa chọn thiết bị cho một hệ thống năng lượng mặt trời và ảnh hưởng của bức xạ mặt trời đến công suất phát điện của Pin mặt trời. Bên cạnh đó, những kiến thức về hệ thống năng lượng gió như là các tính chất của gió và các cấu trúc của một tuốc bin gió được trang bị.

114039 THỰC TẬP ROBOT CÔNG NGHIỆP

Học phần này trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về các thành phần cấu tạo và hoạt động của một robot công nghiệp, bao gồm: Số lượng trục, Động học, Tầm hoạt động, Tải trọng, Tốc độ, Độ chính xác, Kiểm soát di chuyển, Nguồn, Truyền động.

Tài liệu tham khảo

1. ThS. Trương Phước Thọ, Giáo trình thực tập Robot Công Nghiệp, NXB Đại học quốc gia Tp. HCM, 2014.
2. PGS. TS Nguyễn Trường Thịnh, Giáo trình Kỹ thuật Robot, NXB Đại học quốc gia Tp. HCM, 2014

114040 THỰC TẬP THIẾT KẾ MẠCH ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để phân tích và thiết kế các mạch điện tử. Học viên được làm quen với các linh kiện điện tử thường được sử dụng trong thực tế. Khảo sát các đặc tính của linh kiện và sử dụng các linh kiện đó thiết kế một số mạch điện tử ứng dụng cơ bản.

Tài liệu tham khảo

- Ngô Đình Thiệu Dao, Giáo trình Linh kiện điện tử, Đại học Lạc Hồng, 2002.
- Đàm Xuân Hiệp, Kỹ Thuật Điện Tử, NXB Khoa Học Xã Hội, 2001.

114047 TÍNH TOÁN SỬA CHỮA MÁY ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tính toán, thiết kế mới hoặc phục hồi số liệu kỹ thuật các loại máy điện quay và máy biến áp. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng kiểm tra, điều chỉnh các thông số kỹ thuật các loại máy điện quay và máy biến áp theo yêu cầu.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình tính toán và sửa chữa máy điện, Nguyễn Trọng Thắng - Nguyễn Thế Kiệt, NXB Giáo Dục.

114048 –NHẬP MÔN NGÀNH ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

Môn học này giới thiệu cho SV cách sử dụng hệ thống LMS, trang bị kiến thức về các khái niệm như điện thế, hiệu điện thế, sụt áp, điện tích, dòng điện, trở kháng, công suất tác dụng, công suất phản kháng, công suất biểu kiến, hệ số công suất, phân biệt giữa điện AC và DC, mạch điện, điện trường, từ trường...

Tài liệu học tập, tham khảo

Giáo trình

1. Reze Adhami; Peter M.Meenen, III Dennis Hite, Fundamental Concepts in Electrical and Computer Engineering with Practical Design Problems (Second Edition), Universal Publishers, August 20, 2007.

2. Electricity: Fundamentals, Concepts, & Applications 1st Edition, Cengage Learning, February 1, 1992.

114049 MẠCH ĐIỆN

Các phương pháp phân tích mạch: phương pháp dòng nhánh, dòng mắt lưới, điện thế nút. Mạch có ghép hồ cảm và biến áp lý tưởng. Mạch có khuếch đại thuật toán. Định lý Thévenin và Norton. Quan hệ tuyến tính, nguyên lý tỷ lệ và nguyên lý xếp chồng. Định lý Tellegen. Định lý tương hỗ. Định lý chuyển vị nguồn. Mạch ba pha. Mạch ba pha đối xứng. Công suất. Ứng dụng Matlab vào giải mạch điện.

Tài liệu tham khảo

- Phan Như Quân, Bài giảng Mạch điện 1, Đại học Lạc hồng, 2009.
- Phạm Thị Cự, Trương Trọng Tuấn Mỹ, Lê Minh Cường. Mạch Điện 1. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp HCM, 2002.
- Phạm Thị Cự, Trương Trọng Tuấn Mỹ, Lê Minh Cường. Bài tập Mạch Điện 1. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp HCM, 2002.
- D.E. Johnson, J.L. Hilburn, J.R. Johnson, P.D. Scott. Basic Electric Circuit Analysis. 5th edition, Prentice Hall International, 1996.
- J.A. Edminister, M. Nahvi. Schaum's outline of Theory and Problems of Electric Circuits. 3rd edition, Mc Graw Hill, 1997.
- J.D. Irwin. Basic Engineering Circuit Analysis. 3rd edition, Macmillan Publishing Company, 1996.
- L.O. Chua, C.A. Desoer, E.S. Kuh. Linear and Nonlinear Circuits. Mc Graw Hill, 1987.

114050 KỸ THUẬT SỐ

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kỹ thuật số : các hệ thống số đếm và phương pháp chuyển đổi, đại số Boole, hệ tổ hợp, hệ tuần tự, các mạch logic lập trình và vấn đề giao tiếp

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Hữu Phương, Mạch số, Nhà xuất bản thống kê 2002.
- R.J. Tocci, Digital Systems: Principles and Applications, 7th edition. Prentice Hall 1998.

- Ngô Văn Bình, Kỹ thuật số , Trường Đại Học Lạc Hồng.
- G.C. Loveday, Digital and Analog Electronics for HNC Longman 1993
- Nguyễn Hữu Phương, IC Định giờ và ứng dụng, Sở GD và ĐT TP.HCM 1992.
- K.J. Breeding, Digital Design Fundamentals, Prentice Hall 1989.
- D.L. Heiseman, Handbook of Digital IC Applications, Prentice Hall 1980.
- D.C. Loveday, Electronics, Longman 1993.

114051 ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

Cung cấp kiến thức về các linh kiện điện tử và mạch. Các tính chất của các tiếp xúc P-N trong các Diode, BJT, FET và các ứng dụng tuyến tính và phi tuyến của chúng. Các ứng dụng Transistor trong thiết kế các mạch khuếch đại, mạch dao động và mạch xung. Đặc tính khuếch đại thuật toán và ứng dụng.

Tài liệu tham khảo

- Phan Như Quân, Bài giảng điện tử 1, Đại Học Lạc Hồng Đồng Nai, 2005.
- Lê Tiến Thường, Điện tử 1 & 2, Đại Học Bách Khoa TP HCM, 1996.
- Lê phi yên, Nguyễn Như Anh, Lưu Phú, Kỹ thuật điện tử, NXB KHKT, 1998
- Theodore F. Bogart, JR, Electronics devices and circuits, 2nd Ed. Macmillan, 1991.
- Nguyễn Thị Phương Hà, Kỹ Thuật Điện Tử- Bài Tập, NXB KHKT, 1996.
- Geogr. Electronic Basic and Applications, , 1986.
- Donald L.Schilling. Electronic Circuits, Prentice Hall, 1986.
- Millman & Taub–Pulse digital and switching waveforms. McGraw-Hill
- Electronic Design – Circuits and Systems, Savant, Rodent, Carpenter

114052 CAD TRONG KỸ THUẬT ĐIỆN

Môn học cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về: Cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ.Sau khi học xong môn học sinh viên có kỹ năng diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác.

Tài liệu tham khảo

Hướng Dẫn Sử Dụng Microsoft Visio, Phan Nhật Uyên, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TPHCM.
Ecodial User Guide, Schneider Electric.

114053 ĐIỆN TỬ CÔNG SUẤT

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo, ký hiệu, thông số kỹ thuật của các linh kiện điện tử công suất lớn. Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử công suất ứng dụng trong công nghiệp.Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng lắp ráp, thi công được các mạch điện tử ứng dụng trong công nghiệp như Inverter, converter ...Có khả năng phân tích, tính toán giá trị và lựa chọn các linh kiện trong các mạch điện tử công suất.

Tài liệu tham khảo

- Điện Tử Công Suất 1, TS. Nguyễn Văn Nhờ, Nhà xuất bản ĐHQG Tp. HCM.
- Giáo Trình Giáo Trình Điện Tử Công Suất, Trần Trọng Minh, Nhà xuất bản Giáo Dục.

114054 THIẾT KẾ MẠCH IN

Thiết kế mạch in làm môn học giới thiệu về quy trình gia công mạch in và các tiêu chuẩn kỹ thuật trong thiết kế. Ngoài ra môn học này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong việc thiết kế sơ đồ mạch nguyên lý và sơ đồ mạch in.

Tài liệu tham khảo:

Lê Hoàng Anh, Giáo trình Thiết kế mạch in, Đại học Lạc Hồng, 2008.

114055 MÁY ĐIỆN

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chế độ làm việc, sơ đồ thay thế, giản đồ vectơ và đặc điểm vận hành máy biến áp. Các vấn đề cơ bản của động cơ không đồng bộ, máy phát điện đồng bộ, máy điện một chiều, các động cơ đặc biệt công suất nhỏ cùng các đặc tính vận hành của chúng.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình máy điện 1-2, ThS. Nguyễn Trọng Thắng, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM

114056 THỰC TẬP TRANG BỊ ĐIỆN

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mạch động lực, mạch điều khiển và nguyên lý hoạt động của các mạch điện động cơ xoay chiều ba pha thông dụng; về quy trình lắp đặt các tủ điện điều khiển.Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng lắp đặt, tính toán, lựa chọn các thiết bị điện trong tủ điều khiển.

Tài liệu tham khảo

Trang Bị Điện Điện Tử Máy Công Nghiệp Dùng Chung, Vũ Quang Hồi, NXB KHKT.

114057 CUNG CẤP ĐIỆN VÀ ĐỒ ÁN CUNG CẤP ĐIỆN

Môn học này trang bị cho sinh viên ngành Kỹ thuật điện – điện tử phương pháp thiết kế mạng điện phân phối xường gồm các nội dung về đặc điểm phân xưởng, số liệu phụ tải, phân nhóm phụ tải, vạch sơ đồ nối dây, xác định phụ tải tính toán ở từng cấp, chọn số lượng và dung lượng MBA, chọn công suất máy phát dự phòng, chọn công suất bù và phương án bù, chọn dây dẫn/cáp, chọn thiết bị đóng cắt/ bảo vệ/đo lường, chọn tủ phân phối điện, tính toán chống sét, tính toán nối đất và lập bản dự toán

Đảm bảo trang bị cho sinh viên đủ những kiến thức về phương pháp xác định phụ tải tính toán, tính toán tổn thất điện áp, tính toán tổn thất điện năng, tính toán ngắn mạch, chọn số lượng, dung lượng máy biến áp, sơ đồ trạm biến áp phân phối và nguồn dự phòng, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đóng cắt, bảo vệ trung và hạ áp, các phương pháp chọn dây dẫn, cáp, thiết bị đóng cắt- bảo vệ- đo lường, tủ phân phối trung và hạ áp, các biện pháp nâng cao chất lượng điện năng và các loại đèn, phạm vi ứng dụng, tính toán chiếu sáng.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình: Phan Thị Thanh Bình, Phan Thị Thu Vân, Dương Lan Hương, Hướng dẫn thiết kế đồ án cung cấp điện, NXB ĐHQG Tp.HCM, 2002
- Tài liệu tham khảo:
- Trần Quang Khánh, Bài tập Cung cấp điện, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2005.
- Nguyễn Công Hiền, Nguyễn Mạnh Hoạch, Hệ thống cung cấp điện của xí nghiệp công nghiệp đô thị và nhà cao tầng, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2001.

114058 ĐỒ ÁN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của môn học Điện Tử Ứng Dụng để giải quyết một bài toán thực tế trong lĩnh vực kỹ thuật điện tử.

Tài liệu tham khảo:

Giáo Trình Kỹ Thuật Mạch Điện Tử, TS. Đặng Văn Chuyết, NXB Giáo Dục.

114059 IOT (INTERNET OF THINGS)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về internet of thing. Người học có khả năng tự thiết kế được những ứng dụng về IoT dựa trên phần cứng Arduino, Arm.

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Minh Tuấn, Internet of thing cho người mới bắt đầu, IOTs Maker Việt Nam, 2016
- Adrian McEwen, Hakim Cassimally, Designing the Internet of Things, Willey, 2014

114060 KỸ THUẬT ĐIỆN LẠNH

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều hoà không khí trong phạm vi dân dụng, nhà máy, nhà cao tầng; kiến thức về Bơm quạt, máy nén và thông gió trong điều hoà không khí. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng biết vận dụng một cách linh hoạt và đúng phương pháp để chọn giải pháp thiết kế máy điều hoà nhiệt độ theo nhu cầu. Biết cách thiết kế các phụ kiện hệ thống liên quan đáp ứng hiệu quả một hệ thống vận hành tốt

Tài liệu tham khảo

Giáo Trình Kỹ Thuật Lạnh, Nguyễn Đức Lợi, NXB Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

114061 ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ

Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của các môn như: Trang Bị Điện, Điện Tử Công Suất, Thiết Bị Điện Trong Công Nghiệp ... để phân tích, thiết kế và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn sản xuất.

Tài liệu tham khảo

Giáo Trình Trang Bị Điện - Điện Tử Trong Máy Công Nghiệp, PGS.TS Đặng Thiên Ngôn, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM.

114062 THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG CÔNG NGHIỆP

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, thông số kỹ thuật và cách thức sử dụng của các thiết bị điện được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng lắp đặt, vận hành các thiết bị điện trong các dây chuyền sản xuất thực tế.

Tài liệu tham khảo

- Giáo Trình Thiết Bị Điện, Lê Thành Bắc, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.

- Sổ Tay Lựa Chọn Và Tra Cứu Thiết Bị Điện, Ngô Hồng Quang, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.

115007 – 115059 VI ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về vi điều khiển, xây dựng chương trình có khả năng xử lý nhiều tác vụ đồng thời. Giới thiệu về cấu trúc và ứng của các bộ vi điều khiển lõi Arm. Lập trình giao tiếp với các thiết bị ngoại vi như màn hình cảm ứng, màn hình hiển thị TFT LCD, Micro SD.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Bình Nguyên, Giáo trình Vi điều khiển nâng cao, Trường đại học Lạc Hồng.

115014 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO

Môn học này giúp cho sinh viên thực hành về cấu trúc và xây dựng ứng dụng trên các bộ vi điều khiển lõi Arm, thực hành lập trình điều khiển và giao tiếp với các ngoại vi như màn hình cảm ứng, màn hình hiển thị TFT LCD, Micro SD.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Bình Nguyên, Giáo trình Vi điều khiển nâng cao, Trường đại học Lạc Hồng.

115021 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN

Môn học này giúp sinh viên thực hành các kiến thức đã học liên quan đến lập trình ngôn ngữ C, cấu trúc cơ bản của các họ vi điều khiển như 8051, AVR và PIC. Xây dựng giải thuật điều khiển và giao tiếp các khối ngoại vi như nút nhấn, LED 7 đoạn, LCD, ma trận phím, Real time...

Tài liệu tham khảo

Lê Tiến Lộc, Giáo trình Thực tập Vi điều khiển, Trường đại học Lạc Hồng

115026 KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC

Môn học trang bị cho học viên các khái niệm cơ bản về tổng quan hệ thống điều khiển, các ví dụ điều khiển dùng PLC, các lệnh và chức năng căn bản, phương pháp lập trình PLC, ứng dụng PLC trong điều khiển công nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- S7-200 Programmable Controller System Manual(Siemens).
- Bộ điều khiển khả lập trình PLC (Lê Hoài Quốc-Chung Tấn Lâm).

- Tài liệu huấn luyện PLC SIMATIC S7-200 (Công ty cổ phần thương mại công nghệ Khai trí).
- Tự động hoá với SIMATIC S7-200 (Trung tâm hợp tác đào tạo Đại học Bách Khoa Hà Nội – Siemens).
- Tự động hoá lập trình với PLC S7-200 (Phân viện nghiên cứu Điện tử – Tin học – Tự động hoá TP.HCM).
- Hệ thống điều khiển bằng khí nén.

115028 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành Điều khiển và Tự động hóa nhằm giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trong lĩnh vực Điều khiển và Tự động hóa, qua đó có thể đọc, hiểu và soạn thảo được các văn bản kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

Eric H. Glendinning, Norman Glendinning, Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering, Oxford University Press, 1995

115032 KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO

Giới thiệu về cấu tạo và khả năng ứng dụng của bộ điều khiển lập trình (PLC – Programmable Logic Controller) vào việc điều khiển các thiết bị công nghiệp, đặc biệt là điều khiển quá trình sản xuất công nghiệp. Môn học cung cấp cho người học các chức năng của PLC liên hệ với chức năng của một máy tính công nghiệp và cách thức vận hành, phương pháp lập trình trên PLC. Giới thiệu khả năng nối mạng trong truyền thông đa nhiệm, giúp tạo các giải pháp cho vấn đề điều khiển, từ điều khiển giám sát từng thiết bị đơn lẻ đến điều khiển phối hợp cả một hệ

Tài liệu tham khảo

- Lê Hoài Quốc – Chung Tấn Lâm, Bộ điều khiển lập trình: vận hành và ứng dụng, NXB KHKT 1999.
- Ian G.Warnock, Programmable controllers, Prentice Hall,1988.
- PLC simatic S-5, Siemens Training center, Singapore 1995.
- PLC Melsec, Mitsubishi Electric, Training center, osaka, 1996.

115036 MẠNG TRUYỀN DỮ LIỆU SỐ

Một số chuẩn truyền thông thông dụng (Modbus, CAN, Zigbee, I2C, ISP), cơ sở kỹ thuật, lập trình kết nối Arduino với các thiết bị khác (Arduino, thiết bị trường, HMI) thông qua các chuẩn trên.

Tài liệu tham khảo

Truyền dữ liệu số ứng dụng. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115038 ĐỒ ÁN CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG

Đồ án là sự lựa chọn các hướng đi của sinh viên Ngành Tự động theo hướng công nghệ (robocon, xe công nghệ, lập trình, điện - điện tử, cơ khí, tự động hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, mô hình hóa và nhận dạng hệ thống, mô phỏng ..), làm cơ sở thực hiện các phương án tốt nghiệp. Sinh viên chủ động đề nghị đề tài về các lĩnh vực với mục tiêu cụ thể (báo, video, sách, sản phẩm, tài liệu, máy, ...) và chủ động đề nghị giáo viên chuyên ngành liên quan hỗ trợ. Đồ án chú trọng việc lập kế hoạch thực hiện, tiến độ thực hiện mục tiêu, báo cáo tiến độ bằng văn bản và khả năng thuyết trình.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu hướng dẫn thực hiện đồ án công nghệ Tự động - Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa - Đại học Lạc Hồng.

115039 LẬP TRÌNH XỬ LÝ ẢNH

Cung cấp Khái niệm xử lý ảnh, lập trình xử lý ảnh xác định tọa độ trọng tâm, hình bao trong không gian 2 chiều, 3 chiều từ các camera cố định sử dụng C#

Tài liệu tham khảo:

Lập trình xử lý ảnh ứng dụng. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115040 HỆ THỐNG SCADA ỨNG DỤNG

Môn học này cung cấp các kiến thức về các thành phần của hệ thống SCADA trong hệ thống tự động hóa như hệ thống các thiết bị chấp hành, các thiết bị vào ra đầu cuối từ xa (RTU: remote terminal unit), các khối điều khiển khả trình (PLC: programmable logic controller), trạm điều khiển giám sát trung tâm, hệ thống truyền thông, giao diện người máy (HMI: human machine interface). Cách thức tích hợp phần cứng phần mềm để xây dựng một hệ thống SCADA trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- WinCC, System Manual, Siemens.
- WinCC, Getting started, Siemens.

115050 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC NÂNG CAO

Môn học cung cấp kiến thức về: Thiết lập mạng và lập trình truyền dữ liệu giữa các PLC Siemens dùng các chuẩn mạng MPI, Modbus, Profibus, Ethernet. Thực hiện lập trình điều khiển giám sát từ WinCC cho các loại PLC.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Trọng Thuận, Điều Khiển Logic Và Ứng Dụng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2006
- Trần Thế San (biên dịch), Hướng Dẫn Thiết Kế Mạch Và Lập Trình PLC, NXB Đà Nẵng, 2005

115052 ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 1

Người học nghiên cứu tìm hiểu các thiết bị cảm biến và thiết bị chấp hành dạng thường và dạng thông minh. Bên cạnh đó, người học cần chú trọng cách trình bày các dạng văn bản theo mẫu báo cáo đồ án và mẫu báo cáo NCKH chuẩn Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

Định hướng Đồ án Tự động 1. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115053 ĐỒ ÁN TỰ ĐỘNG 2

Người học nghiên cứu tìm hiểu các thiết bị điều khiển và các phần mềm điều khiển khác nhau và sử dụng bộ điều khiển để thực hiện điều khiển một số ứng dụng thông dụng. Bên cạnh đó, người học cần chú trọng cách trình bày các dạng văn bản theo mẫu báo cáo đồ án và mẫu báo cáo NCKH chuẩn Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

Định hướng Đồ án Tự động 2. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115054 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG SERVO

Cung cấp kiến thức về tính toán, lựa chọn và điều khiển động cơ servo, stepper Mitsubishi.

Tài liệu tham khảo

Điều khiển hệ thống servo. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115057 MÔ HÌNH HÓA VÀ MÔ PHỎNG HỆ THỐNG

Cung cấp kiến thức về truyền động điện tự động, quá trình thực hiện mô hình hóa một số đối tượng: mức, lưu lượng, nhiệt độ, vận tốc. Sử dụng phương pháp nhận dạng hệ thống để xác định mô hình của các đối tượng trên, trên cơ sở đó tiến hành mô phỏng,

so sánh với đáp ứng của các đối tượng thực. Áp dụng công cụ MatLab Simulink để thực hiện quá trình mô hình hóa và nhận dạng hệ thống.

Tài liệu tham khảo

Mô hình hóa và nhận dạng hệ thống. Huỳnh Thái Hoàng. Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

115060 KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG - CẢM BIẾN

Môn học trình bày những phần cơ bản về đo lường điện, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo, sai số trong đo lường và đơn vị đo lường quốc tế, đo điện áp và dòng điện, đo tổng trở, phương pháp dùng Vôn kế và Ampe kế, cầu đo một chiều và xoay chiều tần số thấp, đo công suất, dao động ký. Giới thiệu về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các loại cảm biến thông dụng trong công nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Tân, Ngô Văn Ky, Kỹ thuật đo, NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM 2005
- David A. Bell, Electronic Instrumentation and Measurements, Prentice Hall International Edition.

115061 THỰC TẬP KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG - CẢM BIẾN

Môn học này giới thiệu cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo lường, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của các loại cảm biến. Thực tập đo, thu thập dữ liệu, đánh giá kết quả đo của các loại thiết bị đo, các loại cảm biến.

Tài liệu tham khảo

Đào Hồng Phong, Giáo trình Thực tập Kỹ thuật Đo lường-Cảm biến, Trường đại học Lạc Hồng.

115062 LẬP TRÌNH KỸ THUẬT

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình C như cấu trúc chương trình, các kiểu dữ liệu, các cấu trúc điều khiển, các hàm nhập xuất dữ liệu. Bên cạnh đó, môn học cũng hướng dẫn cho sinh viên áp dụng kỹ thuật lập trình để giải quyết các bài toán trong thực tế, đặc biệt là trong ngành điện tử như tính toán các mạch RLC, đèn giao thông, mô phỏng các vi mạch logic ...

Tài liệu tham khảo

- W. Buchanan, Lập trình C trong kỹ thuật điện tử, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2000.

- Quách Tuấn Ngọc, Ngôn ngữ lập trình C, NXB Thống Kê, 2003.
- Thomas W. Schultz, C and the 8051, PageFree Publishing, Inc., 2004

115063 CƠ LÝ THUYẾT

Cung cấp kiến thức về phân tích lực, phân tích moment tác động lên trục

Tài liệu tham khảo

- Cơ học lý thuyết, Nguyễn Hữu Tình, In lần thứ 3. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001

115064 VI ĐIỀU KHIỂN

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc của các bộ vi điều khiển thông dụng như 8051, AVR, PIC, Arduino. Lập trình điều khiển và giao tiếp với các ngoại vi như nút nhấn, LED, LCD, động cơ DC, real time...

Tài liệu tham khảo

Lê Tiến Lộc, Giáo trình Vi điều khiển, Trường đại học Lạc Hồng.

115065 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC 1

Môn học này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành kết nối phần cứng PLC trong đó sinh viên sẽ được hướng dẫn cách kết nối phần cứng, cách xác định các dạng, ra PLC I Role, NPN, PNP của các loại PLC Omron, Siemens, LG, Moller. Sinh viên sẽ viết một loạt các qui trình với các mô hình thí nghiệm có sẵn để đồ chương trình xuống PLC cũng như Load chương trình PLC ngược lên đồng thời sẽ kết nối PLC với màn hình cảm ứng, tạo lập giao diện màn hình cảm ứng load chương trình xuống màn hình cảm ứng.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình “ Điều khiển lập trình” dành cho hệ đại học, khối ngành Công Nghệ.
- Phan Xuân Minh, Nguyễn Doãn Phước, Tự động hoá với SIMATIC S7 – 200, Nhà xuất bản Nông Nghiệp 1997.
- Mitsubishi các bộ điều khiển lập trình.
- Omron C and CV series PLCs.
- Tài liệu giảng dạy PLC của Trung tâm Việt – Đức.

115066 THỰC TẬP KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PLC 2

Môn học này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành kết nối phần cứng PLC dựa trên Thực tập kỹ thuật lập

trình PLC 1, trong đó sinh viên sẽ được hướng dẫn nâng cao cách kết nối phần cứng, cách xác định các dạng, ra PLC I Role, NPN, PNP của các loại PLC Omron, Siemens, LG, Moller. Sinh viên sẽ viết một loạt các qui trình với các mô hình thí nghiệm có sẵn để đồ chương trình xuống PLC cũng như Load chương trình PLC ngược lên đồng thời sẽ kết nối PLC với màn hình cảm ứng, tạo lập giao diện màn hình cảm ứng load chương trình xuống màn hình cảm ứng.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình “ Điều khiển lập trình” dành cho hệ đại học, khối ngành Công Nghệ.
- Phan Xuân Minh, Nguyễn Doãn Phước, Tự động hoá với SIMATIC S7 – 200, Nhà xuất bản Nông Nghiệp 1997.
- Mitsubishi các bộ điều khiển lập trình.
- Omron C and CV series PLCs.
- Tài liệu giảng dạy PLC của Trung tâm Việt – Đức.

115067 MODULE SẢN XUẤT LINH HOẠT

Giới thiệu phương pháp module hóa quá trình sản xuất, các module hình thành nên quy trình sản xuất hiện tại, phương pháp tính toán lựa chọn tối ưu quy trình bố trí sản xuất.

Tài liệu tham khảo

Module sản xuất linh hoạt FMS. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115068 KAIZEN - TPM

Các nguyên lý triết lý cải tiến Kaizen - TPM và ứng dụng các bước triển khai dự án cải tiến.

Tài liệu tham khảo

Kaizen ứng dụng. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115069 NHẬP MÔN TỰ ĐỘNG HÓA

Cung cấp kiến thức cho người học về Khoa, ngành, các phòng ban liên quan. Giới thiệu về các phòng thí nghiệm thuộc Khoa. Giới thiệu về các kỹ năng và phương pháp để đạt được các kỹ năng trong cuộc sống. Giới thiệu định hướng ngành, CTĐT và nội dung của từng môn trong chương trình đào tạo.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu hỗ trợ Nhập môn Ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, 2018. Đại học Lạc hồng.

115070 MOTION CONTROL

Cung cấp kiến thức về cơ sở tính toán, lựa chọn động cơ và điều khiển di chuyển sử dụng công cụ Motion Control của Siemens, Mitsu. Áp dụng điều khiển vận tốc, vị trí đối tượng vitme, băng tải, index table.

Tài liệu tham khảo

Industrial Motion Control. Hakan Gurocak. Đại học Washington State. Nhà xuất bản Wiley.

115071 ĐIỀU KHIỂN BẰNG MÁY TÍNH

Phần mềm C#, ứng dụng lập trình đa luồng đồng thời xử lý phương trình logic, lập trình xử lý hàm P, PI và PID trong điều khiển ổn định, lập trình tỷ lệ thông qua các giao tiếp máy tính thông dụng, đọc/xuất dữ liệu logic/liên tục (realtime) qua các giao tiếp máy tính.(LPT; COM; USB; Ethernet; ISA, IE)

115072 KỸ THUẬT LẬP DỰ ÁN

Ứng dụng các Phương pháp quản trị dự án, công cụ thực hiện, các yêu cầu, các mốc thời gian kiểm tra kế hoạch, chi phí, tổ chức hoạt động, nghiên cứu triển khai. hoạt động, giới thiệu dự án.

Tài liệu tham khảo

Quản lý dự án. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115073 LẬP TRÌNH WEB ỨNG DỤNG TRONG IOT

Lập trình Web ứng dụng trong IoT truy cập CSDL từ máy tính qua mạng Internet sử dụng C#

Tài liệu tham khảo

Kỹ thuật lập trình Web IoT Ứng dụng. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115074 CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ LẬP TRÌNH XỬ LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Cơ sở dữ liệu (CSDL), phần mềm lập trình cơ sở dữ liệu, phân cấp quản lý - truy cập cơ sở dữ liệu. Lập trình truy cập (đọc/xuất) CSDL sử dụng C#

Tài liệu tham khảo

Lập trình xử lý CSDL Ứng dụng. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115075 SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ỐNG PFD VÀ P&ID

Cung cấp kiến thức đọc hiểu, vẽ sơ đồ BFD, PFD và P&ID ứng dụng trong lĩnh vực điều khiển quá trình nhiệt, lọc hóa dầu.

Tài liệu tham khảo

Thiết kế hệ thống Điều khiển quá trình. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115076 HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Môn học này cung cấp kiến thức về các thành phần cơ bản của hệ thống điều khiển, về hàm truyền, sơ đồ khối, không gian trạng thái trong hệ thống điều khiển. Các kiến thức về mô hình toán học của hệ thống động lực, phân tích đáp ứng quá độ và sai số trạng thái tĩnh, xây dựng biểu đồ quỹ tích nghiệm, tìm dự trữ pha, dự trữ hệ số khuếch đại, vẽ biểu đồ Bode, vẽ biểu đồ Nyquist, kỹ thuật thiết kế bù và hệ thống rời rạc.

Tài liệu tham khảo

- Trần Hoài An, Lý thuyết điều khiển tự động-Tập 1, NXB GTVT 2005
- Huỳnh Thái Hoàng- Nguyễn Thị Phương Hà, Lý thuyết điều khiển tự động.
- Robert H. Bishop, Mechatronics Handbook, The University of Texas, 2006.
- Robert H Bishop, Modern Control Systems Analysis And Design Using Matlab

115077 HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN M&E

Giới thiệu hệ thống Mechanical và Electrical trong công nghiệp, xây dựng và quản lý.

Tài liệu tham khảo

Hệ thống M&E. Đại học Lạc Hồng, 2018.

115078 CAD TRONG KỸ THUẬT ĐIỆN

Môn học cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về: Cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ. Sau khi học xong môn học sinh viên có kỹ năng diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác.

Tài liệu tham khảo

Hướng Dẫn Sử Dụng Microsoft Visio, Phan Nhật Uyên, Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TPHCM.
Ecodial User Guide, Schneider Electric.

115079 HỆ THỐNG NHÚNG

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình hệ thống nhúng bao gồm lý thuyết về cấu trúc của hệ thống nhúng, kiến trúc của bộ vi xử lý được sử dụng trong hệ thống nhúng, hệ điều hành, các phương pháp biên dịch hệ

điều hành. Xây dựng các ứng dụng trên hệ điều hành Linux, Windows CE và trên các thiết bị di động.

Tài liệu tham khảo

Raj Kamal, Embedded system, McGraw-Hill Education, 2003.

116002 – 148077 CƠ KỸ THUẬT

Vận dụng lý thuyết vào khảo sát các bài toán cân bằng tĩnh học cơ bản. Xác định được các lực tại các liên kết bằng phương pháp hình học, Phương pháp giải tích. Vận dụng lý thuyết vào khảo sát: chuyển động của điểm, chuyển động của vật rắn, hợp chuyển động, chuyển động song phẳng. Vận dụng lý thuyết vào bài toán cơ bản của sức bền vật liệu như: thanh chịu kéo (nén) đúng tâm, xoắn thuần túy, uốn ngang phẳng, chịu lực phức tạp (nén lệch tâm, uốn xiên, uốn cộng xoắn đồng thời) Giải thích nguyên lý làm việc, các loại truyền động và phương pháp tính toán thiết kế các chi tiết máy để học sinh, ứng dụng vào tính toán những bài tập cơ bản thuộc cơ ứng dụng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Đình - Nguyễn Văn Khang- Đỗ Sanh, Cơ học, Tập 1. Tĩnh học và Động học, NXB Giáo dục, Hà Nội - 1998.
- Đào Huy Bích - Phạm Huyền, Cơ học lý thuyết, NXB ĐH Quốc gia, Hà Nội – 1999.
- Đỗ Sanh, Cơ học, Tập 2. Động lực học, NXB Giáo dục, Hà Nội - 1998.
- Đào Huy Bích - Phạm Huyền, Cơ học lý thuyết, NXB ĐH Quốc gia, Hà Nội – 1999.
- Nguyễn Văn Đình - Nguyễn Nhật Lệ - Đỗ Sanh, Bài tập cơ học, Tập 1. Tĩnh học và Động học, NXB Giáo dục, Hà Nội - 1998.
- Lê Doãn Hồng - Đỗ Sanh, Bài tập cơ học, Tập 2. Động lực học, NXB Giáo dục, Hà Nội – 1998.

116007 THỰC TẬP CƠ KHÍ TỔNG QUÁT

Môn học này nhằm rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết về nghề nguội và hàn điện hồ quang. Môn học gồm 2 phần: Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các dụng cụ trong nghề nguội, các bước tiến hành khi sử dụng các dụng cụ đó để gia công chi tiết; các kiến thức cơ bản về kỹ thuật hàn điện hồ quang. Phần thực hành rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để hoàn thành bài tập tổng hợp gia công búa nguội và sử dụng máy hàn điện hồ quang để hàn được một số mối hàn.

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu hướng dẫn dạy nghề nguội, Vụ đào tạo nghề Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.
- Giáo trình cơ khí đại cương, Đại học Đà Nẵng 2002.
- Nguyễn Ngọc Điện – Trịnh Thu Thủy, Gia công kim loại và an toàn trong công nghiệp, NXB Lao động – xã hội 2002.

116008 QUẢN TRỊ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên hiểu được quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức. Nắm bắt được bốn chức năng cơ bản của quản trị. Mô tả các vai trò của nhà quản trị. Xác định được các cấp quản trị trong các tổ chức và nhiệm vụ chủ yếu của mỗi cấp quản trị. Hiểu được tại sao phải học quản trị và phải học như thế nào để trở thành nhà quản trị giỏi.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Huyền, Giáo trình quản trị học, Nhà xuất bản Tài Chính.
- Vũ Thế Phú, Quản trị Maket tinh, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh

116009 CÔNG NGHỆ KHÍ NÉN - THỦY LỰC

Nguyên lý làm việc của hệ thống điều khiển khí nén, điện khí nén; thủy lực, điện thủy lực. ưu nhược điểm của hệ thống điều khiển bằng khí nén, thủy lực so với điện. Giới thiệu các phần tử trong hệ thống. Nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển khí nén, thủy lực. Cách phát hiện lỗi của phần tử và hệ thống, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Phương, Hệ thống điều khiển bằng khí nén, NXB Giáo dục 1999
- Nguyễn Ngọc Phương, Hệ thống điều khiển bằng thủy lực, NXB Giáo dục 2000
- Tài liệu huấn luyện hãng FESTO – CHLB Đức, NORGEN, BOSCH, WICKER, HERRION, MANESSMAN
- Trần Xuân Túy, Hệ thống điều khiển tự động thủy lực, NXB Khoa học kỹ thuật.
- Giáo trình hệ thống truyền động thủy khí, trường đại học Bách Khoa Đà Nẵng.

116010 NGUYÊN LÝ- CHI TIẾT MÁY

Môn học chia thành 2 phần:

Phần 1: Chi tiết máy

Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: tính toán thiết kế các chi tiết theo các chỉ tiêu khả năng làm việc: độ bền, độ cứng, độ chịu mòn, độ chịu nhiệt ...

Phần 2: Nguyên lý máy

Phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng để giải các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu. Đây là môn học cơ sở nghiên cứu về cấu tạo, động học và động lực học của cơ cấu.

Tài liệu tham khảo

- Trịnh Chất, Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 1994.
- Nguyễn Trọng Hiệp, Chi tiết máy, Tập I, II, Nhà xuất bản Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1994.
- Nguyễn Văn Lắm – Nguyễn Trọng Hiệp, Thiết kế chi tiết máy, Nhà xuất bản giáo dục, 1993.
- Nguyễn Hữu Lộc – Nguyễn Tuấn Kiệt – Phan Tân Tùng- Nguyễn Thanh Nam, Cơ sở thiết kế máy, Phần I, II, Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM, 2002.
- Trịnh Chất – Lê Văn Uyển, Tính toán thiết kế hệ dẫn động cơ khí, Tập I, II, Nhà xuất bản giáo dục, 1993.
- Giáo trình Cơ Học Máy – TS Lại Khắc Liễm.
- Bài học Nguyên Lý Máy – Tạ Ngọc Hải.
- Nguyên lý máy – Đinh Gia Tường.

116024 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ

Cung cấp các kiến thức và kỹ năng đọc các tài liệu chuyên ngành Cơ Điện Tử được viết bằng tiếng Anh ở trình độ nâng cao.

Tài liệu tham khảo

Eric H. Glendinning, Norman Glendinning, C Eng. MIMechE, Oxford English for electrical and mechanical engineering, Oxford University Press.

116034 THỰC TẬP MÁY CÔNG CỤ

Trên cơ sở các kiến thức về lý thuyết đã học được ở môn cơ sở công nghệ chế tạo máy sinh viên được làm quen với các thao tác cơ bản trên một số máy móc, thiết bị, dụng cụ gia công cơ khí và đồng thời đạt được tay nghề cơ bản của các phương pháp gia công đó. Qua đợt thực tập sinh viên có khả năng lập được quy trình gia công một chi tiết cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu giáo viên biên soạn.
- Công nghệ kim loại, Đào Quang Kế - Hoàng Đình Hiếu, NXB Nông nghiệp, Hà Nội – 2005.

- Dương Văn Linh – Trần Thế San – Nguyễn Ngọc Đào, hướng dẫn thực hành kỹ thuật tiện, NXB Đà Nẵng 2000.
- Hoàng Trí – Nguyễn Thế Hùng – Trần Thế San, Thực hành cơ khí, NXB Đà Nẵng 2000.

116036 THỰC TẬP CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC

Môn này sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành trên các máy CNC: máy tiện CNC, Máy phay CNC.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Thị Minh Trinh – Công nghệ CAD/CAM.
- Mastercam reference manual.

116062 ROBOT CÔNG NGHIỆP

Sinh viên nắm các thông tin cơ bản nhất về tay máy công nghiệp, các vấn đề về động học, động lực học và điều khiển và lập trình tay máy công nghiệp. Ứng dụng tay máy trong công nghiệp và trong hệ thống tự động.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tiến Dũng, Tay máy công nghiệp, ĐHSPKT, 2000.
- Kolo Mikov, _Sophia, Robotika, 1986.
- Nguyễn Thiện Phúc, Người máy công nghiệp, ĐHBK Hà Nội, 1995.
- Applied Robotic Analysis.
- Introduction to robot.

116040 KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG CƠ KHÍ

Môn học gồm hai phần: Phần dung sai và lắp ghép cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các khái niệm cơ bản về dung sai và lắp ghép, sai số gia công các yếu tố hình học của chi tiết, dung sai và lắp ghép bề mặt tròn, dung sai và lắp ghép các chi tiết điển hình, chuỗi kích thước. Phần kỹ thuật đo cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: các vấn đề cơ bản của kỹ thuật đo, đo kích thước dài, đo kích thước góc, đo sai lệch hình dạng và vị trí tương quan giữa các bề mặt.

Tài liệu tham khảo

- Trần Quốc Hùng, Dung sai kỹ thuật đo, Trường ĐH SPKT 2005.
- Hoàng Xuân Nguyên, Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật, NXB giáo dục 1994.
- Ninh Đức Tôn, Dung sai và lắp ghép, NXB Giáo dục, Hà Nội – 2001.

116049 BẢO TRÌ CÔNG NGHIỆP

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo trì hiện đại nhằm giúp sinh viên có thể thiết kế, xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý bảo trì có hiệu quả. Phân tích nguyên nhân, xây dựng chiến lược bảo trì năng suất toàn diện, kiểm soát chất lượng, bảo trì tập trung vào độ tin cậy. Sản xuất tinh gọn và bảo trì tinh gọn.

Tài liệu tham khảo

- Dương Bình Nam - Hoàng Trí. Giáo trình bảo trì, bảo dưỡng máy công nghiệp, trường ĐHSPKT Tp Hồ Chí Minh
- Lê Văn Hiếu, Giáo trình quản lý bảo trì công nghiệp, ĐHSPKT Hưng Yên

116051 CAD TRONG KỸ THUẬT

Môn học này giới thiệu cho sinh viên ngành kỹ thuật nắm vững những kiến thức về kỹ thuật trên máy tính, rèn luyện kỹ năng lập và đọc bản vẽ. Bao gồm cách thành lập một bản vẽ theo đúng tiêu chuẩn, các tập lệnh hình thành một bản vẽ, xuất bản vẽ và in ấn bản vẽ. Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ diễn tả ý tưởng thiết kế của mình trên máy tính một cách nhanh chóng, chính xác đồng thời môn học này sẽ làm cơ sở cho các phần mềm ứng dụng công nghệ cao như cad, cad/cam/cnc ... sau này.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình do giáo viên biên soạn.
- Hình họa vẽ kỹ thuật – Trần Hữu Quế - Nhà xuất bản giáo dục.

116054 CÔNG NGHỆ CAD/CAM/CNC

Môn học cung cấp các kiến thức và phương pháp luận về CAD/CAM, mô hình hoá hình học, đồ hoạ máy tính, thiết kế nhờ máy tính và các ứng dụng, công nghệ, lập trình và máy công cụ CNC, hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) và hệ thống sản xuất tích hợp nhiều máy tính (CIM).

Tài liệu tham khảo

- Groover Mikell P, Zimmer Emory W., Jr. CAD/CAM. Computer- Aided Design and Manufacturing - prentice Hall international, 1998.
- Rao P.N, CAD/CAM Principles and Applications - Mc.Graw Hill 2002.
- Đoàn Thị Minh Trinh, công nghệ CAD/CAM - Nhà Xuất bản KH-KT, 1998.

116063 HỌC KỲ THỰC TẬP 1

Học phần là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những phần sau:

- Củng cố và nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường. Bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế trong nội dung thực tập.

- Thực tập các kỹ năng của một kỹ sư, xây dựng tác phong và phương pháp làm việc của người kỹ sư trong hoạt động nghề nghiệp.

- Rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề cùng với các kỹ năng mềm.

Tài liệu tham khảo

- Sách, giáo trình chính: Giáo trình của tất cả các môn học
- Sách (TLTK) tham khảo:
- Tài liệu của đơn vị thực tập.

116064 CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phương pháp thiết kế quá trình công nghệ gia công chi tiết máy; phương pháp thiết kế đồ gá gia công cơ; giới thiệu các quy trình công nghệ điển hình; công nghệ lắp ráp các sản phẩm cơ khí.

Tài liệu tham khảo

- Phùng Rân – Trương Ngọc Thục – Nguyễn Ngọc Đào, Giáo trình công nghệ chế tạo máy phần 1 và 2, Trường ĐH SPKT TPHCM 2006.
- Lê Văn Tiến – Nguyễn Đắc Lộc, Công nghệ chế tạo máy tập 1 và 2, NXB giáo dục 1994.

116065 CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình sản xuất, quá trình công nghệ, các hình thức tổ chức sản xuất, cơ sở lý thuyết cắt gọt kim loại, các phương pháp gia công, chất lượng bề mặt chi tiết máy, độ chính xác gia công, chuẩn và kích thước công nghệ.

Tài liệu tham khảo

- Phùng Rân – Trương Ngọc Thục – Nguyễn Ngọc Đào, Giáo trình công nghệ chế tạo máy phần 1 và 2, Trường ĐH SPKT TPHCM 2006.
- Đặng Văn Nghin – Lê Minh Ngọc – Lê Đăng Nguyên – Lê Trung Thục, Cơ sở công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH BK TPHCM 1992.
- Trần Doãn Sơn – Hồ Đắc Thọ – Lê Đức Quý, Cơ sở công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH BK TPHCM 1995.
- Lê Văn Tiến – Nguyễn Đắc Lộc, Công nghệ chế tạo máy tập 1 và 2, NXB giáo dục 1994.

- Dương Văn Linh – Trần Thế San – Nguyễn Ngọc Đào, hướng dẫn thực hành kỹ thuật tiện, NXB Đà Nẵng 2000.

116066 ĐỒ ÁN CƠ ĐIỆN TỬ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực thiết kế máy : trình tự tính toán thiết kế một máy hoàn chỉnh, cơ sở tính toán xác định năng suất, công suất, sức bền cơ học máy, tính toán thiết kế kích thước, dung sai các chi tiết máy, sơ đồ mạch điện, điện tử điều khiển, lập trình hệ thống tự động; hoàn thành hồ sơ bản vẽ chi tiết máy, bản vẽ sơ đồ khối mạch điều khiển tự động, bản vẽ lắp máy. Học phần này trang bị cho sinh viên khả năng tổng hợp kiến thức đã học và áp dụng vào thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình: Trịnh Chất , Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật 2006.
- Tài liệu tham khảo:
- PGS Trần Hữu Quế, Vẽ kỹ thuật cơ khí tập 1_2, NXB Giáo dục 2006
- Trịnh Chất, Lê Văn Uyển /Thiết kế hệ dẫn động cơ khí 1,2, NXB GD 2012

116067 HỌC KỲ THỰC TẬP 2

Học phần là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những phần sau:

- Củng cố và nâng cao kiến thức đã trang bị trong thời gian học tập tại trường. Bước đầu vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế trong nội dung thực tập.

- Thực tập các kỹ năng của một kỹ sư, xây dựng tác phong và phương pháp làm việc của người kỹ sư trong hoạt động nghề nghiệp.

- Rèn luyện khả năng, phân tích, tổng hợp, đề xuất và giải quyết vấn đề cùng với các kỹ năng mềm.

Tài liệu tham khảo

- Sách, giáo trình chính: Giáo trình của tất cả các môn học
- Sách (TLTK) tham khảo:
- Tài liệu của đơn vị thực tập.

116068 HÌNH HỌA - VẼ KỸ THUẬT

Nghiên cứu cách biểu diễn các vật thể, các chi tiết máy bằng phép chiếu thẳng góc và phép chiếu trục. Giúp cho sinh viên đọc được các bản vẽ hay khi nhìn vào bản vẽ có thể hình dung ra vật thể tương ứng trong không gian. Giúp sinh viên nắm được cách vẽ

quy ước các chi tiết máy thường dùng biết đọc, lắp các bản vẽ chi tiết và biết đọc bản vẽ lắp, các bộ phận máy và các máy móc cơ khí cũng như các sơ đồ điện.

Tài liệu tham khảo

- Bài tập Hình học hình hoạ, Nguyễn Quang Cự - Nguyễn Mạnh Dũng - Vũ Hoàng Thái, NXB Giáo dục – 1996.
- Vẽ kỹ thuật cơ khí, Tập 1, Trần Hữu Quế, NXB Giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội – 1992.
- Vẽ kỹ thuật cơ khí, Tập 1, Trần Hữu Quế, NXB Giáo dục chuyên nghiệp Hà Nội – 1996.
- Bài tập Vẽ kỹ thuật, Trần Tuấn Hiệp, Trường ĐH Nông nghiệp I Hà Nội.

116069 KỸ THUẬT ĐIỆN

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở lý thuyết và các phương pháp tính toán mạch điện; các kiến thức về nguyên lý, cấu tạo, đặc tính và ứng dụng các loại máy điện cơ bản.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Văn Đào, Lê Văn Doanh, Kỹ thuật điện, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2007.
- Nguyễn Trọng Thắng, Giáo trình Kỹ thuật điện, ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. HCM, 2012.

148003 NGUYÊN LÝ ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Các kiến thức về nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong. Các quá trình lý hóa cơ bản xảy ra trong động cơ. Các chu trình nhiệt động, chu trình làm việc lý tưởng và chu trình làm việc thực tế của động cơ, lý thuyết về quá trình cháy, các biện pháp giảm lượng khí xả trên động cơ. Các thông số đặc trưng cho các quá trình làm việc của động cơ đốt trong và các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình làm việc. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Các đặc tính của động cơ

Tài liệu tham khảo

- Động cơ đốt trong 1, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM, năm 2005.
- Nguyễn Tất Tiến. Nguyên lý động cơ đốt trong, Nhà xuất bản Giáo dục - 1999.
- Phạm Minh Tuấn. Động cơ đốt trong, NXB Khoa học và Kỹ Thuật - 1999.

148007 VẬT LIỆU HỌC

Kiến thức chung về cấu tạo kim loại và hợp kim, vật liệu kim loại trong chế tạo cơ khí và các kiến thức cơ bản trong nhiệt luyện các vật liệu kim loại để bảo đảm cơ tính làm việc. Cung cấp kiến thức cơ bản

về cấu tạo, tính chất sử dụng các vật liệu polime, chất dẻo, vật liệu composite, cao su, vật liệu keo, v.v.

Thí nghiệm vật liệu học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể kiểm tra đặc tính cơ, lý, hóa, của vật liệu bằng các thiết bị đo lường hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- Lê Công Dưỡng, Kim loại học vật lý,
- Nghiêm Hùng, Kim loại học và Nhiệt luyện, Trường ĐHSPTK – 1997

148012 KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Môn Kinh tế học đại cương bao gồm 2 phần: kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề về luật cung cầu, cơ chế thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất cũng như cách thức hình thành giá cả trong các loại thị trường. Kinh tế vĩ mô đề cập đến các vấn đề chu kỳ kinh tế, đo lường sản lượng quốc gia, lạm phát, thất nghiệp của nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- TS. Trần Đăng Thịnh (chủ biên), Huỳnh Thị Cẩm Tú, Võ Hữu Phước, Kinh tế học đại cương (dành cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế), NXB Đại học Quốc gia, 2009.
- PGS.TS Lê Bảo Lâm - TS Nguyễn Như Ý - TS Trần Thị Bích Dung - TS Trần Bá Thọ, Kinh tế vi mô và Câu hỏi Bài tập trắc nghiệm Kinh tế học vi mô, Nxb Lao Động – Xã hội, 2007.
- PGS.TS. Lê Bảo Lâm, Kinh tế học vi mô, NXB Thống kê, 2007.

148013 NHẬP MÔN QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Môn Kinh tế học đại cương bao gồm 2 phần: kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kinh tế vi mô nghiên cứu các vấn đề về luật cung cầu, cơ chế thị trường, hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất cũng như cách thức hình thành giá cả trong các loại thị trường. Kinh tế vĩ mô đề cập đến các vấn đề chu kỳ kinh tế, đo lường sản lượng quốc gia, lạm phát, thất nghiệp của nền kinh tế.

Học phần này cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ học phần này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về

các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường.

Tài liệu tham khảo

- Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phương Vương – Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức – NXB Thống kê, 2010.
- Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phương Vương – Bài tập Quản lý chất lượng trong các tổ chức – NXB Thống kê, 2010.
- TS. Nguyễn Kim Định – Quản trị chất lượng – NXB Đại học Quốc Gia TP HCM.
- Bùi Nguyên Hùng, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan – Quản lý chất lượng- NXB Đại học Quốc Gia TP HCM.

148020 HỆ THỐNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống điện – điện tử của động cơ ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và tính toán các hệ thống riêng biệt hợp thành mạng điện động cơ.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Hệ thống điện động cơ - PGS-TS Đỗ Văn Dũng.
- Giáo trình điện tử: Hệ thống điện động cơ. PGS-TS Đỗ Văn Dũng.
- Trang bị điện ô tô máy kéo. Đinh Ngọc Ân . Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục, 1993.
- Automotive electrical and electronic systems. BOSCH. Germany. 1998.
- Nhiều tác giả, Tủ sách Nhất Nghệ Tinh - Chuyên Ngành Kỹ Thuật, Ô Tô Và Xe Máy Hiện Đại, NXB Trẻ, Năm 2016

148023 NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC

Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học, những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù và các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập Học phần xã hội học.

Tài liệu tham khảo

- Tạ Minh, Xã hội học đại cương, NXB ĐH Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2007

- Tạ Minh, Trần Tuấn Phát ,Nhập môn xã hội học.NXB Tp. Hồ Chí Minh, 2001
- Trần Thị Kim Xuyên, Xã hội học nhập môn. NXB Thống kê,2001
- Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng, Xã hội học. NXB giáo dục, 1999
- Hermann Korte (bản dịch), Nhập môn lịch sử xã hội học. NXB Thế giới, 1999.

148024 THIẾT KẾ Ô TÔ

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, những đặc điểm về động học và động lực học của các cụm và hệ thống thuộc gầm xe ô tô. Cung cấp cho sinh viên những phương pháp tính toán cơ bản nhằm kiểm tra khả năng làm việc của các chi tiết, các cụm và hệ thống trong hệ thống gầm ô tô.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình chính: “Kết cấu và tính toán ô tô”, MSc. Đặng Quý, Trường ĐH SPKT Tp.HCM
- Nguyễn Hữu Cần, Phan Đình Kiên,Thiết kế và tính toán ô tô máy kéo Tập 1,2,3, NXB Giáo Dục, 1996
- Simon Glen, Volkswagen Type 3: Concept, Design, International Production Models & Development, Veloce Publishing, March 17, 2017

148025 HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TRÊN Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và tính toán các hệ thống riêng biệt hợp thành mạng điện thân xe và các hệ thống tự động điều khiển

Tài liệu tham khảo

- PGS-TS Đỗ Văn Dũng, Hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô.
- Trang bị điện ô tô máy kéo, Đinh Ngọc Ân. Hà Nội:Nhà xuất bản giáo dục, 1993.
- Automotive electrical and electronic systems. BOSCH. Germany. 1998.
- Automotive mechanics / William Crouse. Newyork Mc. Graw Hill International Edition. 1994.

148030 DAO ĐỘNG VÀ TIẾNG ỒN Ô TÔ

Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức về dao động và phương pháp mô phỏng dao động cũng như bản chất vật lý, nguồn gốc và các nguyên nhân của tiếng ồn,

sự rung động và va đập trên ô tô. Từ đó đưa ra các phương pháp chẩn đoán và biện pháp sửa chữa khắc phục các hiện tượng trên giúp sinh viên hình thành các năng lực chuyên môn nghề nghiệp chuyên ngành ô tô.

Tài liệu tham khảo

- Lê Xuân Cận (dịch), Lý thuyết dao động, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2000
- Nguyễn Hữu Cần ,Lý thuyết ô tô máy kéo, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1996
- Nguyễn Văn Khang, Dao động kỹ thuật, NXB Khoa học và kỹ thuật, 1999
- Tony Candela, Automotive Wiring and Electrical Systems, S-A Design, April 2 2009

148031 HỆ THỐNG AN TOÀN VÀ TIỆN NGHI TRÊN Ô TÔ

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô những kiến thức cơ bản về hệ thống tiện nghi trên ô tô, bao gồm: sơ đồ, cấu tạo, nguyên lý làm việc, luận cứ và thuật toán điều khiển các hệ thống

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Hệ thống tiện nghi trên ô tô
- Giáo trình điện tử: Hệ thống tiện nghi.
- Automotive electrical and electronic systems. BOSCH. Germany. 1998.
- Automotive mechanics / William Crouse. Newyork Mc. Graw Hill International Edition. 1994

148039 DUNG SAI KỸ THUẬT ĐO

Tính đổi lẫn chức năng trong ngành chế tạo máy. Dung sai và lắp ghép các mối thông dụng trong ngành chế tạo máy như mối ghép hình trụ trơn, mối ghép then và then hoa, mối ghép ren, phương pháp giải bài toán chuỗi kích thước và nguyên tắc cơ bản để ghi kích thước trên bản vẽ chi tiết, một số loại dụng cụ đo và phương pháp đo các thông số cơ bản của chi tiết.

Tài liệu tham khảo

- Trần Quốc Hùng, Dung sai – Kỹ thuật đo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp HCM, 2004
- Ủy ban Khoa học Kỹ thuật nhà nước Việt Nam, Các tiêu chuẩn nhà nước Việt Nam, 1994 – 2004.
- Hồ Đắc Thọ và Nguyễn thị Xuân Bảy, Cơ sở kỹ thuật đo trong chế tạo máy, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật 1984.

- Nguyễn Đắc Lộc, Lê Văn Tiến, Ninh Đức Tôn, Trần Xuân Việt Sổ tay công nghệ chế tạo máy. Tập 1, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 1999.

148041 LÝ THUYẾT Ô TÔ

Môn học bao gồm các vấn đề về khảo sát động học và động lực học chuyển động thẳng, quay vòng và phanh ô tô, khảo sát hiện tượng dao động, ổn định và đánh giá tính kinh tế nhiên liệu của ô tô. Môn học là cơ sở cho việc đánh giá chất lượng động lực học chuyển động của ô tô, cho những ứng dụng trong vận hành và khai thác cũng như trong những tính toán thiết kế động học và động lực học những mẫu xe mới

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Hữu Cần, Lý thuyết ô tô, Nhà xuất bản KHKT, Năm 2000
- Nguyễn Khắc Trai, Tính điều khiển và quỹ đạo chuyển động của ô tô, NSB Giao thông vận tải, Năm 1997
- Lý thuyết ô tô, Đặng Quý, ĐH SPKT TP.HCM, Năm 2009.
- Mercedes- Benz Military Vehicle 1997

148047 THỰC TẬP LẬP TRÌNH ĐIỀU KHIỂN Ô TÔ

Nội dung học phần bao gồm: kiến thức về các tín hiệu điện trên ô tô (tín hiệu ngõ vào, ngõ ra điều khiển), thuật toán điều khiển, phương pháp nhận tín hiệu và điều khiển các loại cơ cấu chấp hành hệ thống trên ô tô.

Sau khi học xong học phần sinh viên:

- Hiểu được cấu trúc các hệ thống điều khiển trên ô tô.
- Lập trình điều khiển các hệ thống điều khiển cơ bản trên ô tô.
- Tài liệu tham khảo
- Atmel Corporation, AVR Microcontroller, 2005.
- Pavel Haiduc anh HP InfoTech S.R.L., CodeVisionAVR, 1998.

148048 THỰC TẬP NGUỘI

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật công nghiệp có tác phong và đạo đức trong nghề nghiệp, nắm vững cấu tạo và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ cắt gọt cầm tay (giũa, đột dũa, mũi vạch, búa, cưa tay, tarô...), dụng cụ đo kiểm (thước cặp, êke, thước lá, thước vạch dũa...). Có khả năng chế tạo và sửa chữa nhỏ phục vụ cho kỹ thuật chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đức Sâm, Bài giảng điện tử thực hành nguội. (Lưu hành nội bộ), Trường ĐH SPKT Tp.HCM, 2014.
- Hà Văn Vui, Thực hành nghề nguội, NXB Đại học & Giáo dục - năm 1990
- Nguyễn Tiến Đạt, Hướng dẫn dạy nghề nguội, NXB công nhân kỹ thuật, Năm 1977
- Quốc Việt, Nguội dụng cụ, NXB công nhân kỹ thuật, Năm 1983

148049 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Luyện kỹ năng đọc, dịch qua một số bài đọc chọn lọc với trọng tâm về kỹ thuật ô-tô. Tăng cường kiến thức ngữ pháp căn bản và các kỹ năng từ vựng cần thiết cho việc đọc dịch.

Tài liệu tham khảo

- J. Rodriquez, English for Automotive Engineering, Oxford, 2002.
- www.howstuffworks.com
- English for the Automotive Engineering.
- English for Technical Student

148051 TÍNH TOÁN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Nội dung chính của học phần này bao gồm các kiến thức về động học và động lực học của cơ cấu piston - khuỷu trục - thanh truyền, cơ cấu phân phối khí. Các kiến thức về cân bằng động cơ. Tính toán kiểm nghiệm sức bền của các chi tiết chính trong nhóm pit-ton- khuỷu trục- thanh truyền và các chi tiết của các hệ thống phụ trên động cơ

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình động cơ đốt trong 2, Nguyễn Văn Trạng, ĐH SPKT. Tp.HCM, 2006.
- Kết cấu - Tính toán động cơ đốt trong - Nhà xuất bản ĐH&THCN.
- A. Kolchin, A. Demidov. Design of Automotive Engines, Mir Publishers Moscow.
- The Internal Combustion Engine in Theory and Practice - The M.I.T (Massachusetts Institute of Technology), 1998.

148055 TRÌNH BÀY CÁC VĂN BẢN VÀ VĂN BẢN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Môn học Soạn thảo văn bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về kỹ năng soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, ...), cũng như

trong hoạt động kinh doanh (hợp đồng, thư thương mại ...) những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này

Tài liệu tham khảo

- Bài giảng “Kỹ thuật soạn thảo văn bản”, khoa Kinh tế, ĐH SPKT TP. HCM
- Vương Thị Kim Thanh, Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản – NXB Thống kê, Năm 2012.
- Hồ Ngọc Cẩm - 250 mẫu thường dùng trong việc soạn thảo văn bản quản lý và kinh doanh - NXB Thống kê, Năm 2012.
- Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 về việc Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

148056 ỨNG DỤNG MÁY TÍNH TRONG THIẾT KẾ VÀ MÔ PHỎNG Ô TÔ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bản vẽ trên phần mềm Catia, bao gồm phần xây dựng mô hình 3D của chi tiết, lắp ráp cụm chi tiết, lắp ráp một kết cấu máy hoàn chỉnh, xuất bản vẽ 2D của chi tiết, cụm chi tiết và mô phỏng hoạt động của cụm máy hay một kết cấu máy hoàn chỉnh.

Thông qua phần mềm Catia nhằm đẩy nhanh tốc độ thiết kế hướng tới một phương pháp thiết kế theo chuẩn công nghiệp, tạo ra các modun chuẩn có thể kế thừa trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo, hướng cho người học phương pháp thiết kế theo hệ thống, thiết kế theo nhóm, hình thành kết cấu nhanh theo ý tưởng đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

- J. B. Heywood, Internal Combustion Engine Fundamentals, McGraw-Hill, 1998.
- S. T. Turns, An Introduction to Combustion, McGraw-Hill, 2006.
- Willard W. Pulkrabek, Engineering Fundamentals of the Internal Combustion Engine, University of Wisconsin.
- Advanced Engine Technology, London Roal Institute of Technology, 1999.

148057 ỨNG DỤNG MÁY TRONG THIẾT KẾ VÀ MÔ PHỎNG ĐỘNG CƠ

Môn học cung cấp những kiến thức về các phần mềm trên ô tô, lý thuyết lập trình LabVIEW và các giải pháp trong lập trình các thiết bị đo lường giao tiếp với các cảm biến trên ô tô, lý thuyết điều khiển tự động trong ô tô nhằm điều khiển các cơ cấu chấp

hành và hệ thống tự động trên xe. Sau khi học xong học phần sinh viên:

- Lập trình được bằng ngôn ngữ LabVIEW.
- Biết được cách thiết lập hệ thống giao tiếp đo lường với môi trường LabVIEW.
- Tính toán, quy đổi các đại lượng đo lường và đại lượng điều khiển

Tài liệu tham khảo

- J, B. Heywood, Internal Combustion Engine Fundamentals, McGraw-Hill, 1998.
- S, T. Turns, An Introduction to Combustion, McGraw-Hill, 2006.
- Willard W. Pulkrabek, Engineering Fundamentals of the Internal Combustion Engine, University of Wisconsin.
- Advanced Engine Technology, London Roal Institute of Technology, 1999

148058 THỰC TẬP CHẨN ĐOÁN TRÊN Ô TÔ

Nội dung môn học bao gồm việc trình bày toàn bộ các tiêu chuẩn, những thông số kỹ thuật cần thiết để kiểm định ô tô, phân tích các phương pháp, những thiết bị cần thiết trong chẩn đoán kỹ thuật của ô tô. Xác định các thông số đặc trưng dùng trong chẩn đoán kỹ thuật, qua đó phân tích và đánh giá hiệu quả trong chẩn đoán kỹ thuật

Tài liệu tham khảo

- Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô
- Bộ Giao thông Vận tải, Chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Nhà xuất bản GTVT, 2001.
- Cục Kiểm định Việt Nam, Tiêu chuẩn kiểm định phương tiện Giao thông đường bộ, Đăng kiểm Việt Nam, 2000.

148059 NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành công nghệ ô tô, cách tra cứu thông tin liên quan, giúp cho sinh viên hiểu biết về công việc sẽ làm sau khi tốt nghiệp nhằm nâng cao lòng yêu nghề và tinh thần học tập.

Tài liệu tham khảo

- PGS-TS Đỗ Văn Dũng, Giáo trình Nhập môn ngành công nghệ ô tô
- Tài liệu đào tạo TEAM 21 - Toyota.

148061 CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của quá trình cắt kim loại, những hiện tượng cơ lý hóa xảy ra trong khi cắt, những đặc trưng và vai trò của hệ thống công nghệ, các phương pháp gia công cắt gọt, các vấn đề liên quan đến sai số gia công và các biện pháp khắc phục chúng để nâng cao độ chính xác gia công, chất lượng bề mặt của sản phẩm. Cách tính sai số gá đặt khi gia công đặc biệt là sai số chuẩn, tính chuỗi kích thước công nghệ khi gá đặt.

Tài liệu tham khảo

- Hồ Viết Bình . Phan Minh Thanh, Cơ sở Công nghệ chế tạo máy, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM 2013.
- Trần Văn Địch, Nguyên Lý Cắt Kim Loại, NXB KHKT 2000.
- Nguyễn Đắc Lộc – Lê Văn Tiến – Ninh Đức Tôn – Trần Xuân Việt, Sổ Tay Công Nghệ Chế Tạo Máy tập 1-2, NXB KHKT 2000.

148062 MÁY THỦY LỰC VÀ KHÍ NÉN

Giúp sinh viên nắm được nguyên lý cấu tạo, cách thức vận hành của các thiết bị chuyển động cơ học trong thiết bị nhiệt: bơm, quạt, máy nén.

Tài liệu tham khảo

- Lê Xuân Hoà, Nguyễn Thị Bích Ngọc. Giáo trình bơm, quạt, máy nén.
- Lê Thị Minh Nghĩa – Nguyễn Thiện Tổng, Bài giảng Máy thủy khí, ĐHKT Tp. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Văn May, Bơm, quạt, máy nén, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật: Hà nội, 1997._ 268tr

148063 CÔNG NGHỆ CHẨN ĐOÁN VÀ SỬA CHỮA Ô TÔ

Nội dung môn học bao gồm việc trình bày toàn bộ các tiêu chuẩn, những thông số kỹ thuật cần thiết để kiểm định ô tô, phân tích các phương pháp, những thiết bị cần thiết trong chẩn đoán kỹ thuật của ô tô. Xác định các thông số đặc trưng dùng trong chẩn đoán kỹ thuật, qua đó phân tích và đánh giá hiệu quả trong chẩn đoán kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo

- Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô
- Bộ Giao thông Vận tải, Chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Nhà xuất bản GTVT, 2001.
- Cục Kiểm định Việt Nam, Tiêu chuẩn kiểm định phương tiện Giao thông đường bộ, Đăng kiểm Việt Nam, 2000.

148064 NĂNG LƯỢNG MỚI TRÊN Ô TÔ

Môn học bao gồm các kiến thức về thực trạng ô nhiễm môi trường do khí thải ô tô và vấn đề sức ép lên nguồn nhiên liệu dầu mỏ, các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguồn nhiên liệu mới và các ứng dụng về năng lượng mới này trong ngành công nghiệp ô tô. Xe điện, xe lai và các công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quá trình quản lý và sử dụng năng lượng trên xe điện, xe lai

Tài liệu tham khảo

- Bùi Văn Ga, V.T. Bông, Phạm Xuân Mai, Trần Văn Nam, Trần Thanh Hải Tùng, Ô tô & Ô nhiễm Môi trường, NXB Giáo Dục, 1999.
- A. Faiz, C. S. Weaver, M. P. Walsh, Air Pollution from Motor Vehicles, 1996
- J.G. Speight, Petroleum Chemistry and Refining, Taylor & Francis, 1998.

148065 THỰC TẬP ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tháo lắp động cơ, phương pháp điều chỉnh, kiểm tra, sửa chữa các bộ phận chi tiết của động cơ, sử dụng các loại dụng cụ trong ngành ô tô có khoa học và chính xác.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tấn Lộc, Giáo trình thực tập động cơ 1, ĐH SPKT TP.HCM
- Tài liệu đào tạo của hãng Toyota
- Nhiều tác giả, Tủ sách Nhất Nghệ Tinh - Chuyên Ngành Kỹ Thuật, Ô Tô Và Xe Máy Hiện Đại, NXB Trẻ, Năm 2016
- Đỗ Dũng, Trần Thế sang, Sửa Chữa - Bảo Trì Động Cơ Diesel, NXB Khoa Học Kỹ Thuật, Năm 2000
- Đỗ Dũng, Trần Thế sang, Hướng Dẫn Thực Hành Sửa Chữa Và Bảo Trì Động Cơ Xăng NXB Khoa Học Kỹ Thuật, Năm 2001.

148067 THỰC TẬP VI ĐIỀU KHIỂN ỨNG DỤNG

Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vi điều khiển, đặc tính, cấu trúc, chức năng của các vi điều khiển và các ngoại vi của nó từ đó, người học có thể ứng dụng vi điều khiển vào giải quyết các vấn đề thực tế

Tài liệu tham khảo

- Ngô Đình Phú, Trương Ngọc Anh (2013), Giáo trình Vi xử lý, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM

- Lê Văn Doanh, Phạm Khắc Chương (1998), Kỹ thuật vi điều khiển, NXB Khoa học và Kỹ thuật

148068 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ

Học phần này trang bị cho sinh viên ngành công nghệ ô tô các kiến thức cơ bản nhất về hệ thống điện điều khiển động cơ xăng và động cơ Diesel. Cấu trúc, nguyên lý của hệ thống phun xăng và điều khiển động cơ Diesel bằng điện tử, phân tích sơ đồ mạch điện, phương pháp kiểm tra, phương pháp chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ xăng và diesel

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình thực tập động cơ 2 – Nguyễn Tấn Lộc, ĐH SPKT TP.HCM
- Hệ thống nhiên liệu common rail – Denso (Denso- Common Rail System)
- Automotive electrical and electronic systems. BOSCH. Germany. 1998.
- Automotive mechanics / William Crouse. Newyork Mc. Graw Hill International Edition. 1994.
- Tony Candela, Automotive Wiring and Electrical Systems, S-A Design, April 2 2009
- Vicent Keler, Everything Electrical How To Find Electrical Shorts, Kindle Edition, 2015

148069 KỸ THUẬT NHIỆT

Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về nhiệt động học kỹ thuật, các định luật 1 và 2, các chu trình sinh công và tiêu hao công, qua đó tính toán nhiệt và công cho các chu trình. Phần truyền nhiệt giúp cho sinh viên nắm bắt một số khái niệm liên quan cũng như các quy luật trao đổi nhiệt: dẫn nhiệt, truyền nhiệt đối lưu, bức xạ nhiệt.

Tài liệu tham khảo

- Lê Xuân Hoà, Kỹ thuật nhiệt, NXB đại học quốc gia TP. HCM – 2004.
- Phạm Lê Dân, Bùi Hải. Nhiệt động kỹ thuật, NXB Khoa học và Kỹ thuật - 1997.
- Phạm Lê Dân, Đặng Quốc Phú. Bài tập cơ sở Kỹ thuật nhiệt, NXB Giáo dục - 2000.
- Phạm Lê Dân, Đặng Quốc Phú. Cơ sở Kỹ thuật nhiệt, NXB Giáo dục - 2000.
- Hoàng Đình Tín. Truyền nhiệt và tính toán thiết bị trao đổi nhiệt. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật - 2001.
- Hoàng Đình Tín, Bùi Hải. Bài tập Nhiệt động lực học kỹ thuật và truyền nhiệt. Nhà xuất bản Giáo dục - 1996.

- Nguyễn Bón, Hoàng Ngọc Đồng. Nhiệt kỹ thuật. NXB giáo dục, 1999
- Lê Văn Ninh. Bài giảng môn học nhiệt kỹ thuật. Trường ĐHSPKT, 1999.

148070 THỰC TẬP HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC Ô TÔ

Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về kết cấu thiết kế hệ thống truyền lực ô tô. Cấu tạo chung ly hợp-hộp số thường, trục truyền các đăng, cầu xe chủ động, xe nhiều cầu chủ động. Phương pháp tháo, lắp ráp, kiểm tra các cụm chi tiết khi tháo rời khỏi xe, phương pháp kiểm tra cụm chi tiết hệ thống khi còn lắp trên xe.

Tài liệu tham khảo

- GV.ThS.Huỳnh Phước Sơn , Bài giảng thực tập hệ thống truyền lực ô tô, ĐH SPKT TP.HCM
- James E. Duffy, Modern Automotive Technology 1994.
- Clutch and manual transmission, (Toyota)
- Drive shaft- drive axle (Toyota)
- Võ Song, Lương Gia Sinh, Cam Dũng Huy, Kỹ Thuật Bảo Dưỡng Và Sửa Chữa Ô Tô Hiện Đại - Sửa Chữa Gầm, Mâm Ô Tô, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2012

148071 VI ĐIỀU KHIỂN ỨNG DỤNG

Môn học bao gồm các kiến thức về cấu tạo phần cứng của Vi điều khiển (các bộ nhớ bên trong, bộ định thời, các chức năng đặc biệt hỗ trợ khi sử dụng như tạo ngắt), cách lập trình cho Vi điều khiển và các tập lệnh của nó. Qua đó, sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu và tiếp cận với các hệ thống xử lý mới trong quá trình học.

Tài liệu tham khảo

- Tống Văn On , Hoàng Đức Hải, Họ Vi điều khiển 8051.
- Lê Văn Doanh, Kỹ thuật Vi điều khiển.
- Phan Đình Duy, Vũ Đức Lung, Lê Quang Minh Giáo Trình Vi Điều Khiển, ĐHQG-HCM, Năm 2016
- Scott MacKenzie Prentice Hall, The 8051 Microcontroller

148072 LẬP TRÌNH MATLAB

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về Lập trình Matlab. Học phần gồm hai phần chính là Giới thiệu về Lập trình Matlab và Giải đề dùng Matlab. Phần

một gồm giới thiệu về biểu thức, toán tử, biến, phép gán, đại lượng vô hướng, vectơ, các hàm cài sẵn, thuật toán, hàm do người dùng tự định nghĩa, các lệnh rẽ nhánh, các lệnh vòng lặp, vectơ hóa đoạn mã, xử lý chuỗi, mảng, xuất nhập tập tin. Phần hai gồm các kỹ thuật vẽ đồ thị, biểu diễn ma trận cho phương trình đại số tuyến tính, thống kê cơ bản, tập hợp, sắp xếp, chỉ mục, khớp đường cong, số phức, tích phân và vi phân. Ngoài ra môn học này còn định hướng phương pháp tư duy và phong cách lập trình Matlab.

Tài liệu tham khảo

- Stormy Attaway, Matlab: A Practical Introduction to Programming and Problem Solving, 2nd Edition, Elsevier, 2012.
- William J. Palm III, Introduction to MATLAB® for Engineers, 3rd Edition, McGraw-Hill, 2011

148073 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ Ô TÔ

Môn học trình bày những kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc các hệ thống điện ô tô. Phương pháp tháo lắp, kiểm tra, sửa chữa, xác định những nguyên nhân hư hỏng, phương pháp chẩn đoán, tìm pan thuộc hệ thống điện ô tô bao gồm: Hệ thống cung cấp điện; Hệ thống khởi động; Hệ thống đánh lửa; Hệ thống điều khiển nhiên liệu; Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu và Hệ thống thông tin.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Thịnh, Thực tập trang bị điện ô tô Tập 1, ĐH SPKT HCM, 1999, 175
- Đỗ Văn Dũng, Hệ thống điện động cơ, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2004, 312
- Võ Song, Lương Gia Sinh, Cam Dũng Huy, Kỹ Thuật Bảo Dưỡng Và Sửa Chữa Ô Tô Hiện Đại - Sửa Chữa điện Ô Tô, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2012

148074 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CHUYỂN ĐỘNG Ô TÔ

Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô những kiến thức cơ bản về kết cấu thiết kế hệ thống truyền lực ô tô. Cấu tạo chung ly hợp-hộp số thường, trục truyền các đăng, cầu xe chủ động, xe nhiều cầu chủ động. Phương pháp tháo, lắp ráp, kiểm tra các cụm chi tiết khi tháo rời khỏi xe, phương pháp kiểm tra cụm chi tiết hệ thống khi còn lắp trên xe

Tài liệu tham khảo

- GVC.ThS.Nguyễn Văn Toàn , bài giảng thực tập hệ thống treo, lái phanh trên ô tô, Trường ĐH SPKT TP.HCM
- James E. Duffy, Modern Automotive Technology 1994.
- Wheel alignment, Toyota .
- Suspension system, Tems and Emas, Toyota

148075 THỰC TẬP HỆ THỐNG ĐIỆN THÂN XE

Môn học trình bày những kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc các hệ thống điện thân xe ô tô. Phương pháp tháo lắp, kiểm tra, sửa chữa, xác định những nguyên nhân hư hỏng, phương pháp chẩn đoán, tìm pan thuộc hệ thống điện thân xe bao gồm: Hệ thống chiếu sáng tín hiệu; Hệ thống thông tin; Hệ thống điện phụ; Hệ thống điều hoà không khí.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Thành, Thực tập trang bị điện ô tô – Tập 1, Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM 1999, 175
- Đỗ Văn Dũng, Hệ thống điện động cơ, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2004, 312
- Tony Candela, Automotive Wiring and Electrical Systems, S-A Design, April 2 2009
- Vicent Keler, Everything Electrical How To Find Electrical Shorts, Kindle Edition, 2015

148076 QUẢN LÝ DỊCH VỤ Ô TÔ

Môn học trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến các vấn đề về quản lý một cơ sở dịch vụ ô tô và các quy trình về quản lý xưởng dịch vụ.

Tài liệu tham khảo

- Bài giảng môn Quản lý dịch vụ ô tô, ThS Nguyễn Văn Long Giang, trường ĐH SPKT Tp.HCM.
- Automotive Service Management, 2nd Edition, Andrew Rezin, Columbus St.Community College, Pearson, 2013

148078 KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Học phần dành cho sinh viên không chuyên ngành điện, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về máy điện, mạch điện, cách tính toán mạch điện, nguyên lý cấu tạo, tính năng và ứng dụng các loại máy điện cơ bản; cung cấp khái quát về đo lường các đại lượng điện. Trên cơ sở đó có thể hiểu được các máy điện, khí cụ điện thường gặp trong sản xuất và đời sống.

Tài liệu tham khảo

- Lương Văn Lăng, Kỹ thuật điện tử, Trường ĐHBK TP.HCM, 1991
- Đỗ Xuân Thu, Kỹ thuật điện tử, NXB Giáo dục 2001.
- Principle of Electronics, Barry Downing, NXB Prentice Hall, 1988

148079 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Môn học giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học của môn học THIẾT KẾ Ô TÔ, TÍNH TOÁN ĐỘNG CƠ ĐÓT TRONG, HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TRÊN Ô TÔ để giải quyết một bài toán thực tế trong lĩnh vực ô tô. Sau khi học xong môn học sinh viên có khả năng tính toán, phân tích, thiết kế động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống điện trên ô tô

Tài liệu tham khảo

- Đặng Quý, Ô tô 2, Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM, 2004
- PGS – TS Đỗ Văn Dũng Điện Động Cơ Và Điều Khiển Động Cơ, NXB Đại Quốc Gia TP HCM 2013
- The Fundamentals of Car Design & Packaging 2nd Edition, Stuart Macey, Geoff wardle, Design Studio Press, 2014
- Chassis Engineering: Chassis Design, Building & Tuning for High Performance Handling. Herb Adams, HP Books, (November 19, 1992)

148080 CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XE ĐIỆN VÀ XE LAI

Môn học bao gồm các vấn đề về khảo sát tổng quan, phân loại, công dụng, cấu trúc, ưu nhược điểm của từng loại xe điện và xe lai, công nghệ pin thế hệ mới, cấu trúc thiết kế tổng quan của xe điện và xe lai, cấu trúc vật liệu và kỹ thuật trong chế tạo xe điện và xe lai, tối ưu hóa biên dạng thân xe và hộp số để nâng cao hiệu suất trên xe điện và xe lai, mô phỏng điều khiển điện và quản lý năng lượng trên xe điện và xe lai.

Tài liệu tham khảo

- John Fenton, Ron Hodkinson, Lightweight Electric/Hybrid Vehicle Design, Nhà xuất bản Butterworth-Heinemann, 2001
- Emanuele Crisostomi, Robert Shorten, Sonja Stüdl, Fabian Wirth, Electric and Plug-in Hybrid Vehicle Networks: Optimization and Control , Nhà xuất bản CRC Press, Taylor & Francis Group, 2018.

148081 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ Ô TÔ

Học phần “Đồ án thiết kế ô tô” gồm những nội dung: Tính toán kết cấu một số hệ thống cơ bản như hệ thống treo, hệ thống lái, hệ thống truyền lực, kết cấu ô tô ... Qua đó, sinh viên có thể rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo liên quan đến lĩnh vực ô tô.

Tài liệu tham khảo

- Lý thuyết ô tô, TS Lâm Mai Long, Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM, 2004
- Ô tô 2, Đặng Quý, Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP HCM, 2004
- Động Cơ Và Điều Khiển Động Cơ, PGS – TS Đỗ Văn Dũng Điện, NXB Đại Quốc Gia TP HCM 2013
- The Fundamentals of Car Design & Packaging 2nd Edition, Stuart Macey, Geoff Wardle, Design Studio Press, 2014
- Chassis Engineering: Chassis Design, Building & Tuning for High Performance Handling. Herb Adams, HP Books, (November 19, 1992)

117001 THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG

Thí nghiệm Hóa đại cương dành cho sinh viên ngành kỹ thuật Hóa học và Môi trường. Bao gồm các thí nghiệm liên quan đến các kiến thức Hóa Đại Cương như vấn đề về dung dịch điện ly, dung dịch đệm, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, phản ứng oxi hóa khử,... Môn học sẽ giúp sinh viên biết các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, cách quan sát các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học, vận dụng những kiến thức đã học giải thích các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học.

Tài liệu tham khảo

- Võ Duy Thanh, Võ Văn Bé (2008), Thực hành hóa đại cương B, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TP HCM.
- Nguyễn Đức Chung (2009), Hóa học đại cương, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Đà, Đặng Trần Phách (2010), Cơ sở lý thuyết các phản ứng hóa học. Tái bản lần 5, Nhà xuất bản Giáo dục.

117002 HÓA HỮU CƠ

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ cũng như các kiến thức cơ bản về hóa học của các nhóm định chức chính thường gặp trong hóa hữu cơ.

Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Việt Hoa, Phan Thanh Sơn Nam (2007), ‘Hóa hữu cơ’, NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM
- Phan Thanh Sơn Nam (2008), ‘Bài tập hoá hữu cơ’, NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM, 2008.
- Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (2007), Hóa học hữu cơ – Tập 1, NXB Y học.
- Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (2007), Hóa học hữu cơ – Tập 2, NXB Y học.

117007 HOÁ VÔ CƠ

Môn học gồm 10 chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản các vấn đề liên quan đến các tính chất của các nguyên tố hóa học trong bảng hệ thống tuần hoàn, cơ sở lý thuyết của các liên kết hóa học trong các hợp chất vô cơ, các tính chất vật lý, hóa học, các phương pháp điều chế và ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ.

Tài liệu tham khảo

- TS Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long (Chủ biên), ThS Đỗ Đặng Thuận, ThS Bùi Trường Đạt (2016). Hóa Vô Cơ. NXB Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Soa (2009), Hóa vô cơ, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàng Nhâm, Hóa học vô cơ: Lý thuyết đại cương về hóa học – Tập 1, NXB Giáo dục, 2000
- Hoàng Nhâm, Hóa học vô cơ: Các nguyên tố hóa học điển hình – Tập 2, NXB Giáo dục, 2001
- Hoàng Nhâm, Hóa học vô cơ: Các nguyên tố chuyển tiếp – Tập 3, NXB Giáo dục, 2000

117009 THỰC TẬP CƠ SỞ

Thực tập cơ sở là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên năm nhất ngành Công Nghệ Kỹ thuật Hóa học. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Hóa học, từ đó giúp rèn luyện kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:

- Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.
- Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo

117010 KỸ THUẬT PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trên cơ sở các dụng cụ, máy móc thiết bị được trang bị, sinh viên nắm được kỹ năng thao tác sử dụng các loại dụng cụ, pha hóa chất và các chất chỉ thị cũng như sử dụng thiết bị máy móc và kỹ thuật bảo quản thiết bị máy móc trong quá trình sử dụng.

Tài liệu tham khảo

- Trần Kim Tiến (2001). Kỹ thuật an toàn trong phòng thí nghiệm hóa học, NXB Khoa Học Và Kỹ Thuật Hà Nội.

117029 ENGLISH ACADEMIC WRITING

Môn học English Academic Writing là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng đọc, hiểu và cách viết thể loại bài báo khoa học viết bằng tiếng Anh. Thông qua môn học, sinh viên được đánh giá cuối kỳ bằng thi viết, viết lại bài báo với những phần bị thiếu, không được giống bài báo nguyên bản, gồm: tiêu đề, tóm tắt và từ khóa.

Tài liệu tham khảo

- John M. Swales, Christine B. Feak (2004), Academic Writing for Graduate Students, Second Edition: Essential Tasks and Skills (Michigan Series in English for Academic & Professional Purposes), University of Michigan Press.

117030 ENGLISH TECHNICAL PRESENTATION

Sinh viên được cung cấp kỹ năng cần thiết để thiết kế một poster khoa học cũng như trình bày một bài báo cáo tại một hội nghị khoa học

Tài liệu tham khảo

- Carter M. (2013), Designing Science Presentations-A Visual Guide to Figures, Papers, Slides, Posters, and More, Elsevier.
- Alley M (2013), The craft of scientific presentations-Critical steps to succeed and critical errors to avoid, Springer.

117031 HÌNH HỌA KỸ THUẬT

Môn học Hình họa kỹ thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình học họa hình cũng như cách trình bày và đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn. Nội dung môn học gồm các phần sau:

- Các tiêu chuẩn về trình bày bản vẽ kỹ thuật
- Cách biểu diễn các hình chiếu của một chi tiết

Tài liệu tham khảo

- Trần Hữu Quế, GVC. Nguyễn Văn Tuấn (2007), Giáo trình vẽ kỹ thuật, Nxb Giáo dục.
- Trần Hữu Quế, (2007), Bài tập vẽ kỹ thuật, Nxb Giáo dục.

117043 MARKETING CƠ BẢN

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng. Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm:

- Những khái niệm cơ bản về nghệ thuật Marketing.
- Những yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng.
- Những yếu tố nằm trong phối thức Marketing.
- Giải quyết những khúc mắc trong hệ thống Marketing.

Tài liệu tham khảo

- Quách Thị Bửu Châu, Đinh tiên Minh, Nguyễn Công Dũng, Đào Hoài Nam, Nguyễn Thị Liên Diệp, Hồ Đức Hùng, Phạm Văn Nam (2005), Marketing Căn bản, NXB Thống Kê.
- Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hùng, Huỳnh Văn Hồng, Phùng Ngọc Sơn (2013), Marketing Căn bản, NXB Kinh Tế, Tp HCM.

117045 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm (2008), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học, NXB Lao động – Xã hội.

117055 THÍ NGHIỆM HÓA HỮU CƠ

Thí nghiệm Hóa hữu cơ là môn học thực hành giúp sinh viên làm quen với quy trình tổng hợp và rèn luyện các kỹ năng thực hành để tổng hợp một số hợp chất hữu cơ cơ bản dựa trên các phản ứng tổng hợp hữu cơ thường gặp gồm:

- Phản ứng ester hóa
- Phản ứng sulfo hóa
- Phản ứng thủy phân
- Phản ứng acetyl hóa
- Phản ứng dehydrate hóa

Tài liệu tham khảo

- Trần Thị Việt Hoa, Phạm Thành Quân, Trần Văn Thanh (2008), Kỹ thuật thực hành Tổng hợp hữu cơ, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh
- Trần Thị Việt Hoa, Phan Thanh Sơn Nam (2007), 'Hóa hữu cơ', NXB Đại Học Quốc Gia – TP. HCM

117056 THÍ NGHIỆM HOÁ LÝ

Môn học thí nghiệm Hóa lý củng cố, bổ sung cũng như làm sáng tỏ các lý thuyết cơ sở về Hóa Lý thông qua thực nghiệm.

Thông qua môn học thí nghiệm này sinh viên sẽ được thực hành để hiểu rõ hơn về các quá trình Hóa lý xảy ra trong hệ như: cân bằng hóa học, nhiệt động hóa học, nhiệt lượng, xây dựng giản đồ pha và các thí nghiệm khác liên quan đến các thông số Hóa lý, đồng thời nâng cao và rèn luyện kỹ năng thực hành trong phòng thí nghiệm cũng như cách viết báo cáo, trình bày và xử lý các số liệu thí nghiệm

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Hạnh (2008), Thí Nghiệm Hóa Lý, Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh
- Đào Văn Lượng (2002), Nhiệt Động Hóa Học, Nhà Xuất Bản Khoa Học Và Kỹ Thuật

117057 THÍ NGHIỆM HÓA VÔ CƠ

Thí nghiệm Hóa vô cơ dành cho sinh viên ngành kỹ thuật Hóa học và Môi trường. Bao gồm các thí nghiệm liên quan đến các kiến thức Hóa vô cơ như tính chất của các đơn chất (kim loại, phi kim), hợp chất (oxit, hidroxit) của các nguyên tố nhóm IA, IIA, IIIA, IVA, VA, IVA, IIVA, IB, IIB, VIB, IIVB, IIIVB. Môn học sẽ giúp sinh viên biết các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, cách quan sát các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học, vận dụng những kiến thức đã học giải thích các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đình Soa, 2009. Hóa Vô Cơ – NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Bộ môn công nghệ Hóa vô Cơ, Thí nghiệm Hóa Vô Cơ 2 – NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2008

117060 THỰC TẬP KỸ THUẬT

Thực tập kỹ thuật là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên ngành Công Nghệ Kỹ thuật Hóa học. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Hóa học, từ đó giúp sinh viên dễ dàng liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế sản xuất đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo và làm việc nhóm. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:

Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.

Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo

117062 THỰC TẬP QUÁ TRÌNH VÀ CÔNG NGHỆ

Thực tập quá trình và công nghệ là một môn học thuộc khối kiến thức bổ trợ dành cho sinh viên ngành Công Nghệ Kỹ thuật Hóa học. Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thực tế sản xuất tại các nhà máy thuộc lĩnh vực liên quan đến Công nghệ Hóa học, từ đó giúp sinh viên dễ dàng liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế sản xuất đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày báo cáo và làm việc nhóm. Nội dung môn học gồm 2 phần chính được bố trí trong 45 tiết như sau:

Đi thực tế tại nhà máy, xí nghiệp.

Viết báo cáo những nội dung thực tập thực tế tại nhà máy, xí nghiệp

Tài liệu tham khảo

- Do đặc thù của môn học nên phụ thuộc vào công ty tham quan mà sinh viên sẽ được cung cấp những tài liệu nội bộ cụ thể để hoàn thành báo cáo

117068 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Môn học giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng, bao gồm:

Các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng

Các công cụ quản lý chất lượng;

Các phương pháp quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- Đồng Thị Anh Đào (2014), Quản lý chất lượng thực phẩm, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Thị Ngọc Diệp,... và những người khác (2014), Quản lý chất lượng, NXB. Thống kê
- Nguyễn Thị Vân Hà (2014), Quản lý chất lượng môi trường, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Tạ Thị Kiều An, Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2007), Quản lý chất lượng trong các tổ chức: bài tập, NXB. Thống kê.
- Bùi Nguyên Hùng, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan (2010), Quản lý chất lượng, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Đỗ Thị Đông (2013), Bài tập quản trị chất lượng, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân

117069 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẠCH HƠN

Môn học cung cấp cho sinh viên:

Hiểu được tính hợp lý và cấp thiết của việc thực hiện sản xuất sạch hơn của các công ty, xí nghiệp.

Phương pháp đánh giá lợi ích thu được từ một dự án sản xuất sạch hơn, phương pháp kiểm toán môi trường cũng như phương pháp đánh giá vòng đời sản phẩm (Life-Cycle Assessment – LCA).

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn. Trung tâm sản xuất sạch Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2000
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt Nam”, Bộ KH-CN-MT, 12/1997
- Nguyễn Đình Huân. Sản xuất Sạch hơn, Đại Học Bách Khoa Đà Nẵng
- Cleaner Production Training, IVAM Environmental Research, 1998

120003 THÍ NGHIỆM HÓA SINH

Môn học giúp sinh viên ôn lại kiến thức và vận dụng một cách thực tế. Sinh viên phải thuần thục những kỹ năng cơ bản và bắt buộc. Giúp sinh viên hiểu sâu và tiến hành thực tế về các phản ứng của protein cụ thể: Biure, Ninhidrin...

Giúp sinh viên biết phương pháp vô cơ hoá mẫu để xác định được lượng đạm của một sản phẩm thực phẩm cụ thể bằng phương pháp đơn giản..... Bao gồm:

- Định tính Protein - Định lượng Protein
- Định tính Glucid
- Xác định đường khử, đường tổng bằng phương pháp Bertrand
- Định tính Lipid - Định lượng Lipid
- Định lượng Vitamin C bằng phương pháp hoá học
- Xác định hoạt độ của một số Enzyme

Tài liệu tham khảo

- Trần Bích Lam, Tôn Nữ Minh Nguyệt, Đinh Trần Nhật Thu (2004), Thí Nghiệm Hóa Sinh Thực Phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Nguyễn Văn Mùi (2001), Thực hành Hóa sinh học, NXB Khoa học và kỹ thuật.

120004 THÍ NGHIỆM VI SINH

Môn học giúp sinh viên ôn lại kiến thức và vận dụng một cách thực tế. Sinh viên phải thuần thục những kỹ năng cơ bản và bắt buộc. Sinh viên sẽ được quan sát nhận biết hình dạng vi sinh vật ở các độ phóng đại của kính hiển vi, sẽ đếm được tế bào vi sinh vật bằng buồng đếm.... Bao gồm:

- Chuẩn bị môi trường
- Kỹ thuật gieo cấy, nuôi và quan sát sự phát triển của vi sinh vật
- Phân lập vi sinh vật thuần khiết
- Quan sát vi khuẩn, quan sát nấm men và quan sát nấm mốc
- Xác định Escherichia coli
- Xác định Coliform
- Xác định tổng vi khuẩn hiếu khí
- Xác định tổng nấm men – tổng nấm mốc

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Mai Hương (2008), Thí nghiệm vi sinh vật học thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM
- Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyển, Phạm Văn Ty (2008), Vi Sinh Vật Học, NXB Giáo Dục.
- Trần Linh Thước (chủ biên, 2010), Phương pháp phân tích Vi Sinh Vật trong nước, thực phẩm và mĩ phẩm, NXB Giáo Dục.

120013 CÔNG NGHỆ LÊN MEN

Công nghệ lên men thực phẩm là môn học cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những

kiến thức về quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm thực phẩm bằng phương pháp lên men. Bao gồm:

- Công nghệ sản xuất các thực phẩm lên men từ ngũ cốc.
- Công nghệ sản xuất các thực phẩm lên men từ rau quả.
- Công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men từ thịt cá.
- Công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men từ sữa

Tài liệu tham khảo

- Bùi Ái (2008), Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, tập 1, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Thị Hiền (2006), Công nghệ sản xuất mì chính và các sản phẩm lên men cổ truyền, NXB Khoa học và kỹ thuật.
- Lương Đức Phẩm (2010), Giáo trình Công nghệ lên men, Nhà xuất bản Giáo dục.

120018 CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

Công nghệ sau thu hoạch là phần kiến thức chuyên ngành, mở rộng và bổ sung thêm cho môn học Sinh học chức năng thực vật sinh viên đã được học ở phần cơ sở ngành. Nội dung môn học sẽ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các biến đổi sinh lý và hóa sinh trong nông sản sau thu hoạch; những rối loạn sinh lý, sự thiệt hại do vi sinh vật, mầm bệnh và các nhân tố khác dẫn đến sự mất mát chất lượng sản phẩm; nguyên lý và các phương pháp bảo quản, chế biến nông sản; quản lý chất lượng nông sản sau thu hoạch.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Tiếp, Quách Đĩnh Nguyễn Văn Thoa (2008). Bảo quản và chế biến rau quả. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Hà Văn Thuyết, (2002) Bảo quản rau quả tươi và bán chế phẩm, NXB Nông nghiệp,
- Tôn Nữ Minh Nguyệt, Lê Văn Việt Mẫn, Trần Thị Thu Hà, (2008) Công nghệ chế biến rau trái - Tập 1: Nguyên liệu và công nghệ bảo quản sau thu hoạch, NXB Đại học Quốc gia,
- Trần Văn Chương (2000), Công nghệ bảo quản – chế biến nông sản sau thu hoạch – Tập 1, NXB Văn hóa dân tộc.

120020 ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, kỹ năng về đánh giá cảm quan thực phẩm, cũng như cơ chế tương tác của các hợp chất mùi, vị đến các tế bào cảm giác trên các giác quan như vị giác và khứu giác. Đồng thời, giúp người học tiếp cận với những phương pháp đánh giá cảm quan và cách xử lý số liệu tương ứng được sử dụng phổ biến trong đánh giá chất lượng và nghiên cứu phát triển sản phẩm như: phép thử phân biệt, phép thử mô tả và phép thử thị hiếu.

Tài liệu tham khảo

- Hà Duyên Tư (2006). Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm. Hà Nội: NXB. KHKT.
- Nguyễn Hoàng Dũng (2006). Thực hành đánh giá cảm quan. NXB. ĐHQG Tp.HCM.

120024 HÓA SINH

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của thực phẩm như protein, glucid, lipid, vitamin, muối khoáng và nước, cũng như khả năng chuyển hóa các thành phần ấy khi chế biến và bảo quản để có biện pháp sử dụng hiệu quả hơn.

Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ bản chất sinh hóa của nhưng vật chất sống để có thể vận dụng, lý giải cho các vấn đề của những môn học sau như công nghệ thực phẩm đại cương, công nghệ lên men thực phẩm, công nghệ chế biến và bảo quản rau quả,

Tài liệu tham khảo

- Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2009). Hóa sinh học. Hà Nội. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Thịnh, Vũ Thị Thu, Lê Ngọc Tú (2005). Bài tập hóa sinh. Hà Nội: NXB Khoa học kỹ thuật.

120026 KỸ THUẬT BAO BÌ THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

Định nghĩa, phân loại, chức năng của bao bì thực phẩm là đảm bảo và xác thực chất lượng của nguyên liệu hoặc sản phẩm thực phẩm.

Những yếu tố tạo nên chức năng bao bì là:

- Loại vật liệu, đặc tính vật liệu đáp ứng yêu cầu bảo quản các loại nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm.

- Cấu trúc các lớp vật liệu và cấu tạo hình dạng bao bì.
- Phương pháp và trang thiết bị chiết rót, đóng kín bao bì.
- Quy định về nội dung ghi nhãn.
- Ký mã trong quản lý và thương mại quốc tế.
- Những hư hỏng và nguyên nhân.
- Vệ sinh an toàn bao bì thực phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Đồng Thị Anh Đào (2012). Giáo trình Kỹ thuật bao bì thực phẩm. Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM.
- Đồng Thị Anh Đào (2007). Bài tập trắc nghiệm Kỹ thuật bao bì thực phẩm. Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM.

120029 THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

Môn học Thực phẩm chức năng là một môn học mang tính chuyên sâu về các công nghệ sản xuất và sử dụng thực phẩm chức năng

Môn học giới thiệu các khái niệm về thực phẩm chức năng; cách phân loại thực phẩm chức năng và giá trị phòng bệnh của các dinh dưỡng chức năng; những ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất thực phẩm chức năng và giới thiệu về công tác quản lý nhà nước đối với thực phẩm chức năng.

Tài liệu tham khảo

- Thúy Hân (2004), Dinh dưỡng và sức khỏe, Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Lê Ngọc Tú, Bùi Đức Hợi, Lưu Duẩn, Ngô Hữu Hợp, Đặng Thị Thu, Nguyễn Trọng Cần, (2001), Hóa học thực phẩm. Hà Nội : Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

120045 THỰC HÀNH SẢN XUẤT DẦU MỠ

Môn học giới thiệu về các loại nguyên liệu sản xuất dầu mỡ - thành phần hóa học và tính chất vật lý của chúng; Công nghệ sản xuất dầu mỡ dạng thô và công nghệ tinh luyện dầu mỡ thô để sản xuất dầu mỡ tinh luyện; Các phương pháp biến hình dầu mỡ nhằm mở rộng phạm vi sử dụng của dầu mỡ; Quy trình & thiết bị sản xuất các sản phẩm từ dầu mỡ ; Một số biện pháp quản lý chất lượng trong sản xuất dầu mỡ cũng được đề cập.

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB. Giáo dục.

- Trần Thị Thu Trà (2007), Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực: tập 1: bảo quản lương thực, NXB ĐHQG Tp.HCM.
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông Nghiệp.

120046 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN THỊT, THỦY SẢN

Môn học nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành và biết ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực chế biến và bảo quản thịt, thủy sản.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Trọng Cần, Đỗ Minh Phụng, Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Anh Tuấn (2011), Công nghệ chế biến thực phẩm thủy sản, Tập 2, NXB. Khoa học kỹ thuật.
- Trần Đức Ba, Nguyễn Văn Tài (2009). Công nghệ lạnh thủy sản, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.

120047 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN SỮA VÀ SẢN XUẤT BÁNH KẸO

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về nguyên liệu, sản phẩm, các biến đổi chính và các thiết bị chính trong quy trình chế biến sữa và sản xuất bánh kẹo.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB, Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, Tập 1, Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa, Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM.
- Trần Bích Lam (2006), Thí nghiệm phân tích thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Bùi Đức Hợi (chủ biên) (2006),. Kỹ thuật chế biến lương thực, tập 1, Nơi xuất bản: NXB. Khoa học và kỹ thuật.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, Nơi xuất bản: NXB. ĐHQG Tp.HCM.

120048 THỰC HÀNH ĐÁNH GIÁ CẢM QUAN

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, kỹ năng về đánh giá cảm quan thực phẩm, cũng như cơ chế tương tác của các hợp chất mùi, vị đến các tế bào cảm giác trên các giác quan như vị giác và khứu giác. Đồng thời, giúp người học tiếp cận với những phương pháp đánh giá cảm quan và cách xử lý số liệu tương ứng được sử dụng phổ biến trong đánh giá chất lượng và nghiên cứu phát triển sản phẩm như: phép thử phân biệt, phép thử mô tả và phép thử thị hiếu.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Hoàng Dũng (2006), Thực hành đánh giá cảm quan, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Hà Duyên Tư (2006), Kỹ thuật phân tích cảm quan thực phẩm., NXB. KHKT Hà Nội.
- Nguyễn Hoàng Dũng (biên dịch) (2007), Đánh giá cảm quan thực phẩm: Nguyên tắc và thực hành., NXB Đại học Quốc gia.

120049 THỰC HÀNH CHẾ BIẾN TRÀ, CÀ PHÊ, RAU QUẢ

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc tính nguyên liệu trà, cà phê, các loại rau quả nhiệt đới phổ biến.

Giúp sinh viên tìm hiểu, nắm bắt và thực hiện được các quy trình chế biến các sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả như trà xanh, trà vàng, trà đỏ, trà đen, cà phê rang xay, mứt rau quả, nước rau quả, rau quả sấy khô...

Sinh viên nắm bắt chỉ tiêu chất lượng một số sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền và cộng sự (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Trần Bích Lam (2006), Thí nghiệm phân tích thực phẩm, NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM.
- Bùi Đức Hợi (chủ biên) (2006), Kỹ thuật chế biến lương thực, tập 1 NXB, Khoa học và kỹ thuật.
- Đàm Sao Mai và cộng sự (2012), Phụ gia thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120053 THÍ NGHIỆM CÔNG NGHỆ LÊN MEN

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và khả năng thực hành một số công nghệ sản xuất các sản phẩm lên men. Qua đó, sinh viên nắm được những

thao tác cơ bản trong nghiên cứu và điều hành sản xuất cũng như nắm được tiêu chuẩn của các loại sản phẩm đó.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Ái (2008), Công nghệ lên men ứng dụng trong công nghệ thực phẩm, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, tập 1, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.
- Nguyễn Thị Hiền (2006), Công nghệ sản xuất mì chính và các sản phẩm lên men cổ truyền, NXB Khoa học và kỹ thuật.

120054 HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

Môn Hóa học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về Hóa học bao gồm: Những khái niệm và định luật cơ sở của hóa học; Cấu tạo nguyên tử - Định luật tuần hoàn các nguyên tố hóa học Nhiệt động học; Liên kết hóa học; Trạng thái tập hợp của các chất, Nhiệt động lực học hóa học; Cân bằng hóa học; Dung dịch; Dòng điện và phản ứng oxi hóa-khử. Kiến thức của môn Hóa Đại Cương giúp sinh viên nắm bắt có những kiến thức và khái niệm căn bản để tiếp tục học các môn Hóa lí, Hóa vô cơ, Hóa phân tích.... ở những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đức Chung (2009), Hóa học đại cương, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Lâm Ngọc Thiềm, Trần Hiệp Hải (2004), Bài tập hóa học đại cương, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Đình Soa (1989), Hóa Đại Cương. NXB Tp. HCM.

120055 VI SINH VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM VI SINH

Môn học cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức chuyên môn về vi sinh vật, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái, sinh lý vi sinh vật.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyên, Phạm Văn Ty (2008). Vi sinh vật học. Hà Nội: NXB GIÁO DỤC.
- Nguyễn Đức Lượng (2006). Công nghệ vi sinh: tập 2: vi sinh vật học công nghiệp. TPHCM: NXB ĐHQG TPHCM

120056 PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những phương pháp xác định các thành phần cơ bản của các sản phẩm thực phẩm như: protein, glucid, lipid, khoáng, vitamin và nhiệt lượng của các sản phẩm thực phẩm.

Trang bị cho sinh viên nguyên tắc hoạt động của một số thiết bị hiện đại được sử dụng để phân tích hàm lượng và cấu trúc của thực phẩm.

Trang bị cho sinh viên một số kỹ thuật xử lý các mẫu thực phẩm khác nhau trước khi tiến hành phân tích. Từ đó giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn với các phương pháp phân tích ngoài doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Lê Ngọc Tú, Bùi Đức Hợi, Lưu Duẩn, Ngô Hữu Hợp, Đặng Thị Thu, Nguyễn Trọng Căn (2001), Hóa học thực phẩm, Hà Nội: NXB khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Thị Thu Vân (2006), Bài tập và sổ tay phân tích định lượng, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM,.
- Hoàng Minh Châu, Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi, (2007), Cơ sở hóa học phân tích, NXB Khoa học kỹ thuật.

120057 QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ 1

Môn học gồm 2 phần chính

Phần 1: Cơ lưu chất và cơ học vật liệu rời

Gồm 2 phần: Phần cơ học lưu chất liên quan tới các vấn đề cơ học của lưu chất, quá trình chảy của lưu chất, các thiết bị ứng dụng trong công nghệ thực phẩm như lắng lọc. Phần vật liệu rời mô tả các quá trình vận chuyển vật liệu rời, các nguyên lý làm nhỏ kích thước, phân loại vật liệu rời.

Phần 2: Truyền nhiệt

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dẫn nhiệt dẫn nhiệt ổn định, không ổn định, trao đổi nhiệt đối lưu, bức xạ nhiệt. Trao đổi nhiệt hỗn hợp, truyền nhiệt và các thiết bị trao đổi nhiệt nhằm giúp người học hiểu và vận dụng kiến thức để tính toán thiết kế, lựa chọn thiết bị trao đổi nhiệt cho phù hợp với yêu cầu công nghệ và đời sống.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Lụa (2008, Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 1: các quá

trình và thiết bị cơ học: quyển 1: khuấy - lắng lọc, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2008

- Nguyễn Bin, Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm: Tập 1: Các quá trình thủy lực, bơm, quạt, máy nén - NXB Khoa học và kỹ thuật, 2002
- Phạm Xuân Toàn, Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm. Tập 3: Các quá trình và thiết bị truyền nhiệt, NXB KHKT 2008
- Phạm Văn Bôn, Nguyễn Đình Thọ, Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 5: quá trình và thiết bị truyền nhiệt: quyển 1: truyền nhiệt ổn định- NXB Đại học quốc gia TP.HCM 2006.

120058 HÓA LÝ

Môn Hóa lý nghiên cứu các khí lý tưởng, khí thật, các phương trình trạng thái của khí thật và khí lý tưởng, nghiên cứu sự ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động học để khảo sát các hiệu ứng nhiệt của phản ứng, khảo sát các quá trình chuyển pha, chiều và giới hạn quá trình, cân bằng hóa học, cân bằng pha, cân bằng pha trong hệ một cấu tử, dung dịch và cân bằng trong dung dịch hơi và cân bằng giữa dung dịch lỏng và pha rắn.

Đây chính là nền tảng để sinh viên tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan và cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên nhằm đáp ứng cho khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long, Đỗ Đăng Thuận, Bùi Trường Đạt (2018), Hóa lý, NXB Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh
- Đào Văn Lượng (2002), Nhiệt động hóa học, Nhà xuất bản KHKT.
- Mai Hữu Khiêm (2007), Hóa lý - Bài tập, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120059 QUÁ TRÌNH VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ 2

Môn học gồm 2 phần:

Phần 1: Truyền Khối

Phần 2: Kỹ thuật Phán Ứng

Phần “Truyền Khối”:

Trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học của các quá trình và thiết bị truyền khối cơ bản (hấp thụ, chưng cất, trích ly, hấp phụ và trao đổi ion, sấy, lọc bằng màng bán thấm ...), trong các quy trình Công nghệ hóa học, và Thực phẩm cũng như trong công

nghe sinh học và các quá trình xử lý các dòng thải (rắn, lỏng, khí).

Kiến thức về cấu tạo và nguyên lý hoạt động, ưu nhược điểm của các thiết bị để thực hiện các quá trình đó. Đồng thời, đưa ra các phương pháp tính toán thiết kế những thiết bị này. Ở mỗi chương có những ví dụ và bài tập, nhằm giúp cho sinh viên vận dụng và hiểu rõ hơn phần lý thuyết, kết hợp lý thuyết với thực tế.

Phần “Kỹ thuật phản ứng”:

Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng tính toán các thiết bị phản ứng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể đánh giá sơ bộ hiệu quả của một quá trình phản ứng, hiệu suất thiết bị và các yếu tố khác phục vụ cho mục tiêu tối ưu hóa các quá trình sản xuất.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang (2001), Quá trình và thiết bị công nghệ hoá và thực phẩm: Tập 3: Truyền khối, NXB ĐHQG TP.HCM.
- Nguyễn Bin (2004), Tính toán quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm: tập 2, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- Trịnh Văn Dũng (2008), Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: bài tập: truyền khối, NXB đại học quốc gia TP.HCM .
- Trần Xoa, Nguyễn Trọng Khuông, Phạm Xuân Toàn (2004), Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất, T3 (sách phô tô), NXB Khoa học Kỹ thuật.
- Vũ Bá Minh (2004), Các quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm: tập 4: kỹ thuật phản ứng, NXB ĐHQG TP.HCM

120060 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Môn học Công nghệ chế biến thực phẩm là một trong những môn học quan trọng, mang tính cơ sở về các công nghệ trong chế biến thực phẩm.

Môn học Công nghệ chế biến thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quy trình sản xuất và các hướng chế biến nguyên liệu trong ngành công nghiệp thực phẩm. Môn học này giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức về tính chất công nghệ của từng loại nguyên liệu và sản phẩm để xây dựng quy trình công nghệ chế biến phù hợp, gồm các nội dung:

- Khái niệm chung: Giới thiệu các khái niệm cơ bản về nguyên liệu, sản phẩm, công nghệ thực phẩm
- Các quá trình trong công nghệ thực phẩm

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết và cộng sự (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội
- Lê Văn Việt Mẫn và các cộng sự (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
- Lê Ngọc Tú và cộng sự (2001), Hóa học thực phẩm, NXB Khoa học và kỹ thuật.

120061 THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH THỰC PHẨM

Môn học thí nghiệm phân tích thực phẩm giúp sinh viên nắm được phương pháp lấy mẫu và xử lý mẫu để phân tích chất lượng thực phẩm.

Giúp cho sinh viên có thể hiểu rõ và vận dụng kiến thức đã học vào việc đánh giá

Chất lượng một sản phẩm thực phẩm. Từ đó giúp sinh viên có khả năng ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Hiền (2007), Thí nghiệm công nghệ thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Trần Bích Lam (2013), Thí nghiệm phân tích thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.
- Trần Bích Lam (2014), Thí nghiệm hóa sinh thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.

120062 TÍNH TOÁN THIẾT KẾ THIẾT BỊ

Môn học này cung cấp các kiến thức về nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thiết bị hóa chất và thực phẩm; cách lựa chọn vật liệu; các quan hệ phụ thuộc giữa các kích thước của các chi tiết thiết bị với tính chất của vật liệu và các phương pháp gia công, chế tạo; tính toán các thông số cơ bản của thiết bị; tính toán các chi tiết chính, phụ và cơ cấu bích kín; các phép tính để kiểm tra độ bền các chi tiết và phương pháp thiết kế.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Bin (2004), Tính toán quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất thực phẩm tập 1,2, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.
- Hồ Lê Viên (2006), Tính toán, thiết kế các chi tiết thiết bị hóa chất và dầu khí, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.

120063 THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU THỰC NGHIỆM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến, phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi qui. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí nghiệm trong thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khoá học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quả thực nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Trịnh Văn Dũng (2008), Ứng dụng tin học trong công nghệ hóa học - thực phẩm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Nguyễn Cảnh (2004), Quy hoạch thực nghiệm, NXB. ĐHQG Tp.HCM.
- Akhnadarova X.I., Kapharop V.V., Nguyễn Đình Soa (1994), Tối ưu hoá thực nghiệm trong hoá học và kỹ thuật hoá học, NXB. ĐHBK Tp.HCM.
- Chu Văn Mẫn (2009), Tin học trong công nghệ sinh học, NXB. Giáo dục.
- Bùi Minh Trí (2005), Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm, NXB. Khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Minh Tuấn, Hà Trọng Quang (2008), Giáo trình Nguyên lý thống kê, NXB. Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

120064 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH 1

Hướng dẫn cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm một khảo sát hoặc nghiên cứu trong ngành Công nghệ thực phẩm. Sau đó yêu cầu sinh viên chọn đề tài và tiến hành thực hiện những khảo sát liên quan đến đề tài trong phòng thí nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm (2000), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật
- Nguyễn Văn Lê (2001), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Trẻ
- Các tài liệu chuyên ngành khác (bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) ứng với mỗi đề tài thuộc lĩnh vực cụ thể mà sinh viên chọn.

120065 ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH 2

Môn học hướng dẫn cho sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng cần thiết, để thực hiện một khảo sát, một nghiên cứu hoặc tham gia cải tiến, phát triển một sản phẩm cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ thực phẩm. Trên cơ sở những kiến thức chuyên ngành và kỹ năng đạt được, sinh viên đề xuất đề tài

và tiến hành thực hiện những khảo sát liên quan đến đề tài trong phòng thí nghiệm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm (2000), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Khoa học kỹ thuật
- Nguyễn Văn Lê (2001), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Trẻ
- Các tài liệu chuyên ngành khác (bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học) ứng với mỗi đề tài thuộc lĩnh vực cụ thể mà sinh viên chọn.

120066 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phát triển sản phẩm, các giai đoạn của quá trình phát triển sản phẩm, cách lập kế hoạch và thực hiện các mục tiêu phát triển sản phẩm, phương pháp tạo sản phẩm mới và những việc cần làm để thương mại hóa sản phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Vũ Quế Hương (2001), Quản lý đổi mới và phát triển sản phẩm mới, NXB. Khoa học và kỹ thuật.
- Earle, M.; Earle, R.; Anderson A. (2001), Food Product Development, Woodhead Publishing.
- Gordon W. Fuller (2011), New Food Product Development From Concept to Marketplace, CRC Press.

120067 QUẢN TRỊ KINH DOANH CHO KỸ SƯ

Môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh, phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính. Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Văn Dược (2009), Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Lao Động Xã Hội, HN.
- Huỳnh Đức Lộng, Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh.
- Bùi Văn Trường (2007), Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Lao Động Xã Hội, HN.
- Nguyễn Tấn Bình (2009), Phân tích hoạt động doanh nghiệp, NXB Thống Kê, HN.

- Nguyễn Thị My – Phan Đức Dũng (2008), Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống Kê, HN.

120068 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT DẦU MỠ

Công nghệ sản xuất dầu mỡ là môn học cung cấp cho sinh viên ngành công nghệ thực phẩm những kiến thức chuyên môn về chất béo (về đặc điểm của các nguồn nguyên liệu dầu béo, về một số sản phẩm từ chất béo, về quy trình sản xuất, về ứng dụng và về cách bảo quản các sản phẩm dầu béo...). Bao gồm:

- Cơ sở hoá sinh học chất béo
- Nguyên liệu khai thác
- Kỹ thuật khai thác, Kỹ thuật tinh luyện. Kỹ thuật chế biến
- Quản lý chất lượng
- Các sản phẩm công nghiệp từ dầu béo Axit béo.

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB. Giáo dục.
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông Nghiệp.
- Trần Thị Thu Trà (2007), Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực: tập 1: bảo quản lương thực, NXB ĐHQG TpHCM.

120069 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN THỊT, THỦY SẢN

Môn học Công nghệ bảo quản và chế biến thịt, thủy sản trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng để hiểu về nguyên liệu dùng trong thực phẩm và các phương pháp để bảo quản và chế biến thịt, thủy sản. Môn học này sẽ giúp người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thịt, thủy sản trong dinh dưỡng và chế biến thực phẩm, trong sản xuất công nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010). Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đức Lượng (2008), Công nghệ vi sinh - Tập 3: thực phẩm lên men truyền thống, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
- Trần Minh Tâm (1998), Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm, NXB Nông nghiệp

120070 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN SỮA VÀ SẢN XUẤT BÁNH KẸO

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên liệu sữa, nguyên liệu sản xuất bánh, kẹo. Đồng thời, cung cấp những kiến thức về quy trình công nghệ chế biến sữa, các sản phẩm lên men từ sữa, quy trình công nghệ sản xuất bánh và quy trình sản xuất các sản phẩm kẹo.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2004), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống, Tập 1, Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa, Nơi xuất bản: NXB Đại Học Quốc Gia TP. HCM.
- Bùi Đức Hợp (chủ biên) (2006), Kỹ thuật chế biến lương thực, tập 1, NXB. Khoa học và kỹ thuật.
- Lâm Xuân Thanh (2008), Giáo Trình Công Nghệ Các Sản Phẩm Sữa, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.
- Lê Thị Liên Thanh, Lê Văn Hoàng (2005), Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm sữa, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, NXB. ĐHQG Tp.HCM
- Walstra, P., Wouters, J.T.M., Geurts, T.J. (2006), Dairy Science and technology, 2ed., Taylor and Francis.

120071 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN TRÀ, CÀ PHÊ, RAU QUẢ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc tính thực vật và thành phần của nguyên liệu trà, cà phê, các loại rau quả nhiệt đới phổ biến; các phương pháp bảo quản và công nghệ chế biến các sản phẩm từ trà, cà phê, rau quả.

Môn học giới thiệu các dạng sản phẩm chế biến từ trà, cà phê, rau quả và các nguyên tắc cơ bản trong chế biến các sản phẩm trà, cà phê, rau quả

Giới thiệu những thành tựu mới và những nguyên tắc cơ bản trong các phương án công nghiệp chế biến trà, cà phê, rau quả.

Tài liệu tham khảo

- Lê Bạch Tuyết (1996), Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm, NXB Giáo dục
- Trần Văn Hòa và tập thể tác giả (1999), Kỹ thuật trồng và chăm sóc ca cao, cà phê, tiêu, sầu riêng, NXB Trẻ

- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010), Công nghệ chế biến thực phẩm, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
- Tôn Nữ Minh Nguyệt, Lê Văn Việt Mẫn, Trần Thị Thu Hà (2008), Công nghệ chế biến rau trái - Tập 1: Nguyên liệu và công nghệ bảo quản sau thu hoạch, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
- Hà Văn Thuyết (2000), Bảo quản rau quả tươi và bán chế phẩm, NXB Nông nghiệp
- Nguyễn Văn Tiếp, Quách Đĩnh, Nguyễn Văn Thoa, (2008) Bảo quản và chế biến rau quả, NXB Khoa học kỹ thuật

120072 CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT

Công nghệ sản xuất nước giải khát, đề cập đến việc khảo sát các công đoạn chính trong một quá trình khảo sát nước giải khát có gas và không có gas từ nguyên liệu chính đến quá trình pha chế nước giải khát, chiết rót sản phẩm và cuối cùng là các nguyên nhân gây hư hỏng và làm giảm chất lượng nước giải khát.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2007), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống - Tập 2: Công nghệ sản xuất thức uống, TPHCM: NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010). Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

120073 PHỤ GIA THỰC PHẨM

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phụ gia được sử dụng trong công nghệ thực phẩm để sau khi hoàn thành môn học thì người học có những kiến thức cơ bản về:

- Quy định nhà nước về chất phụ gia thực phẩm.
- Các đặc tính hóa lý .
- Nguyên tắc - ứng dụng trong công nghệ bảo quản và chế biến thực phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Đàm Sao Mai, Nguyễn Thị Hoàng Yến, Bùi Đặng Khuê (2012), Phụ gia thực phẩm, NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Quang Minh, Tiến Phát (2016), Luật an toàn thực phẩm: quy định mới về chất phụ gia thực phẩm quản lý chất lượng và xử phạt vi phạm hành chính, NXB. Lao động.

120074 LUẬT THỰC PHẨM

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

- Cơ cấu quản lý Nhà nước về chất lượng của chuỗi sản xuất thực phẩm, phù hợp với điều kiện phát triển của kinh tế, xã hội.
- Đặc tính, vai trò, nội dung và áp dụng của Luật an toàn thực phẩm.
- Nội dung và áp dụng của Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm của Thủ tướng chính phủ ban hành.
- Nội dung và áp dụng của các Quy định vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y Tế ban hành.

Tài liệu tham khảo

- Luật an toàn thực phẩm (2010), NXB. Y học.
- Luật an toàn thực phẩm năm 2010 và văn bản hướng dẫn thi hành (2012), NXB. Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Quang Minh, Tiến Phát (2016), Luật an toàn thực phẩm: quy định mới về chất phụ gia thực phẩm, quản lý chất lượng và xử phạt vi phạm hành chính, NXB. Lao động.

120075 VĂN HÓA ẨM THỰC

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về nguyên liệu và văn hoá ẩm thực Việt Nam và so sánh với các nước khác; nắm vững các cơ cấu và tính chất bữa ăn, không gian, thời gian, phong cách ăn uống truyền thống của người Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Nghĩa Dân (2011), Văn hóa ẩm thực trong tục ngữ ca dao Việt Nam, NXB Lao động.
- Bồ Xuân Hồ (2011), Văn hóa ẩm thực dân gian Chăm Bình Thuận, NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Văn Hòa (2011), Văn hóa ẩm thực vùng Tây Bắc Việt Nam, NXB Thanh Niên.

120076 DINH DƯỠNG & AN TOÀN THỰC PHẨM

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Các kiến thức về vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng.
- Tính cân đối giữa các chất dinh dưỡng và chế độ dinh dưỡng hợp lý.
- Tìm hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn, xây dựng khẩu phần ăn.
- Các bệnh thiếu dinh dưỡng thường gặp, giám sát dinh dưỡng và đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

Một vài nguyên tắc về dinh dưỡng điều trị và chế độ ăn điều trị trong một số bệnh.

- Thực trạng về ngộ độc thực phẩm, cách lựa chọn thực phẩm an toàn, vệ sinh ăn uống công cộng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm (2005). Vệ sinh và an toàn thực phẩm. Nơi xuất bản: NXB ĐHQG Tp.HCM.
- Hà Huy Khôi và cộng sự (2004). Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Nơi xuất bản: NXB. Y học.
- Bộ Y tế (2007). Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam. Nơi xuất bản: NXB. Y học.
- Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Trường (2012). Giải phẫu sinh lý người. Nơi xuất bản: NXB. Giáo dục.
- Dương Đình Thiện (2006). Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm. Nơi xuất bản: NXB. Y học.
- Lương Đức Phẩm (2001). Vi sinh vật và an toàn thực phẩm. Nơi xuất bản: NXB. Nông nghiệp.
- Quý Long, Kim Thư (2008). Cẩm nang pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống dịch và các bệnh truyền nhiễm. Nơi xuất bản: NXB. Y học.
- Thúy Hân (2014). Dinh dưỡng và sức khỏe. Nơi xuất bản: NXB. Văn hóa thông tin.
- Trần Thanh Nhân (2011). Độc chất học. Nơi xuất bản: NXB. Giáo dục.

120077 THỰC HÀNH SẢN XUẤT NƯỚC GIẢI KHÁT

Môn học giới thiệu về các loại nguyên liệu sản xuất nước giải khát. Giới thiệu các phương pháp phân loại các loại thức uống trên thị trường và sinh viên sẽ thực hành các quy trình sản xuất các loại thức uống cũng như nắm được tiêu chuẩn của các loại thức uống.

Tài liệu tham khảo

- Lê Văn Việt Mẫn (2007), Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống - Tập 2: Công nghệ sản xuất thức uống, TPHCM: NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.
- Lê Văn Việt Mẫn, Lại Quốc Đạt, Nguyễn Thị Hiền (2010). Công nghệ chế biến thực phẩm, tái bản lần 1. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

121044 CÔNG NGHỆ HỢP CHẤT THIÊN NHIÊN

Là môn học nghiên cứu các loại hợp chất thiên nhiên. Xây dựng quy trình nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên. Nội dung môn học bao gồm phân loại các hợp chất thiên nhiên, cấu tạo và tính chất của chúng, các phương pháp tách chiết và phân lập các hợp chất thiên nhiên, các tác dụng sinh học và dược lý cũng như ứng dụng của chúng.

Tài liệu tham khảo

- Colegate Steven M. (2008), Bioactive Natural Products: Detection, Isolation, and Structural Determination, CRC press.
- Nguyễn Văn Đoàn và Nguyễn Việt Tựu (1999), Các Phương Pháp Nghiên Cứu Hóa học Cây Thuốc. NXB Y học.
- Đái Duy Ban (2009), Các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học phòng chống một số bệnh cho người và vật nuôi, NXB Chính trị và Hành Chính.
- Vũ Ngọc Lộ, Đỗ Chung Võ, Nguyễn Mạnh Pha (1994), Những cây tinh dầu Việt Nam: khai thác - chế biến - ứng dụng, NXB Khoa học Kỹ thuật.

122016 AN TOÀN LAO ĐỘNG

Môn học An toàn lao động giúp sinh viên có thêm kiến thức về an toàn lao động, có thể vận dụng và áp dụng vào ngành nghề một cách hợp lý. Giúp sinh viên biết nghiên cứu về hệ thống các văn bản pháp luật, các biện pháp về tổ chức, kinh tế, xã hội và khoa học công nghệ để cải tiến điều kiện lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người trong lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hạn chế ốm đau làm giảm sút sức khỏe cũng như những thiệt hại khác đối với người lao động; Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; Bảo vệ môi trường lao động nói riêng và môi trường sinh thái nói chung góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thị Ngọc Khánh, Huỳnh Phan Tùng, Lê Quý Đức, Kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2010.
- Hoàng Trí, Giáo trình An toàn lao động và môi trường công nghiệp. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2013.

122017 CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG

Môn học cung cấp và trình bày các kiến thức về con người và sự phát triển của con người, gắn liền với sự tác động của con người vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con

người; đồng thời giới thiệu các khái niệm về sinh thái, tài nguyên, môi trường.

Môn học này cũng đưa ra các biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên mà đỉnh cao của nó là phát triển bền vững – một sự kết hợp hài hòa và tối ưu cho sự phát triển của con người trong khi vẫn bảo vệ được môi trường tự nhiên và xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Mai Đình Yên (1997), Môi trường và con người, NXB Giáo Dục.
- Nguyễn Đức Khiển (2001), Môi trường và phát triển, NXB Khoa học & Kỹ thuật.

122060 KỸ THUẬT XỬ LÝ NƯỚC CẤP - NƯỚC THẢI

Môn học giới thiệu về các nguồn nước thải, thành phần, tính chất các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước thải, công trình xử lý nước thải.

Môn học cung cấp kiến thức về các loại nguồn nước, công nghệ xử lý nước mặt, nước ngầm, chất lượng nước cấp, tiêu chuẩn cấp nước cho đời sống và các ngành công nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Thu Thủy (2008), Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
- Trịnh Xuân Lai (2000), Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải, NXB Xây dựng.
- Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga (2009), Giáo trình công nghệ xử lý nước thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.

123035 MÓ TRỤ CẦU

Vật liệu xây dựng mố trụ cầu. Phân loại và cấu tạo các bộ phận của mố trụ cầu. Tính toán thiết kế mố trụ cầu dầm.

Tài liệu tham khảo

- Mố trụ cầu - Nguyễn Minh Nghĩa, Dương Minh Thu.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 - Bộ GTVT 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Ví dụ tính toán mố trụ cầu theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 - GS.TS. Nguyễn Việt Trung.
- Design of highway bridges based on AASHTO LRFD.

123036 THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ

Các nguyên tắc, phương pháp và các giải pháp kỹ thuật cũng như các tiêu chuẩn kỹ thuật để khảo sát, thiết kế: bình đồ, trắc dọc và trắc ngang. Thiết kế nền đường, áo đường; các công trình thoát nước và phòng hộ cho đường ô tô thuộc mọi cấp hạng cùng những căn cứ để nghiên cứu lập khả thi khi lựa chọn phương án một tuyến đường ô tô được xây dựng mới hay cải tạo nâng cấp.

Thiết kế thoát nước mặt và ngầm; nền đường trên đất yếu; kết cấu áo đường cứng. Thiết kế cảnh quan và các bước khảo sát để lập các hồ sơ thiết kế.

Tài liệu tham khảo

- Thiết kế đường ô tô 1 – Đỗ Bá Chương - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1996.
- Thiết kế đường ô tô 1 – Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2003.
- Thiết kế đường ô tô 3, Công trình vượt sông – Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1996.
- Thiết kế đường ô tô 4 – Dương Học Hải - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2002.
- Các Tiêu chuẩn chuyên ngành : 22TCN-220 – 1995 Dòng chảy lũ.
- Thiết kế đường ô tô (Tập 2) - Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu -NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2003.
- Thiết kế đường ô tô (Tập 4) - Dương Học Hải — NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2002.
- Thiết kế đường ô tô (Tập 1) -Đỗ Bá Chương - NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1966.
- Thiết kế đường ô tô: công trình vượt sông (Tập 3) - Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1998.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.

123037 XÂY DỰNG CẦU & AN TOÀN LAO ĐỘNG

Những biện pháp cơ bản và trình tự thi công các hạng mục của móng và cầu.

Công nghệ thi công thông dụng và áp dụng để thi công những cầu nhỏ và vừa.

Biện pháp thi công chỉ đạo trong thiết kế phương án tuyến .

An toàn lao động trong xây dựng cầu.

Tài liệu tham khảo

- Thi công cầu thép – Lê Đình Tâm, Nguyễn Tiến Oanh, Nguyễn Trâm – NXB Xây dựng – 1996.

- Thi công cọc khoan nhồi – Nguyễn Bá Kế - NXB Xây dựng – 1999.
- Xây dựng móng móng trụ cầu – Nguyễn Oanh, Nguyễn Tiến Oanh, Lê Đình Tâm, Phạm Duy Hòa – NXB Xây dựng – 1997.
- Thi công cầu Bê tông cốt thép – Nguyễn Tiến Oanh, Nguyễn Trâm, Lê Đình Tâm – NXB Xây dựng – 1985.
- Tính toán các công trình phụ trợ trong thi công cầu – NXB Xây dựng – 2001.
- Kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động - Nguyễn Bá Dũng.

123038 THIẾT KẾ CẦU

Khái niệm về công trình cầu; tải trọng và hệ số tải trọng; phân tích kết cấu cầu BTCT; tính mất mát ứng suất và kiểm toán .

Tài liệu tham khảo

- Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông, tập VIII; Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272 - NXB Giao thông vận tải, Hà Nội - 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Cầu BTCT đúc hẫng cân bằng - Nguyễn Viết Trung - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.
- Cầu BT cốt thép trên đường ô tô - Lê Đình Tâm - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.
- Các ví dụ tính toán dầm cầu chữ I, T Super-T Bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn 22 TCN 272-05 - Nguyễn Viết Trung, những người khác.
- Bridge Engineering Handbook - Ed. Wai-Fah Chen and Lian Duan. Boca Raton: CRC Press - 2000.

123039 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ ĐƯỜNG Ô TÔ

Nghiên cứu thiết kế sơ bộ 2 phương án tuyến chính trên bình đồ. Quy hoạch và tính toán thủy văn, thủy lực lựa chọn khẩu độ các công trình thoát nước của 2 phương án.

Thiết kế sơ bộ trắc dọc, trắc ngang của 2 phương án tuyến (bao gồm: thiết kế đường đỏ dựa trên đường đen và địa hình; tính khối lượng đào đắp; vẽ biểu đồ vận tốc xe chạy).

Đề xuất và lựa chọn 2 phương án kết cấu áo đường bao gồm: chọn loại móng kinh tế, tính toán 2 kết cấu áo đường theo tiêu chuẩn độ võng đàn hồi giới hạn và lựa chọn kết cấu áo đường áp dụng cho cả 2 phương án tuyến. Lập luận chứng, so sánh các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật của 2 phương án để lựa chọn 1 phương án tốt nhất.

Tài liệu tham khảo

- Thiết kế đường ô tô (Tập 1) - Đỗ Bá Chương - NXB Giáo Dục, Hà Nội – 1966.
- Thiết kế đường ô tô (Tập 2) - Nguyễn Xuân Trục, Dương Học Hải, Nguyễn Quang Chiêu - NXB Giáo Dục, Hà Nội - 1993 & 2003.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.
- Thiết kế đường ô tô: công trình vượt sông (Tập 3) - Nguyễn Xuân Trục - NXB Giáo Dục, Hà Nội - 1998.
- Thiết kế đường ô tô (Tập 4) - Dương Học Hải – NXB Giáo Dục, Hà Nội - 2002.

123040 ĐỒ ÁN THIẾT KẾ CẦU

Thiết kế kỹ thuật chi tiết một kết cấu nhịp cầu BTCT nhịp giản đơn. Tính toán lan can, lề bộ hành, bản mặt cầu, dầm ngang và dầm chính .

Tài liệu tham khảo

- Tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông, Tập VIII, Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05, Hà Nội: NXB Giao thông vận tải, 2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN 11823 – Bộ Giao thông vận tải, Hà Nội - 2017.
- Cầu BTCT đúc hẫng cân bằng - Nguyễn Viết Trung - NXB Xây dựng, Hà Nội - 2005.
- Cầu BT cốt thép trên đường ô tô - Lê Đình Tâm - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2005.
- Các ví dụ tính toán dầm cầu chữ I, T Super-T Bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn 22 TCN 272-05 - Nguyễn Viết Trung.

123041 XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ

Các phương pháp thi công nền đường; kỹ thuật thi công xây dựng nền đường bằng các phương tiện cơ giới, bằng phương pháp nổ phá.

Thiết kế quá trình công nghệ và kỹ thuật xây dựng các loại kết cấu áo đường.

Lập tiến độ thi công chỉ đạo để xây dựng đường ô tô.

Tài liệu tham khảo

- Xây dựng nền đường ô tô - Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải, Nguyễn Khải, Hà Huy Cương - NXB Đại học & THCN, Hà Nội - 1974.
- Xây dựng mặt đường ô tô - Trần Đình Bửu, Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải, Nguyễn Khải - NXB Đại học & THCN, Hà Nội – 1978.
- Các xí nghiệp phục vụ xây dựng đường ô tô - Trần Đình Bửu, Nguyễn Quang Chiêu, Dương Học Hải - NXB Đại học & THCN, Hà Nội -1974.

- Tổ chức thi công đường ô tô - Nguyễn Quang Chiểu, Dương Học Hải - NXB Giao thông vận tải, Hà Nội – 2000.
- Các tiêu chuẩn chuyên ngành TCN, TCVN.

123042 ĐƯỜNG TRÊN NỀN ĐẤT YẾU

Môn học “thiết kế đường trên nền đất yếu” giới thiệu các phương pháp thiết kế đánh giá tính ổn định và biến dạng của nền đất yếu bên dưới nền đường trong các giai đoạn thi công khác nhau cũng như các giải pháp xử lý nền đất yếu bên dưới nền đường như gia tải trước kết hợp thi công từng giai đoạn của nền đường, đệm cát, các giải pháp thoát nước đứng (giếng cát, bắc thấm ...), bơm hút chân không, cọc đá, cọc đất trộn cement/vôi, cọc tiết diện nhỏ bên dưới nền đường v.v...

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Văn Tân, Trần Đình Ngô, Phan Xuân Trường, Phạm Xuân, Nguyễn Hải (1973) Những phương pháp xây dựng công trình trên đất yếu, NXB. KHKT, 346 trang.
- Brand, E. W. and Brenner, R. P. (1981), Soft Clay Engineering, Elsevier scientific, Amsterdam, 779 trang.
- Leroueil, S., Magnan, J. P., Tavenas, F. (1990), Embankments on soft clays, Ellis Horwood, New York, 360 trang.

124007 THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Thực tập ngoài hiện trường nhằm đánh giá điều kiện địa chất công trình của một khu vực bằng các phương pháp khảo sát địa chất công trình khác nhau: trực quan, khoan, xuyên, nén, đồ hút nước thí nghiệm .

Tài liệu tham khảo

- Địa kỹ thuật thực hành - Trần Thanh Giám, Nguyễn Hồng Đức, Nguyễn Ngọc Bích - NXB Xây dựng - Hà Nội - 1999.
- Thực tập địa chất công trình - Nguyễn Văn Phương, Trần Thanh Giám, Nguyễn Tính, Nguyễn Uyên - NXB Giáo dục - Hà Nội – 1996 .

124015 THỰC TẬP KỸ THUẬT 1

Công tác chuẩn bị mặt bằng, công tác nề (xây, tô, ốp, lát, cán nền,), công tác hoàn thiện.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình kỹ thuật nề, NXB Xây dựng Hà Nội - 2000.
- Kỹ thuật thi công - NXB Xây dựng.
- Bản vẽ thi công tại công trường xây dựng.

124016 THỰC TẬP NHẬN THỨC NGÀNH

Đợt thực tập nhận thức nhằm tạo điều kiện cho sinh viên: Hội nhập vào môi trường thực tế của cơ quan doanh nghiệp; Vận dụng những kiến thức đã học để hiểu công việc thực tế; Biết cách ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình kỹ thuật nề, NXB Xây dựng Hà Nội - 2000 .
- Kỹ thuật thi công - NXB Xây dựng .
- Bản vẽ thi công tại công trường xây dựng .

124017 THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT

Học phần thí nghiệm cơ học đất nhằm củng cố kiến thức đã học ở học phần cơ học đất thông qua các bài thí nghiệm xác định các đặc trưng cơ lý của đất.

Tài liệu tham khảo

- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ - NXB Giáo Dục - 2006.
- Giáo trình Thí nghiệm Cơ học đất – Bộ Xây dựng – 2007.

124018 THÍ NGHIỆM SỨC BỀN VẬT LIỆU

Củng cố kiến thức lý thuyết sức bền vật liệu sinh viên, nâng cao được kỹ năng thực hành, thực hiện được các thí nghiệm về tính chất vật lý, cơ lý của một số vật thể rắn và đánh giá độ bền, độ cứng và độ ổn định.

Tài liệu tham khảo

- Sức bền vật liệu 1 – Lê Hoàng Tuấn, Bùi Công Thành – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .

124029 THỰC TẬP KỸ THUẬT 2

Học phần thực tập kỹ thuật 2 nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt thực tế thi công xây dựng Công trình Dân dụng & Công nghiệp; áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn đồng thời tìm hiểu và học hỏi các kỹ thuật mới trong công nghệ xây dựng. Ngoài ra học phần này còn giúp cho sinh viên có sự chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn lao động tốt nghiệp .

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình kỹ thuật nề - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2000.
- Kỹ thuật Thi công - NXB Xây dựng.
- Bản vẽ Thi công tại Công trường xây dựng.

124057 KỸ THUẬT XÂY, TÔ

Cung cấp sinh viên định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, lao động và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng như 1m³ tường gạch, 1m³ bê tông, 1m² lát gạch, 1 tấn cốt thép, 100m dài cọc .v.v. từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công.

Tài liệu tham khảo

Định mức dự toán xây dựng công trình 2013 – Bộ Xây Dựng.

124058 TRẮC ĐỊA

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề trắc địa cơ bản nhưng cần thiết cho xây dựng công trình như: Định vị điểm, định hướng đường thẳng, sử dụng bản đồ, đo góc, đo dài, đo cao, đo vẽ bản đồ, đo vẽ mặt cắt địa hình, các dạng công tác bố trí công trình, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng công trình .

Tài liệu tham khảo

- Trắc địa - Phạm Văn Chuyên - NXB KHKT - Hà Nội, in lần thứ 3 năm 2001.
- Trắc địa đại cương - Nguyễn Tấn Lộc, Trần Tấn Lộc, Lê Hoàng Sơn, Đào Xuân Lộc - NXB ĐHBK Tp.Hồ Chí Minh - 1996.
- Trắc địa - Đỗ Hữu Hình, Đào Duy Liêm, Lê Duy Ngụ, Nguyễn Trọng San - NXB GD, Hà Nội - 1992.
- Trắc địa - Nguyễn Quang Tác - NXB Xây dựng, Hà Nội - 1998.

124059 ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Các kiến thức cơ bản về đất đá xây dựng, nước dưới đất. Các hiện tượng, quá trình địa chất động lực, các phương pháp khảo sát địa chất công trình .

Tài liệu tham khảo

- Cơ sở địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình - Nguyễn Hồng Đức - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2000.
- Địa kỹ thuật - Trần Thanh Giám - NXB Xây dựng, Hà Nội – 1999 .
- Địa kỹ thuật có ví dụ và lời giải - Nguyễn Ngọc Bích - NXB Nông nghiệp, Hà Nội – 1996 .
- Địa chất công trình (3 tập) - Lômtdadze V.D - NXB ĐH và THCN, Hà Nội – 1982 .
- Đất xây dựng - Địa chất công trình và kỹ thuật cải tạo đất trong xây dựng - Nguyễn Ngọc Bích, Lê Thị Thanh Bình, Vũ Đình Phụng - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2001 .

- Địa chất học cho kỹ sư xây dựng và cán bộ kỹ thuật môi trường - Alan E.Keheew - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1998 .

124060 CƠ HỌC CƠ SỞ

Tĩnh học: Các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề tĩnh học, thu gọn hệ lực, điều kiện cân bằng của hệ lực, bài toán cân bằng của vật rắn - hệ vật rắn, ma sát, trọng tâm .

Động học: động học điểm, hai chuyển động cơ bản của vật rắn, chuyển động phức hợp điểm, chuyển động song phẳng của vật rắn, chuyển động quay quanh một điểm cố định, chuyển động tổng quát của vật rắn. Mô hình hóa cơ cấu động học .

Động lực học: động lực học chất điểm, đặc trưng hình học khối lượng của hệ, các định lý tổng quát của động lực học hệ, nguyên lý D'Alambert, nguyên lý di chuyển khả dĩ, phương trình Lagrange 2 .

Chuyên ngành cơ học: Kỹ thuật xây dựng, Cơ khí, Kỹ thuật giao thông, Kỹ thuật địa chất và dầu khí .

Tài liệu tham khảo

- Cơ học 1, 2 - Đỗ Sanh - NXB Giáo dục, 1999.
- Bài tập cơ học tập 1 - Lê Doãn Hồng, Đỗ Sanh - NXB Giáo dục, 1998 .
- Giáo trình giản yếu cơ học lý thuyết - X. M. Targ - NXB ĐH&THCN, NXB Mir, 1983 .
- Cơ học lý thuyết - Nguyễn Trọng Chuyên, Nguyễn Thế Tiến, Trần Hữu Duân. - NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp .
- Cơ học lý thuyết - Nguyễn Văn Đình, Lê Doãn Hồng, Nguyễn Nhật Lê, Đỗ Sanh - NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp .
- Cơ học đại cương và Cơ học môi trường liên tục - Trương Tích Thiện - Trường ĐHBK Tp. Hồ Chí Minh, 2003.

124061 CƠ HỌC ĐẤT

Bao gồm: Sự hình thành của đất, các pha hợp thành đất, các đặc trưng vật lý của đất; các tính chất cơ học và các đặc trưng liên quan. Sự phân bố ứng suất trong đất, các vấn đề về biến dạng, sức chịu tải của nền đất, ổn định của khối đất và áp lực đất lên các vật rắn .

Tài liệu tham khảo

- Cơ học đất - Nguyễn Văn Qùi - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1973 .
- Cơ học đất I& II – Withlow - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1997
- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ, Nguyễn Văn Dũng –

NXB KHKT, Hà Nội – 1998 .

- Cơ học đất - Vũ Công Ngữ - NXB Giáo Dục - 2006.

Tài liệu tham khảo

- Cơ học kết cấu 1 - Lê Thọ Trình .
- Bài tập Cơ học kết cấu 1 - Lê Thọ Trình .
- Fundamentals of Structural Analysis - H. H. West and L. F. Geschwindner .
- Structural Analysis - A. Kassimali .
- Structural Engineering Handbook - Chen Wai-Fah .

124062 THỰC TẬP TRẮC ĐỊA

Sử dụng máy kinh vĩ và máy ni-vô để đo các yếu tố cơ bản; đo góc bằng, đo góc đứng, đo dài bằng vạch ngắm xa và mia đứng, đo cao lượng giác, đo cao hình học .

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn thực tập trắc địa đại cương - Bộ môn Trắc địa Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội – 1990 .
- Thực tập trắc địa công trình - B. C. Khâyphết, B. B. Đanhilêvich - NXB "Nhedra" Mátxcova -1973.
- Tài liệu của các trường đại học kỹ thuật .

124063 HÌNH HOẠ – VẼ KỸ THUẬT

Môn học này trang bị cho sinh viên khả năng tư duy không gian; kỹ năng sử dụng các dụng cụ vẽ thông thường cũng như các phần mềm và thiết bị vẽ tự động, nhằm biểu diễn và đọc được các ý tưởng kỹ thuật trên bản vẽ, theo đúng các tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) và Việt Nam (TCVN) .

Tài liệu tham khảo

- Vẽ kỹ thuật xây dựng - Đoàn Như Kim - NXB Giáo Dục - 2007.
- Vẽ kỹ thuật - Trần Hữu Quế - NXB GD – 2006.
- Bài tập Vẽ kỹ thuật xây dựng 1,2 - Đoàn Như Kim – NXB Giáo Dục – 2007 .
- Exercises in machine drawing - S.K. BOGOLYUBOV, MIR -1980 .

124064 SỨC BỀN VẬT LIỆU 1

- Các khái niệm cơ bản về ứng lực, ứng suất trong bài toán thanh .
- Trạng thái ứng suất đơn và phức tạp trong thanh .
- Các thuyết bền .
- Các đặc trưng hình học cần thiết khi tính toán thanh .
- Các bài toán thanh chịu xoắn và chịu uốn phẳng
- Ổn định thanh chịu nén .

Tài liệu tham khảo

- Sức bền vật liệu 1 – Lê Hoàng Tuấn, Bùi Công Thành – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .
- Giáo trình và bài tập về SBVL của các trường đại học kỹ thuật .

124065 VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Các tính chất cơ lý chủ yếu của vật liệu xây dựng dùng cho các công trình xây dựng.

Các tính năng kỹ thuật chủ yếu của các loại vật liệu xây dựng phổ biến dùng cho các công trình xây dựng như: vật liệu đá thiên nhiên, vật liệu gốm xây dựng, chất kết dính vô cơ (thạch cao xây dựng, xi măng Portland), bê tông xi măng, vữa xây dựng ...

Tài liệu tham khảo

- Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội - 2002 .
- Bài tập Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội - 2001 .

124066 AUTOCAD

Trang bị những kiến thức cơ bản về cách trình bày bản vẽ và thể hiện bản vẽ thiết kế một cách đúng nhất và nhanh nhất. Nội dung chính của môn học: Các lệnh vẽ cơ bản, hiệu chỉnh mô hình, thể hiện kích thước trên bản vẽ, in ấn bản vẽ, ...

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn học nhanh AutoCAD 2006 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thạnh - Nhà Xuất Bản Thống Kê.
- Sử dụng AutoCAD 2006 - Nguyễn Hữu Lộc - Nhà Xuất Bản Tổng Hợp TPHCM .

124067 THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Củng cố kiến thức lý thuyết vật liệu xây dựng, nâng cao được kỹ năng thực hành, thực hiện được các thí nghiệm về tính chất vật lý, cơ lý của một số vật liệu xây dựng cơ bản như: gạch đất sét nung, cát đá, xi măng, bê tông.

Tài liệu tham khảo:

- Vật liệu xây dựng – Phùng Văn Lự - NXB Giáo dục, Hà Nội – 2002.
- Giáo trình Thí nghiệm Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng – 2007.

124068 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 1

Môn học này nhằm mục đích phân tích các tính năng cơ lý chủ yếu của bê tông, tính toán tiết diện cấu kiện và lượng cốt thép cần thiết; bố trí cốt thép một cách hợp lý trong các tiết diện khi chịu những trạng thái ứng suất đơn giản; uốn, kéo, nén, kéo lệch tâm, nén lệch tâm. Việc tính toán theo 2 trạng thái giới hạn và là cơ sở bắt buộc để nghiên cứu việc tính toán kết cấu nhà cửa về sau .

Tài liệu tham khảo:

- TCXDVN 356:2005, Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - NXB Xây dựng, 2005 .
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Công.. - NXB KHKT - 2006 .
- Bài giảng môn học “Kết cấu Bê tông Cốt thép theo TCXDVN 356:2005, Phần cấu kiện cơ bản” - Lê Đức Hiền, ĐH Tôn Đức Thắng – 2007 .
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Công.. - NXB Xây dựng - 2006 .
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson, - 1997 .
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh - BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải).. - NXB Xây dựng – 2003 .

124069 SỨC BỀN VẬT LIỆU 2

- Thanh chịu lực phức tạp .
- Ổn định thanh thẳng chịu nén đúng tâm .
- Tính chuyển vị hệ thanh
- Tính hệ siêu tĩnh phẳng bằng phương pháp lực .
- Tải trọng động .

Tài liệu tham khảo:

- Sức bền vật liệu 2 – Lê Hoàng Tuấn – NXB Khoa học Kỹ thuật – 1998 .
- Sức bền vật liệu - PGS.TS. Lê Ngọc Hồng - NXB KHKT - 1998, 2000.
- Sức bền vật liệu - Nguyễn Y Tô và Bộ môn SBVL - NXB KHKT – 1998 .
- Giáo trình và bài tập về SBVL của các trường đại học kỹ thuật .

124070 NỀN & MÓNG 1

Những nguyên lý, qui trình, qui phạm thiết kế nền móng và trình tự thiết kế các loại móng nông: móng đơn, móng băng, móng bè.

Tài liệu tham khảo

- Những kiến thức cơ bản về những phương pháp xử lý và gia cố nền đất .
- Nền Móng - Châu Ngọc Ân - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002 .
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988 .

124071 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 2

Bê tông cốt thép: Chủ yếu tính toán các bộ phận của kết cấu nhà cửa bằng BTCT bao gồm các loại sàn, kết cấu khung, dầm, móng, mái và nhà công nghiệp 1 tầng. Kết thúc môn học này trên nguyên tắc sinh viên có thể tự thiết kế những công trình nhỏ, vừa, kiên cố .

Gạch đá: Phần này sẽ giới thiệu tóm tắt về tính năng cơ lý của khối xây gạch và gạch đá có hay không có cốt thép; cách tính toán những khối xây ấy với các trạng thái ứng suất chịu khác nhau.

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - TCXDVN 356:2005 - NXB Xây dựng – 2005.
- Tải trọng và Tác động, Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 2737:1995.
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Công - Nhà xuất bản KHKT – 2006.
- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Công, ... - Nhà xuất bản KHKT – 1998.
- Bài giảng môn học “Kết cấu Bê tông Cốt thép 2”, Phần kết cấu nhà cửa - Lê Đức Hiền - ĐH Tôn Đức Thắng – 2007.
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Công - NXB Xây dựng - 2006.
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson – 1997.
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh, BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải) - NXB Xây dựng - 2003.

124072 CƠ HỌC KẾT CẤU

Hệ thanh phẳng tĩnh định:

- Phân tích cấu tạo hình học .
- Phân tích nội lực của hệ chịu tải bất động và di động .
- Khái niệm hệ không gian .

- Xác định chuyển vị trong hệ thanh phẳng dàn hội tuyến tính .
- Khái niệm về hệ siêu tĩnh, bậc siêu tĩnh .
- Phương pháp lực và cách tính hệ thanh phẳng siêu tĩnh .
- Phương pháp chuyển vị tính hệ thanh phẳng .

Tài liệu tham khảo:

- Lêu Thọ Trình (2000), Bài tập Cơ học kết cấu - tập 1, Hà Nội, NXB KHKT.
- Lêu Thọ Trình, Nguyễn Mạnh Yên (2000), Bài tập Cơ học kết cấu 1 (hệ tĩnh định), Hà Nội, NXB KHKT.

124073 NỀN & MÓNG 2

Những nguyên lý, qui trình, qui phạm thiết kế các dạng móng đặc biệt; móng sâu: móng cọc, móng cọc khoan nhồi, móng cọc barrette, móng trụ ống; móng chịu tải trọng ngang, móng chịu tải trọng động .
 Tính toán nền móng công trình trên đất yếu.

Tài liệu tham khảo:

- Nền Móng - Châu Ngọc Ân - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002.
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988.

124074 CÁC GIẢI PHÁP NỀN MÓNG HỢP LÝ

Giúp sinh viên nắm vững nguyên lý về lý thuyết và nửa thực nghiệm để thiết kế hợp lý các loại móng cơ bản để vận dụng vào những điều kiện khác nhau của đất nền bên dưới các công trình xây dựng; riêng về nền đất, học viên nắm được cách tính toán các vấn đề liên quan đến độ bền, ổn định và biến dạng của nền đất.

Tài liệu tham khảo:

- Nền Móng - Châu Ngọc Ân - Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2002.
- Giáo trình Nền – Móng - Vũ Công Ngữ - Bộ GD & ĐT, 1990 .
- Foundation analysis and design - Bowles Joseph E. – 1988.

124075 KẾT CẤU THÉP 1

Tính toán và thiết kế những cấu kiện đơn giản bằng thép hình hay gỗ và chất dẻo. Gồm 2 phần :

- Kết cấu thép: tính toán được các loại liên kết, thiết kế dầm, cột, dàn theo dạng định hình hay tổ hợp .

- Kết cấu gỗ: tính toán được các liên kết, chọn tiết diện cấu kiện dùng gỗ hay liên kết mềm và một số dạng kết cấu gỗ chịu lực khác .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM .
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng - GS: Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.

124076 KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP 3

Tính toán các cấu kiện đặc biệt bằng BTCT bao gồm: tường chắn đất, bể chứa chất lỏng các loại, silô, bunke và mái vòm không gian.

Phân tích nội lực trong những dạng kết cấu phức tạp và nắm bắt được kỹ thuật tính toán, cấu tạo cốt thép trong những kết cấu đó để vận dụng vào thực tế nghề nghiệp của mình lâu dài.

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Lý Trần Cường, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Lê Ninh. –NXB KHKT – 1998.
- Bài giảng kết cấu bê tông cốt thép 3 - Nguyễn Văn Hiệp - ĐHBK Tp.HCM.
- Bài giảng Kết cấu bê tông cốt thép 3 - Lê Đức Hiền - ĐH Tôn Đức Thắng.
- Kết cấu Bê tông cốt thép –Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574-1991.
- Tải trọng và tác động –TCVN 2737-1995

124077 ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG

Vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần Cơ học đất, Nền và Móng tính toán thiết kế cho các móng thông thường.

Tài liệu tham khảo:

- Nền và móng - Lê Đức Thắng - NXB Giáo dục, Hà Nội – 1998.
- Kết cấu sàn bê tông cốt thép - Nguyễn Đình Cống - NXB KHKT, Hà nội – 2001.
- Kết cấu bê tông cốt thép - Ngô Thế Phong và các

tác giả, , - NXB Khoa học Kỹ thuật – 2002.

Tài liệu hướng dẫn đồ án "Nền và móng" của các trường đại học.

124078 KIẾN TRÚC 1

Kiến trúc dân dụng .

Những cơ sở thiết kế kiến trúc: trình tự thực hiện, bố cục kiến trúc, không gian chức năng; những đặc điểm về kinh tế – kỹ thuật khi thiết kế những công trình dân dụng như nhà ở, chung cư, nhà làm việc, khách sạn, công trình công cộng, công trình đặc biệt ... sẽ là những nội dung cơ bản của giáo trình này .

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên lý kiến trúc dân dụng – Nguyễn Tài My.
- Sáng tác kiến trúc – Đặng Thái Hoàng.
- Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng.
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam của Bộ Xây Dựng ban hành tháng 12/1996.
- Nguyên lý kiến trúc nhà dân dụng – Nguyễn Đức Thiềm.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước .

124079 ĐỒ ÁN KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP

Vận dụng những kiến thức đã học trong môn học kết cấu bê tông cốt thép về tính toán và cấu tạo cấu kiện chịu uốn để thiết kế một kết cấu cụ thể .

Thực hiện tính toán tương đối hoàn chỉnh sàn công tác bằng BTCT. Bao gồm việc xác định các loại tải trọng, xác định nội lực, tổ hợp và chọn cốt thép; bố trí cốt thép cho những bộ phận kết cấu sàn – dầm theo 1 trong 2 phương án: bản làm việc 1 phương hay 2 phương .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Công, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Xuân Liên, Nguyễn Phần Tấn – Nhà xuất bản KHKT, 1998 .
- Kết cấu bê tông Cốt thép 2, phần cấu kiện nhà cửa, Tài liệu lưu hành nội bộ - Lê Đức Hiền .
- Kết cấu Bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574 -1991 .
- Tải trọng và tác động –TCVN 2737-1995 .
- Sàn sườn toàn khối có bản loại dầm - Nguyễn Đình Công – Nhà xuất bản KHKT - 2003.

124081 TIN HỌC XÂY DỰNG 1

Hướng dẫn sinh viên phân tích và thực hành sử dụng phần mềm SAP – 2000 theo các phiên bản hiện hành được dùng rộng rãi trong ngành học hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- Tính nội lực và cốt thép bằng Sap 2000 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thanh - NXB Thống kê.
- Phân tích kết cấu bằng Sap2000 - Bùi Đức Vinh - NXB Tổng hợp Tp.HCM.

124082 ĐÀN HỒI ỨNG DỤNG & PHẦN TỬ HỮU HẠN

Môn học này giúp sinh viên tìm hiểu về một phương pháp tính toán kết cấu hiện đại trong ngành xây dựng, hiểu rõ về bản chất của việc phân tích kết cấu khi sử dụng các phần mềm tính toán kết cấu được lập trình theo phương pháp phần tử hữu hạn đang được sử dụng rộng rãi hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Văn Bình, Phương pháp phần tử hữu hạn trong tính toán kết cấu, NXB Thống kê, 2009.
- Chu Quốc Thắng, Phương pháp phần tử hữu hạn, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1997.

124083 KẾT CẤU THÉP 2

Tính toán các kết cấu đặc biệt bằng thép gồm: Khung nhà công nghiệp, kết cấu thép dự ứng lực, nhà nhịp lớn, tháp trụ và kết cấu thép bản .

Phân tích những nội lực của dạng kết cấu phức tạp nhằm có những kỹ năng ban đầu để nghiên cứu chuyên sâu và biết các cấu tạo, liên kết kết cấu thép trong những trường hợp khó .

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM.
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng - GS Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.

124084 ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC

Thông qua môn kiến trúc dân dụng, sinh viên khi thực hiện đồ án này sẽ được chọn một trong những công trình dân dụng hay công cộng như chung cư, nhà làm việc, khách sạn, nhà triển lãm, thư viện, bưu điện ... để thiết kế cụ thể kiến trúc cho một công

trình đầu tay; bao gồm việc quy hoạch tổng mặt bằng, mặt bằng các tầng, mặt cắt, mặt đứng các hướng. Đây là một trong 3 đồ án bắt buộc cho chuyên ngành xây dựng.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên lý kiến trúc dân dụng – Nguyễn Tài My.
- Sáng tác kiến trúc – Đặng Thái Hoàng.
- Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng.
- Nguyên lý kiến trúc nhà dân dụng – Nguyễn Đức Thiêm.
- Thiết kế kiến trúc công nghiệp – Nguyễn Minh Thái - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Kiến trúc 2 (Kiến trúc công nghiệp) – Nguyễn Tài My.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.

124085 KỸ THUẬT THI CÔNG – MÁY XÂY DỰNG

Kỹ thuật thi công: những kiến thức cơ bản về biện pháp thi công các công trình Dân dụng và Công nghiệp gồm những nội dung chính: thi công phần công tác đất, thi công cốt- pha, cốt thép, bê tông. Công tác lắp dựng các cấu kiện trong công trình và công tác xây, hoàn thiện .

Máy xây dựng: Các kiến thức cơ bản về đặc điểm, cấu tạo chung của máy xây dựng; cấu tạo, tính năng kỹ thuật, khai thác sử dụng, tính toán đơn giản ... của các loại máy thường sử dụng trong xây dựng cơ bản như: máy nâng, máy -

Làm đất, thiết bị gia cố nền móng, máy sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác máy xây dựng.

Tài liệu tham khảo:

- Kỹ thuật thi công 1,2 – TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều.
- Thi Công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Th.S Nguyễn Văn Thịnh.
- Kỹ thuật thi công - Nguyễn Văn Hiện.
- Địa chất công trình - Nguyễn Uyên, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Định, Nguyễn Xuân Diên.
- Máy Xây Dựng - Nguyễn Văn Hùng, Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Mai.

124086 ỨNG DỤNG BIM TRONG XÂY DỰNG

Tìm hiểu về BIM (Building Information Modeling) để tạo lập và sử dụng mô hình thông tin trong các giai đoạn thiết kế, thi công và vận hành công trình.

Một số ứng dụng cụ thể của mô hình thông tin công trình BIM cho các công ty xây dựng hiện nay như:

- Thiết kế kiến trúc: từ giai đoạn lên ý tưởng, phân tích năng lượng công trình.
- Thiết kế kết cấu: lên phương án thiết kế, phân tích sơ đồ kết cấu.
- Thiết kế cơ điện nước: lên phương án thiết kế, tối ưu thiết kế (giảm va chạm, đảm bảo cao độ, phân tích hiệu suất)
- Bản vẽ Shopdrawing, thống kê
- Mô phỏng trình tự thi công, lắp dựng
- Phục vụ chế tạo cấu kiện
- Quản lý tổng mặt bằng, đánh giá tính khả thi ngoài công trường, an toàn lao động
- Virtual Reality, Augmented Reality, 3D Printing, 3D Scanning

Tài liệu tham khảo:

- Phần mềm Revit Architecture, Revit Structure, Revit Mep
- Phần mềm Navisworks, Dynamo

124087 KIẾN TRÚC 2

Kiến trúc công nghiệp .

Kiến trúc nhà công nghiệp một tầng, nhiều tầng và các loại. Gồm 2 phần :

- Nguyên lý thiết kế nhà công nghiệp.
- Nguyên lý cấu tạo các bộ phận nhà công nghiệp (mái, sàn, trục định vị, cầu trục ...) .

Tài liệu tham khảo:

- Tuyển tập tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - NXB Xây dựng, Hà Nội - 1997.
- Quy hoạch khu công nghiệp, thiết kế mặt bằng tổng thể nhà máy và công trình công nghiệp – Vũ Duy Cừ - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Thiết kế kiến trúc công nghiệp – Nguyễn Minh Thái - NXB Xây dựng, Hà Nội – 2003.
- Một số vấn đề tổ chức khu công nghệ cao tại Việt Nam, Luận văn thạc sĩ Kiến Trúc – Quy hoạch – Nguyễn Thị Hồng – 2002.
- Các hồ sơ thiết kế quy hoạch các khu công nghiệp tập trung, Khu công nghệ cao..
- Luật xây dựng– NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội – 2004.
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây Dựng , 03/04/2008.
- Kiến trúc 2 (Kiến trúc công nghiệp) – Nguyễn Tài My.
- Các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.

124088 ĐỒ ÁN THÉP

Sinh viên sẽ thực hiện việc tính toán tương đối hoàn chỉnh một công trình bằng thép, thường là nhà

công nghiệp 1 tầng bằng thép có cầu trục, bao gồm việc xác định các loại tải trọng, xác định nội lực, tổ hợp và chọn tiết diện cho những bộ phận kết cấu đó.

Tài liệu tham khảo:

- Thiết kế Kết cấu thép Nhà công nghiệp, Kết cấu thép Công trình Dân dụng & Công nghiệp.
- Tiêu chuẩn thiết kế Kết cấu thép - TCXD VN 338-2005.
- Các tài liệu có liên quan về kết cấu thép.

124089 ĐỒ ÁN THI CÔNG

Đồ án thi công gồm 2 phần :

Phần 1: Lập biện pháp kỹ thuật. Sinh viên phải nêu được biện pháp kỹ thuật thi công với 1 dạng công trình định trước (toàn khối hay lắp ghép). Bao gồm biện pháp chống đỡ, cấu tạo cốt-pha và đổ bê tông hay lắp ghép 1 công trình BTCT hay nhà thép cho nhà dân dụng hoặc công nghiệp.

Phần 2: Tổ chức. Sinh viên phải quy hoạch tổng bình đồ công trường, lập tiến độ thi công (sơ đồ dây chuyền, sơ đồ mạng) có tính toán những hệ số kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

- Kỹ thuật thi công 1,2 – TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều.
- Thi Công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Th.S Nguyễn Văn Thịnh.
- Kỹ thuật thi công - Nguyễn Văn Hiện.
- Máy Xây Dựng - Nguyễn Văn Hùng, Phạm Quang Dũng, Nguyễn Thị Mai.
- Tổ chức xây dựng - Nguyễn Đình Thám - NXB KHKT – 2001.
- Các sách về lập kế hoạch sản xuất xây dựng do NXB XD phát hành.

124090 KỸ THUẬT ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về tính toán thiết kế hệ thống cấp điện cho công trình xây dựng. Chương trình học còn giới thiệu cho sinh viên một số khái niệm về :

- Hệ thống chống sét (lightning protection)
- Hệ thống thông tin liên lạc (communication system)
- Hệ thống chống trộm cướp (security system)
- Hệ thống cứu hỏa tự động (fire protection system)
- Hệ thống điện thang máy (electrification for elevator)
- Hệ thống điện điều hòa trung tâm và hệ thống điện bơm nước .

- Hệ thống ăng-ten cho ti-vi (master antenna)

Tài liệu tham khảo:

- Thiết kế hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp - ĐHBK Hà Nội -1993.
- Thiết kế cấp điện - NXB KHKT - 1997.
- Gerd Balzer, Bernhard Boehle and Others - Switchgear manual - Bản dịch của Lê Văn Doanh, Cẩm nang thiết bị đóng cắt - NXB KHKT - 1998.
- A. A. Fedorov, Bản dịch của Lê Văn Doanh, Sách tra cứu về cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp, NXB Cầu Vồng - 1981, .
- Các catalogue chào hàng của ABB, Cooper (Mỹ), Melix Gerin (Pháp), Fuji Electric (Nhật), Siemens (Đức)...
- BS (British Standard), Tiêu chuẩn lắp đặt theo JIS (Japanese Industrial Standard) và tiêu chuẩn Việt Nam.

124091 NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

Bao gồm các nội dung chính về Kiến trúc, Kết cấu xây dựng, vật liệu xây dựng và thi công công trình.

Tài liệu tham khảo:

- English of civil engineering, Võ Như Cầu, NXB GD, Hà Nội – 1992.
- Thực hành tiếng Anh trong kiến trúc và xây dựng, Đỗ Văn Thái, NXB Xây dựng, Hà Nội – 1998.
- Luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật Tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc và xây dựng - Quang Hùng – Tổng Phước Hằng. NXB KHKT - Hà Nội, in lần thứ 3 năm 2001.

124092 TRIỂN KHAI KẾT CẤU CÔNG TRÌNH

Vẽ lại một số bản vẽ theo yêu cầu từ hồ sơ thiết kế kiến trúc của một công trình (chung cư, cao ốc văn phòng, trường học, bệnh viện, ...) hay một hạng mục mới của công trình đã qua thẩm định.

Tính kết cấu sàn, dầm dọc, cầu thang, hồ nước (hiện hữu hoặc giả định), khung (phẳng hoặc không gian). Tính và thiết kế các giải pháp móng (đơn, băng, bè; cọc ép, khoan nhồi,...) chọn ra phương án tối ưu để triển khai thực hiện.

Yêu cầu :

- Sử dụng thành thạo các phần mềm: Autocad, Sap-2000, Microsoft Project 2003, ... để thiết kế, vẽ, tính, thống kê, ... thỏa quy chuẩn của ngành về

kiến trúc, kết cấu công trình, hạng mục được thực hiện qua đồ án.

- Thi công được ngay khi công trình hay hạng mục công trình triển khai thực hiện.

Tài liệu tham khảo:

- Kết cấu Bê tông Cốt thép, Phần cấu kiện cơ bản - Phan Quang Minh, Ngô Thế Phong, Nguyễn Đình Cống - NXB KHKT - 2006.
- Tính toán tiết diện cột Bê tông Cốt thép - Nguyễn Đình Cống - NXB Xây dựng - 2006.
- Design of Concrete Structure - Athur Nilson, - 1997.
- Thiết kế Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép theo Tiêu chuẩn Anh - BS 8110-97 - Nguyễn Trung Hòa (dịch và chú giải) - NXB Xây dựng - 2003.
- Kết cấu Bê tông và Bê tông Cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế - TCXDVN 356:2005 - NXB Xây dựng - 2005.
- Tải trọng và Tác động, Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 2737:1995.
- Kết cấu Bê tông cốt thép, phần kết cấu nhà cửa - Ngô Thế Phong, Lý Trần Cường, Trịnh Kim Đạm, Nguyễn Lê Ninh. -NXB KHKT - 1998.
- Kết cấu Bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn Thiết kế TCVN 5574-1991.
- Kết cấu thép cấu kiện cơ bản - Phạm Văn Hội - NXB khoa học và kỹ thuật.
- Kết cấu thép - Đỗ Đào Hải - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM .
- Kết cấu thép (Đại học Thủy lợi) - Vũ Thành Hải - NXB Xây dựng.
- Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp - Phạm Văn Hội - NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Bài tập thiết kế kết cấu thép (Đại học Quốc gia) - Trần Thị Thôn - NXB khoa học và kỹ thuật .
- Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp một tầng - GS Đoàn Định Kiến - NXB KHKT.
- Kết cấu thép (Tiêu chuẩn thiết kế) TCXDVN: 338-2005 - NXB Xây dựng.
- Tính nội lực và cốt thép bằng Sap 2000 - Nguyễn Khánh Hùng, Phạm Thái Thạnh - NXB Thống kê.
- Phân tích kết cấu bằng Sap2000 - Bùi Đức Vinh - NXB Tổng hợp Tp.HCM.
- Ứng dụng Microsoft Project 2003 trong Quản lý Dự án xây dựng - Ts. Trần Hành (Chủ biên) - NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM - 2008.

124093 KINH TẾ XÂY DỰNG

Quản lý kinh tế và tổ chức sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng. Đi sâu vào việc quản lý sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả kinh tế vốn đầu tư từ đó đưa ra được các dự án đầu tư tốt nhất và quản lý thực hiện dự án. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong thiết kế và thi công. Đưa ra được các biện pháp hạ giá thành công trình trên cơ sở phân tích hoạt động kinh tế của công ty xây lắp .

Tài liệu tham khảo:

- Lập “ Dự án khả thi”, tính “ Dự toán xây dựng” và quản lý đầu tư xây dựng .
- Kinh tế xây dựng - TS. Nguyễn Công Thanh, ĐHBK TP.HCM - 2005 .
- Kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng - GS.TS. Nguyễn Văn Chơn .
- Kinh tế đầu tư xây dựng - GS.TS. Nguyễn Văn Chơn - 2003 .
- Quản trị dự án đầu tư xây dựng - TS. Nguyễn Xuân Thủy - 2003 .
- Quản lý dự án đầu tư - ThS. Đào Thị Xuân Lan - 2004 .
- GT Kinh tế xây dựng - TS. Nguyễn Văn Khiêm - Bộ XD Hà Nội - 2006 .

124094 QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG

Giúp cho sinh viên nắm được quy trình và trình tự thực hiện của quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn của dự án, quản lý về chi phí, vật tư, thanh quyết toán hợp đồng của dự án, thanh quyết toán vốn đầu tư...

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Bạch Nguyệt, 2000, Giáo trình Lập và Quản lý Dự án Đầu Tư. NXB Thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Thủy, 2003, Quản Trị Dự Án Đầu Tư: Lý thuyết và Bài Tập. NXB Thống kê.

124095 CẤP THOÁT NƯỚC

Giới thiệu các vấn đề về cấp và thoát nước ở bên ngoài và bên trong nhà. Phần cấp nước sẽ đề cập đến các loại nguồn nước và các sơ đồ xử lý nước, hệ thống cấp nước cho khu vực và cho công trường xây dựng cũng như hệ thống cấp nước trong nhà; trong đó sẽ nhấn mạnh đến việc tính toán và thiết kế mạng lưới cấp nước. Phần thoát nước sẽ trình bày các vấn đề chủ yếu về hệ thống thoát nước cho khu vực và trong nhà cũng như các phương pháp xử lý nước thải.

Tài liệu tham khảo:

- Cấp thoát nước trong nhà - Bộ Xây Dựng.

- Công trình cấp thoát nước – ĐHBK Tp. HCM
- Tiêu chuẩn thiết kế và nghiệm thu hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình, TCVN.
- Tài liệu thiết kế thực tế.

124096 DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Giúp sinh viên làm quen với các công việc chuyên môn, sinh viên thực tập làm quen với công tác xây tô, ván khuôn tại xưởng thực tập tại trường.

- Tham gia trực tiếp công tác xây, tô.
- Thực tập các công tác hoàn thiện láng, ốp, sơn, vôi...

Tài liệu tham khảo

- Kỹ thuật thi công – Công tác xây, tô hoàn thiện – Lê Kiều – NXB Xây Dựng – Hà Nội 2004.

125004 KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Kế toán trong quản trị gồm những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp. Đánh giá sự tác động của các loại chi phí ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xây dựng dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát, đánh giá chi phí kinh doanh sản xuất và lựa chọn phương án tối ưu.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương (2010), Kế toán quản trị, TP.HCM, NXB. Thống Kê.
- Đoàn Ngọc Quê, Đào Tất Thắng, Lê Đình Trục (2009), Kế toán quản trị, TP.HCM, NXB. Lao động

125005 KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG

Môn học giúp cho sinh viên:

- Tiếp cận những quan điểm mới về Thương lượng
- Vận dụng sách lược phá thế căng thẳng xung đột trong thương lượng
- Cực đại hóa sức mạnh thương lượng của ta và cực tiểu hoá sức mạnh thương lượng của họ
- Soạn thảo được hợp đồng đúng luật.
- Tránh được những điểm bất lợi khi soạn thảo hợp đồng.
- Tính toán được những quyền lợi hoặc rủi ro trên hợp đồng.

Tài liệu tham khảo

- Đại Hồng Lĩnh, Nghệ thuật đàm phán thương lượng trong kinh doanh và cuộc sống, NXB Đà

Nẵng.

- TS. Thái Trí Dũng, Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, NXB Thống kê.

125010 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững kiến thức và các kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài. Môn học cũng hỗ trợ sinh viên có kiến thức và kỹ năng làm việc tại công ty nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- TS Nguyễn Văn Nam, Nghiệp vụ xuất nhập khẩu, NXB Lao Động, năm 2011
- GS.TS Võ Thanh Thu, “Kỹ thuật Kinh doanh Xuất nhập khẩu”, NXB Tổng Hợp TP. HCM, 2011.
- PGS Vũ Hữu Từu, “Kỹ thuật Nghiệp vụ Ngoại thương”, NXB Thống Kê 1999.
- Incoterms 2010 của Phòng Thương Mại Quốc Tế.

125011 PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Học phần này trang bị sinh viên những kiến thức cơ bản như: phân tích tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích các yếu tố sản xuất như sử dụng tài sản cố định và nguyên vật liệu.

Tài liệu tham khảo:

- PGS. Nguyễn Năng Phúc, Phân tích kinh doanh lý thuyết và thực hành, NXB Tài Chính, 2007.
- TS. Phan Đức Dũng, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống Kê, 2006.
- Nguyễn Phú Giang, Kế toán quản trị và phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống Kê, 2005.
- TS. Huỳnh Đức Lộng, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Tài Chính, 1997.

125012 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Mỹ Hương. 2014.

Phương pháp nghiên cứu khoa học. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.

- Vũ Cao Đàm. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB. Khoa học và Kỹ Thuật. TP. HCM. Năm 2008.
- Trần Tiến Khai. 2012. Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản. Tp. HCM: NXB. Lao động - Xã hội.
- Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An. 2010. Phương pháp nghiên cứu khoa học. Tp. HCM: Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Nguyễn Đình Thọ. 2014. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Tp. HCM: NXB. Tài Chính

125015 QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Môn học Quản trị chất lượng cung cấp những kiến thức phục vụ cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm trong tất cả các giai đoạn từ khởi đầu đến kết thúc một chu kỳ sản xuất – tiêu thụ sản phẩm. Trong đó bao gồm; chất lượng trong công việc, trong dịch vụ, trong mỗi quá trình, mỗi bộ phận, mỗi con người ...đều được đề cập nhằm đảm bảo đạt được chất lượng toàn diện của mỗi sản phẩm, dịch vụ đến tay người tiêu dùng.

Các kiến thức cơ bản được nghiên cứu trong học phần là:

- Những khái niệm cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng
- Các phương thức quản lý chất lượng và quản lý chất lượng toàn diện
- Các phương pháp, kỹ thuật, công việc để quản lý chất lượng
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn và quản lý Nhà nước về chất lượng.

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Đinh Phương Vương –Quản trị chất lượng, ĐH Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh, 1998.
- PGS.TS Nguyễn Thị Liên Diệp - Quản trị học, 1997.
- Nguyên nhân thành bại của các doanh nghiệp hàng đầu thế giới, R.foster (Biên dịch: Trần Doãn Ân) 1989.
- Masaaki imai_kaizen, chìa khóa thành công về quản lý của Nhật Bản.
- Jonh S.OAKLAND_Quản lý chất lượng đồng bộ, 1994.

125017 QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để dùng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi học xong môn học này, người học:

- Nắm vững những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng, hiểu rõ giá trị và vai trò chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình hoạch định và thu mua của chuỗi cung ứng.
- Nắm được kiến thức và kỹ năng quản lý các hoạt động liên quan trong quy trình sản xuất và phân phối sản phẩm.
- Đánh giá công nghệ thông tin hiện có, xu hướng công nghệ thông tin mới và hiểu rõ cách thức ứng dụng công nghệ thông tin này vào các quy trình chuỗi cung ứng.
- Sử dụng các mô hình và hệ thống đo lường để đánh giá hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng.
- Có kiến thức và kỹ năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng

Tài liệu tham khảo:

- Quản trị điều hành Hồ Tiến Dũng- NXB Lao Động, 2010
- Nâng cao kỹ năng điều hành sản xuất. Hồ Tiến Dũng- NXB Đại Học Quốc Gia, 2006
- Michael Hugos, Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
- GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, Quản trị chuỗi cung ứng, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.
- Robert J.Trent, Strategic Supply Management – Creating the next source of competitive advantage, J.Ross Publishing, 2007.

125018 QUẢN TRỊ DỰ ÁN

Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị một dự án đầu tư từ việc lựa chọn giám đốc cho DA, tổ chức thực hiện dự án, lập tiến độ thực hiện dự án, kiểm soát dự án và kết thúc dự án. Môn học này giúp cho sinh viên có kỹ năng cao hơn về đánh giá và quản trị một DAĐT sau khi đã học môn thâm định DAĐT.

Tài liệu tham khảo:

- Jack Clark Francis, Management of Investments International Edition, Mc- Graw Hill Inc. 1993.
- Viện Ngân hàng Thế giới, Phân tích kinh tế các

hoạt động đầu tư NXBVăn hó – thông tin. Năm 2002.

- Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, Bộ môn Quản trị dự án, NXB Thống kê, năm 2005.
- Vũ Công Tuấn. Quản trị dự án. NXB Thành Phố HCM, 1999.

125020 QUẢN TRỊ MARKETING

Môn học cung cấp hệ thống kiến thức và kỹ năng làm công tác quản trị marketing : phân tích thị trường, quyết định các vấn đề chiến lược của marketing như lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị, thiết kế các chiến lược Marketing hỗn hợp: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối, chiến lược thúc đẩy. Hoạch định và tổ chức thực hiện các chương trình marketing, lãnh đạo, kiểm soát và đánh giá các kết quả hoạt động của marketing.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thế Giới (2011), Quản trị Marketing, NXB Tài Chính.
- Nguyễn Văn Dung (2012), Quản trị Marketing, NXB Lao Động
- Philip Kotler (2013), Quản trị Marketing (tài liệu dịch), NXB Thống kê, Hà Nội.
- Trương Đình Chiến (2010), Quản trị Marketing, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
- Vũ Thế Dũng (2004), Quản trị tiếp thị, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Andrew Whalley (2010), Strategic Marketing, Publishing Aps ISBN
- MTD Training (2010), Effective Marketing, Publishing Aps ISBN.

125021 QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự; cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

Tài liệu tham khảo:

- “Quản trị nhân sự theo quan điểm tổng thể” của GS.TS Martin Hill (Thụy Sĩ) do TS Đình Toàn Trung dịch thuật.
- “Kinh nghiệm của Nhật Bản về quản lý DN 1993” của Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.
- “Tâm lý học quản trị và kinh doanh” của TS Thái

Trí Dũng.

- “Quản trị học” của TS Đào Duy Huân.
- “Nghệ thuật lãnh đạo” của Nguyễn Hữu Lam, MBA.
- “Cẩm nang cho giám đốc tài chính xí nghiệp” của Alain Choinel & Gerard Rouyer.

125022 QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Trần Quang Trung, Quản trị rủi ro, NXB Giáo Dục, 1998.
- Đoàn Thị Hồng Vân (2007), Quản Trị Rủi Ro và Khủng Hoảng, Nhà Xuất Bản Lao Động – Xã Hội.
- Tập thể tác giả (2011), CEO Và Quản Trị Rủi Ro, Nhà Xuất Bản Thanh Niên

125023 QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

Môn học cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như: Dự báo nhu cầu, Hoạch định công suất, Hoạch định nhu cầu vật tư... Môn học cũng nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như: Điều độ sản xuất, Bố trí mặt bằng... và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tham khảo môn học Quản trị sản xuất của bộ môn Quản trị sản xuất trường Đại Học Kinh Tế TPHCM
- Quản lý sản xuất – Gerard Chevalier – Nguyễn Văn Nghién (CFVG)
- Production/Operations Management – Nollet, Kelada, Diorio
- Quản trị sản xuất và tác nghiệp của GS.TS Đồng Thị Thanh Phương.

125024 QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Môn học Quản Trị Tài Chính trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính như: phân tích tài chính, lập kế hoạch tài chính, lượng giá chứng khoán, các vấn đề về đầu tư và hoàn vốn, cơ cấu vốn, chi phí vốn và phân tích rủi ro tài chính....

Tài liệu tham khảo:

- “Cẩm nang cho giám đốc tài chính xí nghiệp” của Alain Choinel & Gerard Rouyer.
- Brealey, Myers and Marcus, Fundamentals of corporate finance. International Edition, Mc Graw Hill Inc. 1995
- Van Horn, Financial manegament and policy Eastern Economy Edition, 6th Edition
- Eugene F. Brigham, Fundamentals of Financial manegament. niversity of Florida, Sixth Edition
- Nguyễn Quang Thu, Quản Trị Tài Chính Căn Bản. NXB Thống Kê, Năm 2005, in lần thứ 2
- Nguyễn Hải Sản, Quản Trị Tài Chính Doanh Nghiệp, NXB Thống Kê Năm 1996.

125026 THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều, 2010, Thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội.
- Nguyễn Thị Thu Thảo, 2009, Nghiệp vụ thanh toán quốc tế, NXB Tài Chính
- Bho, T.S., & Trivedi, A.K, 2007, International Trade Finance. New York: Palgrave Macmillan.
- Edward G. Hinkelman, 2003, A short course in International Payment, NXB World Trade Press, USA.
- Peijie Wang, 2009, The Economics of Foreign Exchange and Global Finance, 2nd ed. Springer-Verlag Berlin

125027 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Cơ chế hoạt động của một thị trường chứng khoán bao gồm: hệ thống giao dịch, phương thức giao dịch và thanh toán trên thị trường chứng khoán, phương thức xác định giá khớp lệnh và cách khớp lệnh, niêm yết chứng khoán, chỉ số giá chứng khoán và những

quy định hiện hành trong mọi hoạt động có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Đặc điểm, tính chất và sự khác biệt của các hoạt động chứng khoán như: chứng khoán cơ bản bao gồm: trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu thường; chứng khoán phái sinh bao gồm: Right, Warrant, Futures, Forward và Option.

Những kỹ thuật cơ bản trong phân tích chứng khoán và định giá chứng khoán như: phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật, các phương pháp định giá chứng khoán như chiết khấu dạng tiền, tỷ số P/E, CAPM...

Tài liệu tham khảo: Sách Thị trường chứng khoán của trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

125029 THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản, tổng quan về thương mại điện tử. Các chính sách, chiến lược và phương pháp tiến hành. Sử dụng các công cụ điện tử để tiến hành hoạt động kinh doanh. Hiểu và đánh giá vai trò, tầm quan trọng của TMĐT đối với nền kinh tế quốc dân. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình TMĐT.

Tài liệu tham khảo

- Hỏi đáp về thương mại điện tử - Ts.Nguyễn Văn Sơn – Nhà XB Thống kê
- Những kiến thức căn bản về thương mại điện tử - Minh Quang – Nhà XB LDXH
- Giáo trình Thương Mại Điện Tử Căn Bản - Ts. Trần Văn Hòe – NXB Tài Chính – 366 trang – Năm 2010
- Dương Tố Dung, 2005, Cẩm nang TMĐT cho doanh nhân, NXB Lao Động.

125033 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán như: bản chất, chức năng, yêu cầu, (nguyên tắc) của kế toán, hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán.

Tài liệu tham khảo

- Nguyên lý Kế Toán-Lý thuyết và Bài tập.
- Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán.

Sách tham khảo:

- Nguyên lý kế toán thuộc bộ môn kế toán Khoa Tài chính kế toán, ĐH Lạc Hồng – lý thuyết và bài tập.
- Các sách kế toán của các nước (phần lý thuyết).
- Các văn bản pháp lý chung về kế toán luật kế

toán, các điều lệ chế độ tổ chức kế toán) và các văn bản khác có liên quan (kể cả các luật) về kinh tế và kinh doanh.

125035 MARKETING QUỐC TẾ

Môn học này cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, Marketing, những kiến thức cơ bản về Marketing quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nội dung chủ yếu bao gồm: phân tích, đánh giá môi trường marketing quốc tế, xác định các phương thức thâm nhập thị trường thế giới, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược marketing quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

- International Marketing, Philip R. Cateora & John L. Graham, 13th Edition -2007
- Global Marketing Management, Masaaki Kotabe & Kristiaan Helsen, 3rd Edition - 2004
- International Marketing, Michael R. Czinkota, 7th Edition, 2004
- International Marketing & Export Management, Gerald Albaun, Jesper Strandskov, Edwin Duerr, 4th Edition, 2002
- Marketing quốc tế, chủ biên PGS, TS Nguyễn Đông Phong, 2007.

125045 KINH TẾ HỌC

Kinh Tế Học hướng đến bài toán đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người trong điều kiện tài nguyên khan hiếm. Môn học gồm 2 phần, (1) kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Bảo Lâm, Kinh tế Vi Mô, NXB Thống Kê, 2016..
- Dương Tấn Diệp, Kinh Tế Vĩ Mô, NXB Thống Kê, 2015.
- Samuelson, Economics, Nordhaus, McGraw-Hill, 2011.
- Gregory Mankiw, Principles of Economics, Second edition, Harcourt, 2013.

125046 HÀNH VI TỔ CHỨC

Kỹ năng nhân sự (kỹ năng con người) là một trong những kỹ năng quan trọng nhất quyết định sự thành công của nhà quản trị, nghiên cứu hành vi tổ chức giúp họ hoàn thiện kỹ năng này. Môn học hành vi tổ chức cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức.

Tài liệu tham khảo:

- Hành vi tổ chức - Nguyễn Hữu Lam - NXB Giáo dục
- Quản trị học - Bộ môn QTNS & CLKD
- Quản lý nguồn nhân lực - Paul Hersey, Ken Blanchard - NXB Chính trị Quốc Gia
- Sức mạnh tinh thần tiến vào thế kỷ 21 - John Kehoe - NXB Trẻ
- Giữ chân nhân viên bằng cách nào - Vương Minh Kiệt - NXB Lao động - Xã hội
- Tạo động lực làm việc phải chăng chỉ có thể bằng tiền - NXB Trẻ
- Thuật lãnh đạo nhóm - NXB Trẻ
- Làm chủ sự thay đổi - NXB Trẻ.

125048 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học (NCKH). Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, môn học được biên soạn với nhiều nội dung cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong NCKH, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp định tính, định lượng và cách trình bày các kết quả NCKH. Môn học này sẽ mang lại những kiến thức bổ ích và những thông tin thiết thực cho sinh viên và những người bắt đầu làm công tác NCKH.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Cảnh (2007), Giáo trình Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế. Nhà xuất bản ĐH Quốc gia. TP.HCM.
- Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), Phương pháp nghiên cứu khoa học. Nhà xuất bản Lao động Xã hội. TP.HCM.

125052 KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG

Môn học Khởi nghiệp và ứng dụng nhằm mục đích trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về khởi sự kinh doanh để có thể vận dụng vào thực tế, thực hiện được một dự án khởi nghiệp. Cung cấp những kỹ năng giúp học viên tư duy, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá ý tưởng kinh doanh, nâng cao năng lực thực hành, năng lực giải quyết vấn đề có thể khởi nghiệp, làm giàu cho bản thân và cho xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, 2011
- Lập kế hoạch kinh doanh từ A đến Z của Mike McKeever, nhà xuất bản tổng hợp TP HCM, 2010;
- Khởi nghiệp thành công của Michael Morris, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2010
- Tài liệu tham khảo/ bài đọc: Tham khảo các tài liệu do giảng viên cung cấp, thông qua các tình huống thực tế hoặc do giảng viên biên soạn

125053 LUẬT KINH TẾ

Học phần Luật Kinh tế nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2015
- Lê Văn Hưng (2012), Giáo trình luật kinh tế, NXB Đại học quốc gia TP. HCM, TP. HCM.

125054 NGHIỆP VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững kiến thức và các kỹ năng giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài. Môn học cũng hỗ trợ sinh viên có kiến thức và kỹ năng làm việc tại công ty nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- TS Nguyễn Văn Nam, Nghiệp vụ xuất nhập khẩu, NXB Lao Động, năm 2011
- GS.TS Võ Thanh Thu, “Kỹ thuật Kinh doanh Xuất nhập khẩu”, NXB Tổng Hợp TP. HCM, 2011.
- PGS Vũ Hữu Từ, “Kỹ thuật Nghiệp vụ Ngoại thương”, NXB Thống Kê 1999.
- Incoterms 2010 của Phòng Thương Mại Quốc Tế.

125055 TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Môn học này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin doanh nghiệp như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức doanh nghiệp trong nền kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức hệ thống thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng và bài tập tình huống của giảng viên
- Hệ thống thông tin quản trị, Nguyễn Huỳnh Anh Vũ, Nguyễn Ngọc Đức, 2010 - Trường ĐH Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh - Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
- Management Information Systems: 5th ed, Effy Oz (Thomson Learning)

125056 ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

Giúp sinh viên có được những kiến thức về văn phạm và các thuật ngữ tiếng anh trong lĩnh vực quản trị để phục vụ cho công tác tham khảo, nghiên cứu, học tập trước mắt và phục vụ cho công tác kinh doanh đối ngoại sau này.

Tài liệu tham khảo:

- Sarah Jones – Macziola & Gray White, A communication Skills Course for Business English, Cambridge Professional English. Cambridge University Press, NY 10011 – 4211, USA
- National University in HCMC – University of Economics, English for Business Administration.

125057 QUẢN TRỊ RỦI RO

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản trị rủi ro như: khái niệm rủi ro, phân loại rủi ro, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, kỹ thuật tài trợ rủi ro, các phương pháp xử lý rủi ro khác. Qua môn học giúp sinh viên

biết cách nhận diện rủi ro và phòng tránh rủi ro.

Tài liệu tham khảo:

- Quản trị rủi ro, NXB giáo dục năm 1998
- Corporate risk management, the McGraw-Hill Companies, Inc., 1985.

125058 KHỞI SỰ KINH DOANH

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng khởi sự kinh doanh cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch khởi sự kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Đức Tuấn (2005), Kế hoạch kinh doanh, NXB Lao động – Xã hội.
- Mogens Thomsen, Kế hoạch kinh doanh năng động.
- Nguyễn Phú Quốc, Lập kế hoạch khởi sự kinh doanh.
- Phạm Ngọc Thúy (2012), Kế hoạch kinh doanh, NXB Đại học Quốc gia
- Phan Thăng, Hướng dẫn Lập dự án và Kế hoạch kinh doanh, NXB Lao động – xã hội.
- Trần Đoàn Lâm, Hướng dẫn Lập kế hoạch kinh doanh, NXB Lao động.

125059 NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Về kiến thức

Nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên ngành quản trị những nguyên tắc cơ bản nhất trong nghệ thuật lãnh đạo.

Cụ thể:

- Nắm được bản chất của lãnh đạo.
- Nắm được quyền lực và sự ảnh hưởng.
- Nắm được hiệu quả của quyền lực và chiến lược ảnh hưởng.
- Nắm được phẩm chất và kỹ năng lãnh đạo.
- Nắm được bản chất của công việc và vai trò của người lãnh đạo.

- Nắm được phong cách lãnh đạo.
- Nắm được lãnh đạo theo tình huống.
- Nắm được lãnh đạo mới về chất.
- Nắm được lãnh đạo ra quyết định nhóm.

Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá hiệu quả lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp.
- Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình lãnh đạo.
- Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

Về thái độ

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả nghệ thuật lãnh đạo của một cá nhân/ doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Nghệ thuật lãnh đạo, Nguyễn Hữu Lam, Nhà xuất bản Giáo dục, 2007
- Bộ sách về nghệ thuật lãnh đạo của John Maxwell, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2008.

125060 KINH TẾ HỌC

Kinh Tế Học hướng đến bài toán đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người trong điều kiện tài nguyên khan hiếm. Môn học gồm 2 phần, (1) kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Bảo Lâm, Kinh tế Vi Mô, NXB Thống Kê, 2016..
- Dương Tấn Diệp, Kinh Tế Vĩ Mô, NXB Thống Kê, 2015.
- Samuelson, Economics, Nordhaus, McGraw-Hill, 2011.
- Gregory Mankiw, Principles of Economics, Second edition, Harcourt, 2013.

125061 QUẢN TRỊ HỌC

Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị phù hợp với ngành học về các nội dung: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Các lý thuyết quản trị; Môi trường quản trị, các quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Nhằm trang bị cho người học có kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng xây dựng, thực hiện và kiểm soát kế hoạch; kỹ năng làm việc nhóm và ra quyết định trong kinh doanh.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp, “Quản trị học”, NXB Lao động xã hội, 2010
- James H. Donnelly, Vũ Trọng Hùng, Phan Thắng, “Quản trị học”, NXB Lao động xã hội, 2008
- Lưu Đan Thọ, “Quản trị học trong xu thế hội nhập: những vấn đề cốt yếu của quản lý” NXB Bộ Tài Chính, 2014

125062 TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS, Excel nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế kinh doanh. Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Văn Thắng và Phan Thành Huân (2012), Giáo trình: Sử dụng phần mềm SPSS. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16. Tập 1. Tp. HCM: NXB Hồng Đức.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2014). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16. Tập 2. Tp. HCM: NXB Hồng Đức.

125063 TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; hoạt động của hệ thống ngân hàng

nhằm ổn định hệ thống tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán, ... cho nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Lý thuyết tài chính – chủ biên PGS-PTS. Dương Thị Bình Minh, NXB GD 1997.
- Lý thuyết tiền tệ – chủ biên PGS-PTS. Vũ Văn Hoá 1996.
- Thanh toán quốc tế ĐHKT 1997.

125064 QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Là môn học thuộc kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược, mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo: Quản trị chiến lược trong nền kinh tế toàn cầu, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 12/2002.

125065 VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa và những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ các lý thuyết đó, người học có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, người học làm quen với văn hóa doanh nghiệp tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Phúc Hoàng (2012), Văn hóa doanh nghiệp và Sự lãnh đạo, NXB. Thời Đại
- Nguyễn Mạnh Quân (2015), Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, Hà Nội, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân

126011 – LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Môn Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức khoa học xã hội dành cho mọi sinh viên làm việc trong ngành dịch vụ. Nghiên cứu lịch sử văn minh là một cách thức đánh dấu trình độ phát triển về hiểu biết của con người. Qua đó, bản chất của con người cũng được khẳng định. Bởi vì, chỉ có con người sau khi đã phát triển ở một mức độ nhất định mới đủ khả năng tìm hiểu về chính mình và cuộc sống xã hội.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Dương Ninh (2004), Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục
- Shijie Congshu, Trần Kiệt Hùng và một số tác giả (2006), Những nền văn minh thế giới, NXB. Văn học – TP.HCM.
- Tập thể tác giả, Almanach (2007): Những nền văn minh thế giới, NXB. Văn hóa thông tin

126012 – LUẬT DU LỊCH

Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Luật du lịch nghiên cứu các quy định cơ bản và cần thiết về quyền lợi, nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, xúc tiến du lịch và hợp tác du lịch, vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Anh (2006). Tìm hiểu pháp luật: Luật du lịch Việt Nam. Đồng Nai, NXB Đồng Nai.
- Trịnh Xuân Dũng , Nguyễn Hữu Viện (2001). Luật kinh doanh du lịch. Hà Nội, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- Luật du lịch Việt Nam 2005. Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia

126015 – NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn là môn học hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng về cơ bản trong ngành nhà hàng – khách sạn như nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ phục vụ bàn, nghiệp vụ buồng, nghiệp vụ giám sát.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Tú (2005), Nghiệp vụ phục vụ khách sạn, NXB Thống kê.
- Nguyễn Văn Đỉnh (2004), Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn - nhà hàng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.

- Phạm Thị Cúc (2005), Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ lễ tân, NXB Hà Nội.
- Tổng cục Du lịch, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (2007), “Nghiệp vụ Buồng”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.
- Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ đặt giữ buồng khách sạn”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.
- Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ lễ tân khách sạn”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.
- Tổng cục Du lịch (2007), Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam “Nghiệp vụ nhà hàng”, Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.
- Vũ An Dân (2001), Quản trị buồng khách sạn, Viện Đại học Mở Hà Nội.
- Vũ Thị Bích Phượng (2005), Giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng, Nhà xuất bản Hà Nội.

126027 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch là một môn học cần thiết dành cho sinh viên trong lĩnh vực dịch vụ du lịch – lễ hành, đam mê du lịch. Môn học giúp cho sinh viên có thể quảng bá hình ảnh của đất nước Việt Nam đến với du khách và bạn bè quốc tế. Sinh viên sau khi học xong môn học có thể giao tiếp, sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong công việc của một hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp ở các tour trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Chương, Tiếng Anh Chuyên Ngành Khách Sạn Và Du Lịch, Nhà xuất bản thời đại, 2017.
- Robin Walker (2009), Oxford English For Careers Tourism 1 Student’s Book, NXB Oxford.

126028 – BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH

Bảo vệ môi trường du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và môi trường du lịch, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong du lịch. Đồng thời đưa ra được các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững.

Tài liệu tham khảo:

- Luật du lịch Việt Nam 2017. NXB Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội
- Nghị định 28/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo

- Lê Văn Thăng và nnk (2008), Giáo trình Du lịch và Môi trường, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

126029 – CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Môn Văn hóa Việt Nam dành cho sinh viên các ngành thuộc khoa Đông Phương và các ngành học liên quan đến du lịch, nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết cơ bản về nền văn hóa dân tộc Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

Tài liệu tham khảo:

Chu Xuân Diên (2008), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB ĐHQG Thành Phố Hồ Chí Minh.

126030 – DU LỊCH BỀN VỮNG

Là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung: khái quát về du lịch bền vững; nguyên tắc và chính sách phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch; phát triển bền vững một số loại hình du lịch.

Tài liệu tham khảo:

- Lư Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.
- Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- John Swar Brooke. 1999. Sustainable Tourism Management. Cabi.

126032 – KỸ NĂNG HOẠT NÁO VÀ SƠ CỨU

Hoạt náo là một kỹ năng vô cùng cần thiết đối với các bạn sinh viên, đặc biệt là sinh viên du lịch. Môn học hình thành cho sinh viên sự hài hước, giao tiếp duyên dáng, biết cách tổ chức các trò chơi nhằm mang đến không khí vui vẻ và thoải mái cho du khách, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour...

Tài liệu tham khảo:

- Đinh Trung Kiên (2008), Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

126033 LỄ HỘI - PHONG TỤC – TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM

Môn Phong tục – tín ngưỡng – lễ hội Việt Nam trang bị kiến thức chuyên sâu về phong tục – tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời giúp cho sinh viên biết khái quát hóa cũng như viết được những bài thuyết minh giới thiệu văn hóa Việt Nam cho khách du lịch.

Tài liệu tham khảo:

- Phan Kế Bính (1995), Việt Nam phong tục, NXB Văn học.
- Leopold Cadiere (2015), Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt (3 tập), dịch giả: Đỗ Trinh Huệ, NXB. Thuận Hóa.
- Thạch Phương – Lê Trung Vũ (2015), 60 lễ hội truyền thống Việt Nam, NXB. Tổng hợp TP.HCM.

126034 – MARKETING DU LỊCH

Marketing du lịch được giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong nghệ thuật Marketing đối với khách du lịch, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các chiến lược nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Tài liệu tham khảo:

- Victor Middleton (2001), Marketing in Travel and Tourism, Oxford.
- Scott McCabe (2009), Marketing Communications in Tourism and Hospitality – Concepts, Strategies and Cases, Oxford

126035 – NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh.

Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại các loại điểm tham quan khác nhau, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour...

Tài liệu tham khảo:

Đình Trung Kiên (2008), *Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

126036 – QUẢN TRỊ BÁN HÀNG TRONG DU LỊCH

Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; kỹ năng bán hàng và quản lý chế độ khách hàng lớn; lập kế hoạch bán hàng; tổ chức địa điểm bán; kiểm soát bán hàng; chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.
- Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- David Jobber and Geoff Lancaster, Trần Đình Hải biên dịch. 2002. Bán hàng và Quản lý bán hàng. Hà Nội: NXB. Thống Kê

126037 – QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA

Học phần trang bị kiến thức về văn hóa, quản trị đa văn hóa, các khía cạnh văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến kinh doanh dịch vụ du lịch; trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa kinh doanh du lịch, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa khác nhau; trang bị các kiến thức và kỹ năng để vượt qua sự khác biệt văn hóa trong môi trường kinh doanh dịch vụ du lịch.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.
- Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Fred Luthans, Jonathan P.Doh. 2012. International Management - Culture Strategy and Behavior. USA: McGraw-Hill Irwin.

126038 – QUẢN TRỊ DỰ ÁN DU LỊCH

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quản trị dự án du lịch: các phương pháp xây dựng ngân lưu, thẩm định dự án du lịch, quản lý dự án du lịch theo thời gian, cân đối nguồn lực khi thực hiện dự án du lịch,... qua đó nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị dự án trong ngành du lịch và

biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Dung, Quản trị dự án hiện đại, NXB Tài chính, 2010.
- Nguyễn Văn Dung, Bài tập và bài giải quản trị dự án hiện đại, NXB Tài chính, 2010.
- Nguyễn Văn Dung, Quản trị đầu tư nhà hàng khách sạn, NXB Giao thông vận tải, 2011.
- Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương, Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.
- Nguyễn Xuân Thuỷ, Quản trị Dự án đầu tư, NXB Chính trị quốc gia, 1999.

126039 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ LƯU TRÚ

Tổng quan về kinh doanh khách sạn, Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn. Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Tổ chức hoạt động kinh doanh Resort. Quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.
- Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Alan T.Stutts. 2006. Hotel and Lodging Management. USA: John Wiley & Son, INC.
- Calgary Immigrant Women's Association. 2010. Customer Care for Housekeepers, Training Materials for Hotel Housekeeping Staff.
- David K. Hayes – Jack – Ninemeier. 2006. Hotel Operation Management. Upper Sadle River New Jersey.
- Denny G.Rutherford, Michael J. O'Fallon. 2005. Hotel management and operations. USA: John Wiley & Son, INC.
- James A. Bardi, Ed.D., CHA. 2003. Hotel Front Office Management. The Pennsylvania State University.
- Sue Baker, Jerenry Huyton and Pam Bradley. 1994. Principles of Hotel Front Office Operations. Cassel

126040 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG

Là học phần bắt buộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung về quản trị nhà hàng, quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng; kế hoạch thực đơn; quản trị hoạt động phục vụ trong nhà hàng, phòng tiệc của khách sạn.

Tài liệu tham khảo

- Lưu Tiến Dũng và Trần Thị Thu Hiền. 2014. Quản trị khách sạn - nhà hàng. Đồng Nai: Trường Đại học Lạc Hồng.
- Nguyễn Văn Mạnh và Hoàng Thị Lan Hương. 2008. Quản trị kinh doanh khách sạn. Hà Nội: NXB. ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Alan T. Stutts. 2006. Hotel and Lodging Management. USA: John Wiley & Son, INC.
- Calgary Immigrant Women's Association. 2010. Customer Care for Housekeepers, Training Materials for Hotel Housekeeping Staff.
- David K. Hayes – Jack – Ninemeier. 2006. Hotel Operation Management. Upper Sadle River New Jersey.
- Denny G. Rutherford, Michael J. O'Fallon. 2005. Hotel management and operations. USA: John Wiley & Son, INC.
- James A. Bardi, Ed.D., CHA. 2003. Hotel Front Office Management. The Pennsylvania State University.
- Sue Baker, Jerenry Huyton and Pam Bradley. 1994. Principles of Hotel Front Office Operations. Cassel.
- Trường Đại học Thương Mại. 2013. 555 món ăn Việt Nam. Hà Nội: NXB. Thống kê

126041 – QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH

Quản trị kinh doanh lữ hành là bộ môn nghiên cứu về phương pháp quản lý và điều hành doanh nghiệp lữ hành

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Mạnh (2012), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
- Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

126042 – QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI

Quản trị sự kiện và lễ hội là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức về các loại hình du lịch sự

kiện và hội nghị, lễ hội, các loại hình tổ chức quản lý thực hiện loại dịch vụ này. Quy trình phục vụ khách hàng đối với mỗi loại dịch vụ cho từng loại khách hàng và kích thích sự tái sử dụng dịch vụ của khách hàng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015) *Quản trị sự kiện và lễ hội*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội

126043 – TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TRONG KD DU LỊCH

Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch là bộ môn quan trọng nhằm trang bị cho người học một số kiến thức tổng hợp về sự nảy sinh, quá trình hình thành và phát triển cũng như cơ chế hình thành tâm lý, các hiện tượng tâm lý của du khách trong quá trình du lịch, các nguyên tắc ứng xử và giao tiếp trong du lịch.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Thanh Hằng (1997). Tâm lý học đại cương. TP. Hồ Chí Minh, NXB TP Hồ Chí Minh.
- Lê Thị Hoa (2009). Tâm lý học quản lý. TP. Hồ Chí Minh, NXB ĐHQG TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quang Uẩn (2001). Tâm lý học đại cương, Hà Nội, NXB ĐHQG Hà Nội

126044 – THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Đính, TS Trần Thị Minh Hòa (2004), Giáo trình “Kinh tế du lịch. NXB Lao động xã hội, Hà Nội
- Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành – NXN Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

126045 – THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH

Môn học thống kê ứng dụng trong du lịch, dịch vụ và lữ hành trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

Hệ thống các bước nghiệp vụ thống kê phục vụ yêu cầu tổ chức thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu trong du lịch, dịch vụ và lữ hành.

Cung cấp hệ thống các phương pháp thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu, xử lý các thông tin đã thu thập, phân tích, dự đoán hiện tượng phục vụ cho mọi mục đích sử dụng thông tin trong quản lý du lịch, dịch vụ và lữ hành.

Giới thiệu các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Kim Thúy (2014), Nguyên lý thống kê (lý thuyết thống kê): ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB lao động – xã hội, Hà Nội.
- Hà Văn Sơn (2005), Bài tập Lý thuyết thống kê, NXB thống kê, TP. Hồ Chí Minh.

126046 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 1

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bảng chữ Hangeul, cách ghép chữ, viết chữ đúng trật tự. Kết thúc học phần 1 sinh viên được phải nắm vững bảng chữ cái, cách ghép chữ và được trang bị khoảng 60 từ vựng mới. Trong quá trình học, học viên học được các kỹ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

- 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]
- 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

126047 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 2

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như gia đình, ăn uống, giờ giấc... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

- [1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]
- [2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

126048 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 3

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như việc mua sắm, đi lại sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

Tài liệu tham khảo:

- [1] 연세한국어 1-1, YONSEI KOREAN 1-1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-1 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]
- [2] 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version) 연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

126049 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 4

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ trung cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như mùa, thời tiết, gọi điện thoại, sở thích... Ngoài phần từ vựng, ngữ pháp, sinh viên học được các kỹ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, nhằm giúp sinh viên hứng thú rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghe, nói để có thể giao tiếp được với khách du lịch người Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo:

- 연세한국어 1-2, YONSEI KOREAN 1-2

(English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007 [Tiếng Hàn 1-2 (bản tiếng Anh), Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007.]

- 연세한국어활용연습1, YONSEI KOREAN WORKBOOK 1 (English Version)연세대학교한국어학당편, 연세대학교출판부, 2007. [Thực hành tiếng Hàn Yonsei 1, Trung tâm tiếng Hàn Trường ĐH Yonsei, NXB ĐH Yonsei, năm 2007].

126050 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 1

Học phần bao gồm bảng chữ Kana và 3 bài (từ bài 1- bài 3) của sách Minna no nihongo shokyu I. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

Tài liệu tham khảo:

- Minna nonihongo shoukyu I (2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.
- みんなの日本語初級I標準 問題集 (2002) 1 (Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1), (NXB 3A Corporation

126051 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 2

Môn học giúp sinh viên có thể đọc được tiếng Nhật và biết cách chào hỏi, giới thiệu bản thân. Biết sử dụng động từ và viết câu trong tiếng Nhật. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

Tài liệu tham khảo:

- Minna nonihongo shoukyu I (2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.
- みんなの日本語初級I標準 問題集 (2002) 1 (Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1), (NXB 3A Corporation

126052 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 3

Học phần gồm 4 bài (từ bài 8-11) của giáo trình みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I) tập trung vào việc phân loại tính từ, lượng từ, từ chỉ

thời lượng, các cách biến đổi thì, thể của tính từ, các cấu trúc diễn đạt thái độ yêu, ghét, giỏi, dở việc nào đó, cách đếm số lượng người, đồ vật theo từng chủng loại.

Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi...

Tài liệu tham khảo:

- Minna nonihongo shoukyu I (2004),[みんなの日本語初級I,スリーエーネットワーク、2002 I]、NXB 3A Corporationスリーエーネットワーク.
- みんなの日本語初級I標準 問題集 (2002) 1 (Minna no Nihongo Shokyu I hyojun mondaishu 1), (NXB 3A Corporation.

126053 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 4

Học phần gồm 4 bài (từ bài 12-16) của giáo trình みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I) tập trung vào việc phân loại, cách chia và so sánh các tính từ; giới thiệu cấu trúc câu mục đích, giới thiệu て, và cách sử dụng; giới thiệu mẫu câu xin phép, cấu trúc câu cảm đoán; giới thiệu cấu trúc câu khả năng, sở thích; giới thiệu cấu trúc câu liên kết động từ, tính từ.

Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi...

Tài liệu tham khảo:

- みんなの日本語初級I (2002) (Minna no Nihongo Shokyu I), スリーエーネットワーク 3A Corporation.
- みんなの日本語初級I ベトナム語語彙訳 (Minna no Nihongo Shokyu I betonamugo goiyaku)
- みんなの日本語初級I (Minna no Nihongo Shokyu I), 漢字 I (英語版)

126055 – TỔNG QUAN DU LỊCH

Tổng quan du lịch là một môn học có vị trí quan trọng nhằm trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của ngành du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Phan Văn Hải (2015): Giáo trình Tổng quan du lịch. Đại học Lạc Hồng, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Lanquar Robert, Phạm Ngọc Uyên, Bùi Ngọc Chương (2002): Kinh tế du lịch. NXB Thế Giới, Hà Nội

126056 – TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH

Tuyến điểm du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta, các điểm du lịch, tuyến du lịch tại các vùng du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng và hướng khai thác ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2013), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2008), Quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội
- Trần Đức Thanh (2017), Giáo trình Địa lý du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
- Bùi Thị Hải Yến (2006), Tuyến điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội

126057 – VĂN HÓA ẨM THỰC

Văn hóa ẩm thực là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức khái quát về văn hoá, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức này được vận dụng cho xây dựng thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong du lịch

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Nguyệt Cầm (2008), Giáo trình Văn hóa ẩm thực, NXB Hà Nội
- Nguyễn Thị Diệu Thảo (2007), Giáo trình Văn hóa ẩm thực Việt Nam, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
- Trần Quốc Vượng, Nguyễn Thị Bảy (2010) - Văn Hóa Ẩm Thực Việt Nam - Nhìn Từ Lý Luận Và Thực Tiễn, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội

126058 – ĐỊA LÝ DU LỊCH

Địa lý du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch, quá trình hình thành và phát triển ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, công tác tổ chức lãnh thổ du lịch, cách phân vùng du lịch và các vùng du lịch ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2013), Địa lý du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

- Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2008), Quy hoạch du lịch quốc gia và vùng, Khoa Du lịch, Viện Đại học Mở Hà Nội
- Trần Đức Thanh (2017), Giáo trình Địa lý du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

126059 – KINH TẾ DU LỊCH

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch, thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp du lịch.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2006), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

126060 – THUYẾT MINH TẠI ĐIỂM ĐẾN

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong hướng dẫn du khách tại điểm đến du lịch. Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại điểm đến du lịch, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi hướng dẫn khách...

Tài liệu tham khảo

- Đinh Trung Kiên (2008), Nghiệp vụ Hướng Dẫn Du lịch, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội
- Nguyễn Văn Quảng, (2007), Để trở thành người hướng dẫn viên du lịch giỏi, NXB Trẻ

127005 – ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Nội dung nêu những vấn đề cơ bản của việc đầu tư trực tiếp, gián tiếp của nước ngoài (tư nhân cũng như chính phủ) tại Việt Nam. Sinh viên cũng được tìm hiểu về việc chuyển giao công nghệ, lập luận kinh tế, kỹ thuật cho việc đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thanh Thu (2011), “Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài”, NXB TP. Hồ Chí Minh
- Luật đầu tư nước ngoài qua các giai đoạn

127010 – LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Pháp luật về các hoạt động thương mại, về mua bán hàng hóa, xúc tiến thương mại, về các hoạt động trung gian thương mại, về việc chế tài trong thương mại và giải quyết các tranh chấp trong thương mại. Môn học giúp sinh viên nắm vững những qui định về luật pháp khi hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Tài liệu tham khảo

Ngoài giáo trình “Luật DN”, còn có các tài liệu tham khảo sau:

- “Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam” của NXB Chính trị quốc gia.
- Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc (từ thứ VI đến thứ X).
- Luật Doanh nghiệp 2005 của NXB Tư pháp.
- Luật Thương mại 2005 của NXB Tư pháp.
- Luật Kinh tế VN của Thủ tướng Nguyễn Văn Ngọc Cường – Hà Nội 1992.
- Luật DNNN của NXB Tài chính.
- Tìm hiểu những qui định về Tị án kinh tế, thủ tục giải quyết và thi hành các bản án kinh tế của Thủ tướng Lê Thanh Châu – NXB Tp.HCM.
- Luật phá sản (năm 2004) của NXB Tư pháp.

127018 – VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các tổ chức vận tải trên thế giới, qui trình giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, nghiệp vụ lựa chọn, đàm phán và thuê phương tiện chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển, đường không, đa phương thức..., nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế, rèn luyện kỹ năng hoàn thành các chứng từ vận tải sau khi giao hàng.

Tài liệu tham khảo

- PGS-TS Nguyễn Như Tiến, Giáo trình Vận tải và Giao nhận trong ngoại thương, NXB Khoa học Kỹ thuật 2011.
- TS Đỗ Quốc Dũng, ThS Trần Hoàng Giang, ThS Nguyễn Thành Long, Giao nhận vận tải và bảo hiểm, NXB Tài Chính, 2015.
- Phạm Mạnh Hiên, Phan Hữu Hạnh, Nghiệp vụ giao nhận vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương, NXB Lao động Xã hội, 2015
- Incoterms 2010, NXB Thông tin và Truyền thông, 2011
- MBA Nguyễn Văn Dung, Incoterms 2010 – Những điều kiện thương mại quốc tế của ICC,

NXB Lao Động, 2011.

- Lun, Y.H.V., Lai, K.-H. and Cheng, T.C.E., 2010, Shipping and Logistics Management. Springer-Verlag London.

127019 – LOGISTICS

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuỗi cung ứng logistics, triển khai các hoạt động lập kế hoạch, cung ứng, tồn trữ, phân phối và quản lý hàng hóa đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và kinh tế, các phương pháp tổ chức, điều hành dịch vụ vận tải đa phương thức liên quan đến xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Thị Hồng Vân (2011), Quản Trị Logistics, Nhà xuất bản Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2013), Giáo trình Quản trị tác nghiệp, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Donald Waters (2003), Logistics An Introduction to Supply Chain Management, NXB Palgrave Macmillan
- Kee-Hung Lai and T.C.E. Cheng (2009) Just-in-Time Logistics, NXB Gower Publishing Limited

127021 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG 1

Giúp sinh viên có được những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu, một số bài tiếng Anh về kinh tế, về trao đổi thương mại quốc tế. Tìm hiểu các khái niệm, các qui luật kinh tế bằng tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo: David, C., et al. (2007), Market leader, Financial Times

127022 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG 2

Giúp sinh viên có được những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu các bài học chuyên sâu về hoạt động ngoại thương. Giúp sinh viên có thể tự viết đơn xin việc bằng tiếng Anh, soạn và viết các hợp đồng ngoại thương bằng tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

- Pilbeam, A., 2000. Market Leader-International Management. Longman.
- Cotton, D., Falvey, D. and Simon Kent, 2006. Market Leader, New edition, Upper Intermediate Business English Course Book. Pearson Education Limited.
- Longman Dictionary of Contemporary English 5th edition, 2009, Pearson Longman

127023 – QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung chương trình gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Lê Hà và cộng sự (2007), *Quản trị Kinh doanh quốc Tế*, NXB Thống Kê.
- Nguyễn Văn Nam (2011), *Quản trị kinh doanh quốc Tế*, NXB Thống Kê.
- Cavusgil, S.T., Knight, G. and Riesenberger, J.R., 2012. *International Business-The New Realities*. 2nd ed. Prentice Hall.
- Hill, C.W.L (2007), *International Business: Competing in the Global Marketplace*, McGraw Hill Irwin.
- John J. Wild & Kenneth L. Wild (2014), *International Business*, Pearson, USA

127024 – THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGOẠI THƯƠNG

Dành cho sinh viên ngành Ngoại thương bước đầu tiếp cận với môi trường thực tế tại các Công ty – Xí nghiệp về các môn học nghiệp vụ đã được cung cấp lý thuyết tại, ...

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Việt Anh., 2015, *Hướng dẫn thực tập nghề nghiệp ngoại thương tại doanh nghiệp*, Khoa Quản trị - kinh tế quốc tế, Đại học Lạc Hồng
- Võ Thanh Thu, 2011, *Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- Đỗ Quốc Dũng, Trần Hoàng Giang, Nguyễn Thành Long, 2015 *Giao nhận vận tải và bảo hiểm*, NXB Tài Chính, 2015.
- Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều, 2014, *Thanh toán quốc tế*, Nhà xuất bản Thống kê.

127025 – KINH TẾ QUỐC TẾ

Môn học này trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự

dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Thị Chinh (2005), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, TP.Hồ Chí Minh, NXB Thống kê
- Nguyễn Thị Bằng (2008), *Kinh tế quốc tế: Giáo trình*, Hà Nội, NXB Tài chính.
- Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thị Hồng (2008), *Kinh tế quốc tế: Giáo trình*, Hà Nội, NXB Giáo dục
- Nguyễn Văn Dung (2012), *Kinh tế quốc tế: Bài tập và đáp án*, TP. Hồ Chí Minh, NXB Phương đông.
- Hoàng Vĩnh Long (2008), *Kinh tế học quốc tế*, TP.Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Thomas A. Pugel (2004), *International Economics*, New York, McGraw-Hill/Irwin.

125026 - QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung chương trình gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Lê Hà và cộng sự (2007), *Quản trị Kinh doanh quốc Tế*, NXB Thống Kê.
- Nguyễn Văn Nam (2011), *Quản trị kinh doanh quốc Tế*, NXB Thống Kê.
- Cavusgil, S.T., Knight, G. and Riesenberger, J.R., 2012. *International Business-The New Realities*. 2nd ed. Prentice Hall.
- Hill, C.W.L (2007), *International Business: Competing in the Global Marketplace*, McGraw Hill Irwin.
- John J. Wild & Kenneth L. Wild (2014), *International Business*, Pearson, USA

127027 – THANH TOÁN QUỐC TẾ

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về

thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều, 2010, Thanh toán quốc tế, NXB Lao động xã hội.
- Nguyễn Thị Thu Thảo, 2009, Nghiệp vụ thanh toán quốc tế, NXB Tài Chính
- Bho, T.S., & Trivedi, A.K, 2007, International Trade Finance. New York: Palgrave Macmillan.
- Edward G. Hinkelman, 2003, A short course in International Payment, NXB World Trade Press, USA.
- Peijie Wang, 2009, *The Economics of Foreign Exchange and Global Finance*, 2nd ed. Springer-Verlag Berlin

127028 – THỰC HÀNH KHAI BÁO HẢI QUAN

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các qui định pháp luật hải quan, nghiệp vụ khai báo hải quan, các quy tắc xuất xứ, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên dùng cho khai báo hải quan điện tử, rèn luyện kỹ năng cập nhật thông tin văn bản pháp luật ứng dụng khi sinh viên ra trường và làm việc tại các công ty kinh doanh xuất – nhập khẩu, đại lý hải quan hoặc tham gia vào đội ngũ của các cán bộ - công chức hải quan.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thanh Hòa Bình., 2015. *Nghiệp vụ khai hải quan*, Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Lạc Hồng.
- Wulf, L. De and Sokol, J.B., 2005. *Customs Modernization Handbook*. World Bank.
- Inama, S., 2009. *Rules of Origin in International Trade*. Cambridge University Press.
- Heetkamp, A. van de and Tusveld, R., 2011. *Origin Management-Rules of Origin in Free Trade Agreements*. Springer-Verlag Berlin Heidelberg.

128005 – LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có được những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về sự đời, tồn tại và phát triển của một số nhà nước điển hình trên thế giới qua từng thời kỳ, đặc biệt là nhà nước và pháp luật Việt Nam. So sánh, phân tích được những quy định về tổ chức hoạt động của nhà nước và nội

dung khác của pháp luật qua các giai đoạn phát triển của lịch sử. Nhận diện, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa pháp lý nhân loại, đặc biệt là giá trị truyền thống, bản sắc dân tộc ta trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay ở nước ta. Cùng với tri thức của các môn học khác, người học có thể giải thích những hiện tượng pháp lý trong đời sống hiện đại, dự báo sự phát triển của nhà nước và pháp luật trong tương lai.

Tài liệu học tập

Giáo trình

- Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (2013), Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức.
- Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (2011), Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân.
- Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới (2011), ĐH Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân.
- Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới(2013) ĐH Luật TP Hồ chí minh, NXB Hồng Đức.

Sách chuyên khảo

- Đinh Gia Trinh: Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968.
- Đại việt sử kí toàn thư, tập 1, 2, 3, 4. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1993.
- Đỗ Bang, Tổ chức Bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1884, NXB Thuận Hóa, 1997.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (1963); Đại Nam thực lục chính biên, NXB Sử học, Hà Nội.
- Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, NXB Giáo dục, Hà Nội 1960, tập 1.
- Trần Văn Giàu: Vai trò của quần chúng trong sự thay đổi các triều đại Lý, Trần, Hồ, Tập san Đại học sư phạm, Hà Nội, số 1, 1955.
- Trần văn Giàu: Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử, NXB Thành phố Hồ Chí Minh 1993.
- Phan Trọng Hòa, Lịch sử nhà nước và pháp luật tư bản, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001
- Cao Văn Liên, Phác thảo lịch sử thế giới, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2003
- Lê Nét dịch, Luật La Mã, Trường đại học Luật

TP.HCM, TP.HCM, 1999

- Lương Ninh (chủ biên), Lịch sử thế giới cổ đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Lương Ninh (chủ biên), Lịch sử thế giới cận đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Nguyễn Gia Phú (chủ biên), Lịch sử thế giới trung đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001
- Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lịch sử văn minh Ấn Độ, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004
- Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lịch sử văn minh Trung Hoa, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004

Văn bản quy phạm pháp luật

- Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức), NXB Tư pháp, Hà Nội 1991.
- Một số văn bản pháp luật Việt Nam Thế kỷ XV - Thế kỷ XVIII, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1994.
- Hoàng Việt luật lệ, Nguyễn Văn Thành, Vũ trình, Trần Hựu, NXB Văn hoá- Thông tin

128006 – LOGIC HỌC

Nâng cao khả năng tư duy của sinh viên. Cụ thể: giúp sinh viên biết cách tuân thủ các quy luật, quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; giúp họ phân biệt được suy luận đúng hay sai; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề.

Nghiên cứu một cách có hệ thống đến các vấn đề thuộc quy luật cơ bản của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật không mâu thuẫn; các quy tắc logic suy luận; các phương pháp suy luận.

Tài liệu tham khảo:

- Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Logic học, NXB Giáo dục, 2009.
- Phạm Đình Nghiệm - Nhập môn logic học
- Nguyễn Đức Dân - Logic và Tiếng Việt
- Hoàng Chúng - Logic phổ thông
- Vương Tất Đạt - Đại cương logic học
- Triệu Truyền Đồng - Phương pháp biện luận

128008 – LUẬT CẠNH TRANH

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh; các hành vi hạn chế cạnh tranh. Môn học còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết khi tham gia tổ tụng cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo

- Tạp chí: Tạp chí Nhà nước và pháp luật của Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Tạp chí Khoa học pháp lý, Tạp chí Lập pháp
- Văn bản pháp luật liên quan đến môn học Luật cạnh tranh.
- Luật cạnh tranh 3-12-2004 (có hiệu lực ngày 1-7-2005)
- ND số 116/2005/NĐ – CP ngày 15 – 9 – 2005 của Chính phủ qui định chi tiết 1 số điều của Luật cạnh tranh
- ND số 110/2005/NĐ – CP ngày 24 – 8 – 2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp
- Thông tư số 19/2005/TT – BTM ngày 8 – 11-2005 của Bộ thương mại hướng dẫn 1 số qui định tại ND số 110/2005/NĐ – CP ngày 24 – 8 – 2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp
- ND số 120/2005/NĐ – CP ngày 30– 9 – 2005 của Chính phủ qui định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh
- ND số 05/2006/NĐ – CP ngày 9 – 1 – 2006 của Chính phủ về việc thành lập và qui định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng cạnh tranh
- ND số 06/2006/NĐ – CP ngày 9 – 1 – 2006 của Chính phủ về việc thành lập và qui định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh.

128009 – LUẬT CHỨNG KHOÁN

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chứng khoán, qui chế pháp lý về các loại hình chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, các công cụ phái sinh; cơ chế pháp lý điều chỉnh hoạt động phát hành các loại chứng khoán trên thị trường sơ cấp; chế độ pháp lý hoạt động chuyển nhượng, mua bán chứng khoán trên thị trường thứ cấp, địa vị pháp lý của chủ sở hữu chứng khoán; các qui định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán, hoạt động tự doanh và quản lý danh mục đầu tư.

Giới thiệu khái quát về thị trường chứng khoán, lịch sử hình thành thị trường chứng khoán, vị trí vai trò của thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế thị trường nói chung. Các loại hình thị trường chứng khoán, chức năng của từng loại thị trường; những nội

dung pháp lý cơ bản về chứng khoán, các loại hình chứng khoán; địa vị pháp lý các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, các chủ thể kinh doanh chứng khoán...

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật Chứng khoán, Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân – 2006.

128011 – LUẬT DÂN SỰ 2

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về chế định Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và những kiến thức luật dân sự chuyên sâu cần thiết về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Là hệ thống các vấn đề lý luận chung về chế định hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, học phần này được chia thành 2 đơn vị học trình, bao gồm:

- Những vấn đề chung về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, bao gồm: Khái niệm chung về nghĩa vụ dân sự (Quan hệ pháp luật nghĩa vụ dân sự, Chủ thể của quan hệ pháp luật nghĩa vụ dân sự, phân loại nghĩa vụ dân sự, thực hiện nghĩa vụ dân sự,...), Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự (Khái niệm chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự); Hợp đồng dân sự (Lý luận chung về hợp đồng dân sự, giao kết và thực hiện hợp đồng dân sự, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng dân sự); Một số nội dung cơ bản của một số hợp đồng dân sự thông dụng (Hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng tặng cho tài sản,...)
- Nghiên cứu chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, như: Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp cụ thể,...).

Tài liệu tham khảo

Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập 2, Trường Đại học Luật Hà Nội – NXB Công an nhân dân – 2009.

128012 – LUẬT ĐẤT ĐAI

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về luật đất đai, quyền và nghĩa vụ trong quản lý và phân phối đất đai cũng như quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sử dụng đất.

Các kiến thức cơ bản:

- Khái niệm Luật đất đai: trình bày khái quát các vấn đề cơ bản như sở hữu đất đai; khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguồn của Luật đất đai.

- Quan hệ pháp luật đất đai: trang bị những kiến thức cơ bản của pháp luật đất đai về chủ thể; phân loại đất; quyền và nghĩa vụ của các loại chủ thể quan hệ pháp luật đất đai.
- Quản lý thông tin, dữ liệu và tài chính về đất đai: cung cấp những thông tin mang tính kỹ thuật liên quan đến các hoạt động quản lý đất đai của Nhà nước.
- Điều phối đất đai: bao gồm các hoạt động quan trọng thực hiện quyền sở hữu, quản lý của Nhà nước đối với đất đai để đưa đất đai vào sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả.
- Quyền của người sử dụng đất: trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về quyền chung của người sử dụng đất;
- Nghĩa vụ của người sử dụng đất: phần trọng tâm là nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất sẽ được truyền đạt đầy đủ cho sinh viên.
- Xử lý hành vi vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai: đây là cơ chế và hoạt động nhằm đảm bảo việc chấp hành pháp luật đất đai của các chủ thể.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình luật đất đai, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003.

128014 – LUẬT HIẾN PHÁP

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hiến pháp như sự ra đời, đặc điểm, bản chất của hiến pháp; Hiến pháp Tư sản, Hiến pháp xã hội chủ nghĩa; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quốc tịch Việt Nam, chế độ bầu cử, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Là hệ thống các vấn đề lý luận và pháp lý về Luật Hiến pháp, môn học được chia thành 2 đơn vị học trình, bao gồm:

- Những vấn đề chung về Luật Hiến pháp, bao gồm: Những vấn đề lý luận cơ bản về khoa học luật hiến pháp, luật hiến pháp và hiến pháp; Chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử.
- Những vấn đề về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gồm các cơ quan trong bộ máy nhà nước như: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Kiểm toán Nhà nước...

Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội năm 2011, 2012.
- Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội, 2005.

128015 – LUẬT HÌNH SỰ

Hiểu được khái niệm và nội dung pháp lý của các chế định cơ bản của luật Hình sự: tội phạm, cấu thành tội phạm, giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, trách nhiệm hình sự và hình phạt, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt và các biện pháp trách nhiệm hình sự khác (tha, miễn, giảm).

Nắm bắt được các quy định của pháp luật hình sự về 1 số tội phạm phổ biến: Các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình; Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; Các tội phạm về chức vụ.

Phân tích khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự Việt Nam với tư cách là một ngành luật, một ngành khoa học pháp lý hình sự và là một đạo luật của Nhà nước; Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm và cấu thành tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp; Quyết định hình phạt và các biện pháp giảm, miễn hình phạt và thời hạn chấp hành hình phạt; Trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội;

Phân tích dấu hiệu pháp lý của các loại tội phạm phổ biến và đường lối xử lý đối với tội phạm cụ thể, như: Các tội phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội phạm sở hữu; các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình; Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; Các tội phạm về chức vụ.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần chung Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam năm 2012.
- Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội

phạm (quyển 1), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam năm 2012

- Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm (quyển 2), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam năm 2012

128017 – LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh bất động sản. Trong đó, sinh viên phải xác định được nội hàm của hoạt động kinh doanh bất động sản, các quyền và nghĩa vụ của chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản, các qui định của pháp luật về hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được:

- Khái quát chung về thị trường bất động sản.
- Các qui định chung của pháp luật về hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Pháp luật điều chỉnh về hoạt động kinh doanh nhà ở.
- Các nghĩa vụ tài chính về đối với người sở hữu, sử dụng bất động sản.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình luật đất đai Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003.

128018 – LUẬT LAO ĐỘNG

Nội dung phần I gồm các vấn đề sau:

- Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường.
- Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật lao động.
- Những nguyên tắc của ngành luật.
- Quan hệ pháp luật lao động
- Giới thiệu khái quát về các chế định của luật lao động.
- Nội dung phần II gồm các vấn đề sau:
- Các chế định liên quan trực tiếp đến tranh chấp lao động.
- Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Luật lao động, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, 1999.
- Giáo trình Luật lao động, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003.
- Bộ luật lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002
- Các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các tài liệu khác.

128019 – LUẬT MÔI TRƯỜNG

Những khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực : kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường... tạo cơ sở khoa học cho việc tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ và thấy được mối quan hệ giữa khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường.

Khái niệm về luật môi trường: cơ sở ra hình thành, định nghĩa luật môi trường, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật môi trường, các nguyên tắc của luật môi trường, nguồn và cấu trúc nguồn của luật môi trường.

Nội dung của học phần được thể hiện và chuyển tải qua 3 chương:

- Chương 1 gồm những vấn đề mang tính tổng quan về luật môi trường;
- Chương 2 gồm những vấn đề liên quan đến pháp luật Việt nam về môi trường;
- Chương 3 gồm những vấn đề liên quan đến Luật quốc tế về môi trường.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình Luật môi trường – Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB CAND2012.

128020 – LUẬT NGÂN HÀNG

Sinh viên có được kiến thức lý luận về lĩnh vực ngân hàng cũng như các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng.

Hiểu được định địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng, tầm quan trọng của hoạt động ngân hàng và pháp luật ngân hàng trong nền kinh tế.

Nắm vững những quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, các quy định của pháp luật về cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Nội dung của môn học bao gồm:

- Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng và pháp luật ngân hàng
- Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng
- Pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối.
- Pháp luật điều chỉnh hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng

- Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.
- Bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong pháp luật ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

- Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Tài liệu hướng dẫn môn học Luật Ngân hàng, Nxb Thanh Niên, 2011.
- Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Ngân Hàng, Nxb Đại học quốc gia Tp.HCM 2013.
- Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật Ngân hàng Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội, 2008

128021 – LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm chung luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, các đối tượng sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cơ chế bảo vệ.

Với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức lý luận chung về luật sở hữu trí tuệ như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ. Ngoài ra, nội dung cụ thể về các đối tượng của quyền SHTT như quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh; quyền đối với giống cây trồng sẽ được đi sâu phân tích, lý giải để từ đó đề ra cơ chế bảo hộ hữu hiệu đối với từng đối tượng cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Trường Đại Học Luật Tp. Hồ Chí Minh.
- *Giáo trình luật sở hữu trí tuệ*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. CAND, Hà Nội.
- *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến (Đồng chủ biên), Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009.

128022 – LUẬT TÀI CHÍNH

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính và các qui định về tài chính, các qui định về nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp với nhà nước, cách phân tích tính đúng đắn về mối quan hệ tài chính của các khâu tài chính trong hệ thống tài chính. Môn học còn trang bị cho sinh viên cách thức vận

dụng các qui định của pháp luật vào trong các tình huống thực tế để giải quyết mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nhà nước về nghĩa vụ tài chính, về các mối quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý tài chính của nhà nước.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Luật *Ngân* sách nhà nước của trường Đại học luật Hà Nội.
- Giáo trình Luật Thuế của trường Đại học luật Hà Nội.
- Tập bài giảng Luật thuế của trường Đại Luật Tp.HCM.
- Tài liệu hướng dẫn học tập môn Luật NSNN của trường Đại Luật Tp.HCM.
- Tài liệu hướng dẫn học tập môn Luật thuế của trường Đại Luật Tp.HCM.

128024 – LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Sinh viên hiểu được các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Trình tự khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử vụ án hình sự và thủ tục thi hành bản án hình sự.

Các kiến thức cơ bản:

- Nghiên cứu nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng cứ trong luật tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự.
- Nghiên cứu quy định pháp luật về khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm; thủ tục phúc thẩm; thi hành bản án, quyết định đã có hiệu pháp luật; xét lại bản án quyết định đã có hiệu pháp luật; thủ tục tố tụng đối với vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; hoạt động khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự; Hợp tác quốc tế trong Tố tụng hình sự.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật tố tụng hình sự, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, NXB Công an Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam

128028 – PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ

Trang bị khối lượng kiến thức về các lý thuyết về đầu tư trong kinh tế học; các hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư; Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; Khuyến khích và ưu đãi đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra

nước ngoài. Ngoài ra, nội dung giảng dạy còn khái quát những lý thuyết về hiệu quả kinh tế trong thực thi pháp luật về đầu tư tại Việt Nam.

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản của pháp luật về đầu tư Việt Nam: Những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư và pháp luật đầu tư; các hình thức đầu tư; quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư; các biện pháp đầu tư, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư; hoạt động đầu tư kinh doanh vốn nhà nước và đầu tư ra nước ngoài.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình *pháp* luật đầu tư, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB CAND, 2006
- Giáo trình *Luật* kinh doanh, ĐHCN TPHCM, NXB ĐHQG TPHCM, 2010
- Giáo trình *Luật* thương mại, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB CAND, 2006.
- Giáo trình *Luật* kinh tế của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, năm 2007.

128029 – PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Môn học này giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.

Nội dung chính của môn học là: khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế; bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế; các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt nam, vai trò, mục tiêu của các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam; những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu - nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường; những quy định của pháp luật đối với các loại thuế nêu trên, xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật Thuế, Trường Đại học Luật Tp.HCM, NXB Quốc gia 2012.
- Giáo trình Luật Thuế, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Tư pháp 2005.

128030 – PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về thương mại điện tử; các nguyên tắc của

việc giao kết hợp đồng thương mại điện tử, trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng thương mại điện tử; những hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử và cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong giao dịch thương mại điện tử.

Học phần pháp luật về thương mại điện tử bao gồm các khái niệm và các đặc điểm cơ bản của thương mại điện tử, các hình thức của thương mại điện tử, những vấn đề pháp lý quan trọng của hợp đồng thương mại điện tử, những vấn đề cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, cơ chế bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình Thương mại điện tử, Khoa QTKD - trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM.

128032 – TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Giúp sinh viên tìm hiểu hệ thống những nguyên tắc và quy phạm pháp luật được xây dựng nhằm điều chỉnh quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài; vai trò của tư pháp quốc tế với đời sống sinh hoạt quốc tế, quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ Tư pháp quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Tư pháp quốc tế – Trường đại học Ngoại giao Hà Nội năm 1978;
- Giáo trình Tư pháp quốc tế. Trường đại học Luật Hà Nội. Nxb Công an nhân dân 1992; 1994; 1998; 2000; 2003; 2005.
- Giáo trình Tư pháp quốc tế Trường đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1994
- Giáo trình Tư pháp quốc tế. Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội. Nxb Đại học quốc gia 2004.
- Giáo trình Tư pháp quốc tế Trường đại học Huế Nxb Giáo dục năm 1998;
- Giáo trình Tư pháp quốc tế. Viện đại học Mở Hà Nội. Nxb Tư pháp 2004.
- Một số vấn đề lý luận cơ bản về Tư pháp quốc tế của T.s Đoàn Năng, năm 2001;
- Tư pháp quốc tế Việt Nam của Ts. Đỗ Văn Đại và PGS.Ts Mai Hồng Quý. Nxb Đại học quốc gia TP.HCM 2006.
- Tư pháp quốc tế (Sơ đồ và văn bản) Sách dịch từ tiếng Nga của Th.s. Nguyễn Ngọc Lâm Khoa Luật quốc tế. Đại học Luật TP. HCM 2004.
- Tư pháp quốc tế - Phần 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản. ThS Nguyễn Ngọc Lâm. NXB Đại học quốc gia TP. HCM 2007;
- Tư pháp quốc tế - Phần 2: Một số chế định cơ

bản. Th.s. GVC Nguyễn Ngọc Lâm. NXB Phương Đông 2007;

- Tư pháp quốc tế - Phần 3: Hợp đồng và tố tụng. Th.s. GVC Nguyễn Ngọc Lâm. NXB Phương Đông 2007;
- Tư pháp quốc tế. ThS. Lê Thị Nam Giang. Nxb Đại học quốc gia TP.HCM 2006
- Một số vấn đề lý luận về Luật quốc tế. Giáo sư. Tiến sĩ khoa học Đào Trí Úc chủ biên. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 1994;
- Giáo trình pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại – Trường đại học Ngoại thương của Giáo sư –Tiến sĩ Nguyễn Thị Mơ và PGS-Tiến sĩ Hoàng Ngọc Thiết;
- Cases and Materials on Conflict of Laws. (Tư liệu và Các án lệ về xung đột Luật – Bản tiếng Nga). GS. Rosenberg M. NXB NewYork. 1996.
- An lệ Tư pháp quốc tế (Bản tiếng Nga) của Gs. Francesckis.
- Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.
- Incoterms 2000; UCP 500 của ICC
- Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý giữa CHXHCN Việt Nam và các nước.

128033 – TƯ VẤN PHÁP LÝ TRONG DOANH NGHIỆP

Với các kiến thức đã được trang bị ở các môn học: Luật Dân sự; chủ thể kinh doanh, thương mại hàng hóa và dịch vụ, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, thương mại quốc tế, tố tụng dân sự, lao động, sinh viên sẽ có được khối lượng kiến thức tổng hợp, vững vàng trong việc tư vấn cho doanh nghiệp tất cả các vấn đề liên quan đến văn bản, hợp đồng, cố vấn tranh tụng, triển khai hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

Nghiên cứu, thu thập các thông tin pháp luật cần thiết; cập nhật các văn bản pháp luật, các quy định mới ban hành của các cơ quan có thẩm quyền liên quan tất cả các lĩnh vực thuộc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung chính của học phần là: Áp dụng các quy định của pháp luật về các môn học liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo nền tảng pháp lý cho tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp; làm rõ hình thức tổ chức công tác pháp chế trong doanh nghiệp; mối quan hệ giữa tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp với hoạt động tổ chức, quản lý nội bộ doanh nghiệp; tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp với các hoạt động bên ngoài, với các hình thức

tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Bá Bình (Chủ biên), Nghề luật – những nghĩ suy, NXB Tư pháp, 2008
- Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Nghiệp vụ của luật sư về tư vấn pháp luật, tư vấn hợp đồng, NXB Thống kê, 2008
- Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ, đặc san tuyên truyền pháp luật số 12/2010: Công tác pháp chế sau 06 năm triển khai thực hiện Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ Thực trạng và những vấn đề đặt ra.

128035 – CÁC CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC TƯ PHÁP

Các cơ quan và tổ chức Tư pháp là môn học tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức, bộ máy của các cơ quan tư pháp của Nhà nước như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án (Hình sự và Dân sự). Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những kiến thức cần thiết về các tổ chức hỗ trợ tư pháp hiện nay như: Đoàn Luật Sư; Các Văn phòng Luật sư; Các Tổ chức giám định Tư pháp; Các Trung tâm tư vấn pháp luật; Các Văn phòng Công chứng; Các doanh nghiệp Bán đấu giá tài sản; Các Văn phòng thừa phát lại.

Tài liệu tham khảo:

- ❖ Sách, giáo trình chính:
 - Trần Việt Dũng, đào tạo luật thông qua mô hình phiên tòa giả định, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2014
 - TS. Phan Hữu Thư, Kỹ năng hàng nghề luật sư, NXB Công an nhân dân, 2001
 - Tập bài giảng pháp luật về công chứng, luật sư, Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường ĐH Luật TP.HCM, năm học 2009-2010
- ❖ Văn bản quy phạm pháp luật:
 1. Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014;
 2. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
 3. Luật Công chứng năm 2014;
 4. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015
 5. Luật Thi hành án Hình sự năm 2011
 6. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015
 7. Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

8. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015
9. Luật Công chứng năm 2014
10. Luật Luật sư năm 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012);
11. Nghị định số 28/2007/NĐ-CP, ngày 26/2/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư
12. Nghị định số 123/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư
13. Nghị định số 77/2008/NĐ-CP, ngày 16/7/2008 của Chính phủ Về tư vấn pháp luật
14. Thông tư số 10/2014/TT-BTP, ngày 7 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư
15. Thông tư 21/2010/TT – BTP ngày 01/12/2010 của Bộ Tư pháp quy định quy chế tập sự hành nghề luật sư
16. Thông tư 01/2016/TT- CA, ngày 21 tháng 01 năm 2016 quy định về việc tổ chức tòa án chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.
17. Nghị định 29/2015/NĐ-CP ban hành ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng
18. Thông tư 06/2015/TT-BTP ban hành ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng
19. Nghị định 62/2015/NĐ-CP ban hành ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự
20. Thông tư 25/2012/TT-BCA quy định về thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự trong Công an nhân dân.

❖ Website:

1. Website: <http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc>
2. Website: <http://www.vksndtc.gov.vn/>.
3. Website: <http://liendoanluatsus.org.vn/>

❖ Tạp chí, báo tham khảo

- Tạp chí Luật học
- Tạp chí Nhà nước và pháp luật
- Tạp chí Dân chủ và pháp luật
- Tạp chí nghiên cứu lập pháp (www.nclp.org.vn)
- Tạp chí Tổ chức nhà nước
- Tạp chí Tòa án nhân dân
- Báo Pháp luật Việt Nam

- Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh

128047 – LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có thể nắm bắt được những nội dung cơ bản như: Nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; các kiểu nhà nước và pháp luật; hình thức nhà nước, bộ máy nhà nước; Nhà nước CHXHCNViệt Nam. Hiểu, phân tích và đánh giá được các hiện tượng pháp lý trên thực tế như: Quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; Pháp chế; cơ chế điều chỉnh pháp luật.

Tài liệu học tập

Giáo trình

1. Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội – NXB Công an nhân dân, Hà Nội - 2011.
2. Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
3. Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, NXB lý luận chính trị, Hà Nội - 2004.
4. Tập bài giảng Lý luận về nhà nước, Trường Đại học Luật TPHCM.
5. Tập bài giảng Lý luận về pháp luật, Trường Đại học Luật TPHCM.

Sách, tài liệu chuyên khảo

1. Vũ Hồng Anh, Tổ chức và hoạt động của nghị viện một số nước trên thế giới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2001.
2. Nguyễn Đăng Dung, Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước, NXB Tư pháp, Hà Nội - 2006.
3. Lê Minh Tâm, Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Công an nhân dân, Hà Nội - 2003.
4. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc các kỳ VI, VII, VIII, IX, X, XI.
5. C.Mác- Ph.Ăng ghen, Tuyển tập, Tập 1, 5, 6. NXB Sự thật. Hà Nội 1984.
6. V.I. Lênin, Nhà Nước và Cách Mạng, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 2004.
7. V. Lênin toàn tập, Tập 32, 33 Nxb Tiến Bộ 1976.
8. Đào Trí Úc, Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp Luật, NXB Chính Trị Quốc Gia, 1995.
9. Đào Trí Úc, Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997

10. Trần Hậu Thành, Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, NXB Lý luận chính trị, HN 20005.

11. Tạp chí nghiên cứu Lập pháp
12. Tạp chí Luật học
13. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật
14. Tạp chí Khoa học pháp lý

- **Văn bản quy phạm pháp luật:** Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013

128051 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH LUẬT 1

Môn học bao hàm nhiều từ vựng về pháp luật. Các chủ đề gồm có luật công ty, luật thương mại, trách nhiệm pháp lý, luật bất động sản, luật lao động, luật công nghệ thông tin, luật hợp đồng và luật sở hữu trí tuệ. Môn học này còn giới thiệu các thuật ngữ pháp luật thông dụng liên quan đến các hệ thống pháp luật, cũng như các ngôn ngữ chuyên ngành cần thiết cho công việc hằng ngày của các luật sư.

- Professional English in Use-Law- Cambridge
- Cracking the LSAT 2008 edition-Princeton
- Legal Correspondence-Oxford(quyển sổ tay dành cho luật sư và sinh viên ngành luật)
- International Legal English- Cambridge + 1 Audio CD.

Tài liệu tham khảo

- Law for Non – Law Students (Keith Owens)
- Professional English in Use – Law (Gillian D. Brown + Sally Rice)

128052 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH LUẬT 2

Môn học bao hàm nhiều từ vựng về pháp luật. Các chủ đề gồm có luật công ty, luật thương mại, trách nhiệm pháp lý, luật bất động sản, luật lao động, luật công nghệ thông tin, luật hợp đồng và luật sở hữu trí tuệ. Môn học này còn giới thiệu các thuật ngữ pháp luật thông dụng liên quan đến các hệ thống pháp luật, cũng như các ngôn ngữ chuyên ngành cần thiết cho công việc hằng ngày của các luật sư.

- Professional English in Use-Law- Cambridge
- Cracking the LSAT 2008 edition-Princeton
- Legal Correspondence-Oxford (quyển sổ tay dành cho luật sư và sinh viên ngành luật)
- International Legal English- Cambridge + 1 Audio CD.

Tài liệu tham khảo:

- Law for Non – Law Students (Keith Owens)
- Legal English (Rupert Haigh)

128055 – LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham nhũng, phòng chống tham nhũng; các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng cũng như việc phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng; Việc thu hồi tài sản trong quá trình xử lý tham nhũng; Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và xã hội trong quá trình phòng, chống tham nhũng

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Chu Hồng Thanh, Vũ Công Giao (đồng chủ biên), Giáo trình lý luận về phòng, chống tham nhũng, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013
- Compos, J. Edgardo, Các hình thái tham nhũng, nhà xuất bản văn hóa thông tin, 2008

128056 – LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Môn học “Luật trọng tài thương mại” cung cấp hệ thống kiến thức về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại (tranh chấp tư) bằng trọng tài.

Môn học giúp sinh viên nắm vững những qui định pháp luật về trọng tài, thỏa thuận trọng tài, trọng tài viên..., phương thức tổ tụng trọng tài như cuộc họp giải quyết, phán quyết và thi hành quyết định trọng tài...

Tài liệu tham khảo

- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), 2004. Trọng tài và phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn.
- Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, 2004. 50 phán quyết trọng tài quốc tế chọn lọc.
- Trường Đại học Luật TP. HCM, 2015. Giáo trình Luật kinh doanh quốc tế. NXB Hồng Đức.

128058 – KỸ THUẬT SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

Môn học trang bị cho sinh viên nắm vững các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng thương mại phổ biến trong hoạt động thương mại của các chủ thể kinh doanh. Đồng thời môn học cũng hệ thống lại những kiến thức chung về hợp đồng và các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại bao gồm: Khái quát chung về hợp đồng trong thương mại, phân loại hợp đồng trong thương mại, các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng trong hoạt động thương mại, quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện và giải quyết tranh chấp hợp đồng

trong thương mại trong các loại hợp đồng cụ thể. Nội dung này là cơ sở giúp sinh viên thực hiện tốt kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại.

Tài liệu tham khảo:

- Tập bài giảng “Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại” Đoàn Nguyễn Minh Thuận – Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ

128059 – KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật soạn thảo văn bản như là: Hình thức của văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản, thể thức chung của văn bản, Cách thức trình bày của các thể thức trong văn bản. Đồng thời, những nội dung về sử dụng ngôn ngữ, các loại câu và dấu câu trong văn bản cũng như cách thức soạn thảo, trình bày, bố cục, ngôn ngữ sử dụng trong từng loại văn bản thông dụng sẽ được cung cấp đầy đủ và chuẩn mực nhất cho người học.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đăng Dung, *Kỹ thuật soạn thảo văn bản*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014
- Trường Đại học Luật TP. HCM, *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2012

128060 – LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và Luật hành chính như: quản lý hành chính nhà nước; ngành luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính, nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; quyết định hành chính, địa vị pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ công chức nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân, vi phạm hành chính và cưỡng chế hành chính; thủ tục hành chính, tổ tụng hành chính. Đồng thời, môn học cũng giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết để vận dụng vào thực tiễn công tác quản lý hành chính nhà nước sau này

Tài liệu tham khảo

- Trường ĐH Luật Hà Nội, Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2015
- PGS.TS. Nguyễn Cửu Việt, Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, NXB chính trị quốc gia, 2013
- Giáo trình Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam, Nxb Hồng Đức, 2012

128061 – LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử, các khái niệm: hôn nhân, gia đình, luật HN&GD, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật HN&GD Việt Nam, quy định của pháp luật hiện hành kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Qua đó:

- Giúp sinh viên hiểu vị trí của LHN&GD cũng như mối quan hệ giữa pháp luật hôn nhân gia đình với các quan hệ pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- Giúp sinh viên phân biệt các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như: kết hôn, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn,... từ đó có thể đối chứng với thực trạng các vấn đề liên quan trong đời sống xã hội và rèn luyện kỹ năng nhận biết và phân tích những vấn đề mang tính pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
- Giúp sinh viên vận dụng một số quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống liên quan trong thực tiễn thông qua việc phân tích, phân biện các vấn đề liên quan.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (2014), Trường Đại học Luật TP.HCM, NXB Hồng Đức.

128062 – PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

Nắm vững địa vị pháp lý của các loại hình tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay và các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Học phần chủ thể kinh doanh nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật kinh doanh, PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn chủ biên, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, NXB ĐHQG TP. HCM, 2010.
- Giáo trình luật thương mại, Tập 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Nguyễn Việt Tý chủ biên, tái bản lần thứ 2, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
- Giáo trình luật thương mại, tập 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Nguyễn Việt Tý chủ biên, tái bản lần thứ 2, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
- Giáo trình Luật kinh tế, tập 1, Luật doanh nghiệp: Tình huống, phân tích, bình luận / Phạm Duy Nghĩa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006

128063 – TÌM HIỂU VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ LUẬT

Định hướng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên Luật những kiến thức tổng quát về các lĩnh vực pháp lý, tạo tiền đề thuận lợi cho sinh viên lựa chọn được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Việt Dũng, đào tạo luật thông qua mô hình phiên tòa giả định, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2014
- TS. Phan Hữu Thư, Kỹ năng hàng nghề luật sư, NXB Công an nhân dân, 2001
- Tập bài giảng pháp luật về công chứng, luật sư, Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường ĐH Luật TP.HCM, năm học 2009-2010

128064 – CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Môn học cung cấp:

- Khái niệm, sự hình thành luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản; Nguồn của luật quốc tế.
- Nghiên cứu quốc gia và những vấn đề pháp lý liên quan đến quốc gia.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến quốc tịch và những vấn đề pháp lý khác liên quan đến dân cư trong quan hệ quốc tế.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến lãnh thổ quốc gia.
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến biên giới quốc gia.
- Nghiên cứu khái niệm, cách xác định và quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền quốc gia
- Nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật quốc tế điều chỉnh quan hệ ngoại giao và lãnh sự .

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình luật quốc tế - ĐH Luật H Nội 2004
- Luật quốc tế - Lý luận và thực tiễn – TS. Trần Văn Thắng – ThS. L Mai Anh – NXB Giáo dục, H Nội 2001
- Hiến chương LHQ
- Tuyên bố 1970 của Đại Hội đồng LHQ về các nguyên tắc điều chỉnh quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia
- Quy chế Tị nạn quốc tế LHQ
- Công ước Viên 1969 về Luật điều ước quốc tế
- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Việt Nam 2005
- Các văn bản Công pháp quốc tế và các văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan – NXB chính trị quốc gia năm 2010
- Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008
- Luật cơ quan đại diện năm 2008.

128065 – LUẬT DÂN SỰ 1

Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật dân sự nói chung và chế định sở hữu, tài sản và thừa kế như: Khái niệm chung luật Dân sự, Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự; Chủ thể, Khách thể, Nội dung quan hệ pháp luật Dân sự;...
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức luật dân sự chuyên sâu cần thiết như: Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu dân sự; Tài sản, sở hữu, thừa kế trong luật Dân sự... Đồng thời, thông qua việc giải quyết các tình huống của môn học cũng giúp cho sinh viên có những kiến thức cần thiết để vận dụng vào thực tiễn công tác nghiên cứu, tư vấn sau này.

Về kỹ năng

- Nắm bắt nội dung kiến thức chung về luật dân sự từ đó có khả năng tư duy, phân tích các quy định chung về luật dân sự, các văn bản hướng dẫn luật dân sự về: Chủ thể luật dân sự, Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu dân sự; Tài sản, sở hữu, thừa kế...
- Áp dụng được các kiến thức đã học để xử lý các tình huống liên quan trong thực tiễn cuộc sống, như các vấn đề về thời hạn, thời hiệu, giao dịch dân sự như xác định giao dịch có hiệu lực pháp luật hay vô hiệu; hậu quả pháp lý của giao dịch

dân sự vô hiệu và vấn đề lợi ích của người thứ ba...

- Có khả năng nhận xét, đánh giá nội dung các vấn đề lý luận chung luật dân sự trong mối quan hệ với thực tiễn. Có thể đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện luật dân sự trong bối cảnh lịch sử tương ứng.

Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

- Giáo trình Luật dân sự, tập 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, 2007

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình luật dân sự, khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà nội, 2002
- Giáo trình luật dân sự, Học viện Tư pháp, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006
- Bình luận những nội dung mới của Bộ luật Dân sự 2005, Đinh Trung Tụng, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005
- Bàn về năng lực hành vi dân sự, Từ Văn Thiết, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 12, 2006

128066 – LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Hiểu khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự...

Các kiến thức cơ bản:

- Nghiên cứu những vấn đề chung về tố tụng dân sự như: Khái niệm và các nguyên tắc của luật tố tụng dân sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; chứng minh, chứng cứ trong tố tụng dân sự và các vấn đề tố tụng khác.
- Nghiên cứu các giai đoạn tố tụng dân sự như: khởi kiện vụ án dân sự; chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vụ án dân sự; xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm...; thủ tục giải quyết các việc dân sự; thi hành án dân sự.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật tố tụng dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Tư pháp, Hà Nội năm 2007
- Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật thi hành án dân sự Việt Nam, Nxb. CAND, Hà Nội, 2010

128067 – PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

Học Phần pháp luật thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại Việt Nam; đối tượng, phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật thương mại, quy định về thương nhân – một trong những chế định cơ bản của luật thương mại; quyền và nghĩa vụ của thương nhân trong hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại chủ yếu của thương nhân, các chế tài trong hoạt động thương mại theo qui định của Luật Thương mại 2005.

Học phần pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển hệ thống pháp luật thương mại Việt Nam; những vấn đề lý luận cơ bản về thương nhân; áp dụng pháp luật đối với hoạt động thương mại; về hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động cung ứng dịch vụ; một số vấn đề lý luận cơ bản về trung gian thương mại; một số nội dung cơ bản nhất về chế tài trong hoạt động thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại bằng trọng tài.

Tài liệu tham khảo: TS. Nguyễn Viết Tỷ (chủ biên), Giáo trình Luật thương mại – Đại học luật Hà Nội – NXB Công an nhân dân, 2006.

128068 – PHÁP LUẬT VỀ CHỦ THỂ KINH DOANH

Nắm vững địa vị pháp lý của các loại hình tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay và các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Học phần chủ thể kinh doanh nghiên cứu địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh và pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cụ thể gồm: Quy chế pháp lý về thành lập và quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vấn đề tổ chức lại và giải thể sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Luật kinh doanh, PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn chủ biên, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, NXB ĐHQG TP. HCM, 2010.
- Giáo trình luật thương mại, Tập 1, Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Nguyễn Viết Tỷ chủ biên,

tái bản lần thứ 2, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.

- Giáo trình luật thương mại, tập 2, Trường Đại học Luật Hà Nội, TS. Nguyễn Viết Tỷ chủ biên, tái bản lần thứ 2, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
- Giáo trình Luật kinh tế, tập 1, Luật doanh nghiệp: Tình huống, phân tích, bình luận / Phạm Duy Nghĩa, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006

128069 – LUẬT LAO ĐỘNG

Nội dung phần I gồm các vấn đề sau:

- Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường.
- Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật lao động.
- Những nguyên tắc của ngành luật.
- Quan hệ pháp luật lao động
- Giới thiệu khái quát về các chế định của luật lao động.
- Nội dung phần II gồm các vấn đề sau:
- Các chế định liên quan trực tiếp đến tranh chấp lao động.
- Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Luật lao động, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, 1999.
- Giáo trình Luật lao động, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003.
- Bộ luật lao động sửa đổi, bổ sung năm 2002
- Các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Các tài liệu khác.

102013 - TIẾNG VIỆT

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt. Sinh viên nắm được khái quát lịch sử hình thành và quá trình phát triển của tiếng Việt, đặc điểm và cấu tạo của tiếng Việt. Củng cố và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt như chính tả, từ vựng, ngữ pháp, văn bản. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng đọc và tìm kiếm tài liệu, làm việc nhóm.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Văn Đạm, Hà Vinh (2001). Nhập môn tiếng Việt. NXB Văn hóa thông tin.
2. Bùi Minh Toán - Lê A - Đỗ Việt Hùng (2009). Tiếng Việt thực hành. NXB Giáo dục.
3. Diệp Quang Ban (2009). Văn bản và liên kết trong tiếng Việt: Văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn.

NXB Giáo Dục.

4. Dương Hữu Biên (2000). Ngữ nghĩa học thực hành tiếng Việt: Giáo trình. NXB Văn hóa thông tin.

5. Cao Xuân Hạo (2001). Tiếng Việt - Văn Việt - Người Việt. NXB Trẻ.

6. Nguyễn Văn Tu (2001). Từ điển từ đồng nghĩa tiếng Việt. NXB Giáo dục.

131003 NGHE 1 – TIẾNG NHẬT

Sau khi kết thúc 45 tiết học sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường. Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo

- みんな日本語 Tiếng Nhật dành cho mọi người、(NXB 3A Corporation, 2002).
- 毎日聞き取り 50 50 bài nghe mỗi ngày、日本語の凡人社。
- 楽しく聞こう1 Luyện nghe 1 新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門学校

131004 NGỮ PHÁP 1 – TIẾNG NHẬT

Môn Ngữ pháp giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc ngữ pháp cơ bản đã học, có thể ứng dụng để viết được những câu đơn giản, đồng thời có khả năng đọc những văn bản ở cấp độ đầu sơ cấp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

- MINNA NIHONGO (NXB 3A Corporation, 2012).
- MINNA NIHONGO MONDAISHU (NXB 3A Corporation, 2012).

131005 ĐỌC 1 – TIẾNG NHẬT

Môn đọc hiểu 1, bước đầu giúp sinh viên làm quen với chữ Hán, giúp sinh viên nắm được cách viết, cách đọc chữ Hán, đồng thời hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu bắt đầu bằng những bài đọc ngắn, đơn giản

Tài liệu tham khảo:

- MINNA NIHONGO (NXB 3A Corporation,

2012).

- MINNA NIHONGO TOPIC (NXB 3A Corporation, 2012).

131006 NÓI 1 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời chữa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- Minna no nihongo shoukyu
- Chokaitasuku
- Tanoshiku kikou 1
- Mainichi kikitori shokyu.

131010 NGỮ PHÁP 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Ngữ pháp 1, Môn Ngữ pháp 2 tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp cơ bản ở cấp độ sơ cấp của tiếng Nhật.

Tài liệu tham khảo

- MINNA NIHONGO (NXB 3A Corporation, 2012)
- Bản tra Hán tự thường dụng.

131011 VIẾT 3 – TIẾNG NHẬT

Môn học này giúp cho sinh viên làm quen dần với cách viết: những câu văn, những bài văn theo chủ đề đơn giản. Bên cạnh đó giúp sinh viên ứng dụng những mẫu ngữ pháp đã học từ bài 1 đến 40 trong chương trình. Đồng thời môn học này còn hỗ trợ tốt cho môn nói, giúp sinh tự tin trình bày ý kiến của chính mình theo từng chủ đề.

Tài liệu tham khảo:

みんな日本語初級ーやさしい作文、スリーエーネットワーク

Cách viết bài văn đơn giản trình độ sơ cấp

131013 NÓI 3 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Ở môn nói 3, ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời chữa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- Minna no nihongo shoukyu
- Chokaitasuku
- Tanoshiku kikou 1
- Mainichi kikitōri shokyu

131014 ĐỌC 3 – TIẾNG NHẬT

Môn Đọc Hiểu 3, giúp sinh có khả năng đọc những văn bản ở cấp độ cuối sơ cấp. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

- Minna no nihongo II – shokyu de yomeru topikku 25 (NXB 3A Corporation, 2002).
- Minna no nihongo II – Kanji I I+ II (NXB 3A Corporation, 2002).
- Minna no nihongo II(NXB 3A Corporation, 2002).

131015 NGỮ PHÁP 3 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Ngữ pháp 2, môn Ngữ pháp3, giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc ngữ pháp cơ bản đã học, có thể ứng dụng để viết được những câu đơn giản. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

- Minna no nihongo II – shokyu de yomeru topikku 25 (NXB 3A Corporation, 2002).
- Minna no nihongo II – Kanji I I+ II (NXB 3A Corporation, 2002).
- Minna no nihongo II(NXB 3A Corporation, 2002).

131019 VIẾT 4 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo môn Viết (HK3), Môn Viết (HK4) giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng viết những câu văn, những bài văn theo chủ đề khó hơn. Bên cạnh đó giúp sinh viên ứng dụng những mẫu ngữ pháp đã học từ bài 41 đến 50 trong chương trình. Đồng thời môn học này còn hỗ trợ tốt cho môn nói, giúp sinh viên tự tin trình bày ý kiến của chính mình theo từng chủ đề. Ngoài ra sinh viên có thể dựa vào những bài viết mẫu theo chủ đề cho sẵn để tập viết.

Tài liệu tham khảo

- 日本語作文1、C&P日本語教室、教材研究会
- Viết bài văn tiếng Nhật 1

131020 NGHE 4 – TIẾNG NHẬT

Sau khi kết thúc 60 tiết, sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao

tiếp thông thường ngày. Sinh viên có thể đạt được năng lực tiếng Nhật cấp 3.

Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo:

- みんな日本語 Tiếng Nhật dành cho mọi người、(NXB 3A Corporation, 2002).
- 毎日聞き取り50 50 bài nghe luyện tập mỗi ngày、日本語の凡人社。
- 楽しく聞こう1 Giáo trình luyện nghe Tanoshikukikou 1 新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門校
- 聴解タスク Giáo trình luyện nghe.

131022 ĐỌC 4 - TIẾNG NHẬT

Học phần này bắt đầu từ bài 26 đến bài 40 của giáo trình “ Minna no nihongo 初級で読めるトピック25” và học chữ Kanji trong giáo trình “ Minna no nihongo kanji”. Qua bài học sinh viên sẽ đọc những bài đọc thú vị đồng thời học được một số mẫu câu tiếng Nhật thường dùng trong đời sống, những kiến thức về văn hóa và khoa học kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

- 「みんなの日本語初級II初級で読めるトピック25」牧野昭子、沢田幸子、重川明美、田中よね、水野マリ子、株式会社スリーエーネットワーク、2000年
- 25 chủ đề đọc trong tiếng Nhật dành cho mọi người sơ cấp
- 「みんなの日本語初級II漢字」、新矢麻紀子、古賀千世子、高田亨、御子神慶子、株式会社スリーエーネットワーク、2001年。
- Kanji trong tiếng Nhật dành cho mọi người sơ cấp 2

131023 NGỮ PHÁP 4 – TIẾNG NHẬT

Ngữ pháp 4 – tiếng Nhật là môn học cung cấp cho người học những cấu trúc cơ bản ở trình độ sơ trung cấp. Thông qua vốn từ vựng kết hợp với cấu trúc ngữ pháp, người học có thể ứng dụng vào việc giao tiếp với người Nhật, rèn luyện kỹ năng thêm các kỹ năng khác như đọc, viết, nghe,...

Tài liệu tham khảo:

- 1.スリーエーネットワーク、みんなの日本語初級2、2002年、株式会社スリーエーネットワーク
- 2.平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語初級2文型練習帳、2001年、株式会社スリーエーネットワーク
- 3.株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集2、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

131028 VIẾT 5 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo môn Viết (HK4), Viết (HK5) giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng viết những bài văn theo chủ đề ở bậc trung cấp. Đồng thời môn học này còn hỗ trợ tốt cho môn nói, giúp sinh tự tin trình bày tâm tư, tình cảm, nguyện vọng... của chính mình.

Tài liệu tham khảo:

- 日本語作文1、C&P日本語教室、教材研究会編
- Viết văn tiếng Nhật 1

131030 NGỮ PHÁP 5 – TIẾNG NHẬT

Môn Ngữ pháp 5 giúp sinh viên có thể nắm vững:

- Khoảng 650 từ vựng đi sâu vào một số vấn đề xã hội (nâng cao)
- Một số cấu trúc ngữ pháp trung cấp thường xuất hiện trên báo chí và văn học.
- Có khả năng đọc và nắm vững nội dung của các bài đọc có nội dung liên quan đến chủ đề đã học. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ.

Tài liệu tham khảo:

- Temabetsu – Chyukyuu kara manabu nihongo – honbunsatsu (NXB Kenkyusha, 2003).
- Temabetsu – Chyukyuu kara manabu nihongo – workbook (NXB Kenkyusha, 2003).
- Một số bài đọc thêm do giáo viên tự soạn.

131032 NGHE 6 – TIẾNG NHẬT

Sau khi kết thúc 60 tiết của môn nghe 6, sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể đạt được năng lực tiếng Nhật cấp 3.

Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của

sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo:

- テーマ別 中級から学ぶ日本語ワークブック、研修者、2004年。
- Tiếng Nhật trung cấp
- 毎日聞き取り50、日本語の凡人社。
- 50 bài nghe mỗi ngày
- 楽しく聞こう2 新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門学校
- Luyện nghe 2

131033 NÓI 6 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Tiếp tục môn Nói 5, môn nói 6 ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời sửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- ボイクマン総子、宮田に敦美、日本語生中継 初中級編1
- Giáo trình Namachukei sơ trung cấp 1、くろしお出版。
- 日本語でビジネス会話
- Đàm thoại tiếng Nhật trong Kinh doanh、日米会話学院。

131035 NGỮ PHÁP 6 – TIẾNG NHẬT

Môn Ngữ pháp 6, giúp sinh viên có thể nắm vững:

- Khoảng 900 từ vựng đi sâu vào một số vấn đề xã hội
- Một số cấu trúc ngữ pháp trung cấp thường xuất hiện trên báo chí và văn học.
- Có khả năng đọc và nắm vững nội dung của các bài đọc có nội dung liên quan đến chủ đề đã học.
- Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

- 1. 株式会社スリーエーネットワーク、みんな

の日本語中級 1、2008年、株式会社スリーエーネットワーク

- 2. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級 2、2008年、株式会社スリーエーネットワーク

131039 NGHE 7 – TIẾNG NHẬT

Môn học gồm những bài đàm thoại giữa những người Nhật trong các lĩnh vực như: văn hóa, lịch sử, xã hội, giao tiếp trong cuộc sống thường nhật của người Nhật ở cấp độ N3. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp thêm một số điểm ngữ pháp, từ vựng, ... và rèn luyện cách phát âm đúng cho sinh viên.

Sau khi kết 60 tiết học sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường ngày. Sinh viên có thể đạt được năng lực tiếng Nhật cấp 2.

Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo:

- 中級から学ぶ日本語ニューアプローチ ワークブック、研修者、2004年。
- Giáo trình Newapproach trung cấp
- 毎日聞き取り50、日本語の凡人社。
- 50 bài nghe luyện tập mỗi ngày
- 楽しく聞こう2 新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門学校
- Luyện nghe 2

131040 NÓI 7 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Môn nói 7 tiếng Nhật, nhằm cung cấp lượng kiến thức về kỹ năng nói từ đàm thoại giao tiếp hàng ngày như cách chào hỏi, giới thiệu về bản thân, cách hỏi giá cả, nói ngày giờ, mời ai đó đi đâu... Môn học giúp sinh viên có phản xạ nhanh, có khả năng vấn đáp trôi chảy, đem lại sự tự tin cho sinh viên khi nói bằng tiếng Nhật.

Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời sửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- 1. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級 1、2008年、株式会社スリーエーネットワーク
- 2. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級 2、2008年、株式会社スリーエーネットワーク
- 3. ボイクマン 総子、2006、『聞いて覚える話し方 日本語生中継・初中級編1』、モリモト印刷株式会社
- 4. 松浦真理子、日本語音読トレーニング、2014年、株式会社アスク出版
- 5. 黒崎典子、中級日本語で挑戦！スピーチ&ディスカッション、2012年、株式会社凡人社

131041 ĐỌC 7 – TIẾNG NHẬT

Đọc hiểu là một trong bốn kỹ năng thiết yếu mà người học cần nắm vững khi tiếp cận tiếng Nhật. Môn Đọc 7 tiếng Nhật dành cho sinh viên năm tư thuộc ngành Nhật Bản học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức bài đọc ở mức độ nửa sau trung cấp theo chủ đề chuyên sâu giúp sinh viên dễ hiểu và hệ thống lại được những cấu trúc có liên quan đã học từ sơ cấp thông qua phần bài đọc và giải thích ngữ pháp. Bên cạnh đó học phần này bắt đầu từ bài 17 đến bài 24 của bộ giáo trình Minna no Nihongo – Trung cấp 2. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: cung cấp vốn từ vựng; hướng dẫn SV đọc hiểu bài đọc, giải thích ý nghĩa của các cấu trúc văn phạm mới (nếu có).

Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên vốn từ vựng thông dụng để có thể ứng dụng khi muốn trao đổi, thảo luận về những vấn đề thực tiễn diễn ra trong cuộc sống thường nhật (mức độ vừa phải, tương ứng với trình độ đầu sau trung cấp).

Tài liệu tham khảo:

- 1. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級 2 本冊、2012年、株式会社スリーエーネットワーク
- 2. 平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語中級 2 文型練習帳、2000年、株式会社スリーエーネットワーク
- 3. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集 2、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

- 4. 「完全マスター読解」、草胸子、村沢由明、株式会社スリーエーネットワーク、2006年。

131042 NGỮ PHÁP 7 – TIẾNG NHẬT

Ngữ pháp 7 – tiếng Nhật là môn học cung cấp cho người học những cấu trúc cơ bản ở trình độ trung cấp. Thông qua vốn từ vựng kết hợp với cấu trúc ngữ pháp, người học có thể ứng dụng vào việc giao tiếp với người Nhật, rèn luyện các kỹ năng khác như nói, đọc, viết, nghe,...Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm vững:

Khoảng 1200 từ vựng đi sâu vào một số vấn đề xã hội

Một số cấu trúc ngữ pháp trung cấp thường xuất hiện trên báo chí và văn học

Có khả năng đọc và nắm vững nội dung của các bài đọc có nội dung liên quan đến chủ đề đã học

Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng.

Tài liệu tham khảo:

- 1.株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級2、2008年、株式会社スリーエーネットワーク
- 2.株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級2 標準問題集、2016年、株式会社スリーエーネットワーク
- 3.安藤恵理子・今川和、耳から覚える日本語能力試験文法トレーニングN3、2010年、株式会社アルク
- 3. Midori Izawaza, Noriko Terada (2006), Nihon Kigyō he no Shyūshoku – Bijinesu Kaiwa Toreningu, Asuku Kabushiki Kaisha.
- 4. Miyazaki Michiko, Goshi Sachiko (2009), Nihongo de Hataraku Bijinesu Nihongo 30 jikan, Surie Netto

131051 NGHIỆP VỤ THƯ KÝ – TIẾNG NHẬT

Môn học Nghiệp vụ thư ký nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nghiệp vụ của người thư ký văn phòng, trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc một cách khoa học, như biết tổ chức nơi làm việc, thu thập, xử lý thông tin, soạn thảo, ban hành, quản lý văn bản, kỹ năng giao tiếp và công tác lễ tân.

Môn nghiệp vụ Thư Ký được giảng dạy bằng tiếng Nhật sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng

quản trị văn phòng, nghiệp vụ Thư ký – Trợ lý bằng tiếng Nhật, để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình quản trị hành chính văn phòng tại cơ quan, doanh nghiệp Nhật.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Xuân Lự và các tác giả, Nghiệp vụ thư ký văn phòng và tổ chức, Học viện Hành chính Quốc Gia, Hà Nội. 2002.
- Dương Văn Khâm và các tác giả, Nghiệp vụ thư ký văn phòng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 1997.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, TS. Lương Minh Việt, Giáo trình Nghiệp vụ thư ký, Nhà xuất bản Hà Nội, 2005.
- 山崎政志、(2014年) ビジネス文書の書き方とマナ、高橋書店発行所
- 奥村真希 釜淵 優子 (2008) 『仕事の日本語』(電話対応 基礎編) 株式会社アルク
- 奥村真希、安河内 貴子 (2014) 『日本語ビジネス文書マニュアル』株式会社アスク出版
- 田村博子 (2007) 『秘書のお仕事』 三修社

131053 NGHE 5 – TIẾNG NHẬT

Môn học giúp sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể đạt được năng lực tiếng Nhật cấp 3. Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo

- テーマ別 中級から学ぶ日本語ワークブック、研修者、2004年。
- Tiếng Nhật trung cấp
- 毎日聞き取り50、日本語の凡人社。
- 50 bài nghe mỗi ngày
- 楽しく聞こう2新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門学校 Luyện nghe 2.

131055 ĐẤT NƯỚC HỌC NHẬT BẢN

Môn học cung cấp lượng kiến thức nền cho sinh viên về các đề tài văn hoá xã hội Nhật Bản. Phần lý thuyết cung cấp cho sinh viên những đặc trưng trong văn hoá xã hội Nhật Bản, những khuynh hướng

nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu được áp dụng tại Mỹ và Nhật trong những năm gần đây. Qua phân thực hành sinh viên sẽ học được cách tìm tài liệu, sắp xếp nội dung trình bày và phát triển kỹ năng thuyết trình, đồng thời bồi dưỡng khả năng nghiên cứu độc lập một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá xã hội của Nhật Bản. Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức đầy đủ và tương đối sâu sắc về nhân học và văn hóa, xã hội Nhật Bản, biết lý giải những đặc điểm của nền văn hóa và xã hội Nhật Bản. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên hệ thống hóa những kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của nước Nhật, biết đánh giá các yếu tố địa lý và dân cư có tác động đến sự phát triển toàn diện của Nhật Bản như thế nào, biết cách phân tích và giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội của nước Nhật.

Tài liệu tham khảo

- Robert Layton (Phan Ngọc Chiến dịch) (2007), Nhập môn lý thuyết nhân học, Nxb Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- H. Russel Bernard (Hoàng Trọng, Thu Hằng, Phương Lan dịch) (2007), Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học - tiếp cận định tính và định lượng, Nxb Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Kim Xuyên (chủ biên) (2005), Nhập môn xã hội học, Nxb Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- Huỳnh Văn Giáp, 2004, Địa lý Đông Bắc Á, NXB. ĐHQG TP.HCM.
- Lê Văn Sang - Lưu Ngọc Trinh, 1991, Nhật Bản, Đường đi tới một siêu cường quốc kinh tế, NXB. KHXH, Hà Nội.

131057 ĐỌC 6 – TIẾNG NHẬT

Tiếp tục môn Đọc 5, Môn Đọc 6 với những bài đọc thú vị tạo cho sinh viên có cảm giác thích thú khi học và qua đó sinh viên nắm được một số mẫu câu văn phạm thường sử dụng trong đời sống người Nhật Bản. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên vốn từ vựng thông dụng để có thể ứng dụng khi muốn trao đổi, thảo luận về những vấn đề thực tiễn diễn ra trong cuộc sống thường nhật (mức độ vừa phải, tương ứng với trình độ trung cấp).

Tài liệu tham khảo

- 1. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級1本冊、2008年、株式会社スリーエーネットワーク

- 2. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語中級2本冊、2012年、株式会社スリーエーネットワーク

131061 KINH TẾ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Môn học Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đầy đủ và sâu sắc về một khu vực kinh tế năng động nhất hiện nay – kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Thị Chinh, Giáo trình kinh tế châu Á-Thái Bình Dương, NXB Thống kê, 2005
- Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên), Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam – Lý luận và Thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002
- Soon, Tính năng động của kinh tế Hàn Quốc, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2000
- Martin Wolf, Những bài học từ sự thành công của nền kinh tế Nhật Bản, NXB TP Hồ Chí Minh, 1990
- Dương Phú Hiệp – Phạm Hồng Thái (Chủ biên): Nhật Bản trên đường cải cách, NXB Khoa học Xã hội, 2004
- Justin Yifu Lin – Fang Cai – Zhou Li, Phép lạ Trung Quốc, NXB TP Hồ Chí Minh, 1998
- Võ Đại Lược (Chủ biên), Bối cảnh quốc tế và những xu hướng điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế ở một số nước lớn, NXB KHXH, 2003
- Jun Ma, Trung Quốc: nhìn lại một chặng đường phát triển, NXB Trẻ, 2002
- Kazushi Ohkawa – Hirohisa Kahawa, Kinh nghiệm công nghiệp hoá của Nhật Bản và sự thích dụng của nó đối với nền kinh tế các nước đang phát triển, NXB KHXH, 2004
- Yasukiko Nakasone, Chiến lược quốc gia của Nhật Bản trong thế kỷ XXI, NXB Thông tấn, 2004
- Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế; Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương; Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc; Tạp Chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á.

131064 VIẾT 2 – TIẾNG NHẬT

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng viết đoạn văn ngắn, đơn giản trình độ sơ cấp theo từng chủ đề bằng cách vận dụng các mẫu ngữ pháp đã học trong học kỳ 1 năm nhất. Kết thúc môn học, sinh viên được trang bị các kỹ năng triển khai đoạn văn, liên kết các đoạn

văn, nắm vững các mẫu ngữ pháp đã học và các từ vựng có liên quan. Sau khi kết thúc môn học Sinh viên biết cách vận dụng các mẫu ngữ pháp và kết hợp từ vựng để viết thành một câu văn hoàn chỉnh. Sau đó, triển khai thành các đoạn văn nhỏ và hình thành một bài văn hoàn chỉnh với đầy đủ nội dung theo yêu cầu. Sinh viên có thể viết các đoạn văn hoàn chỉnh theo từng chủ đề.

Tài liệu tham khảo

1. Tomomatsu Etsuko (2008), Shouronbun he no 12 no suteppu, Surie Network Kabushiki Kaisha.
2. Kadowaki Kaoru (1999), Minna no nihongo shokyu yasashi sakubun, Surie Network Kabushiki Kaisha.
3. Kijima Hiromi, Shibahara Tomoyo, Hatta Naomi (2013), Marugoto Nihon no Kotoba to Bunka Nyumon A1 Rikai, Sanshyusha Kabushiki Kaisha.
4. Kijima Hiromi, Shibahara Tomoyo, Hatta Naomi, Imai Hisae, Kitani Naoyuki (2014), Marugoto Nihon no Kotoba to Bunka Shokyu1 A2 Rikai, Sanshyusha Kabushiki Kaisha.

131084 TIẾNG NHẬT TỔNG HỢP

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ pháp trung cấp theo chủ đề ngữ pháp chuyên sâu giúp sinh viên dễ hiểu và hệ thống lại được những cấu trúc có liên quan đã học từ trung cấp thông qua phần bài đọc và giải thích ngữ pháp. Bên cạnh đó học phần này bắt đầu từ bài 1 đến bài 8 của bộ giáo trình Nihongo Soumatome – Moji & Goi N3 và bài 1 đến bài 10 của giáo trình Nihongo Soumatome – Bunpou Dokkai N3. Nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: cung cấp vốn từ vựng; hướng dẫn SV đọc hiểu bài đọc, giải thích ý nghĩa của các cấu trúc văn phạm mới (nếu có).

Ở học phần này sinh viên tiếp tục được trang bị những cấu trúc văn phạm thường sử dụng trong tiếng Nhật (ở trình độ Trung cấp). Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên vốn từ vựng hữu dụng để có thể ứng dụng khi muốn trao đổi, thảo luận về những vấn đề thực tiễn diễn ra trong cuộc sống thường nhật (mức độ vừa phải, tương ứng với trình độ trung cấp).

Mỗi một bài học xoay quanh một chủ đề nhất định. Từ đó, sinh viên được tiếp xúc với những mẫu câu cũng như lượng từ vựng cơ bản xuất hiện trong những tình huống tương tự. Sau mỗi bài học, sinh viên có thể nắm được những cách diễn đạt các vấn đề gần gũi trong cuộc sống (hiểu được cách tính toán, hiện tượng vật lý, cách nấu ăn, ...)

Cấu trúc ngữ pháp sẽ được sắp xếp theo cấp độ từ dễ

đến khó nhằm giúp sinh viên có thể dễ dàng nắm bắt và sử dụng đúng.

Phần từ vựng sẽ bao gồm những thành ngữ hữu dụng, có ích. Với cách diễn đạt thường thấy giúp cho sinh viên khi học sẽ biết cách sử dụng những từ đó như thế nào là đúng.

Tài liệu tham khảo

1. Tiếng Nhật Trung cấp Newapproach
2. Tổng hợp ngữ pháp tiếng Nhật 2 Kyu Kanzenmasuta Bunpo Nikyu
3. Những bài đọc vui cho người học tiếng Nhật Nihongo wo manabu hitotachinotameno nihongowo tanoshiku yomuhon shouchukyu
4. Tài liệu đọc hiểu tiếng Nhật cấp độ nửa đ62u trung cấp Chyukyu zenha you nihongo dokkai kyozai {yomi}he cyousen

131086 NÓI 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Nói 1, Bộ môn Nói 2 sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời sửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Minna no nihongo shoukyu
- Chokaitasuku
- Tanoshiku kikou 1
- Mainichi kikitōri shokyu.

131087 HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN

Môn học Hệ thống chính trị Nhật Bản trang bị cho SV sự hiểu biết về mối quan hệ biện chứng giữa thương tầng chính trị và hạ tầng cơ sở. Cung cấp cho SV những kiến thức về đời sống chính trị Nhật Bản: cấu trúc, hoạt động quyền lực.

Tài liệu tham khảo

- Hồ Sĩ Quý, 2005. Về giá trị và giá trị Châu Á. NXB CTQG
- GS. Nguyễn Hồng phong, 1998. Văn hóa chính trị Việt Nam – Truyền thống hiện đại. NXB Văn hóa – Thông tin
- Kishimoto Koishi, 1997. Politics in Japan. Japan Echo Inc. Tokyo
- Viện Khoa học chính trị, 2000. Tập bài giảng chính trị học. NXB CTQG
- GS. Dương Phú Hiệp, 1996. Tìm hiểu nền hành chính Nhật Bản. NXB KHXH.

- Hoàng Văn Việt, 2007. Các quan hệ chính trị ở Phương Đông. NXB ĐHQG TP HCM
- Edwin O.Reischower, 1994. Nhật Bản – Qúa khứ và hiện tại. NXB KHXH
- Nhật Bản trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á, 2003. NXB TP HCM
- TS. Cao Văn Liên, 2003. Tìm hiểu các nước và các hình thức Nhà nước trên thế giới.NXB Thanh niên
- TS. Nguyễn Đăng Dung, 1997. Luật Hiến pháp nước ngoài. NXB Đồng Nai.
- Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản (và Đông Bắc Á)

131088 NÓI 4 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Tiếp theo môn nói 3, ở môn nói 4, ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời sửa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Minna no nihongo shoukyu
- Chokaitasuku
- Tanoshiku kikou 1
- Mainichi kikitōri shokyu.

131089 NÓI 5 – TIẾNG NHẬT

Bộ môn Nói sẽ giúp sinh viên tự tin giao tiếp với người Nhật trong mọi tình huống, về mọi lĩnh vực. Ngoài việc luyện các mẫu câu, bài đàm thoại sẵn có trong sách giáo khoa, sinh viên còn luyện tập theo nhóm ở mọi tình huống dưới sự giám sát của giảng viên người bản xứ, để họ kịp thời chữa lỗi sai cũng như cách phát âm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Minna no nihongo shoukyu
- Chokaitasuku
- Tanoshiku kikou 1
- Mainichi kikitōri shokyu

131090 ĐỌC 5 - TIẾNG NHẬT

Học phần này giúp sinh viên hiểu được cách đọc của những bài đọc dài, từ đó sinh viên có thể làm quen với các bài đọc trình độ trung cấp. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có một lượng từ mới đa dạng ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tài liệu tham khảo

- みんなの日本語、中級、株式会社スリーエーネットワーク、2015年。
- 「読み」への挑戦 Luyện đọc、意図弘子、美馬清子、山下吉隆、山田準、Kuroshio発行者、1992年。
- 「日本語を楽しく読もう」
- Giáo trình tanoshiku yomou

131091 TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI 2

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến tiếng Nhật thương mại trình độ trung cấp. Trong giờ học, sinh viên sẽ được làm quen với các tình huống luyện tập thực tế trong công ty, nơi kinh doanh, buôn bán. Sinh viên sẽ sử dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý tình huống liên quan đến các văn bản thương mại, giao dịch. Đồng thời qua đó sinh viên biết cách vận dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý các tình huống thường gặp trong công ty, nơi làm việc... Biết thêm từ vựng, các mẫu câu thường dùng trong thương mại. Luyện tập viết các văn bản thương mại được dung trong giao dịch công ty, nơi làm việc.

Tài liệu tham khảo

1. Maki Okumura, Takako Yasukochi (2007), Nihongo Bijinesu Bunsho Manyuaru, Asuku Shuppan Kabushiki Kaisha.
2. Keisuke Maruyama, Mami Doi, Yuko Iguchi, Kazuko Kuwabara, Masahiro Onuma, Tatsuya Yasui, Ryuko Yokosuka (1999), Nihongo Bijinesu Bunsho no Kakikata, The Japan Times.

131092 VĂN HỌC NHẬT BẢN

Môn Văn học Nhật Bản dành cho sinh viên thuộc ngành Nhật Bản nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các giai đoạn phát triển của một nền văn học. Văn học Nhật Bản trang bị những kiến thức cơ bản về nền văn học Nhật Bản.

Tài liệu tham khảo

1. Nhật Chiêu, Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868, NXB Giáo dục, năm 2003.
2. Đào Thị Thu Hằng, Văn hóa Nhật Bản và Yasunari Kawabata, NXB Giáo dục, năm 2007.
3. Eichi Aoki, Nhật Bản đất nước và con người, NXB Văn học, năm 2006.

131093 ĐỌC 2 – TIẾNG NHẬT

Đọc hiểu 2 giúp sinh viên có khả năng đọc những văn bản ở cấp độ đầu sơ cấp. đồng thời cũng nâng cao vốn từ Kanji cho sinh viên. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên phải tự trau dồi và luyện tập để ứng

dụng kiến thức ngữ pháp đã học nhằm phát triển đồng bộ cả bốn kỹ năng. Đồng thời luyện tập kỹ năng đọc hiểu với nội dung và độ dài phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- MINNA NIHONGO (NXB 3A Corporation, 2012).
- MINNA NIHONGO TOPIC (NXB 3A Corporation, 2012).
- Bản tra Hán tự thường dụng.

131095 TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI 1

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến tiếng Nhật thương mại trình độ trung cấp. Trong giờ học, sinh viên sẽ được làm quen với các tình huống luyện tập thực tế trong công ty, nơi kinh doanh, buôn bán. Sinh viên sẽ sử dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý tình huống (chào hỏi, giới thiệu, tiếp điện thoại, tiếp khách, bán hàng...).

Thông qua môn học sinh viên biết cách vận dụng tiếng Nhật thương mại để xử lý các tình huống thường gặp trong công ty, nơi làm việc... biết thêm từ vựng, các mẫu câu thường dùng trong thương mại. Luyện tập giao tiếp thương mại

Tài liệu tham khảo

- Midori Izawaza, Noriko Terada (2006), Nihon Kigyō he no Shyūshoku – Bijinesu Kaiwa Toreningu, Asuku Kabushiki Kaisha.
- Miyazaki Michiko, Goshi Sachiko (2009), Nihongo de Hataraku Bijinesu Nihongo 30 jikan, Surie Netto Waku Kabushiki Kaisha.
- Mami Doi, Yumiko Kabasawa, Keisuke Maruyama, Junko Nonaka, Masahiro Onuma, Kazuo Yamamoto, Tatsuya Yasui (1991), Talking Business In Japanese, The Japan Times.
- Yoneda Ryusuke, Fujii Kazuko, Shigeno Mie, Ikeda Hiroko (1998), Shinsouban Bijinesu no tame no Nihongo Getting Down to Business: Japanese for Business People, 3A Corporation.
- Yoneda Ryusuke, Fujii Kazuko, Shigeno Mie, Ikeda Hiroko (1996), Shinsouban Mendan no tame no Nihongo Chyūkyū, We Mean Business: Japanese for Business People, Surie Netto Waku Kabushiki Kaisha.

131096 BIÊN PHIÊN DỊCH – TIẾNG NHẬT (1)

Trang bị và rèn luyện cho người học nắm vững lý luận dịch thuật, kỹ năng dịch thuật với các loại hình dịch thuật khác nhau. Biên Phiên Dịch đặc biệt chú trọng cho người học kỹ năng dịch xuôi, dịch ngược

các loại văn bản ở mức độ cao hơn về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, môi trường, khoa học, vv... Đặc biệt rèn luyện kỹ năng dịch nói trong giao tiếp từ Nhật sang Việt và ngược lại.

Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc dịch, qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bên trong quá trình ứng dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp, ngữ âm giữa hai ngôn ngữ Tiếng Nhật và Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

1. 奥村真希、安河内 貴子 (2014) 『日本語ビジネス文書マニュアル』株式会社アスク出版
2. 奥村真希 釜淵 優子 (2008) 『仕事の日本語』 (電話対応 基礎編) 株式会社アルク

131097 BIÊN PHIÊN DỊCH – TIẾNG NHẬT 2

Tiếp nối Biên phiên dịch tiếng Nhật (1), Biên phiên dịch tiếng Nhật (2) tiếp tục trang bị và rèn luyện cho người học nắm vững lý luận dịch thuật, kỹ năng dịch thuật với các loại hình dịch thuật khác nhau. Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc dịch, qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bên trong quá trình ứng dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp, ngữ âm giữa hai ngôn ngữ Tiếng Nhật và Tiếng Việt. Đồng thời bộ môn này tập trung chủ yếu vào phiên dịch, giúp cho sinh viên thực hành phiên dịch trực tiếp.

Tài liệu tham khảo

1. Maki Okumura, Takako Yasukochi (2007), Nihongo Bijinesu Bunsho Manyuaru, Asuku Shuppan Kabushiki Kaisha.
2. Keisuke Maruyama, Mami Doi, Yuko Iguchi, Kazuko Kuwabara, Masahiro Onuma, Tatsuya Yasui, Ryuko Yokosuka (1999), Nihongo Bijinesu Bunsho no Kakikata, The Japan Times.

131104 NGHE 2 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo giáo trình nghe 1, sinh viên tiếp tục học 60 tiết nghe 2. Sau khi kết thúc, sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thông thường hàng ngày. Sinh viên có thể dự kỳ thi năng lực Nhật ngữ cấp 4.

Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm

và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo

- みんな日本語 Tiếng Nhật dành cho mọi người、3A Corporation, 2002

- 毎日聞き取り 50 50 bài nghe luyện tập mỗi ngày、日本語の凡人社。

楽しく聞こう1 Giáo trình luyện nghe Tanoshikukikou 1

131105 NGHE 3 – TIẾNG NHẬT

Tiếp theo Nghe 2, ở môn nghe 3 sinh viên có thể nghe hiểu và trả lời được những câu sử dụng trong giao tiếp thường ngày. Sinh viên có thể chuẩn bị cho kỳ thi năng lực tiếng Nhật cấp 3. Ngoài việc nghe để làm các bài tập theo yêu cầu mà sách giáo khoa đề ra để kiểm tra độ nghe hiểu của sinh viên, giáo viên còn phải yêu cầu sinh viên nghe và lặp lại để kiểm tra cách phát âm, mức độ nhớ chính xác từ vựng... Bên cạnh đó cần phải chia nhóm và phân vai để sinh viên thực hành được đoạn hội thoại mà sinh viên đã được nghe.

Tài liệu tham khảo

みんな日本語 Tiếng Nhật dành cho mọi người (NXB 3A Corporation, 2002).

毎日聞き取り 50 50 bài nghe mỗi ngày、日本語の凡人社。

楽しく聞こう1 Luyện nghe 1 新文化初級日本語聴解教材、文化外国語専門学校。

132006 VIẾT 1 – TIẾNG HÀN

Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết câu đúng ngữ pháp và hợp lý. Giúp sinh viên phân biệt từ vựng, ngữ pháp phù hợp trong văn viết; cách lập dàn ý và phát triển ý trong một bài viết.

Giáo trình:

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어쓰기1 (Get it Writing), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 서울 대학교 언어교육원, 2010, 한국어 2, [주]문진미디어.

[2] 연세대학교 한국어학당 편, 2009, 연세 한국어 2-1, 연세대학교 출판부.

[3] 연세대학교 한국어 학당, 2009, 100시간 한국어 2, 연세대학교 출판부.

132008 NÓI 2 – TIẾNG HÀN

Môn học nhằm phát triển kỹ năng thực hành giao tiếp tiếng Hàn trình độ sơ cấp dựa trên những chủ đề thân thuộc trong cuộc sống. Với định hướng chú trọng giao tiếp thực dụng, sau khi kết thúc môn học, sinh viên không chỉ tạo được phản xạ nghe nói tiếng Hàn mà còn tiếp thu được các kiến thức xã hội cơ bản cần thiết phù hợp với văn hóa Hàn Quốc.

[1] 이정희, 2014, 경희 한국어2 (Get it Speaking), Hawoo Publishing Inc 출판부.

[2] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 2 (Easy to Speak Korean – Elementary 2), 성균관대학교 출판부.

[3] 국립국어원 (2008), 초급 한국어 말하기 (베트남어판), 한림출판사.

132014 ĐỌC 3 – TIẾNG HÀN

Môn học gồm những bài luyện đọc với nội dung đa dạng phong phú theo chủ đề giúp sinh viên mở rộng vốn từ ở các lĩnh vực khác nhau, nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Hàn với những mẫu câu dài, nhiều thành phần. Thông qua các bài đọc, sinh viên còn nắm bắt được suy nghĩ của người Hàn, có cái nhìn tổng quan về sự khác biệt trong văn hóa ứng xử Hàn – Việt.

Giáo trình

[1] 연세대학교 언어연구교육원, 2009, 연세 한국어 읽기 2 (Yonsei Korean Reading), 연세대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당, 처음 배우는 한국어 읽기 (2급), 2009, 연세대학교출판부.

[2] 국립국어원, 초급 한국어 읽기 (베트남어판), 2008, 한림출판사

132015 VIẾT 3 – TIẾNG HÀN

Là một môn học kết hợp 2 phần dạy ngữ pháp và thực tập viết dựa trên mẫu câu đã học từ các môn chuyên ngành trước đó. Giúp sinh viên viết được những câu ngắn gọn, đúng ngữ pháp theo những chủ đề trình độ trung cấp.

Giáo trình

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어 쓰기3 (Get it Writing), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 서울 대학교 언어교육원, 2009, 한국어 3, [주]문진미디어.
[2] 이화여자대학교 언어교육원, 2009, 유학생을 위한 대학한국어 3, 이화여자대학교 출판부.
[3] 연세대학교 한국어학당 편, 2009, 연세 한국어 3-1, 연세대학교 출판부.

132019 ĐỌC 4 – TIẾNG HÀN

Môn học nhằm mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng trình bày suy nghĩ, ý kiến cho sinh viên bằng nhiều dạng biểu hiện câu khác nhau thông qua nhiều chủ đề đọc đa dạng. Thông qua các câu hỏi khởi động trước mỗi bài viết người đọc sẽ học được cách chuẩn bị kiến thức nền cho bản thân trước khi đọc hiểu một vấn đề. Ngoài ra, câu hỏi hiểu bài và bài tập từ vựng giúp người học nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Hàn Quốc mà không cần thông qua quá trình chuyển ngữ nhằm tạo phản xạ cho não bộ.

Giáo trình

[1] 연세대학교 한국어연구교육원, 연세 한국어 읽기 2 (Yonsei Korean Reading), 2009, 연세대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당, 2009, 처음 배우는 한국어 읽기 (2급), 연세대학교출판부.
[2] 국립국어원, 2008, 초급 한국어 읽기 (베트남어판), 한림출판사.

132020 VIẾT 4 – TIẾNG HÀN

Là một môn học kết hợp 2 phần dạy ngữ pháp và thực tập viết dựa trên mẫu câu vừa học. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phong tục truyền thống; nếp sinh hoạt hằng ngày của người Hàn xưa và nay; cách cảm nhận về thế giới quan và nhân sinh quan qua các câu chuyện về gương danh nhân, quan điểm sống về công việc, cuộc sống gia đình...

Trên cơ sở các bài khóa với nội dung sâu sắc về nhân sinh quan, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý.

Giáo trình:

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어 쓰기4 (Get it Writing), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [2] 서울 대학교 언어교육원, 2010, 한국어 3[주]문진미디어.
[3] 이화여자대학교 언어교육원, 2009, 유학생을 위한 대학한국어 3, 이화여자대학교 출판부.
[4] 연세대학교 한국어학당 편, 2009, 연세 한국어 3-2, 연세대학교 출판부(2009).

132023 NÓI 5 – TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên khả năng hùng biện và giao tiếp trình độ trung cấp 1 giúp sinh viên tăng dần khả năng phản xạ khi giao tiếp với người Hàn. Mỗi bài học bao gồm chủ đề khác nhau giúp sinh viên có thể tiếp cận với các tình huống trong xã hội Hàn Quốc. Mỗi bài học có các cấu trúc ngữ pháp khác nhau giúp sinh viên có thể hiểu được nhiều văn phạm của người Hàn trong giao tiếp.

Giáo trình

[1] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 5 (Easy to Speak Korean – Intermediate 5), 성균관대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어 뉴시리즈 3A, 서강대학교 출판부.
[2] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 3, 성균관대학교 출판부.
[3] 서울대학교 언어교육원 (2015), 서울대 한국어 3A, 서울대학교 출판부.

132025 ĐỌC 5 - TIẾNG HÀN

Môn học nhằm mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng trình bày suy nghĩ, ý kiến cho sinh viên bằng nhiều dạng biểu hiện câu khác nhau thông qua nhiều chủ đề đọc đa dạng trình độ trung cấp. Thông qua các câu hỏi khởi động trước mỗi bài viết người đọc sẽ học được cách chuẩn bị kiến thức nền cho bản thân trước khi đọc hiểu một vấn đề. Ngoài ra, câu hỏi hiểu bài và bài tập từ vựng giúp người học nâng cao khả năng đọc hiểu tiếng Hàn Quốc mà không cần thông qua quá trình chuyển ngữ nhằm tạo phân xạ cho não bộ.

Giáo trình

[1] 연세대학교 한국어학당 편 (2010), 연세 한국어 읽기 3, 연세대학교 대학출판문화원.

Tài liệu tham khảo

- [1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당 (2009), 처음 배우는 한국어 읽기 (3급), 연세대학교 출판부.
- [2] 강보선·오은정·오지숙·이재섭 (2006), 한국어 읽기 교재 마음의 창, KOICA

132028 NÓI 6 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên khả năng phân xạ trong giao tiếp bằng tiếng Hàn cũng như tăng cường khả năng ngữ pháp và nghe nói. Cấu trúc mỗi bài học được sắp xếp hợp lý theo từng chủ đề để sinh viên có thể thảo luận, giúp sinh viên dễ dàng nói theo chủ đề từ đó tăng dần độ khó để sinh viên có thể nâng cao khả năng giao tiếp. Sau mỗi bài học có các phần từ vựng được sắp xếp theo từng chủ đề giúp sinh viên trang bị được vốn từ theo chủ đề dễ dàng.

Giáo trình

[1] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 6 (Easy to Speak Korean – Intermediate 6), 성균관대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어 뉴시리즈 3B, 서강대학교 출판부.
- [2] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 3, 성균관대학교 출판부.

[3] 서울대학교 언어교육원 (2015), 서울대 한국어 3B, 서울대학교 출판부.

132029 ĐỌC 6 – TIẾNG HÀN

Cho sinh viên thực hành đọc hiểu tiếng Hàn, ôn tập lại những kiến thức sinh viên đã thu thập trước đó qua môn Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Hàn 2,3,4,5 thể hiện kiến thức đó qua kỹ năng Đọc. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành việc phát âm chính xác các đơn vị ngôn ngữ theo cấp độ nâng dần: từ, ngữ, câu. Đặc biệt sinh viên thực hành việc chuyển ngữ trọn vẹn theo đúng ngữ pháp, văn hóa đặc trưng của tiếng Hàn.

Giáo trình

[1] 연세대학교 한국어학당 편 (2010), 연세 한국어 읽기 3, 연세대학교 대학출판문화원.

Tài liệu tham khảo

- [1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당 (2009), 처음 배우는 한국어 읽기 (3급), 연세대학교 출판부.
- [2] 강보선·오은정·오지숙·이재섭 (2006), 한국어 읽기 교재 마음의 창, KOICA

132036 NÓI 7 – TIẾNG HÀN

Thông qua việc giao tiếp bằng tiếng Hàn, chúng ta có thể hiểu, cảm nhận được suy nghĩ của người Hàn Quốc. Tuy nhiên để việc giao tiếp ngày càng giỏi hơn điều quan trọng là chúng ta cần phải thường xuyên tiếp xúc với người Hàn Quốc. Những kiến thức được học ở những học kỳ trước là nền tảng quan trọng để có thể tiếp tục nâng cao khả năng giao tiếp. Với giáo trình này môn học cung cấp cho sinh viên những nền tảng về kiến thức xã hội... giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về suy nghĩ và quan điểm sống của người Hàn. Ở cuối những bài học có những bài luyện tập phát âm giúp sinh viên có thể phát âm chuẩn.

Giáo trình

[1] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 7 (Easy to Speak Korean – High intermediate 7), 성균관대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어

뉴시리즈 4A, 서강대학교 출판부.

[2] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 4, 성균관대학교 출판부.

[3] 서울대학교 언어교육원 (2015), 서울대 한국어4A, 서울대학교 출판부.

132047 BIÊN DỊCH VĂN PHÒNG

Môn học là sự tổng hợp kỹ năng đọc-hiểu, đọc-dịch và viết câu, thành lập đoạn văn dựa trên các bài báo, các mẫu hợp đồng, điều lệ...thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Trang bị cho sinh viên nền tảng từ vựng tiếng Hàn hành chính văn phòng, ngữ pháp hành chính và văn phong viết văn bản; khả năng xử lý bản dịch, cách thức sử dụng từ theo tính chất công việc...

Giáo trình

[1] 이기식, 김갑년 (2002), 번역 교육 입문, 고려대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 이계선 (2015), 한국어 - 베트남어 번역능력향상 워크북, 문예림.
- [2] Diệp Quang Ban (2009), Ngữ pháp tiếng Việt tập 2, NXB Giáo dục.
- [3] 이병규 (2005), 외국인을 위한 한국어문법 1, 커뮤니케이션북스

132048 BIÊN DỊCH THƯƠNG MẠI

Môn học này chủ yếu cho sinh viên luyện tập kỹ năng biên dịch tiếng Hàn xoay quanh các chủ đề tiếng Hàn liên quan đến thương mại như: Văn bản hành chính trong thương mại, hợp đồng kinh doanh, thuế quan, giới thiệu sản phẩm, các loại báo cáo về chất lượng sản phẩm, xuất kho, nhập kho, khảo sát thị trường, nhận điện thoại, chuyển cuộc gọi... Xử lý các văn bản, câu chữ, hình thức sử dụng câu, từ phù hợp trong từng bối cảnh.

Giáo trình

Giáo viên tự biên soạn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thị Sao Ly, 2018, Tự học tiếng Hàn giao tiếp thương mại, NXB Hồng Đức.
- [2] Lee Mi Hey, 2018, Cẩm nang tiếng Hàn trong giao tiếp thương mại - Tập 1,2, NXB ĐẠI HỌC

QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

132049 KỸ NĂNG PHIÊN DỊCH TIẾNG HÀN

Môn học giúp người học biết cách nâng cao khả năng tập trung, ghi nhớ ngắn/dài hạn, kỹ năng tốc ký khoa học, logic..., kỹ năng thuyết trình và các kỹ năng xử lý các tình huống phiên dịch thường hay gặp trên thực tế. Đồng thời, nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, tăng cường phản xạ bất dịch trôi chảy. Nắm bắt, mở rộng vốn từ chuyên ngành, các cấu trúc ngữ pháp cố định và cấu trúc khó dễ gặp phải khi dịch...

Giáo trình

- [1] Nguyễn Quốc Hùng (2007), Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh, NXB Tổng hợp TP. HCM.
- [2] Lê Huy Khoa (2017), 1200 câu luyện dịch tiếng Hàn Quốc, NXB Tổng hợp TP. HCM.

Tài liệu tham khảo

- [1] Diệp Quang Ban (2009), Ngữ pháp tiếng Việt tập 2, NXB Giáo dục.
- [2] 이병규 (2005), 외국인을 위한 한국어문법 1, 커뮤니케이션북스
- [3] 스케하라세이코 (2002), 통역의 현장에서, 종합출판부

132055 ĐỌC 2 - TIẾNG HÀN

Môn học giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng đọc hiểu tiếng hàn cơ bản. Sinh viên vận dụng kiến thức này vào việc đọc hiểu những thông tin đơn giản trong các tài liệu ngắn như các bản tin, các bài tùy bút, các đoạn trích ngắn từ các bài báo với chủ đề đa dạng cũng như các bài hội thoại giao tiếp thông thường. Bên cạnh đó môn học còn nâng cao vốn từ vựng, ngữ pháp, là môn học hỗ trợ chính giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết tiếng Hàn.

Giáo trình

- [1] 연세 한국어교육원, 2009, 연세 한국어 읽기 1 (Yonsei Korean Reading), 연세대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당, 처음 배우는 한국어 읽기 (2급), 2009, 연세대학교출판부
- [2] 국립국어원 (2008), 초급 한국어 읽기

(베트남어판), 한림출판사

132059 NGŨ PHÁP 1 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể mô tả, trình bày suy nghĩ cơ bản của bản thân về người, vật, việc xung quanh. Hiểu và lý giải được ngữ nghĩa câu từ tương đương giữa tiếng Hàn và tiếng Việt trong những tình huống cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- [1]연세대학교 한국어학당 편, 2009, 연세 한국어 1-1, 연세대학교 출판부.
- [2]서울 대학교 언어교육원, 2010, 서울 한국어 1, [주]문진미디어
- [3]경희 언어교육원, 경희 한국어 문법1, Hawoo Publishing

132064 NGŨ PHÁP 2 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về trật tự câu, ngữ pháp sơ cấp tiếng Hàn giai đoạn hai, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào đặt câu, viết đoạn văn đơn giản xoay quanh các chủ đề thông thường hằng ngày.

Giáo trình

- [1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어문법2 (Get it Grammar), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] [주]문진미디어, 2008, 한국어 1, 서울 대학교 언어교육원.
- [2] 이화여자대학교 언어교육원, 2009, 유학생을 위한 대학한국어 1, 이화여자대학교 출판부
- [3] 연세대학교 한국어학당 편, 2010, 연세 한국어 1-2, 연세대학교 출판부

132074 NGŨ PHÁP 4 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về trật tự câu, ngữ pháp tiếng Hàn trình độ trung cấp, cung cấp những mẫu ngữ pháp phức tạp hơn giúp sinh viên mở rộng kỹ năng đọc hiểu, phân tích ngữ nghĩa câu phức. Thông qua môn học này sinh viên có thể viết được những câu văn dài thành thạo, chính xác.

Giáo trình

- [1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어문법4 (Get it Grammar), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] [주]문진미디어, 2008, 한국어 2, 서울 대학교 언어교육원.
- [2] 이화여자대학교 언어교육원, 2009, 유학생을 위한 대학한국어 2, 이화여자대학교 출판부
- [3] 연세대학교 한국어학당 편, 2010, 연세 한국어 2-2, 연세대학교 출판부.

132080 NGHE NÓI 1 – TIẾNG HÀN

Giới thiệu bản chữ cái tiếng Hàn – Hangeul, cách phát âm, trật tự câu từ, thành lập câu...tạo nền tảng ngôn ngữ giúp sinh viên hội thoại trong các tình huống thực tế, tạo phản xạ giúp cho sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói. Ngoài ra môn học còn lồng ghép vào các bài hội thoại kiến thức đa dạng về văn hóa, tạo hiểu biết cơ bản về văn hóa, con người Hàn Quốc một cách gần gũi và tự nhiên.

Tài liệu tham khảo

- [1] 국립국어원 (2008), 초급 한국어 말하기 (베트남어판), 한림출판사.
- [2] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어 뉴시리즈 1A, 서강대학교 출판부.
- [3] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 1, 성균관대학교 출판부.

132082 ĐẤT NƯỚC HỌC HÀN QUỐC

Môn học Đất nước học Hàn Quốc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, địa lý dân cư và thể chế xã hội Hàn Quốc. Đây là môn học tổng quan không thể thiếu đối với sinh viên ngành Hàn Quốc học.

Kết thúc môn học, sinh viên có thể hiểu biết về tiến trình lịch sử Hàn Quốc từ nguồn gốc đến hiện tại, sự đa dạng và phong phú của nền văn hóa Hàn, nhận biết được các yếu tố vị trí địa lý và dân cư đã có tác động như thế nào đối với sự phát triển của xã hội Hàn Quốc.

Giáo trình

[1] 박성준·이선이 (2011), 외국인을 위한 한국의 역사와 문화, 한국문화사.

Tài liệu tham khảo

[1] 법무부 출입국·외국인정책본부 (2012), 한국사회 이해 (ebook), 법무부 출입국·외국인정책본부.

[2] 신형식, 알기쉬운 한국사 (영어판) (2010), 해외한민족교육진흥회 출판부.

[3] Trung tâm Quảng bá Văn hóa hải ngoại Hàn Quốc (2009) – Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hàn Quốc Đất nước Con người.

132083 NGHE 4 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp vốn từ vựng phong phú liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau trong cuộc sống, giúp sinh viên nhớ lâu và áp dụng có hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, thông qua các mẫu hội thoại, các đoạn thông báo trên các phương tiện công cộng môn học còn giúp sinh viên tiếp cận với văn hóa sinh hoạt đời thường của người Hàn.

Giáo trình

[1] 이정희, 2014, 경희 한국어3 (Get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 부산외국어대학교 한국어교육센터 우형식·조위수·박성경, 쉽게 배우는 한국어 초급 듣기·말하기, 2008, 랭기지플러스

[2] 을 한국어 아카데미, 귀에 쓱쓱 들어오는 생생한국어 듣기 초급 코스, 2007, 랭기지플러스 (잉글리쉬하우스)

132085 TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI

Môn học được chia làm 3 chủ đề chính là văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc, các thuật ngữ chuyên ngành và những mẫu báo kinh tế nhằm giúp sinh viên giai đoạn đầu trung cấp làm quen với các thể loại từ vựng, văn bản chuyên ngành khác nhau một cách có hệ thống. Trang bị các từ chuyên môn về tiếng Hàn trong lĩnh vực thương mại, cũng như kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ tiếng Hàn chuyên ngành cần thiết cho sinh viên khi làm việc tại một doanh nghiệp Hàn Quốc trong và ngoài nước.

Giáo trình

[1] Nguyễn Hoàng Kim Ngân (2015), 비즈니스 한국어, Tài liệu biên soạn lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[1] 연세대학교 한국어학당 (2009), 비즈니스 한국어, 연세대학교 출판부

[2] 이관식·정행·홍성훈·최세이·후민교 (2012), 유학생을 위한 경영·무역 한국어, 도서 출판 박이정

132086 NGHE 5 – TIẾNG HÀN

Môn học giúp sinh viên thực hành nghe tiếng Hàn, ôn tập lại những kiến thức sinh viên đã thu thập qua các môn học từ các học kỳ trước qua các bài nghe với chủ đề đa dạng. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành việc nghe và phân biệt các đơn vị ngôn ngữ theo cấp độ nâng dần: từ, ngữ, câu. Đặc biệt sinh viên thực hành việc nghe các đoạn văn, tin tức... theo đúng ngữ điệu, “nhạc điệu” đặc trưng của tiếng Hàn.

Giáo trình

[1] 이정희, 경희 한국어5 (2014 – get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 서울 한국어 아카데미, 귀에 쓱쓱 들어오는 생생한국어 듣기 중급 코스, 2007, 랭기지플러스 (잉글리쉬하우스)

[2] 이화여자대학교 언어교육원, 이화 한국어 3-1, 2010, 이화여자대학교 출판부.

132087 NGHE 6 – TIẾNG HÀN

Cung cấp cho sinh viên khả năng nghe các bài, đoạn hội thoại trong những tình huống, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Với giáo trình này môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp được sử dụng trong cuộc sống giao tiếp hằng ngày. Quá trình học năm 1, 2 sẽ làm nền tảng cho quá trình học những năm sau này. Cuối những bài học sẽ cung cấp cho sinh viên những bài đọc về cuộc sống sinh hoạt văn hóa của Hàn Quốc.

Giáo trình

[1] 이정희, 경희 한국어6 (2014 – get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 서울 한국어 아카데미, 귀에 쓱쓱 들어오는 생생한국어 듣기 중급 코스, 2007, 랭기지플러스 (잉글리쉬하우스)

[2] 이화여자대학교 언어교육원, 이화 한국어 3-1, 2010, 이화여자대학교 출판부.

132089 NHÂN HỌC – VĂN HÓA - XÃ HỘI HÀN QUỐC

Môn Nhân học – Văn hóa – Xã hội Hàn Quốc trang bị cho sinh viên ngành Hàn Quốc học những kiến thức cơ bản về tính cách con người, bản sắc riêng của nền văn hóa và tổ chức xã hội đất nước Hàn Quốc. Học xong môn này, sinh viên có thể hiểu biết thêm về tính cách dân tộc Hàn, tính tôn ty trật tự bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Nho giáo, bản sắc văn hóa hơn 4000 năm phát triển và đặc điểm cấu trúc xã hội Hàn Quốc, biết lý giải những đặc điểm của nền văn hóa và xã hội dân tộc Hàn.

Giáo trình

[1] 한국학 교재편찬위원회, 2012, 현대 한국의 사회- 베트남어판, 서울대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] Kwon Ki Jung, Son Byung-giu, Lee Sung-im, Kim Kyung Ran (Trần Hữu Yến Loan, Nguyễn Thị Hiền dịch), 2013, Yang ban - tầng lớp cai trị trong xã hội truyền thống, Korea Foundation.

[2] Kim Dong Teak (Luu Thị Tố Lan dịch), 2013, Hàn Quốc trên đường đến cận đại, Korea Foundation.

[3] Viện Nghiên Cứu Đông Bắc Á <http://www.inas.gov.vn/> (Center of Korean studies)

132092 VĂN HÓA VÀ LỊCH SỬ HÀN QUỐC

Văn hóa và lịch sử Hàn Quốc cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về lịch sử Hàn Quốc từ thời lập quốc đến lịch sử cận đại song song với sự thay đổi của thời đại người học sẽ được cảm nhận những giá trị văn hóa mà lịch sử đã để lại cho Triều Tiên nói chung và Đại Hàn dân quốc nói riêng.

Tài liệu tham khảo

[1] Văn hóa và lịch sử Hàn Quốc (한국사교양교재편찬위원회(2010), “한국의

역사와 문화”, 강원대학교 출판부)

[2] Kwon Young Min, Yang Seung Gook(2010) “Giáo trình văn hóa Hàn Quốc dành cho người nước ngoài”, NXB Beautiful Korean School.

132095 THỰC HÀNH TIẾNG HÀN 1

Môn học giúp các em sinh viên có cơ hội được ôn tập, thực hành những kiến thức ngữ pháp sơ cấp đã được học trước đây. Qua đó cung cấp những kiến thức cơ bản về việc sử dụng ngữ pháp, cách sắp xếp trật tự câu cũng như cách hành văn nhằm giúp các em sinh viên có thể đặt câu, viết đoạn văn đơn giản xoay quanh các chủ đề cuộc sống hàng ngày. Từ nền tảng đó, các em sẽ hoàn thiện hơn bộ kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Hàn của mình.

Tài liệu tham khảo

[1] 경희 언어교육원, 경희 한국어문법1 (Get it Grammar), 2014, Hawoo Publishing Inc 출판부.s

132096 ĐỌC 1 – TIẾNG HÀN

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái tiếng Hàn, từ vựng sơ cấp liên quan đến cuộc sống hàng ngày, phục vụ thực hành kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn cơ bản. Bước đầu hướng sinh viên vào việc đọc viết câu ngắn, đọc hiểu những thông tin đơn giản trong các tài liệu thường gặp, những hội thoại giao tiếp thông thường theo chủ đề trình độ sơ cấp.

Giáo trình

[1] 연세대학교 한국어교육원, 연세 한국어 읽기 1 (2009 - Yonsei Korean Reading), 연세대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 연세대학교 언어연구교육원 한국어학당, 처음 배우는 한국어 읽기 (1급), 2009, 연세대학교출판부

[1] 국립국어원, 초급 한국어 읽기 (베트남어판), 2008, 한림출판사

132097 ÂM HÁN VÀ TIẾNG HÀN

Từ vựng Hàn Quốc tiếng Hàn chiếm một phần tương đối trong hệ thống từ vựng Hàn Quốc, có phát âm và ngữ nghĩa tương đối giống với tiếng Việt. Môn học Âm Hán và tiếng Hàn tạo cách thức tiếp cận, làm giàu vốn từ vựng cho người học một cách sinh động và thú vị hơn. Ngoài ra còn hướng người học cách

suy nghĩ, đoán nghĩa từ từ nghĩa gốc Hán.

Tài liệu tham khảo

- [1] 박수민 · 강현구, 2014, 기적의 한자 학습 · 그림으로 기억하는 한자 1, 길벗스쿨
- [2] 박수민 · 강현구, 2014, 기적의 한자 학습 · 부수로 배우는 한자 1, 길벗스쿨

132098 NGHE 2 – TIẾNG HÀN

Môn học xây dựng nhằm phát triển kỹ năng nghe hiểu tiếng Hàn cho sinh viên trình độ sơ cấp. Thông qua các bài hội thoại, thông báo về những đề tài thân thuộc như hỏi đường, đi bệnh viện, gặp gỡ bạn bè, hướng dẫn sử dụng xe buýt, thư viện... môn học vừa cung cấp từ vựng, vừa cung cấp tình huống giúp sinh viên nghe hiểu nhanh tiếng Hàn một cách tự nhiên.

Tài liệu tham khảo:

- [1] 이정희, 2014, 경희 한국어2 (Get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부.
- [2] 국립국어원 (2008), 초급 한국어 듣기 (베트남어판), 한림출판사
- [3] 서울 한국어 아카데미 (2007), 귀에 쓱쓱 들어오는 생생한국어 듣기 초급 코스, 랭기지플러스 (잉글리쉬하우스)

132099 NGỮ PHÁP 3 – TIẾNG HÀN

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về trật tự câu, ngữ pháp tiếng Hàn trình độ đầu trung cấp, cung cấp những mẫu ngữ pháp phức tạp hơn giúp sinh viên mở rộng kỹ năng đọc hiểu, phân tích ngữ nghĩa câu phức. Thông qua môn học này sinh viên có thể viết được những câu văn dài thành thạo, chính xác.

Giáo trình

- [1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어문법3 (Get it Grammar), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo

- [1] [주]문진미디어, 2008, 한국어 2, 서울 대학교 언어교육원.
- [2] 이화여자대학교 언어교육원, 2009, 유학생을 위한 대학한국어 2, 이화여자대학교 출판부

- [3] 연세대학교 한국어학당 편, 2010, 연세 한국어 2-1, 연세대학교 출판부.

132100 NGHE 3 – TIẾNG HÀN

Môn Nghe 3 – tiếng Hàn lấy giáo trình ‘경희 한국어 듣기3’ làm chủ đạo với những bài nghe đơn giản được biên soạn dưới dạng hội thoại 2 người hoặc bản tin thời sự hay đoạn văn miêu tả.

Qua các bài nghe chọn lọc, giáo trình giúp sinh viên nhanh chóng làm quen với những mẫu câu đơn giản, linh hoạt có thể nhanh chóng áp dụng trong cuộc sống hàng ngày. Giúp sinh viên học được cách dùng từ phù hợp với giao tiếp cũng như cách dùng từ phù hợp với văn phong hành chính.

Tài liệu tham khảo:

- [1] 이정희, 2014, 경희 한국어3 (Get it Listening), Hawoo Publishing Inc 출판부.
- [2] 부산외국어대학교 한국어교육센터 우형식·조위수·박성경, 쉽게 배우는 한국어 초급 듣기·말하기, 2008, 랭기지플러스
- [3] 올 한국어 아카데미, 귀에 쓱쓱 들어오는 생생한국어 듣기 초급 코스, 2007, 랭기지플러스 (잉글리쉬하우스)

132103 NÓI 3 – TIẾNG HÀN

Nhằm để giúp phát triển những kỹ năng nói cho sinh viên về các tình huống trong thực tế, cũng như trong đời sống nội dung chính của mỗi bài học đều dựa trên những tình huống đối thoại hằng ngày. Danh sách những từ mới được đưa ra ở mỗi phần kết thúc của đoạn hội thoại chính. Ngoài ra những từ vựng mới còn có trong phần ngữ pháp và cách diễn đạt. Những từ này sẽ được sử dụng từ đầu đến cuối trong mỗi bài học nhằm giúp tăng cường khả năng vốn từ đa dạng cho sinh viên khi học.

Giáo trình

- [1] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 3 (Easy to Speak Korean – High Elementary 3), 성균관대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo:

- [1] 국립국어원 (2008), 초급 한국어 말하기

(베트남어판), 한림출판사.

[2] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어 뉴시리즈 2A, 서강대학교 출판부.

[3] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 2, 성균관대학교 출판부.

[4] 서울대학교 언어교육원 (2015), 서울대 한국어 2A, 서울대학교 출판부.

132104 NÓI 4 – TIẾNG HÀN

Môn này cung cấp cho sinh viên những bài hội thoại nhằm giúp phát triển những kỹ năng nói trung cấp về các tình huống trong thực tế cũng như trong đời sống. Nội dung chính của mỗi bài được dựa trên những tình huống đối thoại hằng ngày, nhưng cách diễn đạt là trình độ cao. Danh sách những từ mới được đưa ra ở mỗi phần kết thúc của đoạn hội thoại chính, ngoài ra những từ vựng mới còn có trong phần ngữ pháp và cách diễn đạt. Riêng bài luyện tập, câu hỏi được đưa ra ở phần từ vựng. Những từ này sẽ được sử dụng từ đầu đến cuối trong mỗi bài học nhằm giúp tăng **cuồng khả năng vốn từ đa dạng cho sinh viên.**

Giáo trình

[1] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2010), 말하기 쉬운 한국어 4 (Easy to Speak Korean – High Elementary 4), 성균관대학교 출판부.

Tài liệu tham khảo

[1] 서강대학교 한국어교육원 (2008), 서강 한국어 뉴시리즈 2B, 서강대학교 출판부.

[2] 성균어학원 한국어교재 편찬위원회 (2005), 배우기 쉬운 한국어 2, 성균관대학교 출판부.

[3] 서울대학교 언어교육원 (2015), 서울대 한국어 2B, 서울대학교 출판부.

132105 VIẾT 2 – TIẾNG HÀN

Là một môn học lý thuyết và thực hành kỹ năng viết dựa trên những điểm ngữ pháp đã học trước đó. Tạo cho sinh viên thói quen xây dựng và phát triển ý tưởng trước khi bắt tay vào viết một đoạn văn trên 300 chữ. Giúp sinh viên phân biệt văn nói và văn viết trong việc viết một văn bản đúng quy cách.

Giáo trình

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어 쓰기2 (Get it Writing), Hawoo Publishing Inc 출판부.

Tài liệu tham khảo:

[1] 서울 대학교 언어교육원, 2010, 서울 한국어 2, [주]문진미디어, 2010

[2] 연세대학교 한국어학당 편(2009), 연세 한국어 2-2, 연세대학교 출판부.

[3] 연세대학교 한국어 학당, 2009, 100시간 한국어 2, 연세대학교 출판부.

132106 THỰC HÀNH TIẾNG HÀN 2

Môn học Thực hành tiếng Hàn 2 dành cho sinh viên năm thứ ba ngành Hàn Quốc học, giúp cho sinh viên luyện tập những ngữ pháp đã được học trong môn Ngữ pháp 1,2,3,4 thông qua việc thực hành vận dụng ngữ pháp. Ngoài ra, việc thực hành các cấu trúc ngữ pháp giúp cho sinh viên nắm chắc được ngữ pháp đã học, tiếp thu thêm những ngữ pháp mới, hiểu và phân biệt được các cấu trúc ngữ pháp sơ cấp, trung cấp hoặc cao cấp có cùng ý nghĩa trong tiếng Hàn cũng như ngữ cảnh áp dụng ngữ pháp đó. Từ đó, sinh viên sẽ được củng cố thêm kiến thức tiếng Hàn về mặt ngữ pháp và hoàn thiện hơn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Hàn.

Giáo trình

[1] Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1 (Giáo viên tự biên soạn)

Tài liệu tham khảo

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어문법2 (Get it Grammar), Hawoo Publishing Inc 출판부.

132107 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VĂN HÓA VIỆT NAM CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Môn học giới thiệu về văn hóa Việt Nam, cung cấp kiến thức đúng đắn, lý giải thích hợp về văn hóa của người Việt từ góc nhìn của người nước ngoài. Trình bày phương pháp giảng dạy tiếng Việt qua các bài học văn hóa thích hợp và hướng dẫn người học xây dựng bài giảng tiếng Việt phù hợp trình độ người học từ tài nguyên văn hóa Việt Nam như: thơ, truyện ngụ ngôn, phim ảnh, quảng cáo, báo chí v.v...

Tài liệu tham khảo

[1] Giáo trình giảng dạy do giảng viên biên soạn

[2] PGS.TS Trần Thị Thu Lương, 2016, Đặc trưng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc, NXB Chính trị Quốc gia.

[3] Trần Ngọc Thêm, 2010, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục.

132109 THỰC HÀNH TIẾNG HÀN 3

Môn học giúp sinh viên củng cố và hệ thống lại kiến thức các kỹ năng quan trọng của tiếng Hàn trình độ trung cấp. Đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Nội dung bài học phong phú kết hợp câu hỏi hiểu bài, bài tập từ vựng đa dạng với nhiều chủ đề giúp người học nâng cao vốn từ, nâng cao khả năng đọc hiểu cũng như tăng cường khả năng nghe hiểu.

Giáo trình:

[1] Cho Hang Rok - Lee Mi Hye - Lê Đăng Hoan (2009), Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (trung cấp 3), NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc.

Tài liệu tham khảo

[1] Cho Hang Rok - Lee Mi Hye - Lê Đăng Hoan (2009), Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (trung cấp 3) – Sách bài tập, NXB Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc.

[2] 연세대학교 한국어학당 편 (2010), 연세 한국어 읽기 4, 연세대학교 대학출판문화원.

132110 THỰC HÀNH TIẾNG HÀN 4

Môn học được thành hai phần chính đó là kỹ năng nghe và kỹ năng viết. Nội dung bám sát với đề thi năng lực tiếng Hàn 2 (TOPIK II). Đối với kỹ năng nghe, môn học giúp sinh viên hiểu được các loại hình câu hỏi của đề thi nghe TOPIK II thông qua đó giúp sinh viên có thể hiểu được phương pháp làm bài theo từng loại hình câu hỏi từ khó đến dễ. Đối với kỹ năng viết, môn học giúp cho sinh viên biết cách viết câu theo từng đoạn văn, biết cách sử dụng từ vựng và ngữ pháp trung cấp hợp lý trong từng ngữ cảnh. Hơn nữa, môn học cung cấp từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để sinh viên có thể phân tích biểu đồ bằng tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo

[1] 경희 언어교육원, 2014, 경희 한국어문법 5 (get it grammar), Hawoo Publishing Inc 출판부.

[2] 서강대학교 국제문화교육, 2015, 서강 쓰기 3&4, 국제문화교육원 출판부

[3] 연세대학교, 2016, 연세 토픽 II 듣기 유형과

실전, 연세대학교 출판부

[4] 토픽 시험 중-고급

133004 VIẾT 1 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 1 dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của kỹ năng phát âm; Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu (dấu) và ghép vần; Quy tắc bút thuận, đếm nét, học và viết theo bộ; Các câu nói thường dùng trong lớp; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: Hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- 汉语教程 (一), 彭志平主编, 北京大学出版社, 1990年
- Giáo trình Hán ngữ (quyển 1), Bành Chí Bình chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 1990

133008 VIẾT 2 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 2 chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng viết lồng ghép với kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên nắm được các chủ đề như: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau...; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu; Các phần ngữ pháp cơ bản; Cách viết bút thuận và bộ thủ của chữ Hán. Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- 汉语教程 (二), , 彭志平主编, 北京语言大学出版社, 1992
- Giáo trình Hán ngữ (quyển 2), Bành Chí Bình chủ biên, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 1992

133010 NGHE 3 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện

khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường. Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo

- 汉语听力教程（第二册），胡波，杨雪梅主编，北京师范大学出版社，1999
- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (tập 2), Hồ Ba, Dương Tuyết Mai chủ biên, NXB ĐHSP Bắc Kinh, Năm 1999

133012 VIẾT 3 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 3 chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng viết lòng ghép với kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên nắm được các chủ đề như: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, tình hình giao thông, các mùa trong năm, đi mua sắm...; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu; Các phần ngữ pháp cơ bản; Tập viết một đoạn văn ngắn hoặc kể lại một câu chuyện đã nghe...

Tài liệu tham khảo

- 汉语教程（三）,彭志平主编，北京语言文化大学出版社，1990年
- Giáo trình Đọc hiểu (quyển 3), Bành Chí Bình chủ biên, nhà xuất bản Trường Đại học văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2003

133016 – NHÂN HỌC – VĂN HÓA – XÃ HỘI TRUNG QUỐC

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về những vấn đề về Xã hội bao gồm các chính sách cơ bản về an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tận dụng các nguồn lợi từ tài nguyên thiên nhiên... ; văn hóa Trung Quốc với những tư tưởng truyền thống; Tôn giáo và các phong tục truyền thống của người Trung Quốc xưa và nay; tổng quan về văn học văn chương Trung Quốc.

Đây là môn học được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng, thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên trên lĩnh vực Văn hóa - Xã hội và con người

của Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

1. 肖立: 《中国概况教程》，北京大学出版社，2008年。
2. 韩鉴堂: 《中国文化》，北京语言大学出版社，2004年。

133018 NGHE 4 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường. Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.:

Tài liệu tham khảo:

- 初级汉语听力（二）胡波、杨雪梅主编，北京大学出版社，2006年
- Giáo trình Nghe Hán ngữ sơ cấp (2), Biên Soạn Hồ Ba, Dương Tuyết Mai, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2006

133019 NÓI 4 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ hai (HKII) ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ và những lễ nghi trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được tầm quan trọng về trọng âm trong tiếng Trung Quốc và ý nghĩa khác nhau giữa chúng. Cơ bản hiểu được những lễ nghi trong giao tiếp của người TQ như: làm khách và tiếp khách, từ đó sinh viên có thể so sánh đối chiếu với những lễ nghi làm khách và tiếp khách của người Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng nói. Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản và nói được cả đoạn văn. Giúp sinh viên nắm vững được các từ ngữ thường dùng trong giao tiếp, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như: Sở thích, tặng quà, nhận quà, yêu cầu... Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp và từ đó SV có thể biểu đạt thành đoạn văn dài.

Tài liệu tham khảo

- 戴桂芙 刘立新 李海燕 编着《初级汉语口语（下）》，北京大学出版社，2006年
- Giáo trình Khẩu ngữ Hán ngữ sơ cấp (quyển hạ), Đới Quế Anh, Lưu Lập Tân, Lý Hải Yến chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2006

133020 VIẾT 4 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 4 dành cho sinh viên năm thứ hai ngành Trung Quốc học, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung sâu sắc về nhân sinh quan, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời biết sử dụng cách dùng của một số từ hoặc cụm từ thông dụng.

Tài liệu tham khảo

- 汉语教程（四），彭志平 编着，北京大学出版社，2008年
- Giáo trình Hán ngữ (quyển 4), Bành Chí Bình chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2008

133022 NGHE 5 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường. Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo

- 中级汉语听力（一），李铭起主编，北京大学出版社，2008年
- Giáo trình Nghe hiểu trung cấp (quyển 1), Lý Minh Khải chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2008

133023 NÓI 5 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng vào việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Hoa của sinh viên theo những chủ đề

trong bài học (trình độ trung cấp). Để sinh viên có thể vận dụng tốt trong việc giao tiếp trong xã hội, thảo luận những vấn đề nóng trong xã hội, giải quyết những tình huống trong cuộc sống, giúp SV tự tin hơn trong giao tiếp với người bản xứ. Rèn luyện kỹ năng nói cho SV, nâng cao khả năng biểu đạt tiếng Hán của SV. Giúp SV nắm vững được các điểm ngữ pháp, các mẫu câu và từ ngữ liên quan đến các chủ đề phổ biến xoay quanh cuộc sống như: Lỡ hẹn; tìm đối tượng của giới trẻ ngày nay, bạn có sở thích gì? Tái hôn; Hạnh phúc là gì? Cuộc sống của người già ở trong nước của bạn, Nam nữ bình đẳng; Mâu thuẫn gia đình; Theo bạn nên viết đơn xin việc như thế nào? Chuẩn bị những gì trước khi đi phỏng vấn; Bạn thích tổ chức đám cưới lớn hay nhỏ? Thói quen ăn uống của bạn? Cái gì so với sức khỏe quan trọng hơn? Điểm lợi và hại của việc nuôi động vật trong nhà; Ở thành phố sướng hơn hay là ở nông thôn sướng hơn? Bạn nghĩ sao khi mà hiện nay có rất nhiều người thích đi du học theo phong trào? Nếu bạn có tiền và có thời gian bạn sẽ đi đâu du lịch?... Vận dụng những kiến thức được học ở lớp để có thể tự đọc thêm sách và tự nghiên cứu tốt phần ngữ âm và học thuộc lòng những mẫu câu thường dùng trong giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

- 戴桂芙 刘立新 李海燕 编着《初级汉语口语（下）》，北京大学出版社，2007年
- Giáo trình Khẩu ngữ Hán ngữ sơ cấp (quyển hạ), Đới Quế Anh, Lưu Lập Tân, Lý Hải Yến chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2007

133024 VIẾT 5 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 5 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán.

Tài liệu tham khảo

- 登攀中级汉语教程(1) NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh.2009
- Giáo trình Hán ngữ trung cấp LEO ĐỐC (Quyển 1), Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2009

133025 HÁN NGỮ VĂN PHÒNG

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong công ty, chú trọng rèn kỹ năng giao tiếp trong các tình huống giao dịch tiêu biểu bằng tiếng Trung Quốc, hình thành năng lực đàm phán trong thương mại. Giúp sinh viên tự tin hơn, ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị kỹ năng và phương pháp viết các văn bản, sử dụng thành thạo các thuật ngữ, cấu trúc và mẫu câu tiêu biểu, qua đó hình thành kỹ năng soạn thảo các văn bản thông dụng.

Tài liệu tham khảo:

- 公司汉语, 赵洪琴, 吕文珍 编 北京语言文化大学出版社, 2009
- Giáo trình Hán ngữ công ty, Triệu Hồng Cẩm, Lữ Văn Trân chủ biên, NXB Đại học Văn hóa Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2009
- 《外贸写作》赵洪琴, 吕文珍 编 北京语言文化大学出版社2004年6月
- Giáo trình Viết ngoại thương, Triệu Hồng Cẩm, Lữ Văn Trân chủ biên, NXB Đại học Văn hóa Ngôn ngữ Bắc Kinh, tháng 6 năm 2004

133029 NGHE 6 – TIẾNG TRUNG

Trang bị cho sinh viên nắm vững thông qua các tình huống để mở rộng lượng từ vựng, huấn luyện khả năng nghe hiểu những câu đơn giản và những đoạn hội thoại ngắn, nghe hiểu được các tình huống thông thường. Việc dạy môn học này là một trong những hình thức huấn luyện ngôn ngữ, nhằm giúp người học dần dần nâng cao trình độ tổng thể và cách biểu đạt ngôn ngữ.

Tài liệu tham khảo:

- 中级汉语听力 (二), 李铭起主编, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2006.
- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (2), Lý Minh Khải chủ biên, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2006

133030 NÓI 6 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng vào việc rèn luyện, nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Hoa của sinh viên theo những chủ đề trong bài học (trình độ trung cấp), để sinh viên có thể vận dụng tốt vào trong việc giao tiếp xã hội

hàng ngày, thảo luận những vấn đề phổ biến và những chủ đề nóng trong xã hội, giải quyết những tình huống trong cuộc sống, giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp với người bản xứ. Giúp SV củng cố những từ ngữ giao tiếp mang đậm nét văn hóa dân tộc, có thể thảo luận, tranh luận trình bày quan điểm 1 cách có hệ thống, nhằm mục đích nâng cao khả năng biểu đạt. Giúp SV nắm vững được các điểm ngữ pháp, các mẫu câu và từ ngữ liên quan đến các chủ đề phổ biến xoay quanh cuộc sống như: Trả giá khi mua hàng; thói quen trong ăn uống; dạy nấu ăn; viết thư; du lịch; kỹ thuật chụp hình; tiếp đãi khách mời và tiễn khách... Bên cạnh đó cung cấp một số kiến thức khẩu ngữ trong giao tiếp tiếng Hán cho SV như: Cách sử dụng ngôn từ thăm hỏi, hàn huyên, giới thiệu và tự giới thiệu, hỏi thăm, thỉnh cầu, cảm ơn, xin lỗi.... Giúp SV nắm được kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ khẩu ngữ trong tiếng Hán.

Tài liệu tham khảo:

- 刘德联 刘晓雨 编着 《中级汉语口语 (上) 》, 北京大学出版社, 2007年
- 刘德联 刘晓雨 编着 《中级汉语口语 (下) 》, 北京大学出版社, 2007年

133031 VIẾT 6 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 6 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán.

Tài liệu tham khảo:

- 登攀中级汉语教程(2), 杨寄洲 主编, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 2009
- Giáo trình Hán ngữ trung cấp LEO ĐỐC (quyển 2), Dương Ký Châu chủ biên, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2009

ngữ Bắc Kinh, năm 2009

133032 ĐỌC 6 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 6 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn. Sinh viên nắm được một số kỹ năng đọc hiểu cơ bản như: đọc lướt, đọc nhanh tìm thông tin...

Tài liệu tham khảo

- 汉语阅读教程（二年级、下册），赵冬美主百年主编，NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 1999
- Giáo trình Hán ngữ Đọc hiểu (năm thứ hai, quyển hạ), Triệu Đông Mai chủ biên, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 1999

133036 NÓI 7 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ tư (HK7) ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ Cao cấp bằng một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ.

Tài liệu tham khảo

蔡云凌《准高级汉语口语》（上），北京大学出版社，2004年。

133037 VIẾT 7 – TIẾNG TRUNG

Môn Viết 7 với giáo trình mới, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Các bài khóa với nội dung đa dạng, sinh viên có thể nắm được một lượng thông tin về văn hóa đất nước và con người Trung Quốc, vận dụng những kiến thức đã học để viết lại bài khóa với ngôn ngữ của mình, trả lời những câu hỏi liên quan, và viết những đoạn văn theo một số chủ đề có liên quan đến nội dung bài khóa với những từ trọng điểm hoặc các cấu trúc ngữ pháp gợi ý. Bài tập của phần này xoay quanh các cấu trúc ngữ pháp, cách dùng từ trọng điểm để củng cố thêm nội dung đã học. Sau khi học môn này sinh viên nắm được một lượng từ vựng lớn, hiểu thêm về văn hóa ứng xử của người Trung Quốc. Đồng thời có thể viết

một bài văn miêu tả, thuật lại, phân tích, chứng minh bằng Tiếng Hán. Luyện cách viết bài văn cho sinh viên, giúp sinh viên viết văn theo lối tư duy của người Trung Quốc, học được cách diễn đạt rõ ràng súc tích.

Tài liệu tham khảo

- 桥梁（上），陈灼主编，NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 1999
- Giáo trình QiaoLiang (quyển thượng), Trần Trước chủ biên, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 1999

133057 ĐỌC 4 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 4 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung sâu sắc sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Đọc hiểu sơ cấp tập 1 giáo trình Hán ngữ, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh.
- Giáo trình Đọc hiểu sơ cấp tập 2 giáo trình Hán ngữ, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh.

133058 ĐỌC 5 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 5 cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo

- 汉语阅读教程（二年级、上册），彭志平主编，北京语言大学出版社，1999
- Giáo trình Đọc hiểu Hán ngữ (quyển thượng, năm thứ 2), Bành Chí Bình chủ biên, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 1999

133061 NGHIỆP VỤ THƯ KÝ - TIẾNG TRUNG

Môn học Nghiệp vụ thư ký – tiếng Trung nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nghiệp vụ của người thư ký văn phòng, trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc một cách khoa học, như biết tổ chức nơi làm việc, thu thập, xử lý thông tin, soạn thảo văn bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, ban hành, quản lý văn bản, kỹ năng giao tiếp và công tác lễ tân, công tác tổ chức hội nghị, hội thảo...vv

Tài liệu tham khảo

- Bùi Xuân Lự và các tác giả, Nghiệp vụ thư ký văn phòng và tổ chức, Học viện Hành chính Quốc Gia, Hà Nội. 2002.
- Dương Văn Khâm và các tác giả, Nghiệp vụ thư ký văn phòng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 1997.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, TS. Lương Minh Việt, Giáo trình Nghiệp vụ thư ký, Nhà xuất bản Hà Nội, 2005.

133066 ĐỌC 1 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 1 dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của kỹ năng nhận biết chữ Hán; Bộ thủ; Cách viết chữ Hán; Quy tắc bút thuận, đếm nét, học và viết theo bộ; Các câu nói thường dùng trong lớp; Các câu nói thường dùng trong giao tiếp. Sau khi học xong môn này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về chữ Hán, nắm được một số từ vựng cơ bản.

Tài liệu tham khảo

- 汉语阅读教程（第一册），赵冬梅主编，北京师范大学出版社，1990年
- Giáo trình Hán ngữ Đọc hiểu (quyển 1), Triệu Đông Mai chủ biên, NXB Đại học Sư phạm Bắc Kinh, năm 1990

133068 KHẨU NGỮ HOA VĂN THƯƠNG MẠI

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thương mại hiện đại như là:

- Chào đón đối tác tại sân bay;
- Sắp xếp lịch trình nghỉ ngơi, tham quan công ty;
- Đàm phán trong kinh doanh;
- Phương thức thanh toán trong mậu dịch thương mại quốc tế;
- Vi phạm hợp đồng và đòi bồi thường;
- Tuyển dụng và phỏng vấn...

Nội dung môn học chú trọng dung hòa, kết hợp giữa kiến thức cơ bản, tình huống thực tế (mô phỏng) và kỹ năng ngôn ngữ, giúp người học đồng thời nắm được những tình huống cơ bản thường gặp trong giao dịch thương mại, cũng như cách sử dụng những thuật ngữ tiếng Hoa thương mại, nâng cao khả năng chuyển dịch Hoa – Việt, Việt – Hoa trong giao tiếp thương mại.

Tài liệu tham khảo

- 李瑾：《商务汉语——第一册》，对外经济贸易大学出版社，2010年。

133071 ĐỌC 2 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 2 giúp sinh viên nhận biết được mặt chữ Hán, học thêm các bộ thủ, cách viết chữ Hán. Ngoài ra còn rèn kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên. Trong giai đoạn này sinh viên có thể đọc hiểu một đoạn văn ngắn và phân biệt được các chữ Hán có cách viết giống nhau nhưng nghĩa thì khác nhau. Ngoài ra, sinh viên còn học được cách diễn đạt một đoạn văn theo một chủ đề nhất định, có thể liên hệ với kỹ năng nói và kỹ năng viết.

Tài liệu tham khảo

- 汉语阅读教程（第一、二册），彭志平主编，北京语言大学出版社，1992
- Giáo trình Đọc hiểu Hán ngữ (quyển 2, 3), Bành Chí Bình chủ biên, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 1992

133072 ĐỌC 3 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 3 giúp sinh viên nhận biết được nhiều chữ Hán, học thêm các bộ thủ, cách viết chữ Hán. Ngoài ra còn rèn kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên. Ở đây, sinh viên có thể đọc hiểu một đoạn văn ngắn và phân biệt được các chữ Hán có cách viết giống nhau nhưng nghĩa thì khác nhau, hoặc ghép từ ngữ lại thành một cụm từ, thành một câu hoàn chỉnh, từ đó ghép nhiều câu hoàn chỉnh thành một đoạn văn. Ngoài ra, sinh viên còn học được cách diễn đạt một đoạn văn theo một chủ đề nhất định, có thể liên hệ với kỹ năng nói và kỹ năng viết.

Tài liệu tham khảo

- 《汉语阅读教程》第二、三册，彭志平主编，北京大学出版社，2003.
- Giáo trình Đọc hiểu, do Bành Chí Bình chủ biên, nhà xuất bản Trường Đại học văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2003

133074 NGỮ PHÁP HÁN NGỮ HIỆN ĐẠI

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu tạo từ vựng, cụm từ (đoán ngữ), cấu tạo cụm từ hay đoán ngữ, từ loại, thành phần câu, các loại câu, câu đơn và câu phức. Qua đó rèn luyện được phản xạ nhanh nhạy bên trong quá trình hiểu rõ nắm bắt ý nghĩa diễn đạt trong các câu, tình huống, hội thoại, đoạn văn trong các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có sự so sánh về mặt ngữ pháp giữa hai ngôn ngữ Tiếng Hoa và Tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Ngữ Pháp Tiếng Hoa đại cương, Nhà xuất bản trẻ, xuất bản năm 1994.
- Giáo trình Ngữ pháp Tiếng Hán Hiện đại, NXB Khoa học xã hội, 2006
- Ngữ pháp Tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, 2002.

133075 KỸ NĂNG BIÊN - PHIÊN DỊCH

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan kỹ năng biên phiên dịch từ cơ bản đến nâng cao. Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng, thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên từ cơ bản đến nâng cao trên nhiều lĩnh vực.

Tài liệu tham khảo

万凯艳: 《汉语应用文写作教程》, 华语教学出版社, 2002年

133076 KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về kỹ năng đàm phán trong giao dịch thương mại.

Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng, thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng đàm phán trên lĩnh vực giao dịch thương mại của Trung Quốc và Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- 金一平: 《经贸汉语》, 北京语言大学出版社, 2006年。

133080 ĐỌC 7 – TIẾNG TRUNG

Môn Đọc 7 với giáo trình mới này là giáo trình đọc hiểu báo chí, cung cấp cho người học một lượng từ vựng phong phú, củng cố các cấu trúc ngữ pháp, mở rộng từ, giải thích và hướng dẫn cách dùng một số cụm từ trọng điểm. Trên cơ sở các bài khóa là nội dung những bài báo được đăng trên các tờ báo và tạp chí, sinh viên có thể nắm được cách hành văn trong văn viết, so sánh được với văn nói, các từ ngữ viết tắt, cùng với nội dung phong phú trong các mặt các lĩnh vực, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi liên quan, phán đoán đúng sai nội dung của đoạn văn, chọn đáp án đúng và học được cấu trúc ngữ pháp trọng điểm. Sinh viên chỉ cần đọc hiểu đoạn văn, không cần hiểu hết tất cả các từ trong đoạn văn mà vẫn có thể nắm hết ý toàn đoạn văn.

Tài liệu tham khảo

- 汉语阅读报刊教程 (二年级、上册), 陈田顺主编, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, 1999
- Giáo trình Hán ngữ Đọc hiểu báo chí (năm thứ hai, quyển thượng), Trần Điền Thuận chủ biên, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 1999

133089 CHÍNH ÂM

Trang bị kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Trung và chú trọng rèn luyện kỹ năng phát âm cho sinh viên (năm thứ nhất ngành Trung Quốc học), bao gồm các nội dung sau:

- Bộ máy phát âm và quy tắc phát âm;
- Thanh mẫu, vận mẫu;
- Ghép vần và thanh điệu;
- Biến thanh, khinh thanh và âm cuốn lưỡi;
- Ngữ điệu trong câu.

Tài liệu tham khảo

1. 王若江: 《汉语正音教程》, 北京大学出版社, 2005年。

133114 NÓI 3 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp) dành cho sinh viên năm thứ hai (HKI) ngành Trung Quốc học, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên như: Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản. Giúp sinh viên nắm vững được các, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như: những chữ số trong

đòi sống hằng ngày, cách trung cầu ý kiến người khác, bạn thích uống gì, sở thích, trò chuyện, thời tiết..... Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp hằng ngày.

Tài liệu tham khảo

- 戴桂芙 刘立新 李海燕 编著《初级汉语口语 (上) 》，北京大学出版社，2006年
- 口语入门 汉语入门 (Quyển Thượng), Biên soạn: Đái Quế Phù, Lưu Lập Tân, Lý Hải Yến, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, năm 2006

133115 NHẬP MÔN ĐẤT NƯỚC HỌC TQ – KINH TẾ- LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về những vấn đề về đất nước Trung Quốc như: địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục, ngoại giao....

Đây là môn học được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng, thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng biên phiên trên lĩnh vực Văn hóa - Xã hội và con người của Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

1. 肖立：《中国概况教程》，北京大学出版社，2008年。
2. 韩鉴堂：《中国文化》，北京语言大学出版社，2004年。

133116 NGHIỆP VỤ VI TÍNH VĂN PHÒNG - TIẾNG TRUNG

Môn này cung cấp cho sinh viên 3 nội dung như sau:
Một là, nhận biết và ghi nhớ các từ vựng cơ bản được sử dụng trong bộ công cụ văn phòng Office 2010 bản tiếng Trung (Giản thể) gồm Word, Excel và Powerpoint;

Hai là, các thủ thuật liên quan đến việc biên tập văn bản và tính toán trong bảng tính và trình bày trong trình chiếu;

Ba là, Sinh viên được thực hành trực tiếp để làm các bài tập (tiếng Trung giản thể).

Bên cạnh đó, sinh viên còn được học một số nội dung về sử lý sự cố máy tính thông thường, có thể áp dụng trực tiếp vào công việc văn phòng tại Công ty. Phần này được lồng ghép trong khi giáo viên giảng dạy các học phần OFFICE: MS WORD, MS EXCEL VÀ MS

POWERPOINT.

Tài liệu tham khảo

OFFICE 2010 中文版 《从新手到高手》 魏娟丽 马金忠 主编

133117 NGHE 7 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện cho sinh viên năm thứ tư ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng nghe ở trình độ tiên cao cấp thông qua nội dung nghe các vấn đề văn hóa và xã hội.

Các bài văn có độ khó ở mức tiên cao cấp liên quan đến các vấn đề văn hóa và xã hội.

Giải thích các cụm thành ngữ mới, các chủ điểm ngữ pháp, ngữ dụng và chức năng ngữ dụng

Dạng đề thi HSK ở mức trung cấp

Tài liệu tham khảo

Giáo trình

- 高级汉语听力 (上), 李铭起, 北京语言大学出版社, 2013
- Intermediate chinese : listening & speaking, Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2005
- Đặng Ân Minh và tập thể tác giả, Luyện nghe tiếng Trung Quốc (tập 2), Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (Công ty TNHH Nhân Trí Việt), 2007

133119 NÓI 1 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện dành cho sinh viên năm thứ nhất ngành Trung Quốc học, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Bao gồm: Bộ máy phát âm, Quy tắc phát âm, Các phụ âm, Các nguyên âm, vần, Thanh điệu (dấu) và ghép vần, Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau...., Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu.... Sau khi học xong môn học này sinh viên có được những kiến thức cơ bản về luyện nói tiếng Trung Quốc như: hiểu được nguyên lý về ngữ âm tiếng Trung Quốc, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa ngữ âm tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo:

- 《语会话301句》 Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa từ bài 1 đến bài 11, Ly Ly chủ biên, Nhà xuất bản Trẻ, năm 1992
- Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa từ bài 1 đến bài 11, Ly Ly chủ biên, Nhà xuất bản Trẻ,

năm 1992

- 《初级汉语口语》 Giáo trình Khẩu ngữ Hán ngữ sơ cấp, Nhà Xuất Bản Đại học Bắc Kinh, năm 2006 Giáo trình Khẩu ngữ Hán ngữ sơ cấp, Nhà Xuất Bản Đại học Bắc Kinh, năm 2006.

133120 NGHE 1 – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng khoảng 300 từ. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những mẫu câu trong các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày của người Trung Quốc. Thông qua những đoạn hội thoại này, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, cách biểu đạt những tình huống giao tiếp thông thường trong giai đoạn sơ cấp, cũng như ngữ điệu theo phong cách của người Trung Quốc, làm tiền đề để tiếp tục học lên giai đoạn trung và cao cấp.

Tài liệu tham khảo:

- 《初级汉语听力教程》（第一册），胡波、杨雪梅主编，北京师范大学出版社，1990年
- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (tập 1), Biên Soạn Hồ Ba, Dương Tuyết Mai, NXB ĐHSP Bắc Kinh, Năm 1990
- 《轻松汉语-初级汉语听力》（上册），王尧美主编，北京大学出版社，2010年
- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (Quyển Thượng), Vương Diêu Mỹ chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2010

133121 NGHE 2 – TIẾNG TRUNG

Môn học này cung cấp cho sinh viên một lượng từ vựng khoảng 500 từ. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những mẫu câu trong các tình huống giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày của người Trung Quốc. Thông qua những đoạn hội thoại này, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, cách biểu đạt những tình huống giao tiếp thông thường trong giai đoạn sơ cấp, cũng như ngữ điệu theo phong cách của người Trung Quốc, làm tiền đề để tiếp tục học lên giai đoạn trung và cao cấp.

Tài liệu tham khảo:

- 《初级汉语听力教程》（第一册），胡波、杨雪梅主编，北京师范大学出版社，1990年
- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (tập 1), Biên Soạn Hồ Ba, Dương Tuyết Mai, NXB ĐHSP Bắc Kinh, Năm 1990
- 《轻松汉语-初级汉语听力》（上册），王尧美主编，北京大学出版社，2010年

- GT Nghe Hán ngữ sơ cấp (Quyển Thượng), Vương Diêu Mỹ chủ biên, NXB Đại học Bắc Kinh, năm 2010

133122 NÓI 2 – TIẾNG TRUNG

Chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp) dành cho sinh viên năm thứ nhất (HKII) ngành Trung Quốc học, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp (kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp). Dành cho sinh viên năm thứ nhất (HKII) ngành Trung Quốc học, bằng một số chủ điểm xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ. Rèn luyện kỹ năng nói cho sinh viên như: Nói lưu loát một số mẫu câu giao tiếp cơ bản. Giúp sinh viên nắm vững được các điểm ngữ pháp, mẫu câu giao tiếp cơ bản và các từ ngữ liên quan đến các chủ đề hội thoại để mạnh dạn giao tiếp với người khác qua những chủ đề thông dụng như nói về nhu cầu mua sắm, giải trí, ăn uống, đi lại, đón tiếp, chiêu đãi... Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào chủ điểm hội thoại và trong giao tiếp hằng ngày, Tăng cường khả năng tự học, hợp tác và làm việc theo nhóm của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

- 《初级汉语口语》，戴桂英 主编，北京大学出版社，1992.
- Giáo trình Khẩu ngữ Hán ngữ sơ cấp, Đới Quế Anh chủ biên, NXB trường Đại học Bắc Kinh, Năm 1992

133123 HÁN TỰ

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cơ bản về đặc điểm của Hán tự, song song đó cũng hướng dẫn sinh viên cách viết Hán tự, từ đó sinh viên có thể xem đọc và tự viết được Hán tự.

Đồng thời, sinh viên cũng được cung cấp một lượng từ vựng có thể sử dụng trong sinh hoạt thường ngày (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt)

Môn học này chú trọng đến việc rèn luyện khả năng tự viết được Hán tự của sinh viên.

Tài liệu tham khảo:

Tập viết chữ Hán thông dụng, NXB Dân Trí, Phương Linh (chủ biên)

133124 KỸ NĂNG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Môn học này cung cấp cho sinh viên chuyên

ngành Trung Quốc học và Ngôn ngữ Trung Quốc (tiếng Trung Quốc) những kiến thức cơ bản tổng quan về kỹ năng quản trị hành chính nhân sự trong các công ty, xí nghiệp.

Đây là môn học nghiệp vụ được giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc nên sinh viên sẽ được cung cấp một lượng lớn từ vựng, thuật ngữ tiếng Hoa (dưới dạng song ngữ Hoa – Việt) đủ để sinh viên trau dồi kỹ năng quản trị hành chính nhân sự trong các công ty, xí nghiệp có sự dụng Hoa ngữ tại Trung Quốc và Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình

孙世玄: 《人力资源管理实用必备全书》, 清华大学出版社, 2014年

133125 NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH

Môn học được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc những kiến thức cần thiết về kỹ năng thuyết trình từ công tác chuẩn bị đến việc thực hành thuyết trình, ứng biến khi thuyết trình. Qua đó, giúp cho người học hình thành kỹ năng thuyết trình về các nội dung học thuật, các chủ đề cơ bản về văn hóa, du lịch trong quá trình học tập cũng như ngoài xã hội, hình thành thái độ yêu thích thuyết trình, có ý thức ảnh hưởng đến người khác thông qua những nội dung mà mình thuyết trình.

Tài liệu tham khảo

Giáo trình

1. Dương Thị Liễu, Trương Thị Nam Thắng, Phạm Hương Thảo (2013). Kỹ năng thuyết trình. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Tim Hindle, Dương Trí Hiền (2006). Kỹ năng thuyết trình. NXB Tổng hợp TP.HCM.

Tài liệu tham khảo

1. Carmine Gallo (Nguyễn Thọ Nhân dịch) (2010). Bí quyết thuyết trình của Steve Jobs. NXB Tổng hợp TP.HCM.

2. Mai Chánh Cường (2008). Kỹ năng đàm phán và thuyết trình trong kinh doanh. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

3. Nguyễn Tố Lăng (2013). Kỹ thuật viết và thuyết trình. NXB Xây dựng.

4. Khánh Sơn (2001). Thuyết trình diễn thuyết: 101 bí quyết thành công. NXB Thanh Niên.

133126 NGHIỆP VỤ LỄ TÂN NGOẠI GIAO – NV LƯU TRÚ TIẾNG TRUNG

Môn học mô tả tổng quan về hoạt động của Lễ tân ngoại giao cũng như hướng dẫn sinh viên cách tổ chức hoạt động Lễ tân ngoại giao, đặc biệt là thực hiện được một số thao tác nghiệp vụ cơ bản về lễ tân khách sạn, nhà hàng và buồng.

Tài liệu tham khảo:

A. Sách

1. 雅 溼: 《社交礼仪》, 企业管理出版社, 2010年。

B. Tài liệu điện tử:

1. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: nghiệp vụ lễ tân: trình độ cơ bản

133127 HOA VĂN ỨNG DỤNG

Trang bị cho sinh viên những lý luận chung công việc soạn thảo văn bản trong lĩnh vực giao dịch thương mại, công văn hành chính bằng ngôn ngữ Hán. Ngoài phần lý thuyết ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng thực hành viết, cách sử dụng từ ngữ thích hợp trong từng loại văn bản theo đúng văn phong của Trung Quốc. Từ đó giúp sinh viên tự tin hơn trong quá trình làm việc tại các đơn vị có sử dụng tiếng Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

- 《現代實用寫作學》裴顯生, 江蘇教育出版社, 1996年

- Giáo trình Viết thực dụng hiện đại, Bùi Hiền Sinh, NXB Giáo dục Giang Tô, năm 1996

- 《新應用寫作》朱悅雄主編, 廣東高等教育出版社, 2002年

Giáo trình Viết ứng dụng, chủ biên Chu Duyệt Hùng, NXB Giáo dục Cao Đẳng Quảng Đông, năm 2002

- 《中國現代公文寫作原理與方法》周森甲, 知識出版社, 1994年

Nguyên lý và phương pháp Viết Công văn hiện đại TQ, Châu Sâm Giáp, NXB Tri Thức, năm 1994

- 《应用文写作教程》, 刘金同, 清华大学出版社, 2010年

Giáo trình Viết văn Ứng dụng, Lưu Kim Đồng, NXB Đại học Thanh Hoa, năm 2010

133128 NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về du lịch như kiến thức về tuyến điểm du lịch, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, điều kiện phát triển du lịch, khách du lịch, lao động trong du lịch... Đặc biệt, môn học cung cấp những kiến thức, những yêu cầu và những kỹ năng cần thiết cho công tác hướng dẫn

du lịch đối với hướng dẫn viên.

Tài liệu tham khảo:

Giáo trình

1. Nguyễn Trọng Đán và các tác giả, Tổng quan Du lịch, NXB Lao động, 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Huyền Trang, Sổ tay du lịch Việt Nam, NXB Lao động, 2008.

2. Đỗ Thị Ánh Tuyết, Du lịch Việt Nam những điểm đến, NXB Thanh niên, 2006.

3. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo Dục, 2010.

134012 CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Môn học dành cho sinh viên các ngành thuộc khoa Đông Phương, nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết tối thiểu về nền văn hóa dân tộc Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Chu Xuân Diên, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB ĐHQG Thành Phố Hồ Chí Minh, 2008.
- Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 1999.
- Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 2010

134053 PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

Môn học giúp sinh viên nhận thức rõ mục tiêu, đối tượng, cách thức tiến hành giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Môn học còn cung cấp thông tin về một số phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung trên thế giới, có thể vận dụng vào giảng dạy tiếng Việt. Ngoài ra môn học cũng giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc tự thiết kế bài giảng, biết lựa chọn tài liệu dạy ngoài giáo trình, nhận diện lỗi, biết cách soạn bài sửa lỗi hệ thống cho học viên và bước đầu có thể thiết kế chương trình theo nhu cầu của người học.

Giáo trình

[1] Diệp Quang Ban (2008). *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1, 2*. NXB Giáo dục.

[2] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng

Phiến (2001). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thiện Giáp (2008). *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục.

[2] Cao Xuân Hạo (2001). *Tiếng Việt - Văn Việt - Người Việt*. NXB Trẻ.

[3] Bùi Mạnh Hùng (2009). *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Hữu Quỳnh (2001). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách Khoa.

[5] Đoàn Thiện Thuật (1999). *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

135101 LISTENING 1 (NGHE HIỂU 1)

Môn học này cung cấp cho học viên vốn kiến thức tiếng Anh bao gồm từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm thông qua việc thực hành những bài tập nghe liên quan đến những vấn đề cuộc sống hằng ngày như chào hỏi, miêu tả ngoại hình và tính cách, du lịch, mua sắm, dùng bữa tại nhà hàng, xem phim, ngày tháng, trang phục, các vấn đề về sức khỏe, giao thông và các hoạt động giải trí cuối tuần. Môn học cũng giúp học viên phát triển khả năng truyền tải thông tin trong giao tiếp và khả năng tự học và học tập suốt đời thông qua các hoạt động trò chơi, thảo luận nhóm và các bài thực hành hội thoại.

Giáo trình

Lougheed, L. (2003). *Learning to listen 2*. Macmillan.

Tài liệu tham khảo

Cunningham, S., (2013). *Cutting edge (elementary)*. 3rd Ed. Pearson

Richards, J. C., & Gordon, D. (1995). *Tactics for listening 1*. Oxford University Press.

Scanlon, J., (2016). *Q: Skills for success 1 listening and speaking*. 2nd Ed. Oxford University Press

135103 READING 1 (ĐỌC HIỂU 1)

Môn học này giúp sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu thông qua nội dung các bài đọc phong phú và thực tế thuộc nhiều chủ đề khác như nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, môi trường, sức khỏe, sự kiện khoa học, khoa học xã hội, công nghệ, sở thích, thể thao, v.v... Đồng thời môn học này giúp sinh viên ứng dụng các kỹ năng đọc như đọc quét, đọc lướt, tóm tắt ý chính, đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh và kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong việc nắm vững nội dung các bài đọc.

Giáo trình

Malarcher, C., & Janzen, A. (2010). *Reading Challenge 1* (2nd ed.). Compass Publishing.

Tài liệu tham khảo:

1. Naunton, J., & Tulip, M. (2005). *Profile 1*. Oxford: Oxford University Press.
2. Redston, C., & Cunningham, G. (2012). *Face2face Preintermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

135114 WRITING 1 (VIẾT 1)

Môn học Writing 1 cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng viết các mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh để người học có thể viết được các câu tiếng Anh đúng cú pháp và ngữ nghĩa. Ngoài ra học phần Writing 1 còn hướng dẫn người học phương pháp tự học và rèn luyện khả năng viết các loại câu tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua việc giới thiệu các phương pháp tự học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình luyện tập viết tiếng Anh trực tuyến, luyện tập đánh giá và nhận xét bài viết của người học cùng cấp độ theo cặp, nhóm... giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Tài liệu học tập

Folse, K., Muchmore-Vokoun, A., Solomon, E. V., & Reagan, N. (2014). *Great Writing 1: Great Sentences for Great Paragraphs*. Heinle Cengage Learning.

Tài liệu tham khảo

1. Davidson, G. (2003). *Phrases, Clauses and Sentences*. Learners Publishing Pte Ltd.
2. Folse, S.K; Solomon, E.V & Tortorella, D.M. (2008). *Top 10: Great Grammar for Great Writing*. Thomson & Heinle
3. Jones, P.W & Allsop, J. (2005). *Test Your Grammar and Usage for FCE*. Pearson Education Limited and Penguin Longman Publishing
4. Langan, J. (2008). *Exploring Writing: Sentences and Paragraphs*. Mc Graw Hill

135115 PRONUNCIATION 1 (LUYỆN ÂM 1)

Môn học này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh bao gồm nguyên âm, phụ âm, âm cuối, âm tiết, cách nhấn âm trong từ và trong câu, cách thể hiện giọng điệu để thể hiện những chức năng ngôn ngữ khác nhau trong một đoạn hội thoại như nhấn mạnh, hỏi và kiểm tra thông tin, đồng ý hoặc không đồng ý, kể chuyện, hướng dẫn và nêu trích dẫn. Những kiến thức này giúp người học phát âm và thể hiện các khía cạnh giao tiếp của

ngữ âm một cách chính xác. Môn học này đồng thời giúp người học phát triển khả năng làm việc nhóm và cá nhân, cũng như khả năng tự học thông qua các hoạt động như trò chơi về phát âm, hội thoại, hát tiếng Anh và các bài tập về nhà yêu cầu người học tự nghiên cứu.

Giáo trình:

Handcock, M. (2003). *English Pronunciation in Use - Intermediate*. Cambridge University Press

Tài liệu tham khảo:

1. Baker, A. (2006) *Sheep or ship*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Hancock, M. (1996). *Pronunciation games*. Cambridge: Cambridge University Press.

135116 GRAMMAR 1 (NGŨ PHÁP 1)

Học phần Grammar 1 hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan đến các từ loại (parts of speech), chức năng và cách sử dụng chúng để tạo nên các thành phần chính trong câu (sentence elements). Ngoài ra, sinh viên cũng được học về cách phân loại danh từ, các từ hay cụm từ tương đương với danh từ, thì của động từ, chức năng của động từ khiếm khuyết, sự so sánh tính từ và trạng từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, ... nhằm giúp sinh viên áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội vào các ngữ cảnh thực tế, đồng thời thực hiện các công việc dịch thuật (nói, viết) một cách chính xác thông qua việc sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh.

Giáo trình

Rinehart and Winston, H. (2008). *Grammar, Usage, and Mechanics: Language Skills Practice*. Introductory Course. Houghton Mifflin Hart.

Tài liệu tham khảo

1. Raymond, M. (2019). *English Grammar in Use*. 2nd Edition. Cambridge University Press.
2. Robin, T. and Gouzerh (2008). *Intermediate English Grammar for ELS Learners*. McGraw-Hill.

135117 ENGLISH STUDY SKILLS (KỸ NĂNG HỌC TIẾNG ANH)

Môn English Study Skills là môn tiếng Anh được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh, sử dụng tiếng Anh được như tiếng nước ngoài. Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên các phương pháp và kỹ năng học nói chung và cách thức học tiếng Anh nói riêng ở bậc đại học hầu giúp sinh viên đạt được kết quả học tập như mong muốn, có được

kiến thức tổng quát và kỹ năng chuyên môn cần thiết, cũng như thái độ nghề nghiệp đúng đắn trong tương lai.

Môn học sẽ giúp các bạn sinh viên vượt qua được những nỗi sợ rất hợp lý về chuyện thi cử cũng như áp lực học tập, qua đó khám phá ra được một cách học hoàn toàn mới và đầy tích cực, làm nền tảng học tập nói riêng và nghiên cứu về sau.

Tài liệu học tập:

Phong, T. H. A., Vinh, N. A. Q. (2015). *English Study Skills*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Cottrell, S. (2003). *The Study Skills Handbook: 2nd edition*. New York: Palgrave Macmillan.
2. Moore, S., Neville, C., et al. (2010). *The Ultimate Study Skills Handbook*. New York: Open University Press.

135118 SPEAKING 1 (NÓI 1)

Học phần Speaking 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ bao gồm từ vựng, phát âm, các mẫu câu để diễn đạt những chức năng ngôn ngữ khác nhau. Những kiến thức này được giới thiệu trong các bài hội thoại, kết hợp với ngữ liệu minh họa trong các bài nghe về các chủ đề quen thuộc như: *bạn bè, sở thích, con người, hoạt động hằng ngày, gia đình, mua sắm, ẩm thực, quá khứ và tương lai*. Từ những kiến thức này, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói để có thể diễn đạt ý kiến một hiệu quả trong những tình huống giao tiếp thực tế.

Bên cạnh đó, môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc cá nhân, và làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói cá nhân, theo cặp, hoặc theo nhóm mà trong đó sinh viên phải thảo luận và tương tác với nhau trong và trình bày trước lớp những ý kiến của mình.

Giáo trình

Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak now 1*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Jones, L. (2007). *Let's Talk 1*. Cambridge University Press.
2. Richards, J. C., Bycina, D., & Aldcorn, S. B. (1995). *New Person to Person 1: Students' Book 1*. Oxford University Press.

135201 LISTENING 2 (NGHE HIỂU 2)

Môn học này giúp sinh viên củng cố kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã được học ở học phần Listening 1, đồng thời tiếp tục nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập những kỹ năng nghe để nắm bắt ý chính, nghe và so sánh hai đối tượng, xác định nguyên nhân và kết quả của sự việc, nghe suy diễn thông qua những chủ đề quen thuộc về cuộc sống hằng ngày như nói chuyện phiếm, cuối tuần, ngoại hình, bạn qua thư, nhà hàng, tiệc tùng, ngắm cảnh, tình yêu, du lịch, làm thủ tục tại sân bay.

Bên cạnh đó, học phần Listening 2 còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học bằng việc rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, cũng như khả năng làm việc nhóm thông qua những hoạt động như trò chơi, thảo luận nhóm và các bài thực hành hội thoại.

Giáo trình

Lougheed, L. (2003). *Learning to Listen 3*. Thailand: Macmillan Publishers Limited.

Tài liệu tham khảo

1. Cunningham, S., Moor, P. & Crace, A. (2013). *Cutting Edge Pre-intermediate* (3rd edition.). England: Pearson Education Limited
2. Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2016). *English File Pre-intermediate* (3rd edition.). Oxford: Oxford University Press
3. Richards, J. C. (2003). *Developing Tactics for Listening*. New York: Oxford University Press.
4. Richards, J. C., Bycina, D., & Wisniewska, I. (2005). *Person to person 2*. New York: Oxford University Press
5. Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

135202 SPEAKING 2 (NÓI 2)

Học phần Speaking 2 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như bạn bè và gia đình, nhà hàng, sức khỏe, nghề nghiệp, thời gian rảnh, du lịch, phong cách và thời trang và ý kiến. Từ đó người học sẽ trở nên thành thạo và tự tin hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với người khác trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói theo cặp hoặc thảo luận theo nhóm, cũng như kỹ năng tự học thông qua các chương trình học trực tuyến mà qua đó sinh viên có thể ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống thực tế liên quan đến các chủ đề đã học để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak Now 2*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Jones, L. (2007). *Let's Talk 2*. Cambridge University Press.
2. Richards, J. C., Bycina, D., & Aldcorn, S. B. (1995). *New Person to Person 2: Students' Book 2*. Oxford University.

135203 READING 2 (ĐỌC HIỂU 2)

Môn học này tiếp tục giúp sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu ở mức độ intermediate thông qua nội dung các bài đọc phong phú như nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, môi trường, sức khỏe, sự kiện khoa học, khoa học xã hội, công nghệ, sở thích, thể thao, v.v... Đồng thời môn học này giúp sinh viên ứng dụng các kỹ năng đọc, kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội trong việc nắm vững nội dung các bài đọc mang tính thực tế cao. Môn học này cũng giúp ích cho sinh viên phát triển khả năng đọc hiểu phục vụ cho mục đích tự học và nghiên cứu suốt đời.

Giáo trình

Macgillivray, M., & Peters, T. (2009). *Reading for the Real World 2* (2nd ed.). Compass Publishing.

Tài liệu tham khảo

1. Malarche, C., & Janzen, A. (2010). *Reading Challenge 2* (2nd ed.). Compass Publishing.
2. Naunton, J., & Greenan, J. (2005). *Profile 2*. Oxford: Oxford University Press.
3. Redston, C., & Cunningham, G. (2013). *Face2face Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.
4. Scooter, M., & Hall, C. (2014). *New Connection Bring Your English to the Next Level*. Taipei: LiveABC Interactive Corporation.

135204 WRITING 2 (VIẾT 2)

Môn học Writing 2 giúp người học nắm được cấu trúc cơ bản của một đoạn văn, cụ thể qua các loại đoạn văn được hướng dẫn như qui trình, miêu tả,

tường thuật và trình bày quan điểm, từ đó giúp sinh viên truyền đạt ý tưởng hiệu quả qua các đoạn văn. Môn học này cung cấp những hướng dẫn cơ bản và các bài tập mở rộng cùng với các hoạt động về việc viết đoạn văn ở trình độ trung cấp (tương đương B1 trong CEFR). Môn học đáp ứng được nhu cầu của người học trong việc luyện tập ngữ pháp cơ bản, từ vựng, và chính tả thông qua những bài viết mẫu và bài tập thực hành ý nghĩa. Người học cũng sẽ được từng bước luyện tập viết đoạn theo qui trình khoa học và phát triển sản phẩm cuối cùng qua các bài tập đa dạng và thiết thực, giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Folse, K. S., Muchmore-Vokoun, A., & Solomon, E. V. (2019). *Great Writing 2: Great Paragraphs* (4th ed.). CENGAGE Learning

Tài liệu tham khảo

1. Oshima, A & Hogue, A. (2003). *Writing Academic English*. Nha Xuất Ban Tre.
2. Oshima, A & Hogue, A. (2007). *Introduction to Academic Writing*. Mc Graw Hill.
3. Savage, A., & Shafiei, M. (2007). *Effective Academic Writing 1: The Paragraph*. Oxford University Press.

135216 PRONUNCIATION 2 (LUYỆN ÂM 2)

Học phần Pronunciation 2 củng cố cho sinh viên những kiến thức ngữ âm trong học phần Pronunciation 1, đồng thời tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức về các nguyên tắc ngữ âm nâng cao áp dụng trong giao tiếp tiếng Anh như trọng âm, lược bỏ âm, sắp xếp thông tin và ngữ điệu nhằm hỗ trợ người học phát triển kỹ năng nghe, nói tiếng Anh đến trình độ cao cấp. Ngoài ra, môn học này cũng giúp người học phát triển khả năng tự học và học tập suốt đời thông qua các bài tập về nhà yêu cầu người học cần tự nghiên cứu và các hoạt động sử dụng các nguồn tiếng Anh ngoài lớp học như phim tiếng Anh, bài hát tiếng Anh, ...

Giáo trình

Handcock, M. (2003). *English Pronunciation in Use - Advanced*. Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Baker, A. (2006) *Sheep or ship*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. Hancock, M. (1996). *Pronunciation games*. Cambridge: Cambridge University Press.

135217 GRAMMAR 2 (NGŨ PHÁP 2)

Môn học này tiếp tục củng cố và nâng cao kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung, cao cấp thông qua các bài học ngữ pháp về các chủ đề như động từ khiếm khuyết, cấu trúc chủ động bị động, câu điều kiện, cấu trúc nhấn mạnh, câu tường thuật, v.v... để giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cũng như diễn đạt ý tưởng khi viết và nói tiếng Anh một cách chính xác trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

Tài liệu học tập

Raymond, M. (2019). *English Grammar in Use*. 2nd Edition. Cambridge University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Rinehart and Winston, H. (2008). *Grammar, Usage, and Mechanics: Language Skills Practice*. Introductory Course. Houghton Mifflin Hart.
2. Robin, T. and Gouzerh (2008). *Intermediate English Grammar for ELS Learners*. McGraw-Hill.

135312 LISTENING 3 (NGHE HIỂU 3)

Ở học phần này, sinh viên được củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Nghe 1, Nghe 2 và bắt đầu tiếp cận nhiều kỹ năng nghe tiếng Anh khác nhau ở mức độ pre-intermediate (tiền trung cấp), đòi hỏi khả năng ghi nhớ thông tin nhiều hơn. Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính, ý chi tiết, nghe từ khóa, dự đoán nội dung trong bài nghe, hoặc nhận biết được thái độ của người nói và hiểu được định nghĩa của các từ mới trong ngữ cảnh thông qua các chủ đề như: tính cách, thời gian, tốc độ, nhà cửa, kích thước, kiểu dáng, tốc độ, tầm nhìn, cực độ, cuộc sống, công việc để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Bên cạnh đó, học phần Listening 3 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Bakers, L., & Gershon, S. (2012). *Skillful Listening & Speaking 1*. Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo

5. Craven, M. (2012). *Breakthrough Plus 2* (3rd edition). London: Macmillan Education.
6. Cunningham, S., Moor, P. & Bygrave, J. (2013). *Cutting Edge*

(3rd edition): *Pre-intermediate*. England: Pearson Education Limited.

7. Taylor, L. (2004). *International Express: Pre-intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

8. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited: Pre-intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

135313 SPEAKING 3 (NÓI 3)

Học phần Speaking 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1 và Speaking 2, đồng thời tiếp tục hoàn thiện và nâng cao kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc như con người, kỳ nghỉ, công việc vặt, những câu chuyện, bạn bè, việc kinh doanh, văn hóa và tương lai. Từ đó người học sẽ trở nên thành thạo và tự tin hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với người khác trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua những hoạt động nói theo cặp hoặc thảo luận theo nhóm, cũng như kỹ năng tự học thông qua các chương trình học trực tuyến mà qua đó sinh viên có thể ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống thực tế liên quan đến các chủ đề đã học để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Richards, J. C., & Bohlke, D. (2012). *Speak Now 3*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Jones, L. (2007). *Let's Talk 3*. Cambridge University Press.
2. Richards, J. C., Bycina, D., & Aldcorn, S. B. (1995). *New Person to Person 3: Students' Book 3*. Oxford University Press.

135314 READING 3 (ĐỌC HIỂU 3)

Thông qua việc giới thiệu các kỹ năng đọc kết hợp với việc thực hành các chiến thuật, thủ thuật đọc và thực hành ngôn ngữ, môn học Reading 3 giúp người học mở rộng vốn từ vựng, nắm rõ cấu trúc và kỹ năng làm bài thi đọc hiểu theo hình thức của kỳ thi chứng chỉ IELTS (International English Language Testing Systems), nhằm xây dựng một nền tảng vững chắc về khả năng đọc hiểu và sử dụng tiếng Anh của

người học. Học phần Reading 3 không chỉ khơi dậy niềm yêu thích tiếng Anh của người học mà còn trang bị cho người học kỹ năng tự học và rèn luyện khả năng đọc hiểu tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp như phương pháp học tiếng Anh, các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, phương pháp học tập theo cặp, nhóm,... giúp người học có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Tài liệu học tập

Juan, Z. (2019). *Basic IELTS Reading*. NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

1. British Council (2017). *Bí Quyết Luyện Thi IELTS: IELTS Essential Guide* (3rd ed.). Nhà Xuất Bản Phụ Nữ.
2. *Cambridge IELTS 14 Academic Student's Book with Answer: Authentic Examination Papers*. (2019). Cambridge: Cambridge University Press.
3. Cullen, P., French, A., & Jakeman, V. (2014). *The Official Cambridge Guide to IELTS for Academic & General Training*. Cambridge: Cambridge University Press.

135315 WRITING 3 (VIẾT 3)

Học phần Writing 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng viết đã học được ở các học phần Writing 1, Writing 2 đồng thời nâng cao và phát triển khả năng viết ở mức độ cao cấp thông qua việc thực hành và rèn luyện kỹ năng viết mô tả biểu đồ, quy trình, bài luận trong các bài thi tiếng Anh quốc tế (IELTS) dưới hình thức học thuật (Academic). Môn học này đồng thời giúp giúp sinh viên làm quen các dạng bài viết trong các bài thi tiếng Anh quốc tế và phát triển khả năng truyền đạt ý tưởng một cách hiệu quả qua các bài viết luận ở mức độ upper-intermediate (tương đương trình độ B2 trong CEFR).

Giáo trình

Wang, X. Y. (2013). *Basic IELTS Writing*. Ho Chi Minh City: Beijing Language and Culture University Press and Nhan Tri Viet Co.Ltd

Tài liệu tham khảo:

1. Cullen, P., French, A., & Jakeman, V. (2014). *The Official Cambridge Guide To IELTS Student's Book with Answers with DVD-ROM*. Cambridge: Cambridge University Press.
2. McCarter, S. (2002). *Academic Writing Practice for IELTS*. IntelliGene.

135318 MORPHOLOGY (HÌNH THÁI HỌC)

Môn học này giúp sinh viên nhận dạng và phân tích cấu trúc của từ, hiểu và sử dụng đúng các loại từ loại (parts of speech), hiểu được cấu tạo và quá trình hình thành từ trong tiếng Anh. Cụ thể hơn, người học sẽ được học về định nghĩa của hình thái học trong tiếng Anh, hình vị, tha hình vị, các loại từ và cấu tạo từ, quá trình biến đổi từ như từ được tạo mới hoàn toàn, từ vay mượn, từ bị cắt bớt, từ được tạo từ việc lấy chữ cái đầu.... Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có thể vận dụng kiến thức của học phần này vào các môn học khác như Syntax, Semantics trong chương trình đào tạo của Khoa cũng như làm nền tảng cho việc tự học và nghiên cứu về sau của sinh viên.

Giáo trình

Nghia, P.T. et al. (2020). *Hình thái học*. Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

1. Lạc, N. H.(2000). *An outline of Morphology*. HCM Publishing House.
2. Thanh, T. M. (2003). *Hình thái học tiếng Anh*. ĐH KHXH&NV.

135404 WRITING 4 (VIẾT 4)

Môn học Writing 4 giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể viết một bài luận chuẩn trong tiếng Anh theo các thể loại khác nhau (tường thuật, so sánh, nguyên nhân – kết quả và tranh luận). Môn học này cung cấp những hướng dẫn cơ bản và các bài tập mở rộng cùng với các hoạt động về việc viết luận ở trình độ cao trung cấp và nâng cao (tương đương B2 trong CEFR). Thêm vào đó, các hoạt động viết, ngữ pháp, và từ vựng hỗ trợ từng bước xây dựng kỹ năng người học cần để viết được các bài luận hay và cung cấp dữ liệu viết luận trong tiếng Anh, cách sắp xếp các đoạn văn và tính mạch lạc. Người học cũng sẽ được từng bước luyện tập viết luận theo qui trình khoa học và phát triển sản phẩm cuối cùng qua các bài tập đa dạng và thiết thực.

Giáo trình

Folse, K. S., Muchmore-Vokoun, A., & Solomon, E.V. (2019). *Great Writing 2: Great Essays* (4th ed). Boston, USA: CENGAGE Learning.

Tài liệu tham khảo

1. Alice, A. & Patricia, M. (2012). *Effective Academic Writing 2: The Short Essay* (2nd ed.). Oxford University Press.
2. Langan, J. (2007). *College Writing Skills* (5th ed.). McGraw-Hill Higher Education.

3. Oshima, A. & Hogue, A. (2006). *Introduction to Academic Writing* (2nd ed.). Longman.

135410 SYNTAX (CÚ PHÁP HỌC)

Với thời lượng 45 tiết, nội dung môn Cú pháp học chú trọng đến việc phân tích cấu trúc của cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh thông qua việc làm rõ các thành phần cấu tạo bằng hình thức sử dụng sơ đồ hình cây. Nội dung môn học còn bao gồm việc sử dụng sơ đồ hình cây để phân tích và làm rõ nghĩa của các cụm từ, câu mơ hồ và đa nghĩa. Ngoài những yêu cầu phân tích cấu trúc, phần bài tập của môn học này còn bao gồm những yêu cầu đọc hiểu, viết và biên dịch nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ của học viên. Môn học này còn là nền tảng để học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Tan, N.D.D. (2020). *Syntax*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

Miller, J. (2002). *An Introduction to English Syntax*. Edinburgh University Press.

Lac, N.H. (2000). *An Outline of Syntax*. HCMC Publishing House.

Radford, A. (2004). *English Syntax: An Introduction*. Cambridge University Press, Cambridge.

Radford, A. (2009). *Analyzing English Sentences. A Minimalist Approach*. CUP.

135411 LISTENING 4 (NGHE HIỂU 4)

Học phần Listening 4 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Listening 1, Listening 2, Listening 3 đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ intermediate - tương đương B1 trong Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết, nghe có chủ đích, nghe suy diễn thông qua các chủ đề như sức khỏe, cộng đồng, không gian sống, tòa nhà lớn, sự thành công, áp lực trong cuộc sống, nỗi sợ, kỳ nghỉ, nguồn nước, kỹ năng thuyết phục để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Bên cạnh đó, học phần Listening 4 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực

tuyến nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Bohlke, D., & Lockwood, R. B. (2016). *Skillful Listening & Speaking 2*. London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo

1. Cunningham, S., Moor, P. & Bygrave, J. (2013). *Cutting Edge Intermediate* (3rd edition.). England: Pearson Education Limited.

2. Harding, K., & Taylor, L. (2005). *International Express Intermediate Student's Book*. New York: Oxford University Press.

3. Tilbury, A., Clementson, T., Hendra, L., A., & Rea, D. (2011). *English Unlimited Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

135412 BUSINESS SPEAKING 1 (NÓI THƯỜNG MẠI 1)

Học phần Business Speaking 1 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, Speaking 2, Speaking 3, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ pre-intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập kỹ năng giao tiếp (thảo luận) bằng tiếng Anh trong môi trường kinh thương như: gặp gỡ mọi người, giao tiếp qua điện thoại, lên lịch cho các cuộc hẹn, giới thiệu về hiệu suất kinh doanh của công ty, các sản phẩm và dịch vụ của công ty, đưa ra quyết định, khiếu nại, kiểm tra tiến độ, dự đoán triển vọng trong tương lai, quy định và lời khuyên khi làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức các cuộc họp và thảo luận, và chuẩn bị một bài phát biểu ngắn. Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi thảo luận với người khác trong môi trường kinh thương, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Bên cạnh đó, học phần Business Speaking 1 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học tiếng Anh qua các chương trình và khóa học trực tuyến, ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống liên quan đến tiếng Anh dành cho lĩnh vực thương mại và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Barnard R. & Cady J. (2009) *Business Venture 2*. Cambridge: Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

Bennie, M. (2009) *A Guide to Good Business Communication 5th edition*. Oxford University Press.

135414 BUSINESS READING 1 (ĐỌC HIỂU THƯƠNG MẠI 1)

Môn học này giúp người học làm quen với môi trường giao tiếp bằng văn bản trong lĩnh vực kinh doanh/ thương mại thông qua các bài đọc như email, lịch trình, blog kinh doanh, báo cáo tài chính, danh thiếp và trang web của công ty,... Đây cũng là bước khởi đầu chuẩn bị cho người học trước khi bước qua những học phần cao hơn của tiếng Anh thương mại, tạo một nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và tạo tiền đề để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

- Osborn, A. (2014). *Collins English for Business: Reading*, Ho Chi Minh City General Publishing House.

Tài liệu tham khảo:

- Cotton, D., Falvey, D. & Kent, S. (2007). *New Market Leader Elementary*, Pearson Education Limited.
- Johnson, C., (2005). *Intelligent Business Elementary*, Pearson Education Limited.

135418 INTRODUCTION TO BRITISH CULTURE AND SOCIETY (GIỚI THIỆU VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI NƯỚC ANH)

Học phần Introduction To British Culture & Society cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa, cuộc sống, con người nước Anh nhằm giúp sinh viên mở rộng kiến thức về đất nước, văn hóa và con người nước Anh, phát triển kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng ngoại ngữ.

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

O'Driscoll, J. (2013). *Britain for Learners of English* (2nd ed.). Oxford: OUP.

Tài liệu tham khảo

1. Anh, D., & Lien, T. (2002). *British Culture*. Vietnam Education Publishing House Limited Company.

2. McDowall, D. (2007). *Britain in Close Up*. An In depth Study of Contemporary Britain.

3. Sheerin, S., Seath, J., & White, G. (1990). *Spotlight on Britain*. Oxford University Press.

135419 BRITISH IDENTITY AND LIFESTYLE (LỐI SỐNG VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI ANH)

Học phần British Identity & Lifestyle cung cấp kiến thức cơ bản về tính cách và lối sống của người Anh. Cụ thể:

- Giúp sinh viên khám phá những ảnh hưởng của vị trí địa lý, môi trường, khí hậu của Anh, các chủng tộc, những quan điểm về tôn giáo và chính trị lên tính cách của người Anh, các tầng lớp xã hội và những nét tính cách, ứng xử đặc thù của họ.
- Giúp sinh viên tiếp cận lối sống Anh thông qua việc nghiên cứu đời sống xã hội, nhà ở, ẩm thực, cách ăn mặc, thể thao, thú vui giải trí.
- Đồng thời giúp sinh viên đưa ra những so sánh với tính cách và lối sống của người Việt Nam.
- Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

1. Garwood, C. (1992). *Aspects of Britain and the USA*. Oxford: OUP.
2. O'Driscoll, J. (2013). *Britain for Learners of English* (2nd ed.). Oxford: OUP.

Tài liệu tham khảo:

1. Crowther, J. (Ed.) (1999). *Oxford Guide to Britain and American Culture*. Oxford: OUP.
2. McDowall, D. (2007). *Britain in Close Up*. An In depth Study of Contemporary Britain. Longman.
3. Sheerin, S., Seath, J., & White, G. (1990). *Spotlight on Britain*. Oxford University Press.

135420 NGOẠI NGỮ 2 – HP1

CHINESE 1 (TIẾNG TRUNG 1)

Chú trọng rèn luyện khẩu ngữ dành cho sinh viên chuyên ngành Anh ngữ, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, gia đình, bạn bè, mua sắm, học hành, ngày tháng sinh nhật...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng giao tiếp. Bao gồm:

Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần

- a. Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, sở thích....
- b. Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu,...

Giáo trình

301 Câu đàm thoại tiếng trung Quốc (Tập 1), Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình chủ biên, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1998

JAPANESE 1 (TIẾNG NHẬT 1)

Tiếng Nhật 1 cung cấp cho người học về các mẫu câu văn phạm tiếng Nhật cơ bản. Giúp cho người học có thể sử dụng từ vựng kết hợp các mẫu câu vào trong hội thoại, nghe, đàm thoại, viết, ...

Giáo trình:

- 国際交流基金 – まるごと一りかい (A1)
- 国際交流基金 – まるごと一かつどう (A1)

Tài liệu tham khảo

- 平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語初級 1 文型練習帳、2000年、株式会社スリーエーネットワーク
- 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集 1、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

KOREAN 1 (TIẾNG HÀN 1)

Chú trọng rèn luyện phát âm, giao tiếp dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (chào hỏi, hỏi thăm, mua sắm, học hành, hỏi vị trí, hỏi về đồ vật, số đếm, thời khóa biểu trong ngày...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Bao gồm:

- Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần
- Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, ...
- Các câu nói **thường** dùng trong giao tiếp: Thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu....

Giáo trình

세종한국어1, 세종학당, 국립국어원, 2013.

135501 LISTENING 5 (NGHE HIỂU 5)

Học phần Listening 5 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần Listening 1, Listening 2, Listening 3,

Listening 4, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ upper-intermediate (tương đương B2 trong CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính, ý chi tiết, hiểu quan điểm của người nói, đánh giá những luận điểm giống và khác nhau, phân biệt các mối quan hệ giữa nguyên nhân và hệ quả, ghi chú ý chính của các bài giảng, nhận biết được thái độ của người nói và hiểu được định nghĩa của các từ mới trong ngữ cảnh thông qua các chủ đề như: danh tính, thiết kế, ý tưởng, lừa, sự chuyển động, bệnh tật, sự sinh tồn, động lực, âm thanh và tương lai, để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cụ thể.

Giáo trình

Boyle M., & Kisslinger E. (2013). *Skillful Listening and Speaking 3*. London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo:

1. Beglar D., & Murray N. (2002). *Contemporary Topics 3: 2nd edition*. New York: Pearson Education, Inc.
2. Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Upper Intermediate*. Harlow: Pearson Education Limited.
3. Stephenson H., Dummett P., & Hughes J. (2016). *Life: Upper Intermediate*. China: RR Donnelley.
4. Redston, C., & Cunningham, G. (2008). *Face2face: Upper Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.
5. Sarosy, P., & Sherak K. (2006). *Lecture Ready 2*. New York: Oxford University Press.
6. Tilbury, A., Hendra, L. A., Rea, D., & Clementson, T. (2014). *English Unlimited: Upper Intermediate*. Cambridge: Cambridge University Press.

135504 BUSINESS SPEAKING 2 (NÓI THƯƠNG MẠI 2)

Học phần Business Speaking 2 giúp người học củng cố lại những kiến thức và kỹ năng nói tiếng Anh đã học ở học phần Speaking 1, Speaking 2, Speaking 3, và Business Speaking 1, đồng thời nâng cao và hoàn thiện kỹ năng nói ở trình độ intermediate. Cụ thể hơn, người học sẽ được luyện tập và phát triển kỹ năng đàm phán bằng tiếng Anh trong kinh doanh tại doanh nghiệp: bắt đầu từ sự chuẩn bị, đặt mục tiêu, sắp xếp cuộc họp, đề xuất, đưa ra một đề nghị mới, kỹ năng ứng phó khi gặp bế tắc và tiếp cận đối tác để có thể tạo nên một cuộc đàm phán thành công. Từ đó

người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi đàm phán với người khác, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể.

Giáo trình

LaFond, C., Vine, S. & Welch, B. (2010) *English for Negotiating*. Oxford: Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

Bovee, C. & Thill, J. (2012) *Business communication today 14th edition*. Boston: Pearson

135507 SEMANTICS (NGŨ NGHĨA HỌC)

Môn Ngữ nghĩa học trang bị cho sinh viên chuyên ngữ những khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học trong tiếng Anh. Cụ thể hơn, người học sẽ được học về định nghĩa ngữ nghĩa học, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn, quan hệ về nghĩa, hình thái tu từ, tiền giả định, hàm ý (presupposition and implicature), hành động ngôn từ và hành động trung ngôn... Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những hiểu biết cơ bản về kiến thức ngữ nghĩa học vào việc sử dụng tiếng Anh, cũng như làm nền tảng cho việc tự học và nghiên cứu về sau của sinh viên.

Giáo trình

Thanh, T. M. (2007). *English Semantics*. Publishing House of Vietnam National University – HCMC.

Tài liệu tham khảo:

Hurford, J.R. & Heasley, B. (1984). *Semantics: A Course book*. Cambridge: CUP.

135508 BUSINESS READING 2 (ĐỌC HIỂU THƯỜNG MẠI 2)

Môn học này cung cấp vốn từ vựng, ngôn ngữ và kỹ năng mà sinh viên cần để giao tiếp hiệu quả trong cả hai tình huống trang trọng và thân mật tại nơi làm việc thông qua các bài đọc thực tế như các bài báo, tạp chí, thư điện tử... trong lĩnh vực thương mại. Những chủ đề bài học bao gồm: Làm quen với công việc mới, Hoạt động mua và bán, Kỹ năng văn phòng, Săn tìm công việc phù hợp... Đặc biệt, với mỗi bài đọc, sinh viên sẽ tham gia các dạng hoạt động khác có liên quan đến bài đọc vừa học nhằm rèn luyện thêm các kỹ năng về từ vựng, nói và viết, tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

- Hobbs M., Kedde S.J. (2011). *Oxford English for*

Careers: Commerce 2. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

- Coton, D. et al. (2007) *Market Leader: Intermediate New Ed*. Pearson Longman.
- Hughes, J. & Naunton, J (2008) *Business Result: Intermediate*. Oxford University Press.

135509 INTRODUCTION TO AMERICAN CULTURE AND SOCIETY (GIỚI THIỆU VỀ VĂN HÓA XÃ HỘI NƯỚC MỸ)

Học phần Introduction to American Culture & Society cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên, lịch sử, văn hóa, cuộc sống, con người nước Mỹ nhằm giúp sinh viên mở rộng kiến thức về đất nước, văn hóa và con người nước Mỹ, phát triển kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng ngoại ngữ.

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

1. Datesman Maryanne, K. (1997). *The American Ways: An Introduction to American Culture*. UK: Longman.
2. Kirn, E., & Kirn, E. (1989). *About the USA*. United States Information Agency.

Tài liệu tham khảo:

1. Crowther, J. (Ed.) (1999). *Oxford Guide to Britain and American Culture*. Oxford: OUP.
2. Falk, R. (1993). *Spotlight on the USA*. Oxford University Press.
3. Garwood, C. (1992). *Aspects of Britain and the USA*. Oxford: OUP.

135510 AMERICAN IDENTITY AND LIFESTYLE (LỐI SỐNG VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI MỸ)

Học phần American Identity and Lifestyle cung cấp kiến thức cơ bản về tính cách và lối sống của người Mỹ. Cụ thể:

- Giúp sinh viên khám phá những ảnh hưởng của vị trí địa lý, môi trường, khí hậu của Hoa Kỳ, các chủng tộc, những quan điểm về tôn giáo và chính trị lên tính cách của người Mỹ, các tầng lớp xã hội và những nét tính cách, ứng xử đặc thù của họ.

- Giúp sinh viên tiếp cận lối sống Mỹ thông qua việc nghiên cứu đời sống xã hội, nhà ở, ẩm thực, cách ăn mặc, thể thao, thú vui giải trí.
- Đồng thời giúp sinh viên đưa ra những so sánh với tính cách và lối sống của người Việt Nam
- Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

1. Datesman Maryanne, K. (1997). *The American Ways: An Introduction to American Culture*. UK: Longman
2. Falk, R. (1993). *Spotlight on the USA*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

1. Crowther, J. (Ed.) (1999). *Oxford Guide to Britain and American Culture*. Oxford: OUP.
2. Garwood, C. (1992). *Aspects of Britain and the USA*. Oxford: OUP.
3. Luther, S. (1988). *Making America: The Society and Culture of the United States*. US Inform. Agency.

135511 NGOẠI NGỮ 2 – HP2

CHINESE 2 (TIẾNG TRUNG 2)

Chú trọng rèn luyện khẩu ngữ dành cho sinh viên chuyên ngành Anh ngữ, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (nhu cầu mua sắm, giải trí, ăn uống, đi lại, đón tiếp, chiêu đãi...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng khẩu ngữ, kỹ năng giao tiếp. Bao gồm:

Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, thanh điệu và ghép vần

a. Các câu nói thường dùng trong lớp: Chào hỏi nhau, tự giới thiệu, thăm hỏi lẫn nhau, mua sắm, sở thích....

b. Các câu nói thường dùng trong giao tiếp: thăm hỏi, làm quen, thăm hỏi nhu cầu....

Giáo trình

301 Câu đàm thoại tiếng trung Quốc (Tập 1), Khang Ngọc Hoa, Lại Tư Bình chủ biên, Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1998

JAPANESE 2 (TIẾNG NHẬT 2)

Tiếng Nhật 2 là môn học cung cấp cho người học những cấu trúc cơ bản ở trình độ sơ cấp. Thông qua vốn từ vựng kết hợp với cấu trúc ngữ pháp, người

học có thể ứng dụng vào việc giao tiếp với người Nhật, rèn luyện kỹ năng thêm các kỹ năng khác như đọc, viết, nghe....

Giáo trình:

- 国際交流基金 – まるごと一りかい (A1)
- 国際交流基金 – まるごと一かつどう (A1)

Tài liệu tham khảo:

1. 平井悦子・三輪幸子、みんなの日本語初級 1 文型練習帳、2000年、株式会社スリーエーネットワーク
2. 株式会社スリーエーネットワーク、みんなの日本語標準問題集 1、1999年、株式会社スリーエーネットワーク

KOREAN 2 (TIẾNG HÀN 2)

Chú trọng rèn luyện phát âm, giao tiếp dành cho sinh viên chuyên ngành Anh ngữ, trang bị cho người học kỹ năng giao tiếp ở trình độ sơ cấp thông qua một số chủ đề xoay quanh các vấn đề giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày (thời tiết, thời gian, lên lịch hẹn, hoạt động cuối tuần, học tiếng Hàn, kế hoạch...) và những kiến thức cơ bản của kỹ năng nghe, nói, đọc, viết kỹ năng giao tiếp. Bao gồm: Quy tắc phát âm, các phụ âm, các nguyên âm, vần, ngữ điệu, luyện âm...

Giáo trình:

세종한국어1, 세종학당, 국립국어원, 2013.

135601 BUSINESS READING 3 (ĐỌC HIỂU THƯƠNG MẠI 3)

Môn học này tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, cùng với việc phát triển kỹ năng đọc tiếng Anh thương mại ở trình độ cao trung cấp (Upper - Intermediate). Nội dung của các bài đọc có liên quan đến các chủ đề như: Các dự án kinh doanh, Dịch vụ khách hàng, Khởi nghiệp, Đạo đức kinh doanh, sẽ cung cấp cho người học những kỹ năng thực tế giúp người học có đủ sự tự tin, sẵn sàng cho môi trường làm việc liên quan đến thương mại kinh doanh sau khi tốt nghiệp, đồng thời tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Duckworth, M. & Turner, R. (2008) *Business Result: Upper-intermediate*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

- Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S. (2012). *Market*

Leader: Upper-intermediate: Business English Course Book. Pearson Education.

- Trappe, T., & Tullis, G. (2006). *Intelligent Business: Coursebook: Upper-intermediate Business English.* Pearson Education Ltd.

135602 BUSINESS WRITING 2 (VIẾT THƯƠNG MẠI 2)

Môn học Business Writing 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thư phổ biến; đặc biệt là tập trung về các loại thư xin việc và sơ yếu lý lịch (CV). Bên cạnh đó sinh viên cũng được học về giao tiếp bằng thư tín trong môi trường thương mại, những nguyên tắc chung về viết thương mại cũng như kiến thức, từ vựng và kỹ thuật viết thư cho các mục đích xin việc, phỏng vấn và tuyển dụng. Đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng báo cáo thương mại phổ biến. Môn học này cũng nhằm giúp sinh viên phân biệt được cấu tạo cơ bản, cách thức và quy định viết các loại thư xin việc, phỏng vấn và báo cáo thương mại cũng như nắm vững các cấu trúc, từ vựng tương ứng với văn phong từng loại thư, CV và báo cáo. Bên cạnh đó sinh viên cũng tích hợp được các kỹ năng như tổng hợp thông tin, tóm tắt và đưa ý chính.

Tài liệu học tập chính

- Ashley, A. (1992). *A Handbook of Commercial Correspondence.* Oxford University Press.
- Barnard, R.& Meehan, A. (2005) *Writing for the Real World 2: An Introduction to Business Writing.* Oxford University Press.
- Tài liệu tham khảo:
- LearningExpress. (2007). *Business Writing Clear and Simple*, 1st ed. New York: LearningExpress, LLC.
- Lougheed, L. (2003). *Business Correspondence: A Guide to Everyday Writing.* 2nd Ed. Longman.

135604 BUSINESS WRITING 1 (VIẾT THƯƠNG MẠI 1)

Môn học Business Writing 1 cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về giao tiếp bằng thư tín trong môi trường thương mại, những nguyên tắc chung về viết thương mại cũng như kiến thức, từ vựng và kỹ thuật viết email cho các mục đích giao dịch thương mại thông thường như: thư mời, thư đặt hàng, thư khiếu nại, thư đề xuất... Đồng thời qua 60 tiết học, sinh viên cũng được làm quen với các dạng thức của bản ghi nhớ (memo). Môn học này cũng

nhằm giúp sinh viên phân biệt được cấu tạo cơ bản, các kiểu và quy định viết các loại email và memo thương mại cũng như nắm vững các cấu trúc, từ vựng tương ứng với văn phong từng loại hình email và memo. Bên cạnh đó sinh viên cũng tích hợp được các kỹ năng như: tổng hợp thông tin và làm quen với các kỹ năng giải quyết các tình huống thương mại gắn với thực tế bên ngoài.

Tài liệu học tập chính

- Barnard, R.& Meehan, A. (2005) *Writing for the Real World 2: An Introduction to Business Writing.* Oxford University Press.
- Lowe, S.& Pile, L. (2004) *Emailing.* DELTA Publishing.

Tài liệu tham khảo:

- Bennie, M. (2000) *A Guide to Good Business Communication.* 5th Ed. How To Books Ltd.
- Mackey, D. (2004) *Send Me A Message.* 1st Ed. Mc Graw-Hill.

135608 TRANSLATION 1 (BIÊN DỊCH 1)

Học phần Dịch 1 trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản trong biên dịch cũng như giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng thông qua việc đọc hiểu các bài văn dịch ở ngôn ngữ nguồn (source language) và biên dịch lại bằng ngôn ngữ đích (target language). Cụ thể khi học môn này, sinh viên sẽ được học lý thuyết biên dịch, các kỹ thuật và các bước khi dịch, quy luật song song và tính tương cận trong dịch thuật, dịch nghĩa bóng, và dịch chính xác. Ngoài ra, trong suốt quá trình học sinh viên có cơ hội làm quen với các loại văn bản và ngữ cảnh khác nhau trong biên dịch và biết sử dụng ngôn ngữ theo văn phong của người bản ngữ. Môn học còn giúp sinh viên có thể biên dịch các câu, đoạn Anh-Việt, Việt-Anh trong quá trình học tại trường cũng như quá trình học tập và nghiên cứu suốt đời của sinh viên.

Giáo trình

Nghia, P.T. et al. (2020). *Translation 1.* Lạc Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Lâm, L.H et al. (2009). *Luyện Dịch Anh-Việt, Việt Anh.* NXB Tổng Hợp TpHCM.
2. Lương, N. T. (1992). *Phương pháp dịch Việt-Anh.* NXB TP HCM.
3. Phú, T. Q. (2001). *Giáo Khoa Căn Bản Môn Dịch Anh-Việt, Việt-Anh.* NXB ĐHQG.

135609 RESEARCH WRITING (VIẾT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC)

Học phần Research Writing giúp người học phát triển khả năng viết đã học ở các học phần Writing 1, Writing 2, Writing 3 và Writing 4, đồng thời giúp người học làm quen những kiến thức nền tảng về nghiên cứu khoa học như các loại hình nghiên cứu, các thiết kế nghiên cứu, phương pháp lấy dữ liệu, cách lấy mẫu, các thành phần cần thiết của một bài báo nghiên cứu v.v... Học phần này cũng tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng viết cần thiết như cách trích dẫn, tóm tắt, thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, mô tả phương pháp, v.v... để từ đó sinh viên có thể viết một đề cương hoàn chỉnh và hỗ trợ viết khóa luận tốt nghiệp.

Tài liệu giảng dạy

Phu, L. T. (2014). *Research Writing*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Babbie, E. (2007). *The practice of social research*. Belmont, CA: Thomson Learning.
2. Cohen, L., Manion, L., & Morrison, K. (2007). *Research Methods in Education* (6th ed.). London: Routledge.
3. Kumar, R. (2011). *Research Methodology A Step-by-Step Guide for Beginners* (3rd ed.). London: Sage.

135610 ENGLISH FOR FOREIGN TRADE (TIẾNG ANH DÙNG TRONG NGOẠI THƯƠNG)

Học phần English for Foreign Trade trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về ngoại thương như Tổ chức Vận chuyển, Tái và dỡ hàng, Vấn đề vận chuyển thế giới, Đơn hàng xuất khẩu, Tài liệu xuất khẩu, Chứng từ vận chuyển, Đơn hàng xuất khẩu: Thủ tục hải quan, Thanh toán trong thương mại quốc tế. Những khái niệm này sẽ được kết hợp với các hoạt động thực hành ngôn ngữ và kỹ năng để giúp sinh viên phát triển cả kiến thức về ngoại thương cũng như ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) với trọng tâm là kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống có liên quan tới lĩnh vực ngoại thương.

Bên cạnh đó, học phần English for Foreign Trade cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng

Anh trực tuyến, nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình:

Radice, F. (1989) *English for International Trade*. Nelson Canada

Tài liệu tham khảo:

Cohen, B. (1997) *International trade & finance: new frontiers for research*. Cambridge University Press

135611 LISTENING 6 (NGHE HIỂU 6)

Học phần Listening 6 giúp người học củng cố kỹ năng nghe tiếng Anh đã học ở học phần nghe trước đó, đồng thời hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ advanced (tương đương C1 trong CEFR). Cụ thể hơn, người học sẽ thực hành các kỹ năng nghe nâng cao như: nghe và suy đoán thái độ của người nói, nghe hiểu cách vận dụng một học thuyết vào các tình huống khác trong một bài giảng, xác định thông tin chính trong một luận điểm, nghe và lựa chọn thông tin để ghi chú và tóm tắt, nghe hiểu cách sắp xếp dữ liệu định tính và các mẫu đại diện, nghe hiểu cách sử dụng các ví dụ minh họa để hỗ trợ ý cho một luận điểm, nghe và dự đoán kết quả dựa trên các lí lẽ và bằng chứng, nghe và nhận biết thứ tự logic, nghe và xác định những phát biểu cần được biện hộ, nghe nhận ra các giả định ngầm, v.v., thông qua các chủ đề như: hội họp, trò chơi, hoài cổ, rủi ro, sự ngổn ngang, di sản, sự mở rộng, sự thay đổi, dòng chảy và mâu thuẫn, để từ đó giúp người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng kỹ năng nghe và nói tiếng Anh trong các tình huống văn hóa và xã hội cần sử dụng kỹ năng tư duy phản biện.

Bên cạnh đó, học phần Listening 6 cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, làm nền tảng để sinh viên có khả năng học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Clandfield L., & McKinnon M. (2014). *Skillful Listening and Speaking 4*. London: Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo

1. Beglar D., & Murray N. (2002). *Contemporary Topics 3: 2nd edition*. New York: Pearson Education, Inc.
2. Cunningham G., & Bell J. (2008). *Face2face: Advanced*. Cambridge: Cambridge University Press.

3. Cunningham S., Moor P., & Bygrave J. (2013). *Cutting Edge 3rd edition: Advanced*. Harlow: Pearson Education Limited.
4. Frazier L., & Leeming S. (2007). *Lecture Ready 3*. New York: Oxford University Press.
5. Latham-Koenig C., & Oxenden C. (2015). *English File 3rd edition: Advanced*. Oxford: Oxford University Press.

135612 PRESENTATION SKILLS (KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH)

Với thời lượng 60 tiết, môn học này được thực hiện dưới hình thức lý thuyết xen kẽ bài tập củng cố và thực thành thuyết trình. Nội dung môn học chú trọng vào các chủ điểm về các bước chuẩn bị và thực hiện một bài thuyết trình, cấu trúc của một bài thuyết trình, cách sắp xếp và trình bày nội dung, một số kỹ thuật thuyết trình thường gặp, nguyên tắc trong việc sử dụng ngôn ngữ hình thể và các phương tiện hỗ trợ, và cách trả lời câu hỏi. Ngoài ra, quá trình luyện tập cũng chú trọng đến phương pháp học tập và làm việc cá nhân và làm việc nhóm, qua đó học viên có thể tự chủ trong việc tự học về sau.

Giáo trình

- Grussendorf, M. (2008). *English for Presentation*. OUP.
- Williams, E.J. (2008). *Presentations in English*. Macmillan.
- Tài liệu tham khảo:
- Comfort, J. (1997). *Effective Presentation*. OUP.
- Harrington, D. & LeBeau, C. (2009). *Speaking of Speech*. New Ed. Macmillan.
- Lowe, S. & Pile, L. (2006). *Presenting*. Delta.

135701 OFFICE SKILLS (KỸ NĂNG VĂN PHÒNG)

Môn học này trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp phổ biến và nhận dạng các loại cấu trúc của doanh nghiệp, các phòng ban và vị trí thiết yếu trong công ty. Bên cạnh đó, sinh viên có thể hiểu thêm về các cách sắp xếp, xử lý hồ sơ và quản lý sắp xếp cuộc họp... Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên tăng thêm hiểu biết và vận dụng những quy tắc ứng xử phù hợp nơi công sở cũng như trong giao tiếp với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng. Từ đó, sinh viên có thể nắm bắt được những yếu tố tạo nên phong cách làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời môn học còn giúp sinh viên tăng

cường khả năng giao tiếp, vận dụng tiếng Anh trong các tình huống kinh doanh đặc trưng.

Tài liệu chính

- Hien, T.D. & Vi, N.T.K. (2020). *Office Skills*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

- Ash, P. A. (2012). 14 Tips on Business Etiquette. *Business Management Daily*, reported from <http://www.BusinessManagementDaily.com>
- Bacal, R. (2005). *Perfect Phrases for Customer Service*. New York: McGraw-Hill.
- Taylor, S. (2005) *Communication for Business. A Practical Approach 3rd Ed.* Longman
- Toselli, M. & Millan, A. M. (2006) *English for secretaries and administrative personnel*. McGraw-Hill Interamericana de España S.L.

135702 BUSINESS WRITING 3 (VIẾT THƯƠNG MẠI 3)

Môn học **Business Writing 3** tăng cường củng cố cho sinh viên kiến thức về cách viết một số loại thư có chức năng chuyên sâu cho giao dịch thương mại như: thư yêu cầu, thư đặt chỗ trước, thư khiếu nại, thư đặt hàng... Đồng thời, sinh viên cũng được học cách viết báo cáo công việc, tiến trình hay sự kiện (reports). Bên cạnh đó, để trang bị cho sinh viên đầy đủ các kiến thức về thư tín thương mại môn học này còn hướng dẫn sinh viên các hình thức trình bày phổ biến của một bản hợp đồng với đầy đủ các thành phần nội dung cơ bản.

Tài liệu học tập chính

- Barnard, R.& Meehan, A. (2005) *Writing for the Real World 2: An Introduction to Business Writing*. Oxford University Press.
- Wang, X. Y. (2013). *Basic IELTS Writing*. Ho Chi Minh: Beijing Language and Culture Univerisy Press and Nhan Tri Viet Co.Ltd.

Tài liệu tham khảo:

- Ashley, A. (1992). *A Handbook of Commercial Correspondence*. Oxford University Press.
- Loughheed, L. (2003). *Business Correspondence: A Guide to Everyday Writing*. 2nd Ed. Longman.

135708 TRANSLATION 2 (BIÊN DỊCH 2)

Học phần **Translation 2** nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng thông qua việc đọc hiểu các bài văn dịch ở ngôn ngữ nguồn và biên dịch lại bằng ngôn ngữ đích, trang bị thêm cũng như giúp sinh viên

có cơ hội thực hành nhuần nhuyễn những thủ thuật biên dịch đã được dạy ở Translation 1. Thông qua các bài luyện dịch tại lớp và ở nhà, sinh viên nắm bắt và rèn luyện các kỹ năng dịch thuật để có thể dịch các tài liệu liên quan đến các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như giáo dục, văn hóa nghệ thuật, khoa học-kỹ thuật, y tế-sức khỏe, hôn nhân-gia đình, và chính trị từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, cũng như có thể dịch những bản dịch thường gặp trong thương mại (thương hiệu, cạnh tranh, quảng cáo,...). Môn học còn giúp sinh viên có thể biên dịch các đoạn, các văn bản Anh-Việt, Việt-Anh phục vụ cho việc học tại trường cũng như quá trình tự học và nghiên cứu suốt đời của sinh viên.

Giáo trình

Nghia, P.T. et al. (2020). *Translation 2*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Johnson, C & Barrall, I. (2006). *Intelligent Business (upper intermediate)*, Pearson Education Limited, Longman
2. Lâm, L.H et al. (2009). *Luyện Dịch Anh-Việt, Việt Anh*. NXB Tổng Hợp TpHCM.
3. Lương, N. T. (1992). *Phương pháp dịch Việt-Anh*. NXB TP HCM.

135709 PREPARATION FOR INTERNATIONAL TEST (LUYỆN THI KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU)

Môn học *Preparation for International Tests* cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các bài thi tiếng Anh quốc tế phổ biến hiện nay, bao gồm TOEIC, TOEFL, và IELTS. Dạng thức của đề thi, sơ lược các kỹ năng và chiến lược làm bài hiệu quả, thang điểm quy đổi tương đương giữa ba bài thi này, địa điểm đăng ký thi, và lệ phí thi... sẽ được giới thiệu để người học có những định hướng phù hợp cho bản thân trong việc lựa chọn ôn luyện và đăng ký thi với bài thi nào. Ngoài ra, học phần *Preparation for International Tests* chọn bài thi TOEIC làm trọng tâm cho phần luyện tập chuyên sâu với nhiều bài học cung cấp các kỹ năng và chiến lược dành riêng cho bài thi TOEIC. Nhờ đó, người học có thể cải thiện các kỹ năng trong việc học tiếng Anh, đạt tới trình độ nâng cao, và tự tin đăng ký tham dự kỳ thi TOEIC quốc tế sau khi hoàn thành khóa học. Ngoài ra, học phần này cung cấp các kỹ năng tự học và tự ôn luyện cho các kỳ thi quốc tế; điều này tạo nền tảng cho sinh viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

- Anderson, P., Chadwick, M. K., & Shin, W. (2018). *Taking the Toeic Skills and Strategies (Second Edition)*. Ho Chi Minh City: First News.

Tài liệu tham khảo:

- Cullen, P., French, A., & Jakeman, V. (2014). *The Official Cambridge Guide to IELTS*. Cambridge: Cambridge University Press.
- *The Official Guide to the TOEFL Test (Fourth Edition)* (2012). New York: McGraw-Hill.

135710 COMMUNICATION SKILLS (KỸ NĂNG GIAO TIẾP)

Học phần Communication Skills trang bị cho người học kiến thức chính về bản chất của quá trình giao tiếp tại nơi làm việc, các hình thức giao tiếp, ứng xử linh hoạt, những yếu tố cá nhân, văn hóa ảnh hưởng tới quá trình giao tiếp và những nguyên tắc, kỹ năng, chiến thuật cần tuân thủ để có thể giao tiếp thành công trong cuộc sống, công việc và kinh doanh. Đồng thời, học phần hỗ trợ sinh viên trong việc phát triển kỹ năng biên phiên dịch tài liệu liên quan tới công việc và trong lĩnh vực thương mại.

Bên cạnh đó, học phần Communication Skills cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học tiếng Anh qua các chương trình và khóa học trực tuyến, ứng dụng các chức năng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng hiệu quả trong những tình huống liên quan đến tiếng Anh dành cho lĩnh vực thương mại và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Jones, L. & Alexander, R. (2011) *New International Business English*. Cambridge: Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo

Adler, R., Elmhorst, J. & Lucas, K. (2013) *Communicating at work: strategies for success in business and the professions*. New York: McGraw-Hill

135802 ENGLISH FOR MARKETING (TIẾNG ANH CHO NGÀNH TIẾP THỊ)

Thông qua các chủ đề thực tế, môn học này giúp học viên tự tin và giao tiếp hiệu quả hơn bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh có liên quan đến tiếp thị và quảng cáo. Môn học cũng cung cấp thêm cho học viên những kỹ năng cần thiết như kỹ năng chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện, chiến thuật tiếp thị, v.v... đưa học viên gần hơn với môi trường

làm việc sau khi tốt nghiệp, đồng thời tạo một nền tảng để học viên có thể học tập và nghiên cứu về sau.

Giáo trình

Gore S. (2011). *English for Marketing and Advertising*. Oxford University Press.

Tài liệu tham khảo:

- Cotton, D., Falvey, D., & Kent, S. (2012). *Market Leader: Advanced: Business English Course Book*. Pearson Education.
- **Duckworth**, M., Turner, R. A., & Lane, A. (2012). *Business Result: Advanced: Business Result: Advanced; Student's Book*. Oxford University Press.
- **Trappe**, T., & Tullis, G. (2006). *Intelligent Business: Coursebook: Advanced Business English*. Pearson Education Ltd.

135803 ENGLISH FOR BUSINESS MANAGEMENT (TIẾNG ANH CHO NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI)

Học phần English for Business Management trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về quản trị doanh nghiệp như Lãnh đạo là gì, Văn hóa và thay đổi, Tổ chức và cơ cấu hoạt động, Quản lý sản xuất, Chiến lược và môi trường kinh doanh, Chiến lược quản lý tài chính, Ngân sách, Quyết định và rủi ro, Quản trị nhân sự, Phát triển nguồn nhân lực, Quan hệ công nghiệp, Quản lý marketing. Những khái niệm này sẽ được kết hợp với các hoạt động thực hành ngôn ngữ và kỹ năng để giúp sinh viên phát triển cả kiến thức về quản trị học cũng như ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) với trọng tâm là kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống có liên quan tới vấn đề quản trị.

Bên cạnh đó, học phần English for Business Management cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng tự học và rèn luyện kỹ năng tiếng Anh ngoài giờ học trên lớp thông qua các nguồn tài liệu và các chương trình học tiếng Anh trực tuyến, nhằm giúp sinh viên có khả năng tự học và tham gia học tập suốt đời.

Giáo trình

Corballis, T., Jennings, W. & Phillips, T. (2009) *English for Management Studies in Higher Education Studies Course Book*. Lebanon: Garnet Education

Tài liệu tham khảo:

1. Jones, G. & George, J. (2009) *Contemporary management*. Boston: McGraw-Hill/Irwin.

2. Scott, C. & Jaffe, D. (2004) *Change management: leading people through organizational transitions*. Boston: Thomson.

135817 INTERPRETATION (PHIÊN DỊCH)

Học phần Interpretation giới thiệu một số yêu cầu cơ bản trong phiên dịch và giúp sinh viên bước đầu rèn luyện một số kỹ năng phiên dịch, thực hành những thủ thuật giúp tăng cường trí nhớ, ghi chép ... đồng thời giúp phát triển năng lực ngôn ngữ tiếng Anh.

Từ đó người học sẽ trở nên tự tin và thành thạo hơn trong việc sử dụng ngôn ngữ khi thảo luận với người khác trong môi trường kinh thương, đồng thời có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống văn hóa - xã hội cụ thể và để làm nền tảng tự học về sau.

Giáo trình

Hien, T. D. & Dung, D. T. H. (2020). *Interpretation*. Lac Hong University.

Tài liệu tham khảo:

1. Barnard, R. & Cady, J. (2000). *Business Venture*
2. Oxford University Press.
2. Grant, D. & McLarty, R. (2006). *Business Basics*. New Ed. Oxford University Press.
3. Grant, D. et al. (2009). *Business Result*. Pre-intermediate Oxford University Press.

136001 - THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 1

Môn học Thực hành Dược khoa 1 giới thiệu một số thủ thuật bào chế cơ bản, bao gồm: kỹ thuật cân, kỹ thuật nghiền tán - trộn đều, kỹ thuật đo lường thể tích, kỹ thuật hòa tan, kỹ thuật lọc, lắng gạn. Từ đó, sinh viên vận dụng được các thủ thuật để điều chế một số dạng thuốc đơn giản như thuốc bột, thuốc cốm, dung dịch thuốc.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2019). Thực hành Dược khoa 1, Giáo trình nội bộ. Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.
- Tài liệu tham khảo
- Huỳnh Văn Hóa, Lê Quan Nghiệm (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 1 và 2. NXB Y học.

136006 - TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Môn học cung cấp kiến thức về các nguyên tắc giao tiếp trong y khoa, giao tiếp giữa thầy thuốc và bệnh nhân, các nội dung cơ bản trong giáo dục sức khỏe. Qua môn học, sinh viên được trang bị và rèn luyện các kỹ năng trong giao tiếp với người bệnh, các kỹ năng giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

Giáo trình

- Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Quốc Bảo, Bùi Thị Bích (2011) “Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe”, NXB Y học

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa, “Kỹ năng giao tiếp dành cho cán bộ y tế”, Nhà xuất bản Y học.

136008 - THỰC HÀNH HÓA HỮU CƠ

Học phần Thực hành Hóa Hữu cơ là môn học cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị nhằm điều chế và tổng hợp các hợp chất hữu cơ

Giáo trình

- Bộ môn Hóa Hữu cơ. Thực tập hóa hữu cơ. Giáo trình nội bộ. Trường đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt. Hóa học hữu cơ: sách đào tạo dược sĩ đại học. NXB Y học, 2007.
- Phan Thanh Sơn Nam, Trần Thị Việt Hoa. Hóa hữu cơ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
- Phan Thanh Sơn Nam. Bài tập hóa hữu cơ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

136011 - THỰC VẬT DƯỢC

Thực vật dược là môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Dược. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về hình thái, giải phẫu và phân loại thực vật, bao gồm: Đặc điểm hình thái và cấu tạo giải phẫu của các cơ quan sinh dưỡng của thực vật (rễ, thân, lá); Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh sản của thực vật (hoa, quả, hạt); Nguyên tắc và danh pháp trong phân loại thực vật; Đặc điểm của các ngành thuộc phân giới Thực vật bậc cao và đặc điểm của một số họ thực vật thuộc ngành Ngọc lan

Giáo trình

- Trương Thị Đẹp (2007). Thực vật dược. NXB

Giáo dục.

- Trương Thị Đẹp (2016). Giáo trình Thực tập Sinh học tế bào và Thực vật dược. Giáo trình lưu hành nội bộ.
- Tài liệu tham khảo
- Lê Đình Bích, Trần Văn Ôn (2007). Thực vật học. NXB Y học.
- Võ Văn Chi (2012). Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) tập 1. NXB Y học.
- Võ Văn Chi (2012). Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) tập 2. NXB Y học.

136012 - THỰC HÀNH THỰC VẬT DƯỢC

Thực hành Thực vật dược là môn cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Dược. Môn học này trang bị cho sinh viên phương pháp để khảo sát cấu trúc giải phẫu các cơ quan sinh dưỡng, phân tích đặc điểm hình thái cơ quan dinh dưỡng và sinh sản của cây thuốc, và phương pháp làm tiêu bản thực vật khô. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng để kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học và định danh cây thuốc.

Giáo trình

- Trương Thị Đẹp (2007). Thực vật dược. NXB Giáo dục.
- Trương Thị Đẹp (2016). Giáo trình Thực tập Sinh học tế bào và Thực vật dược. Giáo trình lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Lê Đình Bích, Trần Văn Ôn (2007). Thực vật học. NXB Y học.
- Võ Văn Chi (2012). Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) tập 1. NXB Y học.
- Võ Văn Chi (2012). Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) tập 2. NXB Y học.

136013 - GIẢI PHẪU

Giải phẫu là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức nền tảng cho các môn học cơ sở ngành khác như Vi sinh, Ký sinh trùng, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Bệnh học và những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng,...

Học phần trình bày thông tin một cách ngắn gọn và súc tích theo hệ thống các cơ quan nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về hình thái và cấu tạo cơ thể người, mối liên quan giữa các bộ phận của cơ thể và liên quan giữa cơ thể với môi trường.

Giáo trình

- Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2019), Giải phẫu học hệ thống, Nhà xuất bản Y học – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

- Frank H. Netter, Nguyễn Quang Quyền, Phạm Đăng Diệu (2015), Atlas giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012), Tập 1 Giải phẫu người: giải phẫu học đại cương, chi trên, chi dưới, đầu, mặt, cổ, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012), Giải phẫu – Sinh lý người (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136016 - HÓA LÝ DƯỢC

Học phần Hóa lý dược giới thiệu những kiến thức cơ bản về Điện hóa học, Động hóa học, Lý thuyết về các hiện tượng bề mặt và hóa keo các hệ phân tán (hệ phân tán keo, hỗn dịch, nhũ tương, micell, polymer) về tính chất động học, quang học, điện học, độ bền vững và sự keo tụ. Từ đó, sinh viên hiểu rõ về vị trí, vai trò và ứng dụng của các hệ phân tán trong sản xuất, khoa học công nghệ và đời sống.

Giáo trình

- Đỗ Minh Quang, Hóa lý Dược, NXB Y học Hà Nội, 2011.

Tài liệu tham khảo

- A. Martin, Physical Pharmacy, 6th Edition, Philadelphia, London, 2005. Florence, Alexander T; Attwood, David. Physicochemical Principles of Pharmacy.
- A.T. Florence and D. Attwood, Physicochemical Principles of Pharmacy, 3rd ed, Palgrave, 1998.

136017 - THỰC HÀNH HÓA LÝ DƯỢC

Thực hành Hóa lý dược là môn cơ sở ngành, giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản đã học trong học phần Hóa lý dược. Nội dung học bao gồm: biết cách sử dụng dụng cụ, máy móc trong phòng thí nghiệm, thực hiện được một số thí nghiệm điều chế, định tính và định lượng, hiểu được cơ chế điều chế và thiết kế thí nghiệm.

Giáo trình

- Đỗ Minh Quang, Hóa lý Dược, NXB Y học Hà Nội, 2011.
- Giáo trình thực hành hóa lý dược, bộ môn Hóa lý – Đại học Lạc Hồng

Tài liệu tham khảo

- A.Martin, Physical Pharmacy, 6th Edition, Philadelphia, London, 2005. Florence, Alexander T; Attwood, David. Physicochemical Principles of Pharmacy.
- A.T. Florence and D. Attwood, Physicochemical Principles of Pharmacy, 3rd ed, Palgrave, 1998.

136018 - VI SINH

Học phần Vi sinh là môn cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh lý và di truyền của vi sinh vật...: đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp. Các cơ chế đề kháng kháng sinh của vi sinh vật, miễn dịch trong nhiễm khuẩn - các typ quá mẫn. Các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh do vi sinh vật.

Giáo trình

- Cao Vân Thu (chủ biên), Vi sinh vật học (sách dùng đào tạo dược sĩ đại học), NXB Giáo dục, 2008.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Thị Nguyễn, Trần Quang Cảnh, Vi Sinh vật, NXB Y học, 2012.

136019 - THỰC HÀNH VI SINH

Học phần Thực hành Vi Sinh là môn học cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các kỹ thuật cấy cơ bản trong phòng xét nghiệm vi sinh, phân lập vi khuẩn
- Phương pháp nhuộm màu vi sinh vật để quan sát cấu tạo, hình thái, cách sắp xếp tế bào vi khuẩn.
- Các thử nghiệm đánh giá độ nhiễm khuẩn, độ vô trùng của mẫu thử
- Các thử nghiệm kháng sinh : MIC, kháng sinh đồ.
- Các phản ứng sinh lý, sinh hóa trên vi khuẩn giúp định danh vi khuẩn.

Giáo trình

- Cao Vân Thu (chủ biên), Vi sinh vật học (sách dùng đào tạo dược sĩ đại học), NXB Giáo dục, 2008.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Thị Nguyễn, Trần Quang Cảnh, Vi Sinh vật, NXB Y học, 2012.

136020 - KÝ SINH TRÙNG

Học phần ký sinh trùng là môn cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên nhân gây bệnh, các đặc điểm sinh học, đường lây nhiễm, dịch tễ học, các biểu hiện bệnh lâm sàng, bệnh học, các phương pháp, kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống những ký sinh trùng và vi nấm thường gặp ở nước ta.

Giáo trình

- Nguyễn Đình Nga. Ký sinh trùng, NXB Giáo dục, 2012.

Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Xuân. Ký sinh trùng thực hành: dùng cho đào tạo cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y, Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam học, 2008.

136027 - HÓA SINH

Học phần Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, cơ chế tác dụng sinh học và quá trình chuyển hoá của các chất tham gia vào hoạt động sống của cơ thể (protid, glucid, lipid, enzyme, hormon...). Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình chuyển hóa xảy ra ở mô, ở các cơ quan chủ yếu trong cơ thể.

Giáo trình

- Trần Thanh Nhân (2012), Hóa sinh học phần 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Thắng (2007), Hóa sinh học, NXB Y học.

136028 - THỰC HÀNH HÓA SINH

Sinh viên thực hiện một số thí nghiệm định tính để khảo sát một số tính chất của các chất có trong cơ thể sống (glucid, protid, lipid, enzyme...). Thực hiện thí nghiệm định lượng các chất này và biện luận kết quả.

Tài liệu tham khảo

- Trần Thanh Nhân (2012), Hóa sinh học phần 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Thắng (2007), Hóa sinh học, NXB Y học

136034 - HÓA DƯỢC 1

Học phần hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc. Học phần cũng giúp cho sinh viên

giải thích được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng sinh học và **cơ chế tác dụng của một số thuốc chính.**

Giáo trình

- Lê Minh Trí, Huỳnh Thị Ngọc Phương. Hóa dược 1, Bộ y tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2009.

Tài liệu tham khảo

- Dược điển Việt Nam IV, 2010.

136038 - DƯỢC LÝ 1

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ chế sinh hóa của tế bào, quá trình dược động học, dược lực học, liều dùng, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm thuốc đối với các trường hợp bệnh lý.

Giáo trình

- Mai Phương Mai, Trần Mạnh Hùng. Dược lý học Tập 1, NXB Y học,

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội
- Trần Thị Thu Hằng, Dược lực học, NXB Phương Đông 2018

136040 - PHÁP CHẾ DƯỢC

Học phần trang bị kiến thức về các quy định pháp luật của nhà nước trong hoạt động hành nghề dược tại Việt Nam như Luật dược, quy định về đăng kí thuốc, quy định ghi nhãn thuốc, quy định về thông tin quảng cáo thuốc, quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt, quy định về thuốc kê đơn và thuốc không kê đơn, quy định về hành nghề tại các cơ sở bán lẻ thuốc, quy định về thanh tra dược, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dược, quy định về quản lý chất lượng thuốc.

Giáo trình

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hùng (2013), Pháp Chế Dược, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

Hệ thống tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Việt Nam

<https://emohbackup.moh.gov.vn/publish/home>

136041 - HÓA DƯỢC 2

Học phần hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính,

thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc. Học phần cũng giúp cho sinh viên giải thích được mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng sinh học và cơ chế tác dụng của một số thuốc chính.

Giáo trình

- Lê Minh Trí, Huỳnh Thị Ngọc Phương. Hóa dược 1, Bộ y tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2009.

Tài liệu tham khảo

- Dược điển Việt Nam IV, 2010.

136044 - DƯỢC ĐỘNG HỌC

Học phần Dược động học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể. Sự thay đổi dược động ở các đối tượng sử dụng thuốc khác nhau, đồng thời cung cấp các kiến thức về tương tác dược động. Từ đó làm nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng.

Giáo trình

- Hoàng Thị Kim Huyền (2016), Dược động học: những kiến thức cơ bản, NXB Y học
- Bộ Y tế (2011), Dược lâm sàng: sách dùng đào tạo Dược sĩ Đại học, NXB Y học
- Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học

Tài liệu tham khảo

- Mai Tất Tố (2007), Dược lý học: tập 1: Sách đào tạo Dược sĩ Đại học, NXB Y học
- Nguyễn Xuân Thắng (2011), Dược lý phân tử: từ phân tử đến lâm sàng, NXB Y học
- Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học

136047 - DƯỢC LÝ 2

Học phần Dược lý 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ chế tác động, liều dùng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm thuốc đối với các trường hợp bệnh lý.

Giáo trình

- Mai Phương Mai, Trần Mạnh Hùng. Dược lý học Tập 1, NXB Y học,

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội
- Trần Thị Thu Hằng, Dược lực học, NXB Phương Đông 2018

136050 - QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ DƯỢC

Học phần Quản lý – Kinh tế Dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chính sách của nhà nước trong hành nghề dược, chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân, tài chính y tế. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh tế y tế, kinh tế dược; về hoạt động nghề nghiệp của dược sĩ trong nền kinh tế thị trường, các văn bản hành chính, các vấn đề cơ bản về thuế trong kinh doanh dược.

Giáo trình

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hùng (2007), Quản lý và kinh tế dược, NXB Y học.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hùng (2013), Pháp Chế Dược, NXB Giáo dục.
- Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyên (2015), Giáo trình Thuế 1, NXB Kinh tế Tp.HCM
- Hệ thống tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Việt Nam
- <https://emohbackup.moh.gov.vn/publish/home>

136052 - DƯỢC LÂM SÀNG

Học phần Dược lâm sàng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác dược lâm sàng để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện hoặc các trung tâm thông tin thuốc sau này, bao gồm:

- Kiến thức về thuốc (thông tin thuốc, tương tác thuốc, dị ứng thuốc, phản ứng có hại của thuốc..)
- Kiến thức về sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt (PNCT, trẻ em, suy gan, thận), sử dụng các nhóm thuốc cơ bản.

Giáo trình

- Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers (2012). *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 1: Các nguyên lý cơ bản trong Dược lâm sàng*. Nơi xuất bản: NXB Y học.
- Nguyễn Tuấn Dũng, Nguyễn Ngọc Khôi (2019). *Dược lâm sàng đại cương*. Nơi xuất bản: NXB Y học.

136053 - KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM

Học phần Kiểm nghiệm thuốc là môn chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên Dược các năm cuối mục đích: để sinh viên nắm được các quy định của công tác Kiểm nghiệm thuốc, các chỉ tiêu phải thực hiện khi kiểm nghiệm để đáp ứng được các yêu cầu

mang tính pháp lý mang lại chất lượng của thuốc cho người sử dụng.

Nội dung của môn học Kiểm nghiệm thuốc gồm 2 phần chính:

Phần I: Nghiệp vụ công tác Kiểm nghiệm

Phần II: Phương pháp Kiểm nghiệm các dạng thuốc

Giáo trình

- Đặng Văn Hòa; Vĩnh Định (2011). Kiểm nghiệm thuốc. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội

136054 - THỰC HÀNH KIỂM NGHIỆM DƯỢC PHẨM

Học phần Thực hành kiểm nghiệm thuốc là môn chuyên ngành, giảng dạy cho sinh viên Dược các năm cuối mục đích: để sinh viên nắm được các quy định của công tác Kiểm nghiệm thuốc, các chỉ tiêu phải thực hiện khi kiểm nghiệm để đáp ứng được các yêu cầu mang tính pháp lý mang lại chất lượng của thuốc cho người sử dụng.

Nội dung của môn học Kiểm nghiệm thuốc gồm 2 phần chính:

Phần I: Nghiệp vụ công tác Kiểm nghiệm

Phần II: Phương pháp Kiểm nghiệm các dạng thuốc

Giáo trình

- Bộ môn Hóa phân tích- Kiểm nghiệm. Giáo trình thực tập Kiểm nghiệm thuốc. Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Văn Hòa; Vĩnh Định (2011). Kiểm nghiệm thuốc. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội

136055 - ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm liên quan đến đạo đức nói chung, 12 điều Y đức của VN, 10 điều về Đạo đức trong hành nghề dược VN ; Lời thề của của Dược sĩ của FIP (Liên đoàn Dược thế giới); So sánh giữa bộ quy tắc đạo đức trong hành nghề dược VN, Hoa kỳ, Singapore. Ngoài ra SV còn được trang bị kiến thức và phân tích các tình huống về Đạo đức trong kinh doanh, phân phối và quảng cáo thuốc; Quy tắc tương tác với chuyên gia y tế (PHARMA code); WMA Tuyên bố HELSINKI của Hội Y khoa thế giới về Nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y khoa liên quan đến con người; Thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng.

136060 - THỰC HÀNH DƯỢC LIỆU

Học phần thực hành dược liệu cung cấp cho sinh viên kiến thức về nhận biết, chiết xuất, định tính bằng

phương pháp hóa học, sắc ký, định lượng các nhóm hợp chất tự nhiên có trong dược liệu. Học phần cũng cung cấp kỹ năng thực hành phòng thí nghiệm và kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên.

Giáo trình

- Ngô Văn Thu (2011). Dược liệu học tập 1. Nhà xuất bản Y học.

- Phạm Thanh Kỳ (2007). Dược liệu học tập 2. Nhà xuất bản Y học

136061 - DƯỢC XÃ HỘI HỌC

Học phần cung cấp cho sinh viên (SV) những kiến thức về Dược Xã hội học (DXHH); tầm quan trọng của thuốc về mặt xã hội, về Tuyên bố Alma Ata & Danh mục thuốc thiết yếu (EML) & Chính sách quốc gia về thuốc (NDP), về Đặc điểm & Cam kết & Vai trò của DS, về cơ sở ban hành Tiêu chuẩn chất lượng cho Thực hành dược, về vai trò của DS trong Sử dụng thuốc hợp lý, trong chống Sai sót về thuốc trong cấp phát, trong Chính sách kiểm soát đề kháng của thuốc kháng khuẩn, trong thông tin thuốc & tự dùng thuốc cho người bệnh. Ngoài ra môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các chỉ báo sử dụng thuốc, về các khái niệm liên quan đến đạo đức, so sánh giữa bộ quy tắc đạo đức trong hành nghề dược VN, Hoa Kỳ, Singapore. Với tư cách là DS và là những nhà quản lý trong tương lai, SV sẽ thảo luận về nội dung bài học để rút ra những kết luận thực tiễn từ các nội dung của môn học.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2019), Giáo trình Dược XHH, Khoa Dược – Đại học Lạc Hồng

136066 – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC

Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, thuốc generic, thuốc giả, một số công cụ thiết yếu để đảm bảo thuốc có chất lượng tốt ở phạm vi toàn cầu, hệ thống chất lượng trong nhà máy sản xuất thuốc, quy trình quản lý rủi ro về chất lượng, tài liệu chất lượng, đánh giá thiết bị, thẩm định quy trình sản xuất thuốc (QTSX), chống tạt nhiễm trong sản xuất thuốc và thiết kế nhà xưởng theo yêu cầu GMP.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2020), Đảm bảo chất lượng thuốc – Phần Đại cương, Giáo trình nội bộ, Bộ môn Bào chế & Công nghiệp dược, Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.

136072 THÔNG TIN THUỐC VÀ DƯỢC CẢNH

GIÁC

Môn Thông tin thuốc và dược cảnh giác là môn học tự chọn dành cho sinh viên theo định hướng “Dược lý – Dược lâm sàng”

Môn học cung cấp cho sinh viên những thông tin và kỹ năng cơ bản về cảnh giác dược để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện hoặc các trung tâm thông tin thuốc sau này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2012), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học
- Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2008), Cảnh báo khi dùng thuốc, NXB Y học.

136074 – VI TÍNH DƯỢC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ – CUNG ỨNG THUỐC

Môn học giúp sinh viên ứng dụng Công nghệ Thông tin trong trình bày văn bản khoa học đa định dạng và các phân tích thống kê trong nghiên cứu khoa học và chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản lý – Cung ứng thuốc.

Giáo trình:

- Đỗ Quang Dương, Nguyễn Thụy Việt Phương, Chung Khang Kiệt, Nguyễn Thành Tân (2019), Công nghệ Thông tin ứng dụng trong ngành Dược, tài liệu lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Kim Thúy (2014), Nguyên lý thống kê: Ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB Lao Động và Xã Hội.
- WHO, Institutional Repository for Information Sharing:
<http://apps.who.int/iris/handle/10665/40062>

136078 – MARKETING DƯỢC PHẨM

Môn học Marketing dược cung cấp cho sinh viên ngành dược các kiến thức liên quan đến lĩnh vực Marketing, tìm hiểu về cách thức phân khúc thị trường trong ngành dược phẩm, từ đó thực hiện các chính sách về sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến để đưa những sản phẩm dược đến tay người tiêu dùng với giá hợp lý và chất lượng tối ưu đồng thời cũng mang lại hiệu quả tối ưu nhất cho doanh nghiệp kinh doanh dược phẩm.

Giáo trình

- Quách Thị Bửu Châu, đồng sự (2010), *Marketing căn bản*, Hà Nội, NXB Lao Động

- An Thị Thanh Nhân, Lục Thị Thu Hường (2010), *Quản Trị Xúc Tiến Thương Mại Trong Xây Dựng Và Phát Triển Thương Hiệu*, Hà Nội, NXB Lao động – Xã Hội.

Tài liệu tham khảo

- Mickey Smith (2014), *Principles of Pharmaceutical Marketing*,
https://books.google.com.vn/books?id=hpAABA-AAQBAJ&printsec=frontcover&hl=vi&source=gbs_atb#v=onepage&q&f=true,

136080 – QUẢNG CÁO THƯƠNG HIỆU VÀ GIỚI THIỆU THUỐC

Quảng cáo thương hiệu - giới thiệu thuốc là một môn học có vị trí quan trọng nhằm trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, phát triển thương hiệu và các biện pháp, kỹ thuật nhằm phát triển thương hiệu sản phẩm dược. Đồng thời môn học cung cấp cho người học những kỹ năng, biện pháp và quy trình giới thiệu thuốc và các sản phẩm dược phẩm ở Việt Nam.

Giáo trình

- Phan Văn Hải (2018), Quảng cáo thương hiệu và giới thiệu thuốc, Đại học Lạc Hồng, Lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Phạm Thị Lan Hương (2014), Quản trị thương hiệu, NXB Tài chính, TP Hồ Chí Minh.
- Trần Minh Đạo (2013), Marketing căn bản, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

136094 – VI TÍNH DƯỢC CHUYÊN NGÀNH SẢN XUẤT – PHÁT TRIỂN THUỐC

Học phần giúp sinh viên ứng dụng Công nghệ Thông tin trong trình bày văn bản khoa học đa định dạng và các phân tích thống kê trong nghiên cứu khoa học và chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Sản xuất – Phát triển thuốc.

Giáo trình

- Đỗ Quang Dương, Nguyễn Thụy Việt Phương, Chung Khang Kiệt, Nguyễn Thành Tân (2019), Công nghệ Thông tin ứng dụng trong ngành Dược, tài liệu lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Kim Thúy (2014), Nguyên lý thống kê: Ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB Lao Động và Xã Hội.
- WHO, Institutional Repository for Information Sharing:
<http://apps.who.int/iris/handle/10665/40062>

136101- THỰC HÀNH BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC

Thực hành bào chế là một môn cơ sở ngành, giúp sinh viên vận dụng được kiến thức đã học trong môn Bào chế và sinh dược học để thực hành điều chế một số dạng thuốc cơ bản. Nội dung học bao gồm: sử dụng một số thiết bị trong bào chế và trong đánh giá chất lượng thuốc, điều chế được một số dạng bào chế thông dụng.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2018), Thực hành Bào chế và sinh dược học, Giáo trình nội bộ. Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 1 và tập 2, NXB Y học.

136102 - THỰC HÀNH HÓA DƯỢC

Học phần thực hành Hóa Dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức cấu trúc và tính chất lý hóa của một số thuốc. Vận dụng được những kiến thức trên trong việc điều chế, kiểm nghiệm một số nguyên liệu dùng làm thuốc thông thường

Giáo trình

- Giáo trình thực tập hóa dược, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, trường đại học Lạc Hồng, 2015.

Tài liệu tham khảo:

- Dược điển Việt Nam IV, 2010.

136103 - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về Dược học cổ truyền bao gồm:

- Đại cương về y học cổ truyền gồm các học thuyết y học cổ truyền, nguyên nhân và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền, bát cương, bát pháp, và phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền.
- Thuốc cổ truyền gồm phần đại cương và phân loại thuốc cổ truyền
- Cuối cùng là chế biến thuốc cổ truyền gồm đại cương và phương pháp chế biến 1 số vị thuốc cổ truyền

Giáo trình

- Phạm Xuân Sinh (chủ biên). Dược học cổ truyền, NXB Y học, 2014.
- Nguyễn Phương Dung (chủ biên). Dược học cổ truyền, NXB Đại học sư phạm TP. HCM, 2016.

136104 - ĐỘC CHẤT HỌC

Độc chất học có vai trò quan trọng trong ngành Y Dược, nghiên cứu về chất độc và tác động của các chất độc lên cơ thể sống. Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến các triệu chứng, cơ chế, phương pháp kiểm nghiệm và điều trị sự ngộ độc.

Giáo trình

- Trần Thanh Nhãn, Độc chất học, NXB Giáo dục Việt Nam

136105 - SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG 1

Môn Sinh học đại cương 1 là môn học đại cương. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sinh học tế bào, bao gồm: Cơ sở hóa học của sự sống, cấu trúc và sinh sản của tế bào, năng lượng và sự trao đổi chất ở tế bào.

Giáo trình

- Bài giảng Sinh học tế bào in cho SV của PGS.TS Trương Thị Đẹp.
- Khoa Dược, trường đại học Lạc Hồng (2015). Giáo trình Thực tập Sinh học tế bào và Thực vật dược. Giáo trình nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Cao Văn Thu (2012). Sinh học đại cương. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Thành Hồ (2000). Sinh học đại cương: Tế bào học – Di truyền học – Học thuyết tiến hóa. Nhà xuất bản ĐH Quốc gia TP.HCM.

136106 - HOÁ VÔ CƠ

Học phần gồm 10 chương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản các vấn đề liên quan đến các tính chất của các nguyên tố hóa học trong bảng hệ thống tuần hoàn, cơ sở lý thuyết của các liên kết hóa học trong các hợp chất vô cơ, các tính chất vật lý, hóa học, các phương pháp điều chế và ứng dụng của các đơn chất và hợp chất vô cơ.

Giáo trình

- Lê Thành Phước (2009), Hóa đại cương - vô cơ: tập 2: sách đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Đình Soa (2009), Hóa học vô cơ, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

136107 - THỰC HÀNH HOÁ VÔ CƠ

Thực hành Hóa vô cơ bao gồm các thí nghiệm liên quan đến các kiến thức Hóa vô cơ như tính chất của các đơn chất (kim loại, phi kim), hợp chất (oxit, hidroxit) của các nguyên tố nhóm IA, IIA, IIIA, IVA, VA, IVA, IIVA, IB, IIB, VIB, IIVB, IIIVB. Môn học sẽ giúp sinh viên biết các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm, cách quan sát các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học, vận dụng những kiến thức đã học giải thích các hiện tượng xảy ra trong phản ứng hóa học.

Tài liệu tham khảo

- Lê Thành Phước (2009), Hóa đại cương - vô cơ: tập 2: sách đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học.
- Nguyễn Đình Soa (2009). Hóa Vô Cơ – NXB Đại Học Bách Khoa Tp. HCM.
- Nguyễn Đình Soa (2004). Hóa đại cương, nhà xuất bản Trường Đại Học Bách Khoa Tp. HCM .

136109 - THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 2

Môn học giúp sinh viên nhận biết một số cây thuốc, dược liệu thông dụng, trình bày được được tên khoa học, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng của các cây thuốc và dược liệu. Sinh viên ban đầu được cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái thực vật.

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Tất Lợi. Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nhà xuất bản y học, 2003.

136110 - THỰC HÀNH DƯỢC KHOA 3

Học phần Thực hành dược khoa 3 nhằm giới thiệu khái quát cho sinh viên năm nhất về vị trí và công việc của người Dược sĩ. Qua quá trình tham quan, sinh viên được quan sát hoạt động của một công ty sản xuất dược phẩm, khoa Dược bệnh viện, qua đó thấy được vị trí và vai trò quan trọng của người Dược sĩ trong hệ thống y tế, bước đầu hình thành lòng yêu nghề nghiệp và nâng cao ý thức tự giác trong học tập.

Tài liệu tham khảo:

- Đề cương hướng dẫn môn THKD3, Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, Khoa Dược – Trường Đại học Lạc Hồng, 2015
- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2010), Bào chế và sinh dược học: tập 2, NXB Giáo dục.

136116 - THỰC HÀNH DƯỢC LÝ

Thực hành Dược lý cung cấp cho sinh viên :

Kiến thức Dược lý về các nhóm thuốc liên quan đến cơ chế tác động, thông số dược động học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, lưu ý khi sử dụng thuốc.

Kỹ năng làm việc nhóm, thiết kế bài báo cáo, thuyết trình, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến thông tin thuốc.

Giáo trình

- Trần Thị Thu Hằng, Dược lực học, NXB Phương Đông 2018

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2015), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội

136117 – THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG

Học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác dược lâm sàng để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện hoặc các trung tâm thông tin thuốc sau này, bao gồm:

- Kỹ năng tìm kiếm thông tin thuốc
- Kỹ năng tra cứu tương tác thuốc
- Kỹ năng phân tích đơn thuốc và tư vấn sử dụng thuốc

Giáo trình

- Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers (2012). Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 1: Các nguyên lý cơ bản trong Dược lâm sàng. Nơi xuất bản: NXB Y học.
- Nguyễn Tuấn Dũng, Nguyễn Ngọc Khôi (2019). Dược lâm sàng đại cương. Nơi xuất bản: NXB Y học.

136118 - MỸ PHẨM VÀ THỰC PHẨM CHỨC NĂNG /THUỐC DƯỢC LIỆU

Học phần giới thiệu những kiến thức về các nghị định của Chính phủ và thông tư của Bộ y tế về công tác quản lý mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và thuốc từ dược liệu bao gồm các thông tư mới nhất về thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu

Giáo trình (lưu hành nội bộ)

- Bài giảng Mỹ phẩm
- Bài giảng Thực phẩm chức năng
- Bài giảng Thuốc từ dược liệu
- **Tài liệu tham khảo**
- Agreement on the Asean harmonized cosmetic regulatory scheme (2003)

- Cosmetic Europe:Cosmetic directive 76/768/EEC consolidated version (2004)
- Các website: <https://www.fda.gov/food> ; <https://www.fda.gov/cosmetics> ; <https://cosmeticsinfo.org/> và <https://picscheme.org/>
- Các nghị định của chính phủ và thông tư của Bộ Y tế ban hành về công tác quản lý mỹ phẩm và thực phẩm chức năng nêu ở mục 3.

136122– QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Học phần quản trị doanh nghiệp cung cấp những kiến thức tổng quan và những tình huống thực tiễn về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp. Cụ thể, những kiến thức cơ bản về quản trị, quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị cung ứng, quản trị nhân sự, quản trị tài chính, quản trị rủi ro và khủng hoảng, ... Trên cơ sở này sinh viên có cái nhìn tổng quát về hoạt động doanh nghiệp và có phương pháp luận tốt để tiếp nhận và quản trị doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Ansoff, H.I, Corporate strategy, Mc Graw Hill, 2018
- Đồng Thị Thanh Phương, Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, NXB Thống kê, HN, 2019
- Nguyễn Thành Độ, Giáo trình Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, NXB Đại học KTQD, HN, 2019
- Peter F. Drucker, Những Nguyên Lý Quản Trị Bất Biến Mọi Thời Đại, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2019
- Steiamann, H., Scchreyoegg, G., Management, 5th ed., Wiesbaden, 2020

136123 – QUẢN LÝ DỰ ÁN

Thực hiện đầu tư bằng dự án có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Tuy nhiên, đầu tư vào dự án nào để có hiệu quả cao nhất còn tùy thuộc vào chất lượng của công tác quản trị. Quản trị dự án được bắt đầu từ giai đoạn tổ chức thiết lập dự án cho đến thẩm định, lựa chọn dự án và cuối cùng là tổ chức thực hiện dự án. Quản trị dự án được thực hiện bởi người quản trị dự án của tổ chức và không thể tiến hành một cách tùy tiện mà phải chuyên nghiệp và bài bản, xuất phát từ các căn cứ khoa học vững chắc.

Giáo trình

- Từ Quang Phương (2012), Giáo trình quản lý dự án, Đại học Kinh tế quốc dân.
- Clark A. Campbell, Vũ Kiều Tuấn Anh (2008), Quản lý dự án trên một trang giấy, NXB Thời Đại.

- Trần Thị Bích Nga, Nguyễn Văn Qui (2006), Quản lý dự án lớn và nhỏ, Nhà Xuất Bản Tổng hợp TPHCM.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quốc Ân và cộng sự (2012), Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, NXB Kinh tế TP.HCM.
- Stephen Barker & Rob Cole (2009), Thập đơn giản Quản lý dự án, NXB Lao Động Xã Hội.
- PMBOK (2008), A guide to the project management body of knowledge, Project Management Institute, Inc.

136124 -KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO, TỔ CHỨC

Môn học đề cập đến các nội dung cơ bản về phẩm chất, kỹ năng, bản chất và vai trò của nhà lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo hiệu quả, quyền lực và sự ảnh hưởng cũng như các tình huống lãnh đạo thực tế được thảo luận để trao đổi và phát triển kỹ năng lãnh đạo.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hữu Lam, Nghệ thuật lãnh đạo, NXB Lao động - xã hội, 2011
- John C. Maxwell (2008), “Nhà lãnh đạo 3600”, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2020
- John Maxwell- 21 phẩm chất vàng của nhà lãnh đạo, NXB Lao động - xã hội, 2010

136125 - SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG 2

Môn học Sinh học đại cương 2 là môn cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử
- Cơ chế sự tự nhân đôi, phiên mã, tổng hợp protein
- Cơ chế điều chỉnh, đột biến gen và hậu quả.

Giáo trình

- Cao Văn Thu (chủ biên) 2012. Sinh học đại cương, NXB giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Thanh (chủ biên) 2009. Sinh học phân tử, NXB giáo dục.

136126 THỰC HÀNH SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG 2

Môn học Thực hành Sinh học đại cương 2 là môn cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- An toàn sinh học PTN
- Các qui trình chiết tách ADN , định lượng và đánh giá độ tinh sạch.

- Dùng phương pháp điện di để hiển thị các loại ADN
- Kỹ thuật cắt giới hạn và kỹ thuật PCR

Giáo trình

- Cao Văn Thu (chủ biên) 2012. Sinh học đại cương, NXB giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Thanh (chủ biên) 2009. Sinh học phân tử, NXB giáo dục.

136127 - HÓA PHÂN TÍCH 2 và 136128 – THỰC HÀNH HÓA PHÂN TÍCH 2

Hóa phân tích 2 nhằm trang bị các kiến thức căn bản về hóa học phân tích (phần trang thiết bị; dụng cụ hiện đại) để từ đó sinh viên Dược ứng dụng để hiểu rõ hơn các môn Bào chế, Dược liệu, Hóa dược, Dược lực, Kiểm nghiệm thuốc là các môn nghiệp vụ sẽ được học tập ở các năm kế tiếp. Nội dung của môn học Hóa phân tích 2 gồm 4 phần chính:

Phần I: Các kỹ thuật và các phương pháp chiết tách: ứng dụng chiết xuất một số hoạt chất từ Dược phẩm

Phần II: Các phương pháp điện hóa: ứng dụng chuẩn độ Karl-Fischer để xác định hàm lượng nước trong một số chế phẩm; Chuẩn độ trong môi trường khan các chế phẩm có tính acid, base yếu

Phần III: Các phương pháp quang phổ (UV- Vis; IR; AAS)

Phần IV: Các kỹ thuật và các phương pháp sắc ký: (TLC; CC; HPLC; GC)

Giáo trình

- Võ Thị Bạch Huệ và Vĩnh Định. Hóa phân tích (Tập 2). Nhà xuất bản Y học

Tài liệu tham khảo

- Trần Từ An (2012). Hóa phân tích (Tập 2). Nhà xuất bản Y học

136129 – THỰC HÀNH NHÀ THUỐC

Học phần Thực hành nhà thuốc cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của dược sĩ đại học tại nhà thuốc. Thông qua các bài tập tình huống giúp SV vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng để giải quyết các vấn đề tại nhà thuốc trong các công tác quản lý, điều hành nhà thuốc cũng như tiếp xúc và phục vụ bệnh nhân.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thanh Bình, Lê Viêt Hùng (2013), *Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc*, NXB Giáo dục.
- Các văn bản pháp luật được đăng tải trên trang web <http://hocduoc.lhu.edu.vn/>

136130 – SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Môn học tập trung vào vấn đề tương tác giữa xã hội và giáo dục sức khỏe, điều trị bệnh trong cộng đồng, các biện pháp phòng bệnh (bệnh nhiễm và bệnh không nhiễm) và điều trị không dùng thuốc đối với các bệnh thường gặp trong cộng đồng.

Giáo trình

- Nguyễn Văn Mạn, Nguyễn Quốc Bảo, Bùi Thị Bích (2011) “Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe”, NXB Y học

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Hiến, Lê Thu Hòa, “Kỹ năng giao tiếp dành cho cán bộ y tế”, Nhà xuất bản Y học.

136131 - HÓA PHÂN TÍCH 1 và 136132 – THỰC HÀNH HÓA PHÂN TÍCH 1

Nhằm trang bị các kiến thức căn bản về hóa học phân tích để từ đó sinh viên Dược hiểu rõ hơn các môn Bào chế, Dược liệu, Hóa dược, Dược lực, Kiểm nghiệm thuốc là các môn nghiệp vụ sẽ được học tập ở các năm kế tiếp.

Đây cũng là môn học nhằm cung cấp các kiến thức nền tảng rất quan trọng để sau khi tốt nghiệp, dù làm việc ở bất kỳ các vị trí nào thì Dược sĩ cũng xác định được nhiệm vụ của mình là trực tiếp hay gián tiếp góp phần cho thuốc phải đúng về chất lượng và đủ về số lượng khi tới tay người sử dụng. Nội dung của môn học gồm 3 phần chính:

Phần I: Xử lý số liệu thống kê

Phần II: Xác định nồng độ; Phân tích khối lượng

Phần III: Phân tích thể tích (cơ chế acid – base; oxy hóa – khử; kết tủa và tạo phức)

Giáo trình

- Võ thị Bạch Huệ (2011). Hóa phân tích (Tập 1). Nhà xuất bản Giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Trần Từ An (2007). Hóa phân tích (Tập 1). Nhà xuất bản Y học.

136139 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược và các định hướng, phương pháp trong nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Đạo đức trong hành nghề dược, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược, Trường đại học Lạc Hồng, 2012.

136140 - HÓA HỮU CƠ 1

Học phần hóa hữu cơ 1 là môn học cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

- Sự hình thành và bản chất của các liên kết hóa học ở hợp chất hữu cơ.
- Các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể
- Cơ chế phản ứng, đồng phân
- Các hydrocarbon mạch hở và hydrocarbon thơm: danh pháp, điều chế, tính chất hóa học và vật lý, khả năng ứng dụng

Giáo trình

- Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt. Hóa học hữu cơ: sách đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học, 2007.

Tài liệu tham khảo

- Phan Thanh Sơn Nam, Trần Thị Việt Hoa. Hóa hữu cơ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
- Phan Thanh Sơn Nam, Bài tập hóa hữu cơ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

136141 – HÓA HỮU CƠ 2

Học phần hóa hữu cơ 2 là môn học cơ sở ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

- Danh pháp, cấu tạo, tính chất vật lý, phương pháp điều chế, các phản ứng hoá học của các nhóm chức hữu cơ bao gồm các dẫn xuất halogen, cơ kim, alcohol, phenol, aldehyde, ketone, acid carboxylic, amine, hợp chất dị vòng.
- Các phương pháp để tổng hợp các hợp chất hữu cơ.
- Các phương pháp vật lý, hoá học xác định cấu trúc hoá học của hợp chất hữu cơ.

Giáo trình

- Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt. Hóa học hữu cơ: sách đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học, 2007.

Tài liệu tham khảo

- Phan Thanh Sơn Nam, Trần Thị Việt Hoa. Hóa hữu cơ, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.

- Phan Thanh Sơn Nam, Bài tập hóa hữu cơ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

136142 - SINH LÝ

Sinh lý học là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức nền tảng cho các môn học cơ sở ngành khác như Vi sinh, Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Bệnh học và những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng,...

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng của các tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường; nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển thích nghi với sự biến đổi của môi trường sống.

Giáo trình

- Trường Đại học Lạc Hồng (2014), *Giáo trình sinh lý*, Lưu hành nội bộ, Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2012), *Giải phẫu – Sinh lý người* (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2017), *Sinh lý học* (sách đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2018), *Sinh lý học* (sách đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136143 - SINH LÝ BỆNH VÀ MIỄN DỊCH

Sinh lý bệnh và miễn dịch là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức nền tảng cho các môn học cơ sở ngành khác như Vi sinh, Ký sinh trùng, Bệnh học,... và những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng,...

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về:

- Sinh lý bệnh đại cương như hiện tượng viêm, rối loạn chuyển hoá glucid, lipid, protid, nước, điện giải, cân bằng acid – base, thân nhiệt.
- Sinh lý bệnh các cơ quan như rối loạn cấu tạo máu, tuần hoàn, tiêu hóa, chức năng gan, tiết niệu.
- Đại cương về miễn dịch học, lịch sử phát triển môn miễn dịch học, các tế bào và cơ quan tham gia đáp ứng miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu, ứng dụng miễn dịch dùng trong chẩn đoán và phòng chống bệnh tật cho cộng đồng.

Giáo trình

- Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2006), Miễn dịch - Sinh lý bệnh, Nhà xuất bản Y học - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2017), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2017), Sinh lý bệnh - Miễn dịch (sách đào tạo cử nhân điều dưỡng), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Bảng, Nguyễn Thị Kim Hương (2003), Vacxin và chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2016), Sinh lý bệnh học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2018), Sinh lý bệnh và miễn dịch: Phần sinh lý bệnh học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y tế công cộng (2006), Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136144 - BỆNH HỌC

Bệnh học là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức nền tảng cho các môn học cơ sở ngành khác như Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh,... và những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng,... Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, phương pháp điều trị các bệnh thường gặp trong cộng đồng.

Giáo trình

- Trường Đại học Lạc Hồng (2012), Bệnh học, Lưu hành nội bộ, Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2010), Bệnh học (Sách đào tạo dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế, Bệnh viện Bạch Mai (2012), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa, cẩm nang nghiệp vụ của Bác sĩ lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế, Bệnh viện Bạch Mai (2017), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa, cẩm nang nghiệp vụ của Bác sĩ lâm sàng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2012), Bệnh học Nội khoa, Nhà xuất bản Y học - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2018), Bệnh học Nội khoa – Tập 1, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2018), Bệnh học Nội khoa – Tập 2, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136145 - THỰC HÀNH SINH LÝ

Thực hành Sinh lý là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng cho các môn học cơ sở ngành khác như Vi sinh, Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Bệnh học và những môn học chuyên ngành như Dược lý, Dược lâm sàng,... Học phần huấn luyện cho sinh viên có được:

- Kiến thức để phân tích các kết quả xét nghiệm như huyết đồ, hô hấp đồ, điện tâm đồ bình thường, hệ số thanh lọc, đo vận tốc dẫn truyền vận động và cảm giác của dây thần kinh giữa.
- Kỹ năng thực hiện đo huyết áp động mạch cánh tay bằng phương pháp gián tiếp, nghiệm pháp dung nạp glucose bằng đường uống và thực hiện các phản xạ gân cơ.

Giáo trình

- Trường Đại học Lạc Hồng (2014), Giáo trình thực hành sinh lý, Lưu hành nội bộ, Đồng Nai.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2012), Giải phẫu – Sinh lý người (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2017), Sinh lý học (sách đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2018), Sinh lý học (sách đào tạo bác sĩ đa khoa), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2003), Thực tập Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136147 – KINH TẾ DƯỢC

Học phần Kinh tế dược cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên lý cơ bản của kinh tế trong kinh tế y tế và kinh tế dược như: các bài toán kinh tế vi mô, dự báo giá, phân tích ra quyết định và các phân tích liên quan đến lựa chọn sản phẩm dược trên lâm sàng (phân tích chi phí – hiệu quả, phân tích chi phí – thỏa dụng).

Giáo trình

- Renée J. G. Arnold (2009) “Pharmacoeconomics: From Theory to Practice”, CRC Press

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2013), Pháp Chế Dược, NXB Giáo dục.
- Bộ Y tế, WHO, Dương Huy Liệu, Trương Việt Dũng (2006), Quản lý Y tế, NXB Y học.

136148 - BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 1

Học phần học trang bị cho sinh viên các kiến thức về các dạng bào chế nói chung; về cách phân loại các dạng bào chế theo đường sử dụng và theo cấu trúc của hệ phân tán; về định nghĩa, đặc điểm, thành phần của công thức, phương pháp bào chế và đánh giá chất lượng của các dạng bào chế thông dụng (theo Dược điển). Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến sinh khả dụng, tương đương sinh học và những yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của các dạng bào chế nói trên.

Giáo trình

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 1, NXB Y học.

Tài liệu tham khảo

- Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (2006), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1, NXB Y Học.

136149 - BÀO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC 2

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về các dạng bào chế nói chung; về cách phân loại các dạng bào chế theo đường sử dụng và theo cấu trúc của hệ phân tán; về định nghĩa, đặc điểm, thành phần của công thức, phương pháp bào chế và đánh giá chất lượng của các dạng bào chế thông dụng (theo Dược điển). Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp các kiến thức cơ bản liên quan đến sinh khả dụng, tương đương sinh học và những yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của các dạng bào chế nói trên.

Giáo trình

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 2, NXB Y học.

Tài liệu tham khảo

- Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (2006), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 2, NXB Y Học.

136150 - DƯỢC LIỆU 1

Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về định nghĩa, phân loại, cấu trúc, định tính, định lượng và tác dụng của các hợp chất tự nhiên có trong dược liệu: Carbohydrat, Glycosid tim, Anthranoid, Flavonoid, Saponin, Tanin. Học phần

giúp sinh viên nhận biết thành phần hoạt chất trong dược liệu, vận dụng các kiến thức vào lĩnh vực kiểm nghiệm, sản xuất thuốc từ dược liệu.

Giáo trình

- Ngô Văn Thu (2011). Dược liệu học tập 1. Nhà xuất bản Y học.

136151 – DƯỢC LIỆU 2

Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về định nghĩa, phân loại, cấu trúc, định tính, định lượng và tác dụng của các hợp chất tự nhiên có trong dược liệu: Chất béo, Coumarin, Tinh Dầu, Alkaloid, Động vật làm thuốc, Nhựa, Kháng sinh thực vật. Học phần giúp sinh viên nhận biết thành phần hoạt chất có trong dược liệu, vận dụng các kiến thức vào lĩnh vực kiểm nghiệm, sản xuất thuốc từ dược liệu.

Giáo trình

- Ngô Văn Thu (2011). Dược liệu học tập 1. Nhà xuất bản Y học.
- Phạm Thanh Kỳ (2007). Dược liệu học tập 2. Nhà xuất bản Y học

136152 – CÁC HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TỐT TRONG NGÀNH DƯỢC – GPs

Môn học cung cấp kiến thức về những hướng dẫn trong nước và quốc tế cùng các quy định pháp luật tại Việt Nam liên quan đến Thực hành tốt trong ngành Dược tại các cơ sở kinh doanh dược, bao gồm các bộ nguyên tắc: GMP, GSP, GLP, GDP, GPP

Giáo trình

- Bộ môn Quản lý- Kinh tế dược (2020), Giáo trình GPs (nội bộ), Khoa dược – Trường Đại học Lạc Hồng

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2011), Pháp Chế Dược, NXB Giáo dục.
- Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng chính phủ.
- Hệ thống tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Việt Nam
- <http://emohbackup.moh.gov.vn/publish/home>

136153 – DỊCH TỄ DƯỢC HỌC

Học phần dịch tễ dược học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự phân bố của các yếu tố nguy

cơ và nguyên nhân tác động đến tình hình bệnh tật phổ biến, từ đó đề ra nguyên tắc điều trị và cách phòng chống cho người dân trong cộng đồng.

Giáo trình

- Dịch tễ dược học (2020), Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Thị Hoàng Lan (2011), Dịch tễ học (Sách đào tạo sau đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Nguyễn Thanh Bình (2014), Dịch tễ dược học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Dương Đình Thiện (2006), Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

136154 – CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở NHÀ THUỐC

Môn các bệnh thường gặp ở nhà thuốc là môn học tự chọn dành cho sinh viên theo định hướng chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh học, chẩn đoán và điều trị bằng thuốc ở một số bệnh thường gặp ở nhà thuốc, cũng như kỹ năng lựa chọn thuốc điều trị và tư vấn sử dụng thuốc để có thể ứng dụng trong xử trí các bệnh thường gặp ở nhà thuốc.

Giáo trình

- Hoàng Kim Huyền (2007), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers (2012), Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 1: Các nguyên lý cơ bản trong Dược lâm sàng, NXB Y học.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2018), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y Học
- Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học.
- Brian K. Alldredge, Robin L. Corelli, Michael E. Ernst, B. Joseph Guglielmo, Pamala A. Jacobson, Wayne A. Kradjan, Bradley R. Williams (2013), Koda-Kimble and Young's Applied Therapeutics: The Clinical Use of Drugs, 10 th edition, Wolters Kluwer.
- Joseph DiPiro, Robert L. Talbert, Gary Yee, Barbara Wells, L. Michael Posey (2014), Pharmacotherapy: a Pathophysiologic Approach, 9 th edition, McGraw-Hill Education.

- Alison Blenkinsopp, Paul Paxton and John Blenkinsopp (2014). Symptoms in the Pharmacy - A Guide to management of common illnesses 7th., Wiley Blackwell.

136155 – DƯỢC LIỆU VÀ CHẤT CHỐNG OXY HÓA CÓ NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, cơ chế tác dụng của các hợp chất chống oxy hóa, giới thiệu về các hợp chất tự nhiên có tác dụng chống oxy hóa thường gặp trong dược liệu, các dược liệu tiêu biểu có tác dụng chống oxy hóa.

Ngoài ra môn học cung cấp các phương pháp khảo sát hoạt tính chống oxy hóa và vận dụng các phương pháp vào xác định hoạt tính chống oxy hóa của dược liệu.

136156 – DÂN SỐ HỌC - CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các quá trình dân số, vấn đề về sức khỏe và y tế của dân số và các dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế và Dân số của Nước ta hiện nay.

136157 – ĐIỀU TRỊ KHÔNG DÙNG THUỐC

Môn điều trị không dùng thuốc là môn học tự chọn đối với sinh viên định hướng chuyên ngành Quản lý cung ứng thuốc – Hệ Phân phối thuốc.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các biện pháp điều trị không dùng thuốc, các thông tin chi tiết về cách thực hiện, mức độ và hiệu quả đạt được của mỗi biện pháp, từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể một chế độ điều trị không dùng thuốc ở một số bệnh lý; cũng như các kỹ năng tư vấn chế độ điều trị không dùng thuốc cho người bệnh, để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện, nhà thuốc.

136158 – XÂY DỰNG SOP CHUYÊN NGÀNH

Môn học chuyên ngành cung cấp cho sinh viên (SV) kiến thức và kỹ năng liên quan để xây dựng, áp dụng các quy trình thao tác chuẩn – SOP trong ngành dược, đặc biệt là các SOP được triển khai theo GSP, GDP và GPP. Qua môn học SV có thể thực hiện biên soạn được một SOP theo đúng yêu cầu về hình thức và nội dung, có thể xây dựng được quy trình triển khai áp dụng và cải tiến SOP trong hoạt động nghề nghiệp.

136159 – SINH DƯỢC HỌC

Môn học chuyên ngành nhằm cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực bào chế sản xuất thuốc và sử dụng thuốc nhằm làm tăng sinh khả dụng của dạng thuốc hoặc của hệ thống mang thuốc trong bào chế và tăng hiệu quả trong sử dụng thuốc. Nội dung chủ yếu gồm: Đại cương về sinh dược học và các pha động học của thuốc trong cơ thể; Sinh khả dụng của thuốc và tương đương sinh học; Sinh khả dụng của các dạng thuốc uống, của thuốc đặt trực tràng, của các dạng thuốc tiêm, của thuốc nhỏ mắt, của các dạng thuốc dùng trên da và một số dạng thuốc đặc biệt khác.

Ngoài ra SV còn được cung cấp kiến thức về các phương pháp và quy định để xác định sinh khả dụng và tương đương sinh học in vitro sinh khả dụng và tương đương sinh học in vivo

136160 – SỬ DỤNG HỢP LÝ KHÁNG SINH

Môn sử dụng hợp lý kháng sinh là môn học tự chọn đối với sinh viên định hướng chuyên ngành Dược lý - Dược lâm sàng.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dược động, phổ kháng khuẩn, chỉ định điều trị thường gặp của các nhóm kháng sinh thông dụng, các nguyên tắc sử dụng và phối hợp kháng sinh, an toàn trong dùng kháng sinh trị liệu; cũng như các kỹ năng phân tích, quyết định lựa chọn kháng sinh hợp lý và tư vấn sử dụng cho người bệnh, để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện, nhà thuốc.

136165 – VACCIN VÀ SINH PHẨM Y TẾ

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vắc-xin – thuốc chứa kháng nguyên dùng để tạo miễn dịch đặc hiệu chủ động cho cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và nguyên tắc cơ bản trong việc sử dụng một số loại sinh phẩm y tế hiện đang được lưu hành tại Việt Nam.

136213 - ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QLCU THUỐC

Giáo trình Anh văn chuyên ngành Quản lý và Cung ứng thuốc gồm 11 bài (unit). Mỗi bài học (unit) gồm 5 phần chính: Khởi động (Warm-up), Đọc hiểu (Reading Comprehension), Dịch (Translation), Tự học (Self-study), và Từ khóa (Key words). Nội dung gồm các vấn đề thực tế liên quan đến việc quản lý và cung ứng thuốc. Học phần ngoại ngữ chuyên ngành Quản lý và Cung ứng thuốc cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành. Từ đó giúp sinh

viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành.

Giáo trình

- General English Faculty (2016). English for drug supply and management major. LHU (Internal Use Only)

Tài liệu tham khảo

- Bruton, L. L., Chabner, B. A., & Knollmann, B. C. (2011). Goodman and Gilman's the Pharmacological Basics of Therapeutics (12th ed.). The McGraw-Hill Companies, Inc.
- McCarter, S. (2012). Medicine (Vol. 1). New York: Oxford University Press
- Sweetman, S. C. (2009). Martindale: The Complete Drug Reference (36th ed.). Pharmaceutical Press.

136216- CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Học phần Các phương pháp quản lý chất lượng dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối ngành Dược, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm, bao gồm khái niệm chất lượng, quản lý chất lượng; công cụ quản lý chất lượng; phương pháp quản lý chất lượng và tiêu chuẩn quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó vận dụng quản trị chất lượng sản phẩm dược. Nắm được những vấn đề cơ bản của quản lý chất lượng sản phẩm dược, trên cơ sở đó từng bước vận dụng vào quản lý chất lượng dược tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phương Vương, “Quản lý chất lượng”, NXB Giáo dục, 1998.
- - Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Thị Ngọc Diệp “Quản lý chất lượng: bài tập”, NXB Thống kê, 2010.
- Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự, “Giáo trình Quản trị chất lượng”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012
- Phạm Thăng, “Quản trị chất lượng”, NXB Thống kê, 2009.

136225 – DƯỢC BỆNH VIỆN

Học phần giúp sinh viên có những kiến thức liên quan đến hoạt động Dược tại khoa Dược bệnh viện bao gồm tổ chức và điều hành hoạt động quản lý và cung ứng thuốc trong bệnh viện một cách có hiệu quả, an toàn và kinh tế, đúng quy định pháp luật; những kiến thức về các nhiệm vụ chủ yếu của dược sĩ

tại các vị trí công việc trong khoa dược bệnh viện và trong Hội đồng thuốc và điều trị, mối quan hệ công tác với các bộ phận khác trong bệnh viện.

Giáo trình

- Bộ môn Quản lý - Kinh tế dược (2020), Giáo trình Dược bệnh viện. Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược – Trường đại học Lạc Hồng
- Tài liệu tham khảo
- Hệ thống tra cứu pháp luật tại Việt Nam <https://thuvienphapluat.vn/>
- Cổng thông tin Cục Quản lý dược – Bộ Y tế Việt Nam <https://dav.gov.vn/>
- Thomas L. Jackson (2017), 5S for healthcare. CRC Press

136226 – THỰC HÀNH DƯỢC BỆNH VIỆN 1

Học phần giúp sinh viên có những kiến thức thực hành liên quan đến các hoạt động, tổ chức và quản lý của người Dược sỹ đại học trong bệnh viện, cụ thể bao gồm những kiến thức về :

- Các phân tích cơ bản tại khoa Dược bệnh viện phục vụ xây dựng danh mục thuốc
- Đấu thầu thuốc tại bệnh viện

Giáo trình

- Bộ môn Quản lý - Kinh tế dược (2019). Giáo trình Thực hành Dược bệnh viện 1. Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược – Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Quản lý - Kinh tế dược (2020), Giáo trình Dược bệnh viện. Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược – Trường đại học Lạc Hồng

136227 – THỰC HÀNH DƯỢC BỆNH VIỆN 2

Học phần giúp sinh viên có những kiến thức thực hành liên quan đến hoạt động của người Dược sỹ đại học trong bệnh viện, cụ thể bao gồm:

- Quản lý thuốc kê đơn, thuốc không kê đơn, thuốc kiểm soát đặc biệt tại bệnh viện
- Quản lý thuốc và kiểm soát nhiệt độ độ ẩm của kho thuốc
- Thông tin thuốc và cảnh giác Dược
- Biên soạn SOP cho khoa Dược bệnh viện

Giáo trình

- Bộ môn Quản lý - Kinh tế dược (2019). Giáo trình Thực hành Dược bệnh viện 2. Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược – Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Quản lý - Kinh tế dược (2020), Giáo trình Dược bệnh viện. Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Dược – Trường đại học Lạc Hồng

136228 – DƯỢC LÂM SÀNG NÂNG CAO

Học phần Dược lâm sàng nâng cao là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao chuyên sâu để nhận biết và hướng dẫn điều trị một số bệnh lý chuyên khoa phổ biến, trang bị các kỹ năng phân tích ca lâm sàng một số bệnh chuyên khoa.

Giáo trình

- Nguyễn Ngọc Lanh, Văn Đình Hoa, Phan Thị Thu Anh, Trần Thị Chính (2016), Sinh lý bệnh học, NXB Y học
- Nguyễn Thị Xuyên (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học, NXB Y học
- Nguyễn Quốc Anh, (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa: cẩm nang nghiệp vụ của bác sĩ lâm sàng, NXB Y học
- Ngô Quý Châu, (2016), Bệnh học nội khoa. Tập 1, NXB Y học
- Ngô Quý Châu, (2016), Bệnh học nội khoa. Tập 2, NXB Y học

136229 – THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG NÂNG CAO

Học phần Thực hành Dược lâm sàng nâng cao là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng áp dụng kiến thức và hướng dẫn điều trị một số bệnh lý chuyên khoa phổ biến vào phân tích ca lâm sàng một số bệnh chuyên khoa.

Giáo trình

- Nguyễn Ngọc Lanh, Văn Đình Hoa, Phan Thị Thu Anh, Trần Thị Chính (2016), Sinh lý bệnh học, NXB Y học
- Nguyễn Thị Xuyên (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học, NXB Y học
- Nguyễn Quốc Anh, (2016), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa: cẩm nang nghiệp vụ của bác sĩ lâm sàng, NXB Y học
- Ngô Quý Châu, (2016), Bệnh học nội khoa. Tập 1, NXB Y học
- Ngô Quý Châu, (2016), Bệnh học nội khoa. Tập 2, NXB Y học

136233– LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng logistics, các quy định của ngành liên quan đến xuất nhập khẩu và phân phối dược phẩm, triển khai các hoạt động lập kế hoạch, cung ứng, tồn trữ và quản lý thuốc tại công ty, bệnh viện, nhà thuốc đúng theo quy định của pháp luật, các hướng dẫn thực hành tốt; đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và kinh tế.

Giáo trình

- Đoàn Thị Hồng Vân (2006), *Quản Trị Logistics*, Nhà xuất bản Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Xuân Minh, Kim Ngọc Đạt (2011), *Quản trị cung ứng*, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh
- Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2013), *Giáo trình Quản trị tác nghiệp*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Rees, H. (2011). *Supply Chain Management in the Drug Industry: Delivering Patient Value for Pharmaceuticals and Biologics*.
- Thaul, S. (2013). *Pharmaceutical Supply Chain Security*. Congressional Research Service.
- Institute of Management and Administration (2002), *Logistics and Inventory Management*, John Wiley & Sons, Inc., New York

136234 – THỰC TẬP THỰC TẾ DƯỢC BỆNH VIỆN

Môn học giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng thực tế về các hoạt động tại khoa Dược bệnh viện, nhận thấy được vai trò, nhiệm vụ của người dược sĩ tại khoa Dược bệnh viện, nhận ra mối quan hệ cộng tác với các bộ phận khác trong bệnh viện, cũng như hiểu được cách tổ chức, quản lý và cung ứng thuốc trong bệnh viện một cách có hiệu quả, an toàn và kinh tế theo đúng quy định của pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- Hệ thống tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Việt Nam
<https://emohbackup.moh.gov.vn/publish/home>

136235 - THỰC TẬP THỰC TẾ CUNG ỨNG VÀ PHÂN PHỐI THUỐC

Học phần Thực tập thực tế Cung ứng và phân phối thuốc trang bị cho sinh viên năm cuối định hướng chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc - hệ

Phân phối thuốc có những kiến thức thực tiễn liên quan đến hoạt động xuất nhập, tồn trữ, phân phối, sản xuất thuốc, việc triển khai các nguyên tắc GSP, GDP tại công ty bán buôn và sản xuất dược phẩm.

Tài liệu tham khảo

- Hệ thống tra cứu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Y tế Việt Nam
<https://emohbackup.moh.gov.vn/publish/home>

136236 – KINH TẾ DOANH NGHIỆP

Môn học Kinh tế doanh nghiệp Được cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế như Sự khan hiếm, cung cầu và sự hình thành giá cả thị trường, lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng, lựa chọn sử dụng đầu vào tối ưu của doanh nghiệp, lựa chọn sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp

Giáo trình

- Phan Thành Tâm, *Giáo trình kinh tế vi mô*, NXB Thống kê

Tài liệu tham khảo:

- David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch (1992). *Kinh tế học*. NXB Giáo dục và Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

136311 - ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH SXPT THUỐC

Giáo trình Anh văn chuyên ngành Sản xuất và Phát triển thuốc gồm 11 bài (unit). Mỗi bài học (unit) gồm 4 phần chính: Khởi động (Scrub up), Đọc hiểu (Reading Comprehension), Dịch (Translation), và Tự học (Self-study).

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và vốn từ vựng chung về chuyên ngành sản xuất và phát triển thuốc bao gồm:

- Hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về sản xuất và phát triển thuốc
- Chuyên luận của Dược điển Mỹ về các dạng phân liều
- Tiêu chuẩn kỹ thuật của một số hoạt chất và tính chất lý hóa của một số tá dược phổ biến
- Quy trình sản xuất một số loại thuốc
- Hướng dẫn sử dụng thuốc
- Một số bài báo khoa học nghiên cứu về thuốc

Giáo trình

- General English Faculty (2016). *English for drug development and production major*. LHU (Internal Use Only)

Tài liệu tham khảo

- Michaela Bücheler, Kathy Jaehnig, Gloria Matzig, Tanya Weindler (2010). English for the Pharmaceutical Industry. Oxford University Press.
- Grice T. (2007). Oxford English for Careers: Nursing1. Oxford University Press.
- McCater, S. (2009). Oxford English for Careers: Medicine 1. Oxford University Press.
- Rowe, R. C., Sheskey, P. J., Cook, W. G., Fenton, M. E. (eds.). (2012). Handbook of Pharmaceutical Excipients. (7th ed.) Pharmaceutical Press.
- Thomas, G. (2000). Medicinal chemistry, John Wiley & Son, Ltd.
- United States Pharmacopeia (USP36) (2013). Rockville, MD: United States Pharmacopeia Convention.
- <http://www.drugs.com> > Professionals > FDA PI
- <http://www.pharmscidirect.com> / Int J Pharm Biomed Res 2010, 1(2), 42-47
- <http://www.who.int/en/>

136315 – ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC TRONG SẢN XUẤT

Cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc theo quan điểm GMP, về vai trò và nhiệm vụ của QA trong nhà máy, về nguyên tắc để kiểm soát quy trình sản xuất (QTSX), về nguyên tắc xây dựng Hồ sơ lô sản xuất, về thiết kế nhà xưởng, đánh giá thiết bị nhà xưởng, về thẩm định QTSX, thẩm định quy trình vệ sinh thiết bị. Học phần còn cung cấp kiến thức cho sinh viên về một số công cụ để đánh giá, kiểm soát, cải thiện QTSX, về nguyên tắc xây dựng Quy trình thao tác chuẩn (SOP)

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2017), ĐBCL thuốc trong sản xuất (2017), Giáo trình nội bộ, Bộ môn Bào chế & Công nghiệp dược, Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng

Tài liệu tham khảo

- ASEAN Guideline on submission of manufacturing process validation data for drug registration (2012)
- Maurice Pillet (1999), Appliquer la maitrise statistique des procédés -MSP/SPC, 5eø tirage, Editions d'Organisation
- PIC/S (2014), Guide to good manufacturing practice for medicinal products, Part I, II
- Shayne Cox Gad (2008), Regulations and Quality (2008), John Wiley & Sons, Inc.
- Wehrlé (2007), Pharmacie galénique- Formulation et technologie pharmaceutique, Édition Maloine

- Willig, H. S. (2001), Good Manufacturing Practices for Pharmaceuticals, A plan for Total Quality Control, 5th Ed., Dekker Inc, Newyork, pp.110 - 114
- WHO(2011),WHO good manufacturing practices for pharmaceutical products: main principles
- WHO(2014), Quality assurance of pharmaceuticals: Meeting a major public health challenge
- WHO, Guidelines on good manufacturing practices: validation, 2006

136316- CÁC DẠNG BÀO CHẾ ĐẶC BIỆT

Học phần “Các dạng bào chế đặc biệt” là môn học tự chọn của sinh viên Dược định hướng chuyên ngành Sản xuất - Phát triển thuốc. Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về một số dạng bào chế mới và hệ phân phối thuốc như dạng viên phóng thích kéo dài, thuốc khí dung và hệ phân phối thuốc đường hô hấp, hệ phóng thích hoạt chất qua da, hệ vi nhũ tương, hệ phân tán nanopolymer, hệ phân tán liposome

Giáo trình

- Phạm Đình Duy (2017), Các dạng bào chế đặc biệt, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược trường Đại học Lạc Hồng

Tài liệu tham khảo:

- Allen, L., & Ansel, H.C. (2013), Ansel's Pharmaceutical Dosage Forms and Drug Delivery Systems, 10th edition.
- Sanjay Jain (2011), Bentley's Textbook of Pharmaceutics, An Adaptation, 1st edition, Elsevier.
- Hugh D.C. Smyth, Anthony J. Hickey, Controlled Pulmonary Drug Delivery, Springer-Verlag New York.
- Yashwant Pathak. Deepak Thassu, Drug Delivery Nanoparticles Formulation and Characterization, CRC Press.

136317 – PHÁT TRIỂN – SẢN XUẤT THUỐC

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phát triển và sản xuất thuốc, bao gồm các nội dung về phát triển công thức (theo các yêu cầu của hồ sơ đăng ký); về phát triển quy trình sản xuất (QTSX) (nâng cỡ lô pilot, nâng cỡ lô sản xuất); về Thẩm định quy trình sản xuất và thử nghiệm độ ổn định thuốc. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng viết một hồ sơ đăng ký thuốc (phần Phát triển công thức và Sản xuất) theo Thông tư 44/2014/TT-BYT và Thông tư

32/2018/TT-BYT về Quy định việc đăng ký thuốc của Bộ Y tế.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa (2017), Phát triển - Sản xuất thuốc (Giáo trình nội bộ), Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược, Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (chủ biên), Bào chế và sinh dược học tập 1 & 2, NXB Y học, 2011.
- Bộ Y tế, Thông tư 44/2014/TT-BYT về Quy định việc đăng ký thuốc
- Bộ Y tế, Thông tư 32/2018/TT-BYT về Quy định việc đăng ký thuốc

136318 – PHÂN TÍCH DỤNG CỤ; 136319 – THỰC HÀNH PHÂN TÍCH DỤNG CỤ

Học phần Phân tích dụng cụ nhằm trang bị các kiến thức chuyên sâu về hóa học phân tích (phần trang thiết bị; dụng cụ hiện đại) để từ đó sinh viên Dược (hoặc học viên Cao học các chuyên ngành liên quan đến trang thiết bị hiện đại) ứng dụng để Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.

Nội dung của môn học Phân tích dụng cụ gồm 5 phần chính:

Phần I: Thực hiện và thẩm định một qui trình phân tích.

Phần II: Xác định dược chất bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (UV- Vis; IR; AAS): xây dựng và thẩm định quy trình.

Phần III: Xác định dược chất bằng phương pháp điện hóa: xây dựng và thẩm định quy trình

Phần IV: Xác định dược chất bằng các phương pháp sắc ký: xây dựng và thẩm định quy trình

Phần V: Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của dược chất và dược phẩm. Biết cách khảo sát và tính toán hạn dùng của thuốc.

Giáo trình

- Võ thị Bạch Huệ (2011). Hóa phân tích (Tập 1). Nhà xuất bản Giáo dục.
- Võ thị Bạch Huệ và Vĩnh Định. Hóa phân tích (Tập 2). Nhà xuất bản Y học
- **Tài liệu tham khảo:**
- Trần Tử An (2007). Hóa phân tích (Tập 1). Nhà xuất bản Y học
- Trần Tử An (2012). Hóa phân tích (Tập 2). Nhà xuất bản Y học

136320- BÀO CHẾ CHUYÊN NGÀNH

Bào chế chuyên ngành là môn học bắt buộc của sinh viên Dược định hướng chuyên ngành Phát triển – Sản xuất thuốc. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về phát triển công thức các dạng bào chế thông dụng bao gồm các yêu cầu về các đặc tính lý hóa quan trọng của hoạt chất khi thiết kế công thức tùy theo dạng bào chế tương ứng; vai trò, nồng độ các tá dược thường sử dụng trong các công thức thuốc, các phương pháp bào chế tương ứng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành về thiết kế công thức bào chế, lựa chọn phương pháp bào chế, tính toán và xác định nồng độ và loại tá dược sẽ sử dụng trong các công thức thuốc (ví dụ: nồng độ và loại chất nhũ hóa sẽ sử dụng trong nhũ tương, hỗn dịch; nồng độ hoạt chất, hệ đệm, độ tan trong dung dịch thuốc; đẳng trương của thuốc tiêm...).

Giáo trình

- Trần Văn Thành, Nguyễn Tài Chí (2017), Lý thuyết Bào chế chuyên ngành, Giáo trình nội bộ, Khoa Dược trường Đại học Lạc Hồng

Tài liệu tham khảo:

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 1 và tập 2, NXB Y học.
- Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (2006), Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1 và tập 2, NXB Y Học.

136321 – THỰC HÀNH BÀO CHẾ CÔNG NGHIỆP DƯỢC

Thực hành bào chế công nghiệp dược là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Phát triển sản xuất thuốc. Môn học giúp cho sinh viên có thể xây dựng, tối ưu hóa công thức và quy trình sản xuất thuốc viên nén nói chung và các dạng bào chế khác nói riêng; cùng với đó là việc sử dụng thành thạo các máy móc sản xuất và kiểm nghiệm thuốc trên mô hình công nghiệp.

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa, Giáo trình Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất, Lưu hành nội bộ.
- Huỳnh Văn Hóa, Giáo trình Phát triển sản xuất thuốc, Lưu hành nội bộ

Tài liệu tham khảo

- WHO, Good Manufacturing Practice Guideline For Pharmaceutical Products, 2014.

- Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa (2011). Bào chế và sinh dược học, tập 1 và tập 2, NXB Y học.

136322 – THỰC HÀNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC TRONG SẢN XUẤT

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành về xây dựng nội dung hoạt động của phòng Đảm bảo chất lượng (QA) trong nhà máy sản xuất thuốc, về kiểm soát quy trình sản xuất (QTSX); về xây dựng hồ sơ lô sản xuất, về thiết kế nhà xưởng, đánh giá thiết bị sản xuất, về thẩm định QTSX, thẩm định quy trình vệ sinh thiết bị; sử dụng một số công cụ để đánh giá, kiểm soát, cải thiện QTSX, về xây dựng Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong nhà máy.

Giáo trình

- Giáo trình Thực hành ĐBCL thuốc trong sản xuất (2017), Bộ môn Bào chế & Công nghiệp dược, Khoa Dược, Trường Đại học Lạc Hồng.

Tài liệu tham khảo

- ASEAN Guideline on submission of manufacturing process validation data for drug registration (2012)
- Maurice Pillet (1999), Appliquer la maitrise statistique des procédés -MSP/SPC, 5e^e tirage, Editions d'Organisation
- WHO(2011),WHO good manufacturing practices for pharmaceutical products: main principles
- WHO, Guidelines on good manufacturing practices: validation, 2006

136324 – THỰC TẬP THỰC TẾ SẢN XUẤT – PHÁT TRIỂN THUỐC

Môn học giúp sinh viên tiếp thu những kiến thức thực tiễn liên quan đến sản xuất các dạng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc và các nguyên tắc của GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường sản xuất thực tế (xí nghiệp dược).

Giáo trình

- Huỳnh Văn Hóa, Giáo trình Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất, Lưu hành nội bộ.
- Huỳnh Văn Hóa, Giáo trình Phát triển sản xuất thuốc, Lưu hành nội bộ

Tài liệu tham khảo

- WHO, Good Manufacturing Practice Guideline For Pharmaceutical Products, 2014.

136501 – VI TÍNH DƯỢC CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÝ – DƯỢC LÂM SÀNG

Môn học giúp sinh viên ứng dụng Công nghệ Thông tin trong trình bày văn bản khoa học đa định

dạng và các phân tích thống kê trong nghiên cứu khoa học và chuyên môn nghề nghiệp trong lĩnh vực Dược lý – Dược lâm sàng.

Giáo trình

- Đỗ Quang Dương, Nguyễn Thụy Việt Phương, Chung Khang Kiệt, Nguyễn Thành Tân (2019), Công nghệ Thông tin ứng dụng trong ngành Dược, tài liệu lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Kim Thúy (2014), Nguyên lý thống kê: Ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ, NXB Lao Động và Xã Hội.
- WHO, Institutional Repository for Information Sharing:
<http://apps.who.int/iris/handle/10665/40062>

136502 – SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ

Học phần Sử dụng thuốc trong điều trị là môn học tự chọn dành cho sinh viên theo định hướng “Dược lý – Dược lâm sàng”

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh học, chẩn đoán và điều trị bằng thuốc ở một vài bệnh thường gặp để có thể ứng dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp liên quan ở bệnh viện, nhà thuốc.

Giáo trình

- Hoàng Kim Huyền (2007). Dược lâm sàng và điều trị. NXB Y học

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế (2018). Dược thư quốc gia Việt Nam. NXB Y Học
- Đào Văn Phan (2012). Dược lý học lâm sàng. NXB Y học.

136504 – DƯỢC ĐỘNG HỌC ỨNG DỤNG

Học phần Dược động học ứng dụng là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành Dược lý - Dược lâm sàng, là môn học tiếp nối theo học phần Dược động học.

Môn học cung cấp và bổ sung cho sinh viên các kiến thức về cơ chế dược động học, thiết kế chế độ liều, hiệu chỉnh liều, theo dõi nồng độ thuốc và hiệu quả điều trị. Từ đó, sinh viên có thể hiểu, biết và lên kế hoạch theo dõi hiệu quả điều trị của thuốc trên thực tế lâm sàng.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tuấn Dũng – Lê Minh Hùng (2018), Dược động học vancomycin và aminoglycosid trong thực

hành lâm sàng, NXB Y học.

136505 – ĐỘC CHẤT HỌC LÂM SÀNG

Môn học giới thiệu các phương pháp đánh giá tình trạng ngộ độc thuốc, các biện pháp xử trí ngộ độc thuốc, cách xử trí ngộ độc các thuốc thường gặp. Môn học sẽ đưa ra các trường hợp cần xử lý ngộ độc trên lâm sàng để học viên vận dụng kiến thức đã học để xử lý.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2011), Dược lâm sàng, NXB Y học.
- Hoàng Tích Huyền (2011), Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc, NXB Y học.
- Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học.
- Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2008), Cảnh báo khi dùng thuốc, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2007), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học
- Kent R. Olson (2017), Poisoning & Drug Overdose, McGraw-Hill.
- Lewis S. Nelson, Lewis R. Goldfrank, Neal E. Flomenbaum (2010), Goldfrank's Toxicologic Emergencies 9th edition.

136506 – PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ TƯƠNG TÁC THUỐC

Học phần Phân tích và đánh giá tương tác thuốc là môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc phát hiện, đánh giá mức độ, cơ chế, hệ quả, cách xử trí các tương tác thuốc của các nhóm thường gặp trong lâm sàng.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Chăm sóc Dược, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2011), Dược lâm sàng, NXB Y học.
- Hoàng Tích Huyền (2011), Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc, NXB Y học.
- Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học.
- Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2008), Cảnh báo khi dùng thuốc, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2007), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học

136507– THEO DÕI NỒNG ĐỘ THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ

Học phần Theo dõi nồng độ thuốc trong trị liệu là học phần tự chọn đối với sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý-Dược lâm sàng. Đây là môn học áp dụng các nguyên lý về dược động để việc điều trị được hiệu quả và an toàn cho bệnh nhân. Đồng thời môn học cung cấp các kiến thức về theo dõi nồng độ thuốc đối với các thuốc có giới hạn trị liệu hẹp hoặc các thuốc có độc tính cao.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Tuấn Dũng – Lê Minh Hùng (2018), Dược động học vancomycin và aminoglycosid trong thực hành lâm sàng, NXB Y học.

136508 – PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC VÀ CƠ CHẾ TÁC ĐỘNG

Học phần Phản ứng có hại của thuốc và cơ chế tác động là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành Dược. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về việc đánh giá và nhận biết các phản ứng có hại điển hình của các thuốc thường gặp trong điều trị bệnh lý và hướng xử trí khi gặp phải các tình trạng này.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2012), Dược thư quốc gia Việt Nam, NXB Y học
- Phạm Thiệp (2012), Thuốc biệt dược & cách sử dụng, NXB Y học

136510 - ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LÂM SÀNG

Học phần Anh văn chuyên ngành Dược Lâm Sàng gồm 11 bài (unit). Mỗi bài học (unit) gồm 4 phần chính: Khởi động (Warm-up), Đọc hiểu (Reading Comprehension), Dịch (Translation), và Tự học (Self-study). Nội dung gồm các vấn đề thực tế liên quan đến việc chăm sóc dược. Học phần ngoại ngữ chuyên ngành Dược Lâm Sàng cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành.

Giáo trình

- General English Faculty (2016). English for Clinical Skills for Pharmacists. LHU (Internal Use Only)

Tài liệu tham khảo

- Bruton, L. L., Chabner, B. A., & Knollmann, B. C. (2011). Goodman and Gilman's the

- Pharmacological Basics of Therapeutics (12th ed.). The McGraw-Hill Companies, Inc.
- McCarter, S. (2012). Medicine (Vol. 1). New York: Oxford University Press
 - Sweetman, S. C. (2009). Martindale: The Complete Drug Reference (36th ed.). Pharmaceutical Press.
 - Grice T. (2007). Oxford English for Careers: Nursing1. Oxford University Press.
 - McCater, S. (2009). Oxford English for Careers: Medicine 1. Oxford University Press.
 - Karen, T.J. (2012). Clinical Skills for Pharmacists: A Patient-Focused Approach (3rd ed.). Mosby, Inc.

136512 - THỰC TẬP THỰC TẾ DƯỢC LÂM SÀNG

Môn Thực tập thực tế dược lâm sàng là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý-Dược lâm sàng.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến thực tế nghề nghiệp tại bệnh viện: kỹ năng hoạt động dược lâm sàng (bình đơn, theo dõi sử dụng thuốc, thông tin thuốc trong bệnh viện, tư vấn dùng thuốc cho bệnh nhân, báo cáo ADR...)

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Chăm sóc Dược, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2011), Dược lâm sàng, NXB Y học.
- Hoàng Tích Huyền (2011), Hướng dẫn điều trị và sử dụng thuốc, NXB Y học.

- Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng, NXB Y học.
- Phạm Thiệp, Vũ Ngọc Thúy (2008), Cảnh báo khi dùng thuốc, NXB Y học.
- Hoàng Thị Kim Huyền (2007), Dược lâm sàng và điều trị, NXB Y học
- Nguyễn Quốc Anh, Ngô Quý Châu (2012), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa: cẩm nang nghiệp vụ của bác sĩ lâm sàng, NXB Y học

136513 – KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯ VẤN SỬ DỤNG THUỐC

Học phần Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc là môn học tự chọn dành cho sinh viên ngành Dược/chuyên ngành Dược lý-Dược lâm sàng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến giao tiếp với bệnh nhân, nhân viên y tế và các tiếp cận tư vấn sử dụng thuốc hiệu quả. Dựa trên việc cung cấp các nguyên tắc cơ bản và tình huống cụ thể, sinh viên có thể phát huy khả năng tự giải quyết hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thanh Bình (2011), Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc, NXB Giáo dục
- Nguyễn Hữu Đức (2013), Hiểu và dùng thuốc đúng, NXB trẻ
- Hoàng Thị Kim Huyền (2011), Chăm sóc Dược, NXB Y học.

THÁNG 7/ 2020				THÁNG 8/2020					THÁNG 9/2020				THÁNG 10/2020			
06/07	13/07	20/07	27/07	03/08	10/08	17/08	24/08	31/08	07/09	14/09	21/09	28/09	05/10	12/10	19/10	26/10
11/07	18/07	25/07	01/08	08/08	15/08	22/08	29/08	05/09	12/09	19/09	26/09	03/10	10/10	17/10	24/10	31/10

KHÓA: 2020 NHẬP HỌC, HỌC QUẢN SỰ, ĐÀNG NHẬP VỀ NGUỒN, HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN ĐẦU KHÓA **HK 1 KHÓA 2020**

KHÓA: 2016, 2017, 2018, 2019 (Kỳ thi phụ vào buổi tối từ 17/8 đến 22/8/2020) **HỌC KỲ 1 (KHÓA 2016, 2017, 2018, 2019)**

THÁNG 11/2020				THÁNG 12/2020				THÁNG 1/2021				THÁNG 2/2021				
02/11	09/11	16/11	23/11	30/11	07/12	14/12	21/12	28/12	04/01	11/01	18/01	25/01	01/02	08/02	15/02	22/02
07/11	14/11	21/11	28/11	05/12	12/12	19/12	26/12	02/01/2021	09/01	16/01	23/01	30/01	06/02	13/02	20/02	27/02

HỌC KỲ 1 KHÓA 2020 (12 tuần) **THI HẾT HỌC PHẦN** **NGHỈ TẾT** **HỌC KỲ 2 KHÓA 2020**
HỌC KỲ 1 (KHÓA 2016, 2017, 2018, 2019) **DT** **HỌC KỲ 2 (KHÓA 2016, 2017, 2018, 2019)** **THI HẾT HỌC PHẦN** **NGHỈ TẾT** **HỌC KỲ 2 (KHÓA 2016, 2017, 2018, 2019)**

THÁNG 3/2021				THÁNG 4/2021				THÁNG 5/2021				THÁNG 6/2021					
01/03	08/03	15/03	22/03	29/03	05/04	12/04	19/04	26/04	03/05	10/05	17/05	24/05	31/05	07/06	14/06	21/06	28/06
06/03	13/03	20/03	27/03	03/04	10/04	17/04	24/04	01/05	08/05	15/05	22/05	29/05	05/06	12/06	19/06	26/06	03/07

HỌC KỲ 2 KHÓA 2020 **DT** **THI HẾT HỌC PHẦN**
HỌC KỲ 2 (KHÓA 2016, 2017, 2018, 2019) **DT** **THI HẾT HỌC PHẦN** **NGHỈ HÈ**

Ghi chú : 25/01: 13/12 Âm Lịch
DT: Dự trữ 01/02: 20/12 Âm Lịch
 08/02: 27/12 Tết Âm Lịch
 15/02: 04/01 Âm Lịch
 22/02: 11/01 Âm Lịch
 01/3: 18/01 Âm Lịch

"Kỳ thi phụ HK1 vào buổi tối từ 01/3 đến 06/3/2021"

KT HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 LAM THÀNH HIÊN

SƠ ĐỒ ĐẾN CÁC CƠ SỞ CỦA ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

